TƯ TƯỞNG

25 NĂM VĂN KHOA VIỆT NAM

NGUYỄN ĐĂNG THỤC PHẠM VIỆT TUYỀN
KHIẾU ĐỨC LONG NGUYỄN HỮU BA
LÊ TỬ THÀNH DOÃN QUỐC SỸ DƯƠNG
THIỆU TỐNG VŨ ĐỨC BẰNG LÊ TÔN NGHIÊM

49 Số 3
CHỦ ĐỀ – MỤC THƯỜNG XUYÊN – ĐIỂM SÁCH
1975 VIEN ĐAI HOC VAN HANH CHU TRƯƠNG

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT PHẬT HỌC
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

TRUNG TÂM PHIÊN DỊCH HÁN NÔM
THƯ VIỆN HUỆ QUANG

TƯ TƯỞNG

VIỆN ĐẠI HỌC VẠN HẠNH CHỦ TRƯƠNG
NĂM THỨ IX, BỘ VIII, SỐ 49, THÁNG 02 — 1975

Chủ Nhiệm : THÍCH MINH CHÂU
Tổng Thư Ký : ĐOÀN VIẾT HOẠT

BAN BIÊN TẬP :

THÍCH THUYỀN ẤN • THÍCH GIÁC ĐỨC
THÍCH QUẢNG ĐỘ • CHƠN HẠNH
LÊ VĂN HÒA • THÍCH NGUYÊN HỒNG
BÙI TƯỜNG HUÂN • NGUYỄN LONG
LÊ TÔN NGHIÊM • TUỆ SỸ • LÊ MẠNH THÁT
NGUYỄN ĐĂNG THỤC • TRẦN NHƯ TRÁNG
NGUYỄN VĂN TRƯỢNG • THÍCH HUYỀN VI

ĐẠI HỌC VẠN HẠNH
QUY TỤ TRÍ NGHỊ

Tòa soạn và Trị sự : 222 Trương Minh Giảng Sg 3, Đ.T. 25.946

• Nguyệt san xuất bản do Nghị định số : 251/BTT/HCBC ngày 20-4-1970.

★ Chi phiếu, Bưu phiếu xin gửi T.T. THÍCH MINH CHÂU (Chủ Nhiệm)
★ Thư từ, bản thảo, xin gửi ông ĐOÀN VIẾT HOẠT (Tổng Thư ký)
★ Giao dịch trực tiếp, ông NGUYỄN HIỀN (Thư ký Tòa soạn,) Văn phòng Tòa Viện Trưởng.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
THƯ VIỆN HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

CHỦ ĐỀ :

25 NĂM
VĂN KHOA VIỆT NAM

Nguyệt san TƯ TƯỞNG do Viện Đại Học Vạn Hạnh chủ trương, phát hành 6 sổ một năm, kể từ đầu tháng 10 mỗi năm.

TƯ TƯỞNG nhằm giới thiệu các công trình nghiên cứu và sáng tạo của các Học giả, các nhà Nghiên cứu và Giáo sư tại Đại Học Vạn Hạnh cũng như các Đại Học khác. *Ý kiến do các tác giả phát biểu không nhất thiết phản ánh quan điểm chính thức của Viện Đại Học Vạn Hạnh.*

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

SẮC THÁI VẠN HẠNH VỚI NỀN VĂN KHOA VIỆT NAM

★ NGUYỄN ĐĂNG THỤC

QUAN NIỆM ĐẠI HỌC VĂN KHOA.

Văn Khoa, một Phân khoa trong một số nhiều phân khoa của một Đại học viện, như phân khoa Lý hóa, Phân khoa Y học, phân khoa Luật học, phân khoa Thương nghiệp, Nông nghiệp, Công nghệ, Xã hội học.

Nhưng đứng đầu tất cả các ngành chuyên khoa thì Văn khoa có vai trò đem lại sắc thái cho một Đại học vì nó là cái học nhất quán, thống quan, bao quát nhất về tri thức nhân loại. Nhà triết gia giáo dục trứ danh hiện tại, Alfred North Whitehead có giới thuyết tổng quát về cái học Đại học như sau trong « The Aims of Education » :

« Văn hóa là hoạt động của tư tưởng và sự cảm thụ cái đẹp và tinh nhân loại. Những mảnh kiến thức vụn vặt không có quan hệ chi với nó cả. Một người chỉ có nhiều kiến thức là một vật vô vị nhất trên đời. Mục đích của giáo dục là nhằm đào tạo hạng người vừa có trí thức chuyên môn vừa có văn hóa. Trí thức chuyên môn của họ sẽ đem cho họ cơ bản để bắt đầu vào đời và văn hóa của họ sẽ đưa họ vào sâu như triết học và lên cao như nghệ thuật. Chúng ta nên nhớ rằng sự mở mang trí thức đáng kể là sự tự mở mang chính con người mình vậy. »

(The Aims of Education)

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Vậy một nền giáo dục hoàn hảo theo triết lý giáo dục hiện đại tối tân là khoa học, triết học và nghệ thuật. Khoa học đi về chuyên môn, triết lý đi về hệ thống nhất quán, nghệ thuật hoàn tất vào thẩm mỹ. Trong ba giai đoạn ấy thì văn khoa đảm trách hai phần nhân bản nhất của giáo dục tức là cái phần văn học theo nghĩa rộng của chữ « *Văn* » như cổ điển Đông phương đã quan niệm là thiên văn lẫn nhân văn :

Quan thiên văn dĩ sát thời biến
Quan nhân văn dĩ hóa thành thiên hạ.

Trong danh từ « thiên văn », « nhân văn » thì chữ văn bao hàm ý nghĩa sâu rộng chỉ định tất cả hiện tượng trong trời đất, hiện tượng thiên nhiên cũng như hiện tượng xã hội, ngoại giới cũng như nội giới. Nhưng không phải hiện tượng hỗn độn tạp loạn được gọi là « văn » mà là cái loại hiện tượng có điều lý thứ tự nào, ví như vằn của ngọc thạch, vằn của hổ báo. Cho nên ở kinh Dịch mới định nghĩa rằng : Vật tương tạp cố viết văn.

Nghĩa là : Sự vật hỗn tạp cho nên mới có văn. Hay là trong Lễ Ký nói :

Ngũ sắc thành văn nhi bất loạn

Nghĩa là : Năm mầu thành văn mà không rối loạn.

Như vậy chữ « văn » là ngụ ý « tôn ty trật tự » hàng lối xếp đặt ở thiên nhiên hay là ở nhân sự, như Lê Quí Đôn đã hiểu :

Nhật nguyệt tinh thần thiên chi văn dã,
Sơn xuyên thảo mộc địa chi văn dã
Lễ nhạc pháp độ nhân chi văn dã.

(Lê Quí Đôn — « Vân đài Loại ngữ »)

Chữ « văn » như thế thì đồng nghĩa với chữ « đạo » vì trong tư tưởng nhân sinh truyền thống Hoa — Việt ba phương

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUẾ QUANG
https://tieulun.hopto.org

diện của thế giới quan là thiên đạo, địa đạo và nhân đạo, như mở đầu bộ bình luận văn học cổ điển Trung hoa của Lưu Hiệp thời Nam Triều Tề, Lương có đoạn giới thuyết về chữ « văn » như sau :

« Văn có cái đức lắm thay ! cùng với trời đất cùng hiện sinh ra là gì ? Mầu sắc đen vàng lẫn lộn, hình thể vuông tròn phân chia, mặt trời mặt trăng như dây ngọc nối tiếp rủ bức tượng trời, núi sông rực rỡ phô bày điều lý, hình thể của đất, đấy là đạo lý của văn vậy. Ngẩng lên ngắm tuôn sáng, cúi xuống ôm ấp vẻ đẹp, cao thấp có vị trí nhất định cho nên hai nghi thức đã hiện sinh rồi vậy. Chỉ còn người tham gia vào đấy mà tinh linh chung đúc, thế gọi là « tam tài » « ba vật » là tốt đẹp cho « ngũ hành » « Năm động tác căn bản », thực là cái tâm của trời đất. Tâm nẩy sinh mà ngôn ngữ mới thiết lập, có ngôn ngữ lập rồi mới văn minh, đấy là cái đạo tự nhiên vậy. Lan ra đến muôn ngàn phẩm vật, động vật, thực vật đều là văn vẻ cả. Rồng phượng lấy lốt vẻ để tỏ điềm lành, hổ báo có vằn lông vấn vít, mây dáng tô điểm mầu sắc hơn cả tài khéo tài lạ, ôi đâu phải bề ngoài trang sức, ấy là cái đẹp tự nhiên mà ra. Đến như rừng cây gió thổi, nổi tiếng sáo đàn, dòng suối vỗ vào đá róc rách thành điệu, hòa nhịp « cầu hoàng ». Cho nên có hình thì tự nhiên thành vẻ đẹp, có tiếng nổi lên thì nẩy ra văn vậy. »

(Văn tâm điêu long — Nguyên đạo)

Vậy chữ « Văn » trong quan niệm truyền thống Đông phương là cả một thế giới biểu hiện thiên hình vạn trạng có đường lối mạch lạc nhất định. Có điều lý trật tự hẳn hoi, có nhịp điệu vận hành như là một hòa điệu đại đồng tiền định do một cái tâm, cái ý thức vũ trụ bên trong điều khiển. Vậy văn là văn vẻ biểu lộ ra bên ngoài sáng sủa, mỹ miều, cho nên thường liên kết với chữ « chương » để mệnh danh cho một môn khoa gọi là văn chương, đi đôi với các môn nghệ thuật khác thành bộ môn văn nghệ, tức là văn học và nghệ thuật vậy.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Nho học cổ điển đề cao văn học như là cái học bao trùm tất cả hiểu biết của người nho sĩ lý tưởng, nên trong sách Luận ngữ ghi lời Khổng Phu Tử có câu :

« Tử viết : Quân tử bác học ư văn, ước chi dĩ « lễ ».

(Người quân tử chuyên học văn để biết rộng cả, lấy nghi lễ để kiểm ước tâm thân.)

Và luôn luôn Khổng Nho chú trọng về thực hành đi đối với văn học coi như tất cả tri thức cho nên Khổng Tử mới nói với học trò :

« Tử viết : — Văn, mạc ngô do nhân giả, cung hành quân tử, tắc ngô vị chi hữu đắc. »

(Khổng Tử nói : Văn chương thì ta hoặc giả có bằng người được, đến như bậc quân tử lấy thân mình ra thực hành thì ta chưa làm được.)

« Bởi thế nên đệ tử của Ngài chỉ dám nói về thầy rằng :

Phu tử chi văn chương khả đắc nhi văn dã,
Phu tử chi ngôn tính dữ thiên đạo bất khả đặc nhi văn dã. »

(Luận ngữ, quyển 6)

Nghĩa là : « Văn chương của thầy có thể được nghe thấy, còn lời thầy nói về bản tính và đạo trời thì không có thể nghe và thấy được ».

Và Nho học đã xếp Văn khoa vào loại học thuật đào tạo nhân cách kiểu mẫu của xã hội xưa.

Tử viết : Đệ tử nhập tắc hiếu, xuất tắc đễ, cẩn nhi tin, phiếm ái chúng nhi thân nhân, hành hữu dư lực tắc, dĩ học văn. »

Nghĩa là : « Khổng Phu Tử dạy học trò vào trong nhà thì phải hiếu với cha mẹ, ra ngoài thì phải thuận với các bậc đàn anh, làm việc phải cẩn thận mà giữ lời hứa cho tín thực, yêu rộng mọi người mà thân cận với bậc có đức nhân từ, thực hành có thừa sức thời học văn chương. »

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Ngày nay hai chữ Văn khoa là khoa học về nhân văn trong đó văn học là trọng tâm, bao hàm một ý nghĩa khác với nghĩa đen ngày xưa.

Chữ văn học ngày nay có nghĩa rộng và nghĩa hẹp như chữ littérature của Âu tây. Văn học theo nghĩa rộng là công trình sáng tác văn vần và văn xuôi, theo nghĩa hẹp là khoa nghiên cứu về tác phẩm thuộc về văn từ ngôn ngữ. Nó là một khoa học nghiên cứu về hiện tượng văn học ví như khoa học thiên nhiên nghiên cứu về hiện tượng thiên nhiên, khoa học xã hội nghiên cứu về hiện tượng xã hội, khoa học tâm lý nghiên cứu về hiện tượng tâm lý. Và người ta có quan hệ với thiên nhiên, với người khác và với chính nó, cho nên con người thiên nhiên, con người xã hội và con người tâm lý đều là đối tượng cho khoa Văn học, theo nghĩa rộng là khoa Nhân văn, cho nên một nhà bình luận có thể nói được rằng :

« Tất cả văn thơ đều bắt nguồn ở con người. Từ ta đến vũ trụ, tất cả sự vật đều là đề tài của trữ tình cả. Âm hưởng hay là tấm gương mà nó phóng đại, nó uốn nắn hay là nó phản chiếu sự thật, tâm hồn người ta chịu ảnh hưởng động tác thế giới và phản ứng vào thế giới. Trí tuệ, cảm xúc, tưởng tượng chỉ là những hình thức khác nhau của cái động tác hay là phản ứng ấy trong đó bản ngã con người hòa hợp với những yếu tố bên ngoài. Sự cấu tạo nên bất cứ một tác phẩm nghệ thuật nào, đều là sự gia nhập của những hoạt động và thụ động của nhân loại trong sự tiếp xúc với tất cả cái gì có thể làm cho con người rung động. Tùy theo cảm tình của mình mà thi sĩ lựa chọn, tùy theo khuynh hướng của nó mà nó giải thích trình bày, tùy theo thích thú của y mà y sáng tạo, tùy theo khả năng của y mà y mô tả. Tính chất độc đáo của y là tại nội tại. Độc đáo không phải là ở nơi tìm điều kỳ lạ hiếm có, mà là nhờ sự hiểu biết bản ngã của mình. Không ai giống hệt với ai, không có một tâm hồn nào tiếp xúc với sự vật lại cảm xúc như nhau.

« Nghiên cứu những nguồn cảm hứng của một thi sĩ, theo dõi lịch trình cảm hứng ấy ở tại trong tâm hồn y và trong tác phẩm của y. Theo tôi nghĩ đấy là chỗ mà khoa bình luận văn

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

nghệ phải cố gắng tiến tới ngõ hầu trình bày linh động sự nẩy sinh của thi ca. Này thi sĩ, hãy nói cho ta cái gì làm cho anh cảm hứng, anh đã cảm hứng như thế nào, và anh đã diễn tả những cảm hứng của anh ra sao, thì ta sẽ nói cho anh biết anh là ai. Với anh, ta nói xác định đặc chất của hoàn cảnh anh, nhân dân của anh và con người của anh nữa. Ta sẽ cởi mở cái gì của anh có tính cách đại đồng, hay chỉ có tính cách phổ quát hoặc là chỉ có tính cách đặc thù mà thôi. »

(Chatelain)

Vậy văn học với nhân văn học chỉ là hai phương diện bổ túc cho nhau của một cái học gọi là văn khoa tức là cái khoa học vấn đề văn hóa nhân loại như A.N. Whitehead đã giới thuyết trên kia về mục đích của giáo dục.

VĂN KHOA VIỆT NAM THỜI LÊ NGUYỄN.

Cái quan niệm Văn khoa ấy cũng nằm trong truyền thống giáo dục Việt nam xưa, tuy có phân chia ra hai khoa văn và võ, nhưng bao giờ cũng thượng văn hơn võ mặc dầu nó có đòi hỏi ở người Sĩ lãnh đạo quốc gia phải Văn Võ kiêm toàn. Ngọ Phong Ngô Thời Sĩ thế kỷ 18 thời Lê Cảnh Hưng có lời khải :

« Văn chương quan hệ thế đạo, mà muốn cầu người tài giỏi phải lấy giáo hóa làm đầu. »

Vậy giáo hóa của một nước văn hiến cốt nhất là đào tạo nên người hiền tài để lãnh đạo quốc gia, đấy là mục tiêu của Văn khoa, vì cái lý tưởng chính trị xưa ở Việt nam là làm cho quốc gia xã hội được « trị bình » nghĩa là trật tự hòa bình, ai nấy an cư lạc nghiệp bằng « nhân trị » lấy người làm gương mẫu để sửa người, lấy đạo đức, thái độ chân chính của người lãnh đạo để cảm hóa chứ không phải lấy « pháp trị » nghĩa là lấy uy lực pháp luật để bắt buộc. Như Khổng Tử nói :

Đạo chi dĩ chính, tề chi dĩ hình, dân miễn nhi vô sĩ. Đạo chi dĩ đức, tề chi dĩ lễ hữu sĩ thả cách.

(Luận ngữ)

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

Nghĩa là : « Lấy chính lệnh để lãnh đạo dân, lấy pháp luật để chỉnh tề thời nhân dân chỉ miễn cưỡng trốn tránh mà không có biết hổ nhục vì làm điều trái phép. Lấy đức hạnh để lãnh đạo nhân dân, lấy lễ giáo để chỉnh tề thi người dân vừa biết xấu hổ vì làm điều ác lại có nhân cách nữa. »

Do đấy mà ở Á đông xưa, người ta trọng văn giáo hơn võ lực, mà văn khoa được tôn trọng. Văn bia khoa tiến sĩ năm Quang Thuận thứ 7 (1467) viết :

« Trời đất vô tâm mà làm nên cuộc sinh hóa, chính nhờ bốn mùa giúp công. Thánh nhân hữu tâm mà chẳng cần làm, chỉ dùng nhân tài giúp sức. Nhân tài đối với quốc gia quan hệ lớn lao như thế đó. Bởi vì thường ngày ắt có dưỡng dục, về sau kẻ sĩ mới mong nổi bậc tiếng tăm, lại phải lựa chọn bổ dụng, về sau nơi thôn dã mới khỏi bỏ sót hiền tài. Xét từ các đời Đường Ngu Tam đại, cho đến Hán Đường Tống Minh chế độ các nhà Tường, Tự, Học Hiệu sáng lập thì nhân tài mới có chỗ tác thành. Phương pháp khoa cử khảo thí thi hành, thì nhân tài gặp thời đắc dụng. Mặc dầu hiệu quả chính trị có chỗ hay dở khác nhau, song chẳng có đời nào mà chẳng lấy vấn đề đắc nhân làm việc trước vậy. »

(Lê triều lịch khoa Tiến sĩ bi ký)

Đấy là quan niệm sứ mệnh của Văn khoa Việt nam xưa nhằm mục đích đào tạo nhân tài cho quốc gia, giúp vua thánh chúa hiền để thực hiện hòa điệu trong nhân quần xã hội phỏng theo hòa điệu đại đồng của vũ trụ. Cho nên mở đầu văn bia ký của Đỗ Nhuận thời Lê Hồng Đức mới viết :

« Việc lớn trong chính trị của đế vương, chẳng gì gấp bằng nhân tài, chế độ của nhà nước muốn được kỹ càng, tất phải đợi ở hậu thành.

Bởi vì làm chính trị mà không cốt ở nhân tài, chế độ mà không nhờ ở hậu Thánh thì mọi việc đều còn cẩu thả trị liệu vào phong hóa đâu đã được gọi là thịnh, văn vật và điển chương đâu đã được là đủ ? »

(Lược khảo Khoa cử Việt nam — Phan Huy Chú)

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Và vua Lê Thánh Tông đã quan niệm cái học để thành nhân tài của Ngài mong mỏi như sau :

Tâm chính gia tề nhất quán chi
Thù phi trùng triện đấu thần kỳ
Vi nhân vị kỷ nghi tiên biện
Hy thành hy hiền vụ chí tri
Khổng Mạnh văn chương thùy hậu thế
Ý chu sự nghiệp tá minh thì
Sĩ phong đôn thượng châu nho xuất
Dực ngã hy triều đại hữu vi

(Lê Thánh Tông)

(Lòng ngay nhà sửa đều nhất quán
Chẳng phải tỉ mỉ tranh đua tinh thần mới lạ
Vì người, vì mình nên biện biết rõ trước
Hướng lên bậc thánh hiền mà lo biết đến cùng
Văn chương của Khổng Mạnh để lại đời sau
Sự nghiệp của Y Doãn Chu Công, giúp đời sáng sủa
Cổ võ cho tác phong văn học để Nho sĩ chân chánh ra đời
Giúp cho triều đình ta sáng sủa có công ích hơn).

Đấy là hoài bảo kỳ vọng của Lê Thánh Tông vào văn học là cái học văn khoa, ngày nay để sản xuất nhân tài có cái tri thức kinh bang tế thế, như Nguyễn Công Trứ sau này đã thực hiện :

« Kinh luân khởi tâm thượng
Binh giáp tàng hung trung
Vũ trụ chi gian giai phận sự
Nam nhi đáo thử thị hào hùng

(Vịnh Kẻ Sĩ — Nguyễn Công Trứ)

Nay xét nội dung chương trình khoa cử thời Lê thì thấy như sau : Trường thứ nhất hỏi về kinh nghĩa trong các bộ sách kinh điển Nho giáo là « Đại học, Trung dung, Mạnh tử và Luận

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

ngữ và kinh Thi, kinh Thư, kinh Lễ, kinh Dịch, và kinh Xuân thu tức là nội dung Tứ thư Ngũ kinh. Trường thứ nhì thì làm văn sách : Chiếu là lời vua ra lệnh cho quốc dân. Biểu là lời các quan chức hay là quốc dân chúc mừng nhà vua hay là bày tỏ sự gì. Chế là lời vua ban thưởng công thần hoặc bách thần. Văn chiếu thì phải nghiêm trang điển nhã, văn biểu thì phải khiêm tốn. Trường thứ ba thi làm thơ phú. Trường thứ tư thi làm văn sách hỏi về triết lý trong kinh truyện và chính sự các đời hay dở thế nào.

Ngoài ra, vua còn thân ra văn sách hỏi về phép chính trị của các đế vương.

Đấy là cả một chương trình nhân văn học theo tinh thần Nho giáo thời thịnh Lê cũng như thời Nguyễn về sau còn ghi ở lời văn bia Quốc tử giám tại kinh đô Huế :

« Chí thành là bậc sinh tri còn muốn học hỏi, hạ học mà muốn thượng đạt, ắt phải phản tỉnh tu sửa. Đấng nhân quân dựng nước trị dân, nuôi đức tu hành, chẳng gì hơn sự học, sự học quan hệ thay ! cho nên đời Tam Đại đã rất tôn trọng chế độ đại học. Đời Vĩnh bình nhà Hán khôi phục lại chế độ Đại học của nhà Chu. Lòng trẫm rất hâm hộ. .

Nay ngửa ơn trời, phúc tổ nước nhà thăng bình chính là thi hành lễ nhạc văn giáo, tuyên dương đức hóa. Trẫm lâu nay lòng chăm đạo học, muốn khôi phục Lễ xưa. Nay sai bộ Lễ bày nghi thức, quan Đại phu chọn ngày lành, bộ Công đặt trướng màn, quan Thái thường tập hành lễ, trăm quan ai lo chức vụ nấy. Lấy ngày Đinh sau lễ Tế giao, tiết trọng xuân, cử hành đại lễ. Tức thì kết thuyền bắc cầu, cắm cờ thủy hoa, tả đạo, ngồi xe loan, ngự thuyền rồng, hồ thần hộ giá, tả hữu theo hầu.

Ngày ấy sương sa lác đác, sao sáng lập lòe, bỗng chốc mặt trời rạng đông, gió hiu hiu thổi.

Trước hết đến nhà văn miếu làm lễ yết Thánh, kế đến viếng nhà Đại học, mở màn giảng sách, nhà trường tưng bừng, học trò áo xanh hớn hở, các thầy lên thềm, mở sách bàn đạo lý.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Học trò mũ áo chỉnh tề, sắp hàng nghe giảng đầy sân. Trẫm cũng hỏi han thảo luận thỉnh thoảng đem ý riêng ra bàn giải những nghĩa sách tinh vi, thực chẳng dám chính tọa giảng sách cho học trò như Hán Minh Đế, chỉ muốn bàn rộng thuyết lý Nho, thông tình kẻ bề dưới mà thôi. Bởi thế « Một nhà vui vẻ như ngồi trong hòa khí xuân phong, rõ ràng diễn lại quang cảnh « hoàn kiếm quan lệ » (tục nhà Hán vua ngự thăm trường Đại học thiên hạ đứng quanh cầu xem lễ), trẫm rất lấy làm ngợi khen. Trẫm nay một ngày muôn việc, ăn ngủ chẳng yên, còn hư hoài khuất mình sùng sư trọng đạo như thế. Huống chi các thầy, các sinh viên gặp vận văn minh đội ơn giáo hóa. Phàm đường lối chính tâm, tu thân, tri quân, tế thế đều ở đấy cả, há nên hững hờ ? Cần phải nghe lời trẫm, theo chí trẫm. Hiếu để thờ cha, trung để thờ cha, ấy là đường lối của sự học. Nghiệp phải tinh cần, làm phải suy nghĩ, ấy là đường lối của sự học. Lúc nào cũng nên ngẫm nghĩ lời ấy chớ khá lãng quên. Làm sao cho trở nên bậc nho quân tử, không phải chỉ lo học để cầu quan tước mà thôi, sau này lập đức, lập công, lập ngôn, lưu truyền bất hủ cũng do ở đấy. Rồi đây đạo sáng hóa thành thuần phong mỹ tục, vẻ vang công tước. Giữ vững ngôi trời khỏi phụ lòng giáo dục của Quốc gia, các thày nên gắng sức. »

Trên đây là đại khái tinh thần nhân văn học thời Lê, Nguyễn độc tôn Nho học mà tự giới hạn vào luân lý xã hội, tu thân tề gia trị quốc bình thiên hạ. Đấy là cái học nhất quán của Lê Thánh Tông, đấy là cái học nho quân tử của Tự Đức. Tuy nhiên, cũng có nho sĩ lỗi lạc như Nguyễn Công Trứ, như Trần Bích San không tự giới hạn vào các chủ nghĩa công lợi đóng cửa để vươn lên một nhân bản tâm linh vũ trụ trong tâm lý văn nghệ như bài thơ của Trần Bích San qua đèo Hải vân có câu :

Thảo thụ bán không đệ nhật nguyệt
Kiền khôn chích nhởn tiểu trần ai
Văn phi sơn thủy vô kỳ khí
Nhân bất phong sương vị lão tài.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Nghĩa là :

Đứng ở lưng đèo mà nhìn bao quát người ta
Thấy cây cối ở lơ lửng giữa không trung, mà mặt trời mặt trăng ở dưới thấp.
Cả bầu trời đất trong khóe mắt là một thế giới nhỏ bé riêng biệt.
Với cái thế giới quan ấy đủ biết văn chương không lấy nguồn cảm hứng ở tình yêu sông núi thì không có khí lực rung cảm mạnh mẽ. Cũng như con người không từng trải sương gió của đời sống kinh nghiệm bản thân thì chưa phải người có thực tài năng.

(Hải Vân quan)

Cái quan niệm nhân bản tâm linh ấy chính cũng là cái triết lý hành động nhân sinh đi đến cái tâm lý văn nghệ vũ trụ hóa của Nguyễn Công Trứ một nho sĩ lỗi lạc thời Nguyễn.

Tri ngã giả, bất tri ngã giả ?
Người có biết ta chăng hay chớ,
Chẳng biết ta, ta vẫn là ta,
Linh khâm bảo hợp thái hòa.

Đấy là cái lý tưởng đã đạt được trong cái học nhân văn của Nho giáo tâm linh ở Việt nam xưa, nó cũng chính là mục đích của nhân văn học thế giới khoa học ngày nay theo nhà triết gia khoa học Bertrand Russell đã toát yếu trong tác phẩm : «New Hopes for a Changing World» (Minerva Press 1951). (Những hy vọng mới cho một thế giới đang biến chuyển)

Nhân loại lâm vào trong cuộc tranh chấp thuộc ba loại sau đây :

1. Người với thiên nhiên,
2. Người với người,
3. Người với mình.

Những tranh chấp ấy tính chất rất khác nhau và trong lịch sử loài người sự quan trọng của chúng thì luôn biến đổi. Những

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

phương pháp dùng để giải quyết các loại tranh chấp ấy hoàn toàn khác nhau. Tranh chấp với thiên nhiên được giải quyết bằng khoa học vật chất và kỹ thuật. Tranh chấp với người được giải quyết bằng chính trị và chiến tranh. Tranh chấp nội tâm làm náo động trong tâm hồn cá nhân từ trước tới nay là do tôn giáo tìm giải quyết. (« Ba loại tranh chấp » sách dẫn trên)

Đấy là ba phương diện của « Nhân văn học » ngày nay người ta đang khảo cứu gọi là khoa học « Anthropologie », mà xưa kia ở Á đông người ta quan niệm trong cái học nhất quán Thiên Địa Nhân.

Trời thời, Đất lợi, lại Người hòa :

(Phan Thanh Giản)

VĂN KHOA ĐÔNG KINH NGHĨA THỤC.

Sau lời kêu gọi trước khi thung dung tuẫn tiết ấy của họ Phan, thì nước ta mất cái học nhất quán nhân văn xưa đi vào cái học thực dân nghĩa là cái học thông ngôn và chuyên môn với ông thày mới thuộc truyền thống La Hy. Suốt thời kỳ đô hộ ngoại lai, cho tới ngày bắt đầu giải phóng 1945 chúng ta không có cái học của văn khoa, nhân văn học Đông đã mất, nhân văn học Tây chưa có, huống chi là Quốc học, cái học về Quốc sử, quốc văn, quốc hồn quốc túy.

Sự đòi hỏi một nền giáo dục nhân văn hay văn khoa phản chiếu quốc hồn, quốc túy bắt đầu với tiếng kêu thống thiết giữa trường thi hạch ở Bình định đòi cái học văn chương quan hệ thời thế quốc gia xã hội của ba nhà chí sĩ Phan Chu Trinh, Trần Quí Cáp, Huỳnh Thúc Kháng.

Thế sự hồi đầu dĩ nhất không
Giang san vô lệ khấp anh hùng
Vạn dân nô lệ cường quyền hạ,
Bát cổ văn chương túy mộng trung

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

Trường thử bách niên cam thóa mạ
Bất tri hà nhật xuất bao lung
Chư quân thùy thị vô tâm huyết,
Thi bả tú văn khán nhất thông.

Nước non nhìn lại đã thành không
Vẳng vẻ anh hùng khóc núi sông
Nô lệ nhân dân cam thống trị
Văn chương tám vế mộng còn nồng
Kéo dài thân phận người sai khiến
Nào tưởng có ngày thoát lao lung
Các quan đâu phải loài gỗ đá
Xin đọc thơ này cho lấy thông.

Và đến năm 1907 thì thành lập ở Hà nội cái trường Đông Kinh Nghĩa Thục. Trước hết là đề cao chữ Quốc ngữ không cho « Nôm na là cha mách quế » nữa :

« Phàm người trong nước đi học nên lấy chữ Quốc ngữ làm phương tiện đầu tiên để cho trong thời gian vài tháng đàn bà con trẻ cũng đều biết chữ và người ta có thể dùng chữ quốc ngữ để ghi việc đời xưa và chép việc đời nay...

Đó thực là bước đầu tiên trong việc mở mang trí khôn vậy. »

(« Văn minh tân học sách » dẫn ở « Đông Kinh Nghĩa Thục » của Nguyễn Hiền Lê.)

Chữ Tầu dịch lấy chữ ta
Chữ Tây cũng phải dịch ra chữ mình
Từ đây phải nhận cho tinh
Học Tây học Hán có rành mới hay.

Đấy là chủ trương văn khoa Đông Kinh Nghĩa Thục về phương pháp giáo dục. Còn về nội dung là Quốc học.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Trước hết có bản đồ Việt nam do cụ Trần Đình Đức vẽ cho trường một bản đồ Việt nam bằng vải trắng, cao độ thước rưỡi ghi rõ tên núi, sông, châu thành, thổ sản, bằng chữ Hán và chữ Việt. Theo lời một nhà Nho kể lại và cái tinh thần Văn khoa của phong trào đối với quốc thổ :

«Hôm nay mình mới được biết rõ non sông của tổ tiên. Đây này bờ biển cong cong như hình chữ S, này Bắc, này Trung, này Nam, Tam đảo là đây, Hồng lĩnh là đây, Bạch đằng giang đại phá quân Nguyên ở đây, và cái mũi nhọn ở phía Nam này là hạ du sông Cửu long đấy, nơi mà xưa của Miên nay là mình, nơi mà lúa chất thành núi, cá lội đầy sông.»

(Trích trong sách dẫn trên)

Từ Quốc ngữ, lãnh thổ địa lý đi đến quốc sử, chủng tộc nòi giống

Ngô chủng bản phi di
Ngô tộc diệc phi di
Bạch đằng phá Nguyên đinh
Chi lăng tẩu Minh si (sư)
Phụ xà giảo gia kê
Tích nhân sở thâm bỉ.
Giống ta chẳng phải mọi,
Giòng ta chẳng phải hèn
Bạch đằng phá quân Nguyên
Chi lăng đuổi tướng Minh
Cõng rắn cắn gà nhà
Người xưa rất khinh bỉ.

(Đoạn đầu Việt Sử của Phạm Tư Trực trong Đông Kinh Nghĩa Thục)

Nhưng tựu trung chương trình Văn khoa của Đông Kinh Nghĩa Thục, tuy có cổ võ cái học thực nghiệp, canh tân nếp sống mà cái tinh thần nhất quán bao trùm vẫn là kêu gọi lòng ái

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

hải, Hồng kông vào đầu thế kỷ XX. Riêng ở Việt nam chỉ có các trường cao đẳng chuyên khoa, còn Đại học Văn khoa thì tuyệt nhiên vắng bóng vì chính sách thực dân không muốn cho dân bản xứ có hồn dân tộc.

TỪ VĂN KHOA HÀ NỘI ĐẾN VĂN KHOA SAIGON.

Sau cuộc cách mạng Việt minh, chính phủ lâm thời thành lập (23-8-1954) một nhóm trí thức tự động khai giảng Văn khoa tại giảng đường Hà nội. Văn khoa này sống được vài tháng để rồi đi vào chiến khu theo kháng chiến Việt minh. Đáng chú ý là giảng văn có môn cổ sử Việt nam mà học giả Đào Duy Anh mới mở đầu bằng « Nguồn gốc dân tộc Việt nam » (Nhà xuất bản Thế giới Hà nội, 1950.)

Rồi hội nghị Fontainebleau thất bại, rồi Hà nội khói lửa, rồi vườn không nhà trống, rồi Nam kỳ quốc ra đời cũng thất bại, chính phủ Pháp phải tìm trả lại sự đại biểu dân tộc bất phân cho nhà Nguyễn để mời Bảo Đại về lập chính phủ quốc gia Việt nam. Và ngày 2-1-1950 một trường Đại học Văn khoa được thiết lập tại Hà nội, nghị định (số 1/NĐ/GD), sứ mệnh Văn khoa đòi một lập trường lý thuyết phản chiếu trung thực ý thức văn hóa dân tộc, cái tinh thần quốc học truyền thống kể từ Nam giao học tổ và Giáo tông qua Đinh, Lý, Trần, Lê, Nguyễn cho chi cuộc gặp gỡ Đông Tây hiện tại.

Ai nhắc lại cho ta cái truyền thống ấy, ai sưu tập lại cho ta những tài liệu kia, sau bao nhiêu hủy hoại, tiêu diệt, vô tình hay hữu ý vì khói lửa chiến tranh, vì chính sách bạo tàn trải qua hàng bao nhiêu thế kỷ trên mảnh đất giao lưu nhỏ hẹp này? Trong thời Pháp thuộc, ở Hà nội có « Pháp quốc Viễn đông học viện » (E.F.E.O) ngót nửa thế kỷ nay có sưu tập được một số tài liệu và đã đem trình bày công trình khảo cứu về Đông phương trong đó có mục liên quan đến văn hóa Việt nam ở tập kỷ yếu B.E.F.E.O, rất có giá trị về học liệu. Ở đấy chúng ta thấy được một phương pháp mới, khoa học để khai thác quốc học Việt nam. Ở Huế có tập « Kỷ yếu của những người thân hữu Huế

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

cổ xưa» (Bulletin des Amis du Vieux Huế) và ở Saigon có tập «Kỷ yếu của Hội Nghiên cứu Đông dương» (Bulletin S.E. I.) đều là những kho tài liệu để xây dựng Văn khoa Việt nam một khi có học giả dịch ra tiếng Việt, trình bày tổng hợp quan điểm Việt nam, của nhân dân Việt nam, vì Đại học Văn khoa Việt nam không thể lãnh đạm với vận mệnh dân tộc được. Vận mệnh dân tộc đang còn điêu linh, ý thức hệ nọ, ý thức hệ kia, tàn tích thực dân đế quốc đang còn đè nặng trên đầu người sống... Bởi thế nên để xây dựng ý thức hệ dân tộc Đại học Văn khoa đầu tiên ở Hà nội phải phản tỉnh mà «ôn cố tri tân». Và chúng tôi đã «ôn cố tri tân» với một số sinh viên Văn khoa đầu tiên ở Hà nội qua các bài khai giảng, diễn thuyết :

1) Triết lý nhân sinh của Nguyễn Công Trứ, 15-4-1950.
2) Duy tân và Duy vật trong triết học Đông phương, Hà nội, 10-1-1951.
3) Triết lý đi đến đâu ? Hà nội 15-11-1952.
4) Đi tìm cá tính Việt nam (Triết lý văn chương) Hà nội 8-1-53.
5) Hùng Vương với ý thức quốc gia dân tộc Việt nam ngày giỗ Tổ 1951.

   Sách xuất bản : Tinh thần Khoa học Đạo học, Việt nam Văn hóa Hiệp hội xuất bản 1953.

   Các bài khảo luận trong tạp chí «Văn khoa Tùng biện» cơ quan Văn hóa Hiệp hội 1951-1953.

   Diễn thuyết tại Huế ngày 2 tháng 9 năm 1953.
6) Thế quân bình văn hóa Việt nam.

Rồi đến năm 1954, hiệp ước Genève tạm thời cắt đất nước làm hai, mặc dù tại quốc dân đại hội do Quốc trưởng Bảo Đại triệu tập tại Saigon ngày 10-9-1953 mới tuyên bố thống nhất lãnh thổ :

«Sau 87 năm phân ly, đồng bào Nam bộ lại trở về với đại gia đình Việt nam...

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM THƯ VIỆN HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Cette philosophie est d'abord une sagesse, c'est à dire « un mode de pensée qui unit la connaissance à l'action, la raison à la foi. »

Alors que la pensée Grecque a débuté par une recherche sur la nature du monde extérieur, la pensée orientale, et particulièrement la pensée chinoise s'est centrée dès l'origine sur la connaissance de l'homme, comme il est écrit dans le Chou-Kinh : « La sagesse consiste en la connaissance de l'homme ».

Or cette connaissance n'est pas purement conceptuelle. On ne l'acquiert que par une réflexion étroitement liée à l'action, dans une sincérité totale avec soi-même et avec autrui. Toute la philosophie chinoise a pivoté autour de ce problème.

Le deuxième trait caractéristique dela pensée orientale est la conception primitive de l'indentité entre le microcosme et la macrocosme entre l'univers. »

C'est cette communion entre l'homme et la nature qui permet la conjonction de la philosophie et de la poésie.

Passant ensuite à la tradition nationale du Việt nam, M. Nguyễn Đăng Thục a souligné que depuis les dynasties des Lý et des Trần, tout le système éducatif Vietnamien tend vers la réalisation de l'unité entre les trois grandes doctrines philosophiques : le Bouddhisme le Taoisme et le confucianisme. S' appuyant sur de nombreux auteurs classiques Vietnamiens tels que Phan Huy Chú, Lê Quý Đôn, Nguyễn Cư Trinh, l'orateur a montré que cette unité n'est pas un syncrétisme facile mais une « Unité dans la diversité ». C'est à dire la recherche d'une harmonie vivante dans le respect de l'originalité de chaque doctrine.

M. Nguyễn Đăng Thục a conclu en invitant les étudiants à s'inspirer de cet esprit de la tradition nationale et particulièrement de la vie exemplaire des sages Vietnamiens tels que Phan Thanh Giản et Nguyễn Đình Chiểu « tous deux originaires de cette terre de Gia định et tous deux nos prédécesseurs d'àpeine un siècle ».

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Dịch nghĩa :

Nhập học niên khóa 1961-1962.

Diễn văn khai giảng triết học sáng lạn của Khoa trưởng Nguyễn Đăng Thục tại Văn khoa, Saigon (V.P.). « Triết học Đông phương và truyền thống dân tộc Việt nam », đấy là nhan đề của khoa trưởng Nguyễn Đăng Thục đã chọn để khai giảng niên khóa nhập học 1961-1962 tại Văn khoa Đại học Saigon. Nó đã diễn ra sáng hôm qua có sự chủ tọa của giáo sư Nguyễn Quang Trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục Quốc gia trước sự hiện diện của đông đủ nhân vật trong giới văn hóa và đại học cùng sinh viên.

Ông Nguyễn Đăng Thục bắt đầu vạch rõ những nét căn bản của Triết học Đông phương. Cái triết học ấy trước hết là một hiền học, nghĩa là một lối tư tưởng hợp nhất tri và hành, lý tri và tin ngưỡng.

Khác với tư tưởng Hy lạp bắt đầu tìm hiểu tính chất thế giới bên ngoài, tư tưởng Đông phương và nhất là tư tưởng Trung hoa ngay khởi thủy chuyên chú vào sự hiểu biết về con người như kinh Thư viết :

« Tri nhân tắc triết ».

Song cái tri thức ấy không phải hoàn toàn suy luận. Người ta chỉ đạt được bằng tư duy mật thiết quan hệ với hành động trong tinh thần hết sức thành thật với chính mình và tha nhân. Trọng tâm của Triết học Trung hoa xoay quanh vấn đề ấy.

Nét đặc trưng thứ hai của tư tưởng Đông phương là quan niệm cổ lai về đồng nhất thể giữa tiểu vũ trụ và đại vũ trụ, giữa người và trời.

Nhờ có sự thông đồng giữa nhân loại và thiên nhiên nó làm cho Triết học nối liền với Thi ca.

Rồi đi sang truyền thống dân tộc của Việt nam, Ông Nguyễn Đăng Thục đã nhấn mạnh rằng kể từ triều nhà Lý và nhà Trần, tất cả hệ thống giáo dục Việt nam hướng vào sự thực hiện, sự

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

đồng nguyên của ba giáo lý Triết học chính Phật giáo, Đạo giáo và Khổng giáo.

Căn cứ vào nhiều tác giả cổ điển Việt nam như Phan Huy Chú, Lê Quí Đôn, Nguyễn Cư Trinh, diễn giả đã chứng minh rằng sự hợp nhất ấy không phải là một sự triết trung dễ dàng hình thức mà là một « Đồng qui nhi thủ đồ » nghĩa là một hòa điệu sinh động trong tinh thần tôn trọng cá tính của mỗi giáo lý.

Ông Nguyễn Đăng Thục đã kết luận kêu gọi sinh viên hãy noi theo cái tinh thần truyền thống dân tộc ấy và đặc biệt noi gương cuộc đời các hiền triết Việt nam như Phan Thanh Giản và Nguyễn Đình Chiểu « cả hai đã sinh trưởng ở đất Gia định này và cả hai xa cách chúng ta chưa đầy một thế kỷ. »

SẮC THÁI ĐẠI HỌC VẠN HẠNH TRONG SỨ MỆNH VĂN KHOA VIỆT NAM.

Cái tinh thần « Đồng quy nhi thủ đồ — l'Unité dans la Diversité » trên đây là tinh thần văn hóa chung cho khu vực giao lưu Đông nam á mà trước cuộc Nam tiến dân tộc Việt nam đã thực hiện ở hình thức tam giáo đồng nguyên, trong đó Phật giáo Thiền tông Việt nam đã là cơ bản thực nghiệm tâm linh mà Thiền sư Vạn Hạnh với người con tinh thần là Lý Thái Tổ đã dùng để xây dựng nên cái ý thức hệ cách mệnh giải phóng dân tộc thời nhà Lý vậy. Cái ý thức hệ ấy là biện chứng giải thoát của Thiền tông Việt nam, vượt lên trên thế học Trung hoa lục địa Khổng Mặc hay Lão Trang, vượt lên mà thâu hóa không bài trừ, để đáp ứng cho điều kiện địa lý bán đảo Ấn độ Chi na « ngã ba qua lại văn hóa và dân tộc » (Cross road of peoples and civilisations — Olov Janse).

Ngày nay, sau cuộc Nam tiến hoàn thành, dân tộc Việt đã có một địa bàn từ Nam quan đến Cà mau tương xứng với khả năng phát triển dân tộc tính thiên nhiên của nó. Trải qua một thời gian ngót một thế kỷ nó đã tiếp xúc với văn hóa Tây phương qua tinh thần duy lý Pháp, cái Vũ trụ quan truyền thống của Tam giáo đồng nguyên xưa phải được ôn lại để thích

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

ứng với điều kiện sinh tồn trong thế giới mà tiến bộ kỹ thuật giao thông đã thực hiện cái mộng cố hữu « năm châu một chợ, bốn biển một nhà » hiện tại bài học ôn cố ấy bắt đầu với việc tự hỏa thiêu của Hòa thượng Quãng Đức tại Saigon ngày 11-6-1963.

Và nghị định G.D/CP/NĐ ngày 15-1-1964 của Bộ Quốc gia Giáo dục cho thành lập Viện Đại học lấy tên là Đại học Vạn Hạnh. Với hai chữ Vạn Hạnh là pháp danh của một vị thiền sư khai quốc triều Lý, Viện Đại học Vạn Hạnh hẳn có ngụ ý nhắc nhở chúng ta ngày nay trong truyền thống Việt nam có Phật giáo tâm linh thực nghiệm của Thiền tông, như lời của Swami Siddheswarawanda đã nhắc nhở cho một sinh viên Việt ở Pháp than phiền sự suy đồi tâm linh của xứ sở mình:

« Comment vous avez dans votre tradition les stances de Hui-Neng et vous cherchez la vérité ailleurs ».

(France Asie No 137-1957)

(Sao thế, các anh có trong truyền thống các anh những thơ kệ của Huệ Năng mà các anh đi tìm chân lý ở nơi khác).

Vậy cái truyền thống thiền học Vạn Hạnh đem ứng dụng vào chương trình giáo dục Đại học ngày nay như thế nào, đấy là sắc thái của Đại học Vạn Hạnh vậy. Cái sắc thái ấy là biện chứng thực nghiệm toàn diện cho nên nó là một nhân bản khai phóng, vượt lên và tổng hợp nhất quán được đầy đủ ba vấn đề quan hệ của con người như Bertrand Russell đã nêu ra cho thế giới hiện đại:

1) Quan hệ giữa người và thiên nhiên do khoa học vào kỹ thuật Âu tây đại diện nhằm chinh phục quyền năng thiên nhiên mà trước kia Đạo gia chỉ biết giải quyết bằng nghệ thuật hóa thiên nhiên.

Đại nhạc dữ thiên địa đồng hòa.

Bản nhạc vĩ đại cùng với vũ trụ hòa nhịp. Bởi thế nên thiếu về Khoa học kỹ thuật vật chất nên chậm tiến.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Quan hệ giữa người với người là phạm vi nhân văn học vốn là khuynh hướng của Trung hoa do truyền thống Nho học đại biểu như sách Đại học đã toát yếu.

C'est la sociologie résumée en quelques propositions qui enchainent vigoureusement le processus de l'évolution sociale en montrant comment l'homme doit rejoindre l'Humanité par la famille et par l'Etat. Ces propositions renferment les principes fondamentaux sur lesquels reposent les intitutions politiques et sociales de la Chine qui a pour devise: Science et Vertu.

Phan Văn Trường
(Trung Quốc chi cựu hình luật)

« Đấy là toát yếu xã hội học vào một số mệnh đề liên hệ chặc chẽ lịch trình tiến hóa xã hội, chứng minh con người phải tiếp nối với nhân loại qua gia tộc và quốc gia. Những mệnh đề ấy bao hàm những nguyên lý cơ bản làm cơ sở xây dựng những định chế chính trị và xã hội của Trung hoa lấy khoa học và đạo đức làm phương châm. »

(Phan Văn Trường)

Đấy cũng là mục tiêu của Khoa học Nhân văn hiện đại vì nhân văn học là khoa học về sự phát triển vật lý, sinh lý, xã hội và hành vi nhân sinh từ khi có nhân loại trên mặt đất. Cái học ấy muốn được chính xác ngõ hầu giải quyết cuộc tranh chấp giữa người với người sao cho ổn thỏa không rơi vào cảnh ngày nay « người đối với người như lang sói » (Homo lupus homini) vì « thế giới giao tranh lợi ».

2) Quan hệ giữa người với mình, là vấn đề tâm lý học và tâm linh học do Ấn độ đại diện từ trước đến nay với truyền thống Yoga, các khoa đạo dẫn, khoa thiền học, mục đích làm chủ thân tâm, biến hóa khí chất đến giải thoát cho con người khỏi những cuộc tranh chấp xung đột giữa người với thiên nhiên, giữa người với người và giữa người với chính nó. Như Russel viết : « Mỗi cuộc tranh chấp sẽ kết thúc vào hòa điệu. Sự xung đột giữa người với thiên nhiên vật lý chuyển sang hòa

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

điệu chừng nào người ta biết được bí quyết của thiên nhiên và do đấy có thể hợp tác với thiên nhiên. Sự xung đột của người có ý nghĩa chừng nào không còn có thể tìm ra thực phẩm thích hợp cho tất cả. Nhưng khi nào sự chinh phục thiên nhiên đã bảo đảm cho mọi người đủ ăn mặc, và khi nào sự cộng tác rộng rãi có lợi ích hơn thì sự xung đột giữa người với người thành ra lỗi thời, và có thể kết thúc vào sự hợp nhất chính trị và kinh tế như hiện nay người ta chủ trương tìm thành lập một một chính phủ thế giới. Bằng cách ấy một hòa điệu bề ngoài giữa người với người có thể thiết lập được, nhưng nó sẽ không phải một hòa điệu bền vững trừ khi nào người ta thành tựu được hòa điệu bên trong chính mọi người, và không còn nhìn một thành phần của họ như là một kẻ thù để chinh phục nữa. Đấy là toát yếu tất cả lịch sử nhân loại quá khứ, hiện tại và tương lai.»

(Sách dẫn trên)

Đấy cũng là chương trình và mục tiêu của Văn khoa Đại học Vạn Hạnh lấy Khoa học Nhân văn làm cơ bản để phối hợp các phân khoa : Phật học, Khoa học Xã hội, Giáo dục và đến nay là Khoa học Ứng dụng. Nhưng sắc thái đặc biệt của Đại học Vạn Hạnh là Thiền dân tộc lấy hành động vô cầu nhập thế để thực hiện nhân bản khai phóng, lấy thực nghiệm tâm linh của Thiền để thâu hóa và sáng tạo vì Thiền hành động là biện chứng thực nghiệm toàn diện, không duy tâm hay duy vật như các hệ thống khái niệm duy lý đóng cửa cho nên nó vừa là triết học xã hội vừa là nghệ thuật nhân sinh cho nên nó đáp ứng được các bình diện ý thức của nhân bản toàn diện khai phóng mà thế giới hiện nay đòi hỏi vậy.

NGUYỄN ĐĂNG THỤC

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

TỪ ĐẠI HỌC VĂN KHOA HÀ NỘI 1949 ĐẾN CÁC ĐẠI HỌC NGÀNH VĂN KHOA TOÀN CÕI VIỆT NAM CỘNG HÒA 1975

★ PHẠM VIỆT TUYỂN

MỘT phần tư thế kỷ đã trôi qua từ ngày trường Đại học Văn khoa Việt nam đầu tiên khai giảng ở Hà nội vào niên khóa 1949-50 cho tới nay, là lúc các trường Đại học Văn khoa công lập ở Saigon, Huế, Cần thơ và các trường Đại học tư lập ngành Văn khoa thuộc những viện Đại học Đà lạt, Vạn hạnh, Hòa hảo, Cao đài, Minh đức... ngày càng tăng thêm nhiều sinh hoạt đặc sắc.

Làm thế nào để kiểm điểm — dù sơ lược — những cố gắng của nhiều Chính phủ Quốc gia liên tiếp, những nỗ lực của các tập thể giáo dục có sắc thái tôn giáo, những hi sinh của các thế hệ giáo sư và những đóng góp của các thế hệ sinh viên về ngành Đại học Văn khoa Việt nam ? Và sạu khi kiểm điểm lại những chuyện dĩ vãng, có thể bàn luận gì thêm về các vấn đề phát triển hiện tại và tiến bộ tương lai của ngành Đại học Văn khoa trong chiều hướng góp phần phụng sự Tổ quốc và phục vụ Dân tộc kể từ thế hệ Trẻ hôm nay ?

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Hai câu hỏi đặt ra quá lớn. Trong lúc chờ mong những ý kiến cao minh của các bậc thức giả và những kiểm điểm sát thực tế của các bạn trẻ, người viết bài này chỉ xin đóng góp một phần nhỏ mọn bằng cách nói ít điều về trường Đại học Văn khoa Hà nội hồi 1949-1954 mà trường Đại học Văn khoa Saigon hiện nay đã và đang trực tiếp kế tục sứ mạng...

MỘT TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỘC LẬP NGAY TỪ KHI MỚI SINH!

Các trường Cao đẳng và Đại học về những ngành khác như Y khoa, Luật khoa, Hành chánh, Sư phạm, Khoa học, Dược khoa, Canh nông, Công chánh, Kỹ thuật, Mỹ thuật, Kiến trúc v.v... đã được người Pháp thành lập dần tại Việt nam từ hồi 1902 trở đi...

Riêng trường Đại học Văn khoa Việt nam đầu tiên phải đợi mãi tới niên khóa 1949-1950 mới khai giảng tại Hà nội và chính thức thành lập do Nghị định số 1 NĐ/GD ngày 4-1-1950 của Bộ Quốc gia Giáo dục trong Chính phủ Quốc gia Việt nam đầu tiên do Quốc trưởng Bảo Đại trở về thành lập sau thời gian thoái vị làm cố vấn cho Hồ Chí Minh rồi lưu vong ra ngoại quốc vì không chấp nhận đường lối Cộng sản... Lúc ấy Tổng trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục là bác sĩ Phan Huy Quát...

Hồi này trường Đại học Văn khoa Hà nội được đặt dưới quyền điều khiển trực tiếp của Bộ Quốc gia Giáo dục ở Saigon, trong khi các trường Đại học khác, có sẵn từ thời Pháp đô hộ để lại, thuộc quyền quản trị của Viện Đại học Hỗn hợp Việt Pháp...

Chính vì trường Đại học Văn khoa Việt nam đầu tiên là một trường Đại học độc lập ngay từ khi mới khai sinh trong lúc Viện Đại học Hà nội lúc bấy giờ là một viện Đại học Hỗn hợp Việt Pháp cho nên suốt từ khi mới mở tại Hà nội năm 1949-50 cho tới khi di chuyển vào Saigon sau ngày 20-7-1954, trường Đại học Văn khoa Việt nam đầu tiên phải trải qua những tháng năm ở nhờ học mượn, dùng mấy căn nhà phụ thuộc trong

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

Viện Đại học Hỗn hợp cho sinh viên Văn khoa theo học, chứ không được sử dụng các giảng đường tương đối rộng rãi tốt đẹp hơn nhiều. Chính do đó mà có danh từ « Văn khoa chuồng ngựa »...

. Sau thỏa ước quốc tế Genève ngày 20-7-1954, trường Đại học Văn khoa Việt nam đầu tiên đã di chuyển vào Saigon và được tái lập hồi tháng 11 năm 1954, tạm nương nhờ trong khu trường Cao đẳng Sư phạm cũ nay là trường Đại học Sư phạm, bên cạnh trường Đại học Khoa học ở gần trường trung học Trương Vĩnh Ký.

Hồi tháng 5 năm 1955, theo Hiệp ước Văn hóa đã ký kết từ hồi cuối năm 1949 đầu năm 1950, Chính phủ Pháp đã trao trả Đại học lại cho Chính phủ Việt nam và Viện Đại học Hỗn hợp Việt Pháp đã trở thành Viện Đại học Quốc gia Việt nam. Sau đó, trường Đại học Văn khoa Việt nam đầu tiên đã sáp nhập vào Viện Đại học Quốc gia Việt nam kể từ ngày 6-12-1955. Và cùng ngày ấy, lớp Cao đẳng Dự bị Văn khoa Pháp đã sáp nhập, thuộc quyền trực tiếp của trường Đại học Văn khoa Saigon (Nghị định số 66-GD/NĐ ngày 6-12-1955 của Bộ Q.G.G.D).

Tới ngày 1-3-1957, sắc lệnh số 45-GD của Tổng thống Việt nam Cộng hòa đã cải Viện Đại học Quốc gia Việt nam thành Viện Đại học Saigon và trường Đại học Văn khoa Việt nam đầu tiên cũng đổi tên thành Trường Đại học Văn khoa Saigon.

CÁC KHOA TRƯỞNG VÀ CÁC GIÁO SƯ ĐẠI HỌC VĂN KHOA HỒI 1949-1954.

Vị Khoa trưởng đầu tiên của trường Đại học Văn khoa Việt nam đầu tiên là cụ Ngô Thúc Địch, bút hiệu Mai Khê, Cử nhân Hán học (đã có thời làm Phó Thủ tướng Chính phủ Quốc gia Việt nam, hiện nay đã quá cố). Vị Khoa trưởng kế tiếp là giáo sư Nguyễn Đăng Thục, chuyên về Triết học Đông phương, đã có thời làm Khoa trưởng Trường Đại học Văn khoa Saigon và hiện nay là Khoa trưởng Phân khoa Văn học và Khoa học

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Nhân văn thuộc Viện Đại học Vạn Hạnh. Ngoài hai vị nêu trên trong ban giảng huấn của trường Đại học Văn khoa Hà nội hồi 1949-54 còn có hai vị giáo sư người Pháp và quí vị sau đây: Nguyễn Can Mộng (Phó bảng), Trần Lê Nhân (Cử nhân Hán học), Bửu Dưỡng (Tiến sĩ Triết học), Mai Phương (chuyên về Lịch sử), Nguyễn Văn Mùi (chuyên về Ngữ pháp), Đoàn Phú Tứ (chuyên về Kim văn Việt nam), Nghiêm Toản (chuyên về Văn chương Việt nam)...

Trong hai niên khóa 1949-50 và 1950-51, việc giảng dạy được tổ chức theo niên chế. Từ niên khóa 1951-52 trở đi, mới chuyển sang chế độ chứng chỉ. Ngoài năm Dự bị, các chứng chỉ đã mở ra hồi ấy là : Văn chương Việt nam, Hán học cổ kim, Văn chương Pháp, Ngữ học Anh, Lịch sử Triết học Đông phương và Tây phương, Luận lý và Siêu hình, Sử Việt nam và Trung hoa... Mọi việc học hành thi cử ở trường Đại học Văn khoa Hà nội hồi ấy, dù đã tiến hành theo nhu cầu thực tế, vẫn phải chờ đợi sự chấp thuận cuối cùng của Bộ Quốc gia Giáo dục ở Saigon, mà Bộ Quốc gia Giáo dục ở Saigon trải qua các thời của quí ông Tổng trưởng từ Phan Huy Quát, qua Vương Quang Nhường, tới Nguyễn Thành Giung... đã có những khuynh hướng khác nhau, khi thì nghiêng về hướng giành độc lập văn hóa để đáp ứng nguyện vọng của dân chúng và tuổi trẻ Việt nam, khi thì ôn hòa lúng túng, khi thì ngả theo áp lực của Pháp và những người thân Pháp phản động trước trào lưu lịch sử của dân tộc và nhân loại. Thành ra lắm lúc trường Đại học Văn khoa Hà nội gặp nhiều trục trặc, trắc trở rất phiền phức cho nhà trường, khổ tâm cho quí vị giáo sư và tất nhiên là tai hại cho sinh viên, ấy là chưa nói tới những chuyện có thể di hại cho quốc gia dân tộc. Có lần giáo sư Nguyễn Đăng Thục đã phàn nàn với tôi rằng có lúc nhà trường không có tiền để trả thù lao cho quí vị giáo sư, Cụ, với tư cách là Khoa trưởng, phải đánh điện vào văn phòng Quốc trưởng ở Đà lạt ! Một tỉ dụ mà người viết bài này còn nhớ rõ : Năm 1952-54, quí vị giáo sư triết học đã thỏa thuận với nhà trường để mở hai chứng chỉ mới là Luân lý Xã hội và Triết học Đối

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

học Việt nam so với ba chứng chỉ Pháp văn thực hành, Văn chương Pháp, Văn phạm và Ngữ học Pháp) và số giáo sư Pháp ngày càng đông (4 Pháp so với 3 Anh, Mỹ, Tàu và 4 Việt, năm 1955-56 — 10 Pháp so với 4 Anh, Mỹ, Tàu và 19 Việt, năm 1956-57 — 14 kháp so với 7 Anh, Mỹ, Tàu và 22 Việt, năm 1957-58)...

Tình trạng phát triển bất thường của ngành Văn khoa Pháp kéo dài thêm mấy năm nữa rồi mới được giải quyết một cách dứt khoát : Kể từ niên khóa 1961-62, trường Đại học Văn khoa Saigon chỉ mở một năm Dự bị duy nhất, gọi là năm dự bị Văn khoa, với 7 môn nhiệm ý : Việt — Hán — Triết — Sử Địa — Anh Mỹ — Pháp — và Đức (Lớp Dự bị Văn khoa Pháp cũ được chuyển thành môn nhiệm ý Pháp của lớp Dự bị Văn khoa duy nhất).

Từ ngày được tái lập tại Sàigòn tới nay, trường Đại học Văn khoa Việt nam đầu tiên, sau một thời gian nương nhờ tại trường Cao đẳng Sư phạm (về sau đổi thành Đại học Sư phạm) ở đường Cộng hòa, đã di chuyển lên góc đường Gia Long — Nguyễn Trung Trực (nơi về sau đặt Văn phòng Phủ Quốc vụ Khanh Đặc trách Văn hóa), đoạn dời lên « đóng đô » nơi trường sở hiện tại ở đường Cường Để.

Quí vị khoa trưởng đã kế tiếp điều khiển trường Đại học Văn khoa Sàigòn từ niên khóa 1954-55 tới nay là :

— Giáo sư Trương Công Cừu,
— Giáo sư Nguyễn Đình Hòa,
— Giáo sư Nguyễn Huy Bảo,
— Giáo sư Nguyễn Đăng Thục,
— Giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch,
— Giáo sư Nguyễn Văn Trung,
— Giáo sư Lê Trung Nhiên,
— Giáo sư Bùi Xuân Bào,
— Giáo sư Lê Thành Trị.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

Trường đã liên tiếp cải tiến và phát triển về nhiều phương diện nhờ những nỗ lực của các chính phủ, của Bộ Giáo dục trải qua nhiều thời, nhất là những cố gắng của các vị Khoa trưởng, đặc biệt là những hy sinh của các thế hệ giáo sư và sinh viên...

Dĩ nhiên là cũng có nhiều khuyết điểm, nhiều khó khăn, nhiều vấn đề thiết thực và quan trọng, cần phải nêu ra đối với các nhà hữu trách cũng như đối với xã hội nói chung, mà trong phạm vi bài này người viết chưa muốn đề cập tới.

HỌC PHONG SĨ KHÍ CỦA THẾ HỆ SINH VIÊN ĐẠI HỌC VĂN KHOA HÀ NỘI HỒI 1949-1954.

Như đã trình bày ở trên, trường Đại học Văn khoa Việt nam đầu tiên được mở ra sau các trường Cao đẳng hay Đại học khác hằng bốn, năm mươi năm và ngay từ khi mới mở đã có tính cách độc lập hoàn toàn trong khi các trường Đại học khác đều thuộc Viện Đại học Hỗn hợp Việt Pháp, cho nên : một trường chưa được dân chúng tin tưởng, một đường lại bị Pháp cũng như Cộng sản chèn ép.

Những lớp sinh viên đầu tiên theo học trường Đại học Văn khoa Việt nam ở Hà nội hồi 1945-49 không lấy gì làm đông : Niên khóa 1949-50 chỉ có 57 sinh viên ghi tên vào học và cuối năm số trúng tuyển lên năm thứ hai là 40. Niên khóa 1950-51, chỉ có 15 sinh viên ghi danh nhập học thêm năm I, 33 sinh viên ghi tên theo học chứng chỉ Ngữ học Anh và, cuối năm, số trúng tuyển lên năm II (kể cả những người đã rớt năm trước nay thi lại) là 15 người, số đỗ Ngữ học Anh là 30. Niên khóa 1951-52, có 39 sinh viên ghi tên học năm I (cuối năm chỉ có 7 trúng tuyển), 39 sinh viên ghi danh học chứng chỉ Văn chương Việt nam (cuối năm trúng tuyển được 15), 12 sinh viên ghi danh theo chứng chỉ Hán học cổ kim (cuối năm đỗ được 8), 11 sinh viên theo học chứng chỉ Văn chương Pháp (cuối năm đỗ được 6), 10 sinh viên theo học chứng chỉ Lịch sử Triết Đông và Tây (cuối năm đỗ được 4), 28 sinh viên theo Sử Việt nam và Trung hoa (cuối năm đỗ được 12). Niên khóa 1952-53 có 26 sinh viên ghi tên vào

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

học năm I (cuối năm đậu được 10), 21 sinh viên học Văn chương Việt nam (cuối năm đậu được 6), 14 theo Hán học cổ kim (cuối năm đậu được 8), 12 theo Văn chương Pháp (cuối năm đỗ được 2), 15 theo Lịch sử Triết Đông và Tây (cuối năm đỗ được 2). 11 theo Sử Việt nam và Trung hoa (cuối năm đỗ được 8) ; ngoài ra năm ấy có một số sinh viên theo học hai chứng chỉ Luân lý xã hội học và Triết học Đối chiếu suốt niên khóa, nhưng rốt cuộc Bộ Giáo dục không cho phép nhà trường mở hai chứng chỉ nói trên trong khi các giáo sư đã thực sự giảng dạy cả năm ! và một số sinh viên thiệt mất một năm học, lại phí mấy tháng trời tranh đấu với Sàigòn mà chẳng đi tới đâu ! Niên khóa 1953-54 có 56 sinh viên ghi danh nhập học năm I (cuối năm trúng tuyển được 20), 29 theo Văn chương Việt nam (cuối năm đỗ được 4), 8 theo Hán học cổ kim (cuối năm đỗ được 1), 14 theo Văn chương Pháp (cuối năm đậu được 2), 15 học Lịch sử Triết Đông và Tây (cuối năm đậu được 4), 2 theo Luận lý Siêu hình (cuối năm đỗ cả 2), 23 theo Sử Việt nam và Trung hoa (cuối năm đỗ 6).

Số sinh viên, như vừa trình bày, có thể coi là ít trong suốt 5 niên khóa, khi trường Đại học Văn khoa Việt nam đầu tiên mới mở tại Hà nội, nhất là khi chúng ta đem so sánh với số sinh viên Văn khoa trên toàn cõi Việt nam Cộng hòa hiện nay

Nhưng, hồi 1949-54, sinh viên theo học trường Đại học Văn khoa Việt nam đầu tiên ở Hà nội phần đông là những thanh niên thiếu nữ đã trưởng thành trong thời kháng chiến, vào theo học tại trường Đại học Văn khoa Việt nam, một là vì say mê các môn học văn khoa ; hai là vì hăng hái muốn góp phần tranh đấu cho nền văn hóa dân tộc trước các áp lực chính trị của Pháp thực dân cũng như của Cộng sản. Cho nên thế hệ sinh viên Văn khoa 1949-54 ở Hà nội đã đi học với tấm lòng say mê của nghệ sĩ và với tinh thần hăng hái của chiến sĩ. Thế hệ sinh viên Đại học Văn khoa 1949-54 đã tích cực góp phần tranh đấu và xây dựng cho trường. Để biểu dương một phần nhỏ cái tinh thần tranh đấu và xây dựng của thế hệ sinh viên Văn khoa

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

1949-54, người viết mạng phép trích dẫn sau đây nguyên văn bản kiến nghị của một số sinh viên và cựu sinh viên Đại học Văn khoa Hà nội đã gửi ông Tổng trưởng Giáo dục ngày 5-7-1954 để đặt vấn đề thiết lập các văn bằng Cử nhân giáo khoa, trang bị thư viện và mở các kỳ thi Cao học, Tiến sĩ :

KIẾN NGHỊ

Của sinh viên và cựu sinh viên Trường Đại học Văn khoa Hà nội

Kính đệ

Ông Tổng trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục

SAIGON

(*Kính nhờ Ông Giám đốc sở Đại học vụ Hà nội chuyển*).

Thưa Tổng trưởng,

Xét rằng trường Đại học Văn khoa đã được Bộ Quốc gia Giáo dục thiết lập do nghị định số 1 ND/GD ngày 4-1-50,

Xét rằng trường Đ.H.V.K. đã được Bộ Q.G.G.D. cải tổ do nghị định số 167 ND/GD ngày 29-8-1952,

Xét rằng cho đến ngày nay trường Đ.H.V.K. thành lập đã được 5 năm và đã thâu lượm được những kết quả tốt đẹp,

Xét rằng theo những thỏa hiệp về văn hóa giữa Quốc gia Việt nam và nước Pháp thì đến năm 1956 viện Đại học sẽ hoàn toàn thuộc quyền của Chính phủ Quốc gia Việt nam,

Xét rằng nền Đại học Văn khoa Việt nam hiện nay đòi hỏi một nội dung phong phú hơn và một hình thức rộng rãi hơn.

Toàn thể sinh viên và cựu sinh viên trường Đ.H.V.K. nhân dịp họp mặt cuối năm học 1953-54, thỉnh cầu Bộ Quốc gia Giáo dục khuyếch trương và củng cố trường Đại học Văn Khoa :

I.— Về phương diện chuyên môn :

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

1) Tổ chức đầy đủ các chứng chỉ về các ngành chuyên môn để có thể đào tạo các cử nhân giáo khoa, ngoài những cử nhân tự do như đã có :

— Cử nhân giáo khoa về Văn chương Việt nam :

Chứng chỉ Lịch sử Văn chương Việt nam,
» Ngữ pháp (Mẹo tiếng) Việt nam,
» Văn chương chữ Nôm,
» Văn chương Quốc ngữ.

— Cử nhân giáo khoa về Hán Học :

Chứng chỉ Lịch sử Văn chương Trung hoa,
» Cổ văn Trung hoa,
» Kim văn Trung hoa,
» Văn chương Hán Việt.

— Cử nhân giáo khoa về Triết học :

Chứng chỉ Lịch sử Triết học Đông phương Tây phương
Chứng chỉ Luận lý, Siêu hình học,
» Tâm lý học,
» Luận lý và Xã hội học.

— Cử Nhân giáo khoa Sử ký và Địa lý :

Chọn Sử ký :

Chứng chỉ Lịch sử Việt nam.
» Lịch sử Trung hoa và Ấn độ
» Lịch sử Thế giới,
» Địa lý Việt nam.

Chọn Địa Lý :

Chứng chỉ Địa lý Đại cương,
» Địa lý Việt nam,

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

Chứng chỉ Lịch sử Việt nam,
» Lịch sử Trung hoa Ấn độ hay thế giới.

— Cử nhân Giáo khoa Sinh ngữ :

Chứng chỉ Văn chương Pháp,
» Ngữ pháp và Ngôn ngữ học Pháp,
» Văn chương và Ngữ pháp Anh,
» Hoa ngữ.

2) Tổ chức Cao học :

a/ Bằng Cao Học về 5 ngành kể trên :

Văn chương Việt nam,
Hán học,
Triết học,
Lịch sử Địa lý,
Sinh ngữ.

b/ Bằng Tiến sĩ Văn khoa.

II.— Về phương diện vật chất :

1) Khoa viện (Trường sở) xứng đáng,
2) Thư viện, dụng cụ, tài liệu.

Chính phủ và Bộ Quốc gia Giáo dục từ trước tới nay vẫn hằng săn sóc và khuyến khích các sinh viên trường Đại học Văn khoa. Nay chúng tôi trân trọng thỉnh cầu bản kiến nghị này được Chính phủ và Bộ Quốc gia Giáo dục xét tới, vì tương lai của trường Đại học Văn khoa và tiền đồ của nền quốc học.

Hanoi, ngày 5 tháng 7 năm 1954.

Toàn thể sinh viên và cựu sinh viên trường Đại học Văn khoa Hanoi.

(Dưới bảng Kiến Nghị là Danh sách và chữ ký của : Đàm Xuân Thiều, Đỗ Đức Hưng, Đỗ Đức Hải, Phan Văn Sách, Quản

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Văn Chính, Nguyễn Ngọc Loan, Tạ Duyệt, Nguyễn S. Anh, Mai Thị Từ, Đàm Gia Cần, Phạm Thế Ngũ, Đinh Thiết Bảo, Lại Cang, Đặng Ngọc Thiềm, Trần Trọng San, Phạm Việt Tuyền, Ngô Khắc Thành, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Danh Bạng, Lê Thành Trị, Nguyễn Thị Tỉnh, Nguyễn Đức Tuệ, Nguyễn Quý Hùng, Đặng T. Phụng, Nguyễn Ngọc Bích).

Vấn đề đã được các sinh viên và các cựu sinh viên Đại học Văn khoa Hanoi đặt ra một cách rất rõ ràng như vậy từ cuối niên khóa 1953-54, mà mãi tới niên khóa 1957-58 Bộ Giáo dục mới bắt đầu thiết lập các văn bằng Cử nhân giáo khoa ở trường Đại học Văn khoa Saigon (Nghị định số 1493 GD/NĐ, ngày 8-10-1957) với ba văn bằng Cử nhân Giáo khoa Việt Hán, Anh văn và Pháp văn; rồi mãi tới niên khóa 1961-62, nhà trường mới bắt đầu thiết lập những văn bằng Cao học; và mãi tới niên khóa 1971-72, nhà trường mới bắt đầu tổ chức thi Tiến sĩ. Nói kiểu khác, 25 năm sau khi trường Đại học Văn khoa Việt nam đầu tiên thành lập, nhà trường chưa cấp một văn bằng tiến sĩ thực thụ và đầy đủ nào, trong khi ở các Đại học ngoại quốc và ở nhiều ngành Đại học khác tại Việt nam, một sinh viên học tập đều có thể đỗ bằng Tiến sĩ Quốc gia sau 8 năm trời học tập kể từ khi mới bước chân vào năm thứ I.

KẾT THÚC: *NHẮC LẠI VẤN ĐỀ KIỂM ĐIỂM LƯỢC SỬ CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÀNH VĂN KHOA CÔNG CŨNG NHƯ TƯ TÌM ĐƯỜNG LỐI CẢI TIẾN HIỆN TẠI, PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI...*

Như đã trình bày trên đây, người viết bài này chỉ có ý nhắc lại ít nhiều nét về trường Đại học Văn khoa Việt nam đầu tiên ở Hanoi hồi 1949-1954. Chúng tôi chờ mong có nhiều bậc đàn anh và nhất là các bạn trẻ sẽ viết những bài lược khảo về các trường Đại học Văn khoa Saigon, Huế, Cần thơ và các trường Đại học ngành Văn khoa thuộc các viện Đại học tư như Đà lạt, Vạn Hạnh, Minh Đức, Hòa Hảo, Cao Đài... Dựa vào các thành tích quá khứ cụ thể của tất cả các trường nói trên,

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

hết thảy mọi người quan tâm tới ngành Đại học Văn khoa của nước nhà có lẽ sẽ dễ dàng đóng góp thêm những ý kiến thiết thực trong công cuộc cải tiến hiện tại cũng như phát triển trong tương lai.

Trong lúc chờ mong ý kiến của các bạn trẻ sẽ phát biểu nhân các cuộc lễ kỷ niệm 25 năm nền Đại học Văn khoa Việt nam, người viết bài này cũng mạn phép trình bày một vài ý nghĩ thô thiển về sứ mạng của các Đại học Văn khoa Việt nam hiện nay:

Theo thiển kiến, các Đại học ngành Văn khoa Việt nam hiện nay có hai sứ mạng. Trước hết là sứ mạng lớn lao đối với tuổi trẻ hôm nay, đặc biệt là đối với các thế hệ sinh viên lúc còn theo học và sau khi đã tốt nghiệp ngành Văn khoa:

1.— Về học vấn, tùy sắc thái và hoàn cảnh riêng của mỗi trường, Đại học ngành Văn khoa có sứ mạng cung cấp những kiến thức về văn học và về các khoa học nhân văn Việt nam cũng như quốc tế khả dĩ so sánh với các Đại học tương đương ở trên thế giới.

2.— Về giáo dục, Đại học ngành Văn khoa có sứ mạng đào tạo con người toàn diện, nhất là về ba mặt trí dục, đức dục và mỹ dục, nối tiếp và phát huy tinh thần văn khoa truyền thống của dân tộc, đã không ngừng tiến triển, đặc biệt là trong thời tự chủ trải qua các triều đại như Lý, Trần, Lê, Nguyễn.

3.— Về hướng nghiệp, Đại học Văn khoa cần thiết thực chuẩn bị cho các sinh viên tốt nghiệp có thể đi vào những ngành sinh hoạt như giáo dục, học chính, hành chánh, ngoại giao, biên tập, giao tế, suy tư, sáng tạo, hoạt động văn hóa xã hội, sưu tầm nghiên cứu và các nghề nghiệp truyền thống đại chúng v.v... như người ta thường thấy ở các nước độc lập có ngành Đại học Văn khoa từ lâu, chẳng hạn như Pháp và Hoa kỳ.

Ngoài sứ mạng đối với thế hệ trẻ hôm nay, các Đại học ngành Văn khoa còn có một sứ mạng cao cả đối với Quốc gia Dân tộc. Sứ mạng này có thể qui về mấy điểm chính:

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

1.— Góp phần phát triển quốc gia trong trường sinh hoạt quốc tế hiện nay và ngày mai, vì tinh thần cũng là một thứ vốn tối quan trọng, văn hóa chính là một nguồn tài sản phong phú.

2.— Góp phần phát huy văn hóa dân tộc để nối tiếp truyền thống tốt đẹp của các thế hệ tiền bối với tiềm năng và nguyện vọng của các thế hệ đang tới, sắp tới.

3.— Tạo thêm điều kiện hòa giải và hòa hợp dân tộc trên lãnh thổ Việt nam Cộng hòa hiện nay cũng như giữa hai miền Nam Bắc nước nhà trong tương lai.

4.— Chuẩn bị thêm các dữ kiện cho sự cảm thông trong toàn dân từ Hà tiên tới Ải Bắc và cho cuộc thống nhất quốc gia sau này khi các điều kiện và hoàn cảnh quốc tế thuận lợi.

Bởi vì, mặc dù những khác biệt và cả những trái ngược nữa về tinh thần và phương pháp do chế độ chính trị cùng các ảnh hưởng đa tạp mà chúng ta hiện thấy ở Việt nam Cộng hòa và miền Bắc cộng sản, các môn văn học và khoa học nhân văn Việt nam cùng quốc tế được giảng dạy, học tập, sưu tầm, nghiên cứu tại các Đại học ngành Văn khoa chắc không nhiều thì ít còn khiến cho người Việt nam ở Saigon hay ở Hanoi cũng có lắm lúc rung động trước những truyền thống tốt đẹp của dân tộc trải qua các thế hệ tiền bối hoặc trước những trạng huống bi đát của dân tộc phát sinh do các trào lưu lịch sử quốc tế với những lỗi lầm của chính người Việt chúng ta. Những rung động như thế do văn học và các khoa học nhân văn mang lại, dù có thể gây kinh ngạc, bứt rứt, khắc khoải, băn khoăn... sẽ góp phần tạo nên dần dần một bầu không khí bao dung, khoan dung, cảm thông với nhau, chấp nhận lẫn nhau trong bất bạo động, trong ôn hòa, trong hòa bình, trong tự do, công lý và dân chủ.

Saigon, 15-1-1975.

PHẠM VIỆT TUYỂN

(Hội trưởng hội Thân hữu Văn khoa)

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

VÀI NÉT VỀ SỰ HÌNH THÀNH VÀ TIẾN TRIỂN CỦA TINH THẦN DÂN TỘC QUA LỊCH SỬ VÀ VĂN CHƯƠNG *

★ KHIẾU ĐỨC LONG

Nam mô Bổn Sư Thích ca Mâu ni Phật,

Kính bạch Thượng Tọa (Chủ tọa) .

Kính Thưa Quí Liệt Vị,

HÔM nay do sự yêu cầu của chư vị Thượng tọa Khoa trưởng và Phó Khoa trưởng Phân khoa Phật học, chúng tôi một lần nữa lại được hân hạnh hầu chuyện Quí Liệt Vị tại đây về đề tài « *Vài nét về sự hình thành và tiến triển của tinh thần dân tộc qua lịch sử và văn chương.* » Đề tài này đáng lẽ nên được thuyết trình vào dịp lễ kỉ niệm Quốc Tổ Hùng Vương thì thích hợp hơn, song trong hoàn cảnh đất nước hiện tại, chúng tôi thiển nghĩ rằng có nói bao nhiêu về đề tài này cũng không thừa. Lại nữa, Phật giáo với dân tộc Việt nam ta vốn có liên hệ mật thiết từ hai chục thế kỉ nay rồi, nên nói đến tinh thần dân tộc ắt

---

* Đề tài thuyết trình do Phân khoa Phật học tổ chức nhân Ngày Thành Đạo Phật lịch 2518.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

không thể quên được thành phần quan trọng là tư tưởng của đức Phật xuất hiện từ khi ánh hào quang giác ngộ của Ngài lóe sáng để quét sạch mọi mê lầm của chúng sinh trong cái thế giới đầy đau khổ tội lỗi này.

Cho nên khi được yêu cầu thuyết trình nhân dịp lễ kỉ niệm Phật thành đạo, chúng tôi vẫn xin được chọn đề tài này, mặc dầu biết rằng đây là vấn đề bao la vượt quá tầm hiểu biết hạn hẹp của chúng tôi. Sở dĩ chúng tôi dám đánh bạo làm vậy vì tin rằng đây là vấn đề chung — khẩn thiết nữa — của tất cả chúng ta, những người Việt đang lo lắng cho vận mạng của dân tộc mình; chúng tôi nói ra để mong các bậc cao minh góp ý kiến và chỉ giáo thêm. Thật thế, chúng tôi nghĩ rằng trong cuộc thử thách ghê gớm và kéo dài của dân tộc ta hiện tại, *yếu tố tinh thần*, chứ không phải yếu tố vật chất như kinh tế, kĩ thuật, sẽ phải là yếu tố chính yếu và quyết định trong một giải pháp tốt đẹp và lâu dài cho vấn đề Việt nam. Giải pháp đó phải đáp ứng được nguyện vọng chánh đáng của toàn dân là sống trong hòa bình, hạnh phúc, độc lập nghĩa là tự mình quyết định vận mạng của mình mà không có sự can thiệp bất chánh từ bên ngoài.

Chúng tôi xin được vào đề bằng phần định nghĩa tinh thần dân tộc, yếu tố cấu tạo và tầm quan trọng của tinh thần ấy trong đời sống quốc gia.

I.— KHÁI NIỆM CĂN BẢN

A.— ĐỊNH NGHĨA

Tinh thần dân tộc là toàn thể sinh hoạt tâm linh như ý thức về tập thể, tình yêu đối với tập thể và ý chí sinh tồn của tập thể kết tinh từ lâu đời rồi thể hiện trong nếp sống, đồng thời biểu lộ được từ cá tính, khuynh hướng cho đến quan niệm về nhân sinh, vũ trụ của một dân tộc với những nét cá biệt khiến dân tộc ấy khác với các dân tộc khác.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

B.— THÀNH PHẦN VÀ YẾU TỐ CẤU TẠO

Là sinh hoạt tâm linh, tinh thần dân tộc biểu lộ ở ba khía cạnh của sinh hoạt nội tâm là :

1) Ý thức về tập thể mà hình thức cao nhất là ý thức quốc gia.

2) Tình thương mến đối với đất nước và đồng bào.

3) Ý chí sinh tồn chung đưa tới sự cộng tác trong những việc lớn hoặc sự đoàn kết chống lại sự đe dọa từ bên ngoài.

Tuy là sinh hoạt tâm linh, tinh thần dân tộc là một thực thể có thể phát hiện được vì được cấu tạo bởi những yếu tố vật chất và tinh thần. Yếu tố vật chất như nòi giống, hoàn cảnh địa lí khí hậu, sinh hoạt kinh tế ; yếu tố tinh thần như kỉ niệm về quá khứ tức là lịch sử, sinh hoạt văn hóa như ngôn ngữ, tập tục, tín ngưỡng.

C.— TẦM QUAN TRỌNG CỦA TINH THẦN DÂN TỘC TRONG ĐỜI SỐNG QUỐC GIA

Qua phần khái niệm trên, ta đã có thể thấy tầm quan trọng của tinh thần dân tộc trong đời sống quốc gia như thế nào. Chúng tôi xin mượn nhận xét của học giả Trần Trọng Kim về tinh thần dân tộc trích trong Lời phát đoan của bộ « Nho Giáo » tr. XVI :

« Mỗi dân tộc có một cái tinh thần riêng, cũng như mỗi cây có cỗi rễ ăn sâu xa xuống dưới đất (...) Dân tộc nào cường thịnh là vì đã biết giữ cái tinh thần mình được tươi tốt luôn, dân tộc nào suy nhược là vì đã để cái tinh thần hư hỏng đi, không biết tìm cách mà nuôi nó lên. »

Quả vậy, một đoàn thể con người khi đã có ý thức về tập thể của mình, nhất là khi đã tổ chức thành một quốc gia, tất nhiên phải có ý chí tự tồn tức là muốn sống còn mãi mãi. Không những thế, đoàn thể ấy còn muốn sống độc lập nghĩa là tự mình làm chủ lấy mình — một cá nhân còn không muốn làm

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

nô lệ nữa là một dân tộc — chứ không chịu để cho ngoại nhân cưỡi trên đầu cổ mình, bắt mình làm trâu ngựa cho họ, hoặc để họ quyết định vận mạng thay cho mình. Nhưng muốn thế thì đoàn thể con người ấy phải có tinh thần dân tộc tức là ý thức về quốc gia tự chủ độc lập của mình, tình yêu đối với quê hương xứ sở và đồng bào máu mủ ruột thịt của mình và ý chí đoàn kết để tự tồn.

Trong một nước mà người lãnh đạo có tinh thần dân tộc vững thì chỉ biết làm cho nước mình giàu mạnh, dân mình hạnh phúc mà không để cho ngoại bang mua chuộc, sai khiến, không bán nước để cầu vinh hoa phú quí cho bản thân và gia đình mình. Toàn dân mà có tinh thần dân tộc mạnh thì sẽ đoàn kết chống lại ngoại xâm, biết liều mình chiến đấu để bảo vệ lãnh thổ, quyền lợi kinh tế cũng như danh dự của Tổ Quốc mình. Tinh thần dân tộc mà vững mạnh thì không có tà thuyết ngoại lai nào có thể lôi cuốn chia rẽ những người đồng bào khiến họ phản quốc, sát hại lẫn nhau. Như vậy, tinh thần dân tộc quả là có một địa vị, một vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống của một quốc gia muốn độc lập tự cường.

D.— ĐẶT VẤN ĐỀ : *DÂN TỘC VIỆT NAM CÓ TINH THẦN RIÊNG KHÔNG ?*

Khái niệm căn bản trên cho thấy vấn đề này không cần đặt ra bởi nếu không có tinh thần riêng thì sao dân tộc Việt nam lại có thể tồn tại cho tới ngày nay sau bao thử thách ghê gớm của lịch sử ? Tuy nhiên, lại có chủ trương cho rằng tinh thần dân tộc Việt nam chẳng qua chỉ là sự cóp nhặt những tư tưởng của Trung hoa và Ấn độ (như ý nghĩa bao hàm trong cái tên Indochine hay Indochina) rồi đến nay lại bị Âu hóa nữa. Chủ trương này, khổ thay, lại có ở một số người Việt trí thức ! Nó phát xuất từ mặc cảm tự ti, hậu quả của một thời gian dài bị đô hộ để được « khai hóa », rồi tiếp xúc với nền văn minh chói lọi ánh đèn màu, rồi phải ngửa tay nhận viện trợ tiền bạc và kĩ thuật, để rồi cuối cùng quay lại dè bỉu tất cả những gì của ông cha mình, những thứ « made in Giao chỉ » !

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

Kính thưa Qui Liệt Vị,

Việc xét xem thế nào là văn minh, và xét xem cái nền văn minh cơ khí hào nhoáng làm lóa mắt nhiều người Việt nam kia có đích thực là văn minh, và nhất là có đem lại chân hạnh phúc cho chính những người sản xuất ra nó không — chứ chưa nói đến việc cho những người tiếp nhận nó — không thuộc phạm vi bài thuyết trình này, cho nên chúng tôi xin trở lại vấn đề tinh thần dân tộc Việt nam.

Nếu quan niệm rằng, tinh thần của một dân tộc phải là một thực thể độc đáo, đóng kín và biệt lập với tinh thần các dân tộc khác, thì không những Việt nam mà đa số các dân tộc trên thế giới đã không có tinh thần riêng. Và như thế có lẽ nhân loại đã được cái hạnh phúc sống trong một thế giới đại đồng, không có kì thị, xung đột, điều mà bao triết gia cổ kim hằng mơ ước. Vậy ta phải có một quan niệm rộng rãi hơn để thấy rằng dân tộc Việt nam bé nhỏ đã phải trải qua hàng chục thế kỉ bị đế quốc Trung hoa khổng lồ đô hộ và tìm mọi cách đồng hóa mà vẫn tồn tại được với cái bản sắc riêng của mình, thì dân tộc ấy phải có tinh thần riêng vững mạnh. Dĩ nhiên, tinh thần dân tộc Việt nam — cũng như bất cứ tinh thần dân tộc nào khác — phải biến đổi ít nhiều theo dòng lịch sử khi tiếp xúc với các tư tưởng ngoại lai và chịu ảnh hưởng của các tư tưởng đó.

Cũng như bao dân tộc khác trên thế giới, dân tộc Việt nam cũng đã phải trải qua những thời kì lập quốc, kiến quốc, bị ngoại xâm đô hộ, tranh đấu giành lại độc lập và phát triển quốc gia. Chính trong những bước thăng trầm của lịch sử, nhiều khi với những thử thách ghê gớm tưởng chừng vượt quá sức chịu đựng của mình, dân tộc ta đã hun đúc nên một tinh thần riêng, và tinh thần ấy đã trải qua những giai đoạn thịnh suy theo dòng thời gian. Chúng tôi xin trình bày vấn đề qua các đoạn chính sau đây trong phần chính của bài nói chuyện hôm nay.

A.— Sơ lược sự hình thành của tinh thần dân tộc, đặc biệt là ý thức quốc gia.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

B.— Những dấu mốc chính trong sự tiến triển và suy thoái của tinh thần dân tộc.

C.— Nguyên nhân của hiện trạng suy thoái của tinh thần dân tộc.

D.— Phương cách phục hưng tinh thần dân tộc.

Cuối cùng là kết luận.

Trong khi khảo sát vấn đề, chúng tôi cũng xin dựa vào lịch sử vì lịch sử cung cấp những sự kiện gần với sự thực hơn cả, trừ giai đoạn đầu chưa có tài liệu lịch sử, phải dựa vào những huyền thoại, truyền thuyết và giả thuyết phổ biến nhất. Ngoài ra chúng tôi cũng xin mượn chứng tích trong một số tài liệu văn chương tiêu biểu vì chúng tôi nghĩ rằng văn chương là kết tinh của sinh hoạt tinh thần nghĩa là phản ảnh tinh thần dân tộc rõ ràng hơn cả.

II.— TINH THẦN DÂN TỘC VIỆT NAM.

A.— SƠ LƯỢC VỀ YẾU TỐ CẤU TẠO VÀ SỰ HÌNH THÀNH

Như đã trình bày trong phần khái niệm căn bản, tinh thần dân tộc Việt nam cũng được cấu tạo bởi hai loại yếu tố : vật chất và tinh thần.

1) Yếu tố vật chất

Về dòng giống, dân tộc Việt nam thường tự nhận mình là con Hồng cháu Lạc, tức là một trong « Bách Việt » có địa bàn sinh hoạt khởi thủy là lưu vực sông Dương tử ở miền Nam Trung hoa ngày nay. Các truyền thuyết về Kinh Dương vương, Lạc Long quân và bà Âu Cơ với một bọc trăm trứng chứng tỏ dân tộc ta đã có ý thức về nguồn gốc phi thường và riêng biệt của mình. Dù cho có nhiều giả thuyết về sự tổng hợp huyết thống của nòi giống Việt (giống Mông cổ, Polynésien, Mã lai), song ý thức về nguồn gốc kể trên mới là điều quan trọng về phương diện tinh thần cũng trong đời sống thực tế của quốc gia vì nó củng cố ý thức tập thể và tinh thần đoàn kết, hình thành

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

ý thức quốc gia như đoạn văn truyền cảm và gợi cảm sau đây của nhà văn hiện đại Nguyễn Hiến Lê :

« Các anh nhận được tôi không ? Tôi là sông Cửu long đây mà. Tôi với tổ tiên các anh vốn có duyên tiền kiếp, cùng ở phương Bắc, kẻ Tây người Đông.

Từ một miền kì bí trên cái nóc địa cầu, nơi có tuyết phủ, có Phật sống, tôi băng băng chảy qua những rặng núi trùng điệp ở Trung hoa, những khu rừng âm u ở Miến điện, tôi uốn khúc ôm những chùa tháp ở Luang Prabang, hòa tiếng róc rách của tôi với tiếng khèn, hoặc ầm ầm từ trên cao đổ xuống thác Khône, vờn những mỏm đá Krau Chmar, phản chiếu cung điện của Miên hoàng, rồi lặng lờ tới đây, len lỏi trong những vườn xoài, vườn mận.

Không phải tôi mới tới đây đâu. Tôi đã tới từ mấy vạn năm trước, hồi mà miền này còn là biển khơi, có cá kình cá ngạc. Tôi tới và chờ đợi tổ tiên các anh vì biết trước tôi với dân tộc Việt tất có ngày hội ngộ trên đất này. Trong khi chờ đợi không nghỉ, tôi xoi mòn đất đá của năm xứ, từ Tây tạng tới Cao miên, cho hóa ra phù sa bồi đắp Nam hải thành những cánh đồng phì nhiêu này để tặng dân tộc các anh đấy.

Công việc bồi đắp gần hoàn thành và hai trăm năm trước, tổ tiên các anh đã tới. Cái ngày gặp nhau đó vui làm sao ! Trăng cũng vằng vặc như đêm nay. Tôi đứng lên vỗ vào chân họ róc rách để ru họ. Họ cuối xuống múc tôi vừa uống vừa rửa mặt. Có những ông già tóc bạc phơ ngâm thơ chào tôi, có những chàng thanh niên múa gươm hứa với tôi sẽ đổ máu để giữ gìn công phu của tôi là cánh đồng này. Những trang anh hùng ấy đã giữ lời hứa.

Song của càng quí càng có nhiều kẻ tranh. Tổ tiên các anh đã phải hi sinh nhiều, các anh còn phải hi sinh nhiều nữa mới khỏi phụ công phu trong mấy ngàn năm của tôi. Khéo mà giữ lấy nhé ! Rán mà giữ lấy nhé ! Hoàn cảnh có khó khăn bực nào, hễ biết đoàn kết là sống. Đừng bao giờ để cho người chia rẽ.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Đừng bao giờ quên rằng tuy ở miền Nam này mà gốc vẫn là ở miền Bắc.

(Bẩy ngày trong Đồng Tháp Mười)

b) Về hoàn cảnh địa lí và sinh hoạt kinh tế, thì từ khi phải lùi xuống đồng bằng sông Hồng hà, tổ tiên ta mấy ngàn năm đã sống theo nông nghiệp thô sơ và phải vật lộn gay go với thiên nhiên để được no đủ như truyền thuyết Sơn tinh-Thủy tinh cho thấy ông cha ta bị nạn bão lụt thường xuyên đe dọa. Trong kho tàng văn chương truyền khẩu của ta cũng có đầy dẫy những bài ca dao biểu hiện đời sống cần cù lam lũ quanh năm của người dân quê :

Tháng chạp là tháng trồng khoai,
Tháng giêng trồng đậu, tháng hai trồng cà.
Tháng ba cầy vỡ ruộng ra
Tháng tư làm mạ mưa sa đầy đồng...

2) *Yếu tố tinh thần*

Giữa hai loại yếu tố vật chất và tinh thần cấu tạo nên tinh thần dân tộc, người Việt nam chúng ta chú trọng đến yếu tố sau này hơn.

a) *Lịch sử* : có thể nói điểm nổi bật nhất trong lịch sử của dân tộc ta là cuộc tranh đấu trường kì và liên tục chống lại đế quốc Trung hoa khổng lồ phương Bắc lúc nào cũng muốn thôn tính lãnh thổ và đồng hóa nhân dân ta, đến nỗi ông cha ta xưa kia phải coi đây là mối đe dọa truyền kiếp. Chính những trang sử đầy vinh nhục này đã biểu lộ ý chí tự tồn bất khuất của dân tộc Việt « bé nhưng bé hạt tiêu » như vụ Lí Thường Kiệt phá Tống :

Nực cười châu chấu đá xe,
Tưởng rằng chấu ngã, ai dè xe nghiêng.

Trong suốt hơn mười thế kỉ đô hộ với chính sách cai trị thâm độc, người Tàu đã không đồng hóa nổi dân tộc ta, không biến nổi đất nước ta thành quận huyện của Tàu và cuối cùng trước sức chiến đấu kiên trì, họ đành phải chấp nhận có một

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

quốc gia Việt nam độc lập. Sau này người Pháp cũng không hơn gì người Trung hoa sau ngót 100 năm bảo hộ Việt nam.

b) *Ngôn ngữ, phong tục, luân lí, tín ngưỡng.*

Các yếu tố này cũng chứng tỏ dân tộc ta có một tinh thần đủ mạnh để khi tiếp xúc với văn hóa ngoại lai dù cao hơn văn hóa của mình, một mặt biết thu nhận cái hay của người để làm cho đời sống tinh thần của mình thêm phong phú, nhưng mặt khác biết giữ cái bản sắc riêng của mình để khỏi vong bản, để không trở nên nô lệ tinh thần cho người ngoài.

Thật thế, theo nhà ngôn ngữ học có thẩm quyền về tiếng Việt là ô. Henri Maspéro thì trong tiếng Việt có trên 50% từ ngữ gốc Hán. Ấy thế mà tiếng Việt không trở nên một thổ ngữ Trung hoa. Những từ ngữ thành ngữ điển cố, cú pháp Hán Việt đầy dẫy trong Việt ngữ ngày nay chứng tỏ ông cha ta tuy lấy chất liệu của người đã không để dùng y nguyên mà lại chế hóa thành của mình : tiếng Việt ngày nay đã trở nên một ngôn ngữ giàu âm điệu, hình ảnh, không những đã tạo nên được một nền văn chương đặc sắc, mà còn đủ khả năng diễn đạt các ngành học thuật mới khi ta tiếp xúc với văn minh học thuật Tây phương.

Sang đến các lãnh vực tập tục, luân lí, tín ngưỡng, phức tạp hơn mà phạm vi giới hạn của bài thuyết trình này không cho phép chúng tôi đi sâu, chúng tôi chỉ xin đưa ra nhận xét tổng quát là tiếp nhận hai nền văn hóa Trung hoa và Ấn độ, tiền nhân ta đã biết dung hòa tổng hợp thành nền văn hóa cổ truyền thích hợp với hoàn cảnh và tâm hồn Việt nam.

3) Sự hình thành tinh thần dân tộc.

Tinh thần dân tộc, như trên đã trình bày, là một thực thể kết tinh từ lâu đời, sự cấu tạo của nó cũng ví như sự bồi đắp nên một vùng đồng bằng do đất phù sa của một dòng sông đọng lại từ đời nảy qua đời khác mới có được. Vì vậy, muốn biết tinh thần dân tộc Việt nam hình thành từ đời nào là một điều khó xác định được rõ ràng. Dựa vào truyền thuyết chúng ta ước đoán rằng ý thức tự chủ của các bộ lạc Việt miền Nam đã

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

có từ lâu lắm, khi tổ tiên họ là Kinh Dương vương không nhận ngôi vua phương Bắc do cha là Đế Minh truyền lại vì không muốn gây tranh chấp với người anh khác mẹ là Đế Nghi ở đó, mà muốn tự mình khai phá mảnh đất phương Nam hoang vu nhưng tài nguyên lại phong phú, nên mới nhận làm vua nước Xích quỉ (xích là màu đỏ thuộc phương Nam). Rồi lần đầu tiên khi phải đương đầu với cuộc xâm lăng từ phương Bắc, ý thức tự chủ càng vững khi vua Hùng vương thứ VI cầu được người anh hùng làng Phù đổng phá tan được giặc Ân, tạo nên chiến thắng chống xâm lăng đầu tiên của dân tộc ta.

Sau họ Hồng Bàng, nước Văn lang bị nhà Thục đánh chiếm và trở thành nước Âu lạc rộng lớn hơn. Đây có lẽ cũng chỉ là sự hợp nhất của nhiều bộ lạc Việt lân cận nhau, nên không có sự chống đối mạnh mẽ. Rồi Âu lạc mất vào tay Triệu Đà. Họ Triệu tuy là người Tàu, nhưng sống lâu ở phương Nam, lại có óc tự chủ mà thành lập nước Nam Việt không lệ thuộc nhà Hán ở phương Bắc nên sự chống đối cũng chưa gay gắt. Cho đến khi âm mưu thôn tính của đế quốc Trung hoa đã quá lộ liễu với mụ thái hậu Cù thị là người Tàu, tư thông với sứ Tàu, xúi con là Triệu Ai vương dâng nước cho nhà Hán để trở thành quận huyện của Tàu thì cuộc tranh đấu của người Việt chống lại lòng tham vô độ của người Tàu mới thực sự mở màn quyết liệt. Có thể nói hành động của quan tể tướng Lữ Gia giết mẹ con Triệu Ai vương và sứ nhà Hán để đặt lên ngôi vua người con Triệu Minh vương là Kiến Đức có mẹ Việt biểu lộ lần đầu tiên trong lịch sử ý thức quốc gia độc lập ở giới cầm quyền lãnh đạo dân tộc Việt.

Trong ba thành phần của tinh thần dân tộc thì ý thức quốc gia là hình thức biểu hiện cao nhất và dĩ nhiên là có sau hai thành phần kia là tình yêu quê hương đồng bào và ý chí đoàn kết để tự tồn. Vậy sự kiện lịch sử Lữ Gia quyết liệt chống Hán chứng tỏ rằng *tinh thần dân tộc đã trở thành một thực thể cố định* từ đây sẽ là tấm gương sáng chói cho hậu thế dựa vào đó, noi theo đó mà tiếp tục tranh đấu giành lại kì được nền độc lập hoàn toàn cho Tổ quốc mới thôi. Chỉ tiếc rằng bài hịch của Lữ

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

Gia kề tội phản quốc của mẹ con Triệu Ai vương và hiệu triệu dân chúng chống xâm lăng không còn được truyền lại để chúng ta có được một bằng chứng thành văn về ý thức quốc gia của dân tộc mình vào thế kỷ thứ II trước Tây lịch ra sao.

B.— NHỮNG DẤU MỐC CHÍNH TRONG SỰ TIẾN TRIỂN CỦA TINH THẦN DÂN TỘC.

1) Thời kì Bắc thuộc : Tinh thần dân tộc kết tinh trong công cuộc tranh thủ độc lập cho quốc gia.

Sau khi Lữ Gia thất bại trong cuộc kháng chiến chống Hán, dân tộc Việt nam phải trải qua hơn 1000 năm Bắc thuộc. Trong thân phận của kẻ chiến bại phải làm nô lệ, dân tộc ta biết mình kém kẻ thù ở cả hai phương diện võ lực và văn hóa, nên thỉnh thoảng có lúc vì bị đàn áp bóc lột quá tàn nhẫn mà phải vùng dậy để chịu thất bại, tiền nhân ta mặt khác biết tiếp nhận những giá trị văn hóa của người để nâng cao trình độ của mình hầu chuẩn bị cho cuộc tranh đấu thành công sau này.

Bù đắp phần nào cho nỗi tủi nhục của thời kì Bắc thuộc dài dặc (111 tr. T. L. — 939 s. T. L. tức vừa đúng 1050 năm), dân tộc Việt đã có được một vốn liếng văn hóa khá dồi dào : một ngôn ngữ phong phú hơn, một thứ văn tự (chữ Nôm) đủ để xây dựng một nền văn chương quốc âm đặc sắc, một hệ thống luân lí, tập tục, tín ngưỡng lấy tam giáo (Nho, Phật, Lão) làm nền tảng đủ dùng cho đời sống thực tế cũng như cho đời sống tâm linh. Thế là tổ tiên ta, mặc dù sống trong cảnh nô lệ quá lâu, không những không để cho kẻ thù đồng hóa, tức là tiêu diệt bằng cách làm mất cá tính, mất tinh thần riêng, mà còn phát triển, nâng cao tinh thần dân tộc song song với công cuộc tranh thủ độc lập cho quốc gia để khi có được độc lập chính trị rồi thì có luôn cả độc lập tinh thần nữa. Và điều này mới thật có ý nghĩa quan trọng cho sự trường tồn của một dân tộc.

2) Thời kì độc lập : Tinh thần dân tộc củng cố và phát triển trong công cuộc kiến thiết và bảo vệ đất nước.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Chiến thắng đầu tiên ở sông Bạch đằng do Ngô Quyền tạo được vào năm 938 vừa cởi bỏ ách nô lệ cho dân tộc, vừa xác nhận ý chí quyết sống độc lập mà dân tộc ta đã biểu lộ trong các cuộc vùng dậy trước đó. Nhưng phải trải qua 70 năm với một chiến thắng vẻ vang nữa là trận Chi lăng I do tướng Lê Hoàn đạt được vào năm 981, rồi ba triều đại ngắn ngủi Ngô, Đinh, Tiền Lê (939-1010) nối tiếp nhau với những cuộc tranh chấp nội bộ, đến triều Lí đất nước mới đạt-được sự ổn định lâu dài vì dân chúng đã tìm được người tài đức là Lí Công Uẩn lên thay kẻ cầm quyền bạo ngược là Lê Long Đĩnh giết anh lên làm vua.

Đến đây, chúng tôi muốn mở dấu ngoặc để qui công củng cố chính quyền quốc gia độc lập cho Phật giáo Việt nam. Thật thế, trong giai đoạn đầu tiên của thời kì độc lập, những người cầm quyền thường lấy võ công mà lên ngôi vua. Rồi con cái họ nối ngôi hẳn là không được giáo dục để dùng lễ văn, nhân đức mà cai trị dân. Cho nên trong các triều Đinh, Tiền Lê, sử mới chép có những hình phạt ghê rợn như bỏ vạc dầu, cho thú dữ xé xác, thiêu sống, gìm sông v.v...

Cuộc thay đổi ngôi vua từ Tiền Lê sang Lí diễn ra êm thắm phải do công cuộc vận động cách mạng hòa bình của các vị thiền sư Việt nam nhờ học vấn và đạo đức đã tạo được uy tín không những trong dân chúng mà còn trong chính quyền nữa. Trước đó giới tăng đồ Phật giáo đã giúp chính quyền quốc gia độc lập trong buổi đầu còn thiếu kinh nghiệm, thiếu nhân sự trong việc nội trị cũng như ngoại giao. Đinh Tiên Hoàng đế phải mời sư Ngô chân Lưu tham chánh với tước hiệu Khuông Việt đại sư (vị đại sư giúp đỡ nước Việt), vua Lê Đại Hành sau đó tiếp tục nhờ sư Ngô chân Lưu và sư Đỗ Pháp Thuận giúp đỡ trong việc ngoại giao với cựu mẫu quốc Trung hoa, còn sư Vạn Hạnh thì làm cố vấn cho cả vua Lê Đại Hành và vua Lí Thái Tổ. Lời khuyến cáo có tính cách tiên tri khích lệ của sư Vạn Hạnh khi được vua Lê Đại Hành hỏi ý kiến về việc kháng chiến chống quân Tống xâm lăng hẳn đã góp phần đầu tiên vào chiến công Chi lăng I. Rồi chính Lí Công Uẩn mà được chọn đưa lên làm

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

vua ấy cũng là nhờ công lao nuôi dưỡng và giáo dục nơi thiền môn.

Kính thưa Quí Liệt Vị,

Nếu người nào nghĩ rằng Phật giáo với nhân sinh quan bi quan thường khuyên người ta lánh đời tiêu cực thì hãy nhìn vào giai đoạn lịch sử vàng son đời Lí, Trần của dân tộc để thấy mình sai lầm.

Sau khi dựng nên triều Lí là triều đại ổn định lâu dài đầu tiên của Việt nam độc lập, cũng chính các ông « thầy sãi », « thầy chùa » — danh xưng mà lớp nho sĩ sau này gọi các tu sĩ Phật giáo bằng giọng coi thường — đã đào tạo nên biết bao thế hệ vua quan đầu tiên theo học Nho học trong đời Lí để họ thay thế mình trị nước hầu mình có thể rút về địa vị khiêm nhượng, nhưng đóng vai trò cao cả là hướng dẫn con đường giải thoát tâm linh cho con người. Phật giáo Việt nam, với ảnh hưởng vô cùng lớn lao ở triều Lí, nếu truyền bá tư tưởng lánh đời tiêu cực thì Việt nam không thể nào có được chiến công không tiền khoáng hậu thực hiện bởi danh tiếng Lí Thường Kiệt : phá tan ý đồ xâm lăng của Tàu ngay tại đất Tàu.

Chính trong triều Lí, ý thức quốc gia của dân tộc ta lần đầu tiên được phát biểu thành thơ văn và có thêm niềm tin siêu hình làm hậu thuẫn vững mạnh. Đó là quan niệm « *Thiên thư định phận* » trong bài thơ « Nam quốc sơn hà » do Lí Thường Kiệt sáng tác trong một biến cố quan trọng của lịch sử đất nước : quân Việt đang núng thế trước phòng tuyến chính yếu chống quân Tống xâm lăng trên bờ phía Nam sông Như nguyệt (tức sông Cầu ngày nay). Bài thơ đã có tác dụng « tâm lí chiến » và góp phần vào việc chuyển bại thành thắng cho quân Nam đó, chúng tôi xin được nhắc lại sau đây mặc dầu đã trở nên hết sức phổ biến :

Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên định phân tại Thiên thư.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm ?
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư !

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Nghĩa là:

Sông núi nước Nam vua Nam coi,
Rành rành phận định ở sách Trời.
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm ?
Bây sẽ tan tành chết sạch toi !

(Hoàng Xuân Hãn dịch)

Việc Lí Thường Kiệt sai người vào đền thần Trương Hống, Trương Hát đọc bài thơ trên để củng cố niềm tin ở chiến thắng cuối cùng nơi các chiến sĩ Việt, dầu nay là thời đại khoa học cũng vẫn mang một ý nghĩa quan trọng : nó cho thấy giới lãnh đạo quốc gia thời xưa đã đánh giá cao yếu tố thiên thời, để rồi biết kết hợp với hai yếu tố địa lợi và nhân hòa với kết quả mĩ mãn là bảo vệ được dải giang sơn gấm vóc này để lại cho chúng ta ngày nay.

Sang đến đời Trần, mưu đồ cướp ngôi nhà Lí của Trần Thủ Độ được thực hiện bằng phương tiện sắt máu tàn bạo. Rồi hành động loạn luân, bắt em cướp chị dâu của vị tể tướng gian hùng này đã đẩy ông vua đầu tiên của nhà Trần còn đang trong tuổi thiếu niên vào cuộc khủng hoảng tinh thần trầm trọng : đang đêm bỏ ngôi vua trốn đến chùa xin đi tu. Nhưng khi được Phù Vân quốc sư — lại vẫn một vị thiền sư được nhờ can thiệp vào một biến cố quan trọng của đất nước — khai tâm giác ngộ, Trần Thái Tông trở về kinh đô ngồi lại trên ngai vàng để làm tròn nhiệm vụ thế tục nhưng thiêng liêng trị dân cứu nước (đánh lại quân Mông cổ xâm lăng lần thứ nhất vào năm 1257). Rồi trong những giờ phút rãnh rỗi nghỉ ngơi, nhà vua lại quay trở lại tìm niềm an ủi, lối siêu thoát cho tâm hồn nơi Phật pháp. Cuộc đời công của Trần Thái tông trong lịch sử, cuộc sống tâm linh riêng tư của ông phản ảnh trong tác phẩm Khóa Hư Lục chứng tỏ hùng hồn rằng tư tưởng Phật giáo đối với dân tộc ta quả là đa năng đa hiệu : bi quan mà không hề tiêu cực, tích cực song không đắm chìm trong thế tục ; vừa cứu nước vừa giúp đời, vừa cứu vớt tâm hồn cá nhân ra khỏi bể khổ trầm

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thái Hạo HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

luân của tham lam ái dục. Sau Trần Thái tông, những vị anh quân nhà Trần đều là những người sau một thời gian làm vua đã biết bỏ mũ miện cởi hoàng bào để đội mũ ni mặc áo cà sa. Chẳng hạn vua Trần Nhân tông sau « hai phen bon ngựa đá » đánh bại quân Mông cổ cường bạo từng làm thế giới phải khiếp đảm để giữ được « non sông muôn thuở vững âu vàng » đã trở thành Điều Ngự Giác Hoàng, vị sư tổ của Thiền phái Trúc lâm Yên tử là thiền phái thứ ba của Phật giáo Việt nam.

Đến đây thì ý thức quốc gia của dân tộc Việt đã trở nên một niềm tin vô cùng vững chắc không những vì nhờ có căn bản siêu hình (tin tưởng « Thiên thư định phận ») mà còn nhờ dựa vào thực tại oai hùng của lịch sử dân tộc. Đoạn văn sau đây lược trích trong bài phú « Sông Bạch đằng » của Trương Hán Siêu đời Trần biểu lộ rõ ràng niềm tin tưởng pha lẫn niềm kiêu hãnh đó :

« Đến sông Bạch đằng... đáy sông giáo chìm đắm, đầy gò xương chất chồng. Nghĩ hào kiệt đã quá khứ, than tung tích chẳng còn trông... Đây là chỗ chiến địa buổi Trùng hưng hai vua bắt Ô Mã Nhi và là chốn cũ thuở trước họ Ngô phá Lưu Hoằng Thao đấy.

Chúng nó : Tất Liệt thế cường, Lưu Cung mưu dối. Những tưởng hươi roi là quét bờ cõi. Thế mà lòng Trời giúp nên, giặc già hết lối. Mạnh Đức xuất sư Xích bích, chớp mắt khói tuôn ; Phù Kiên lập trận Hợp phì, giáp trầu chết trọi. Đến nay dòng sông thù chưa rửa xối, tái tạo công ơn nghìn năm chói lọi. » [1]

Đặc biệt giới sĩ phu nho học đời Trần đã hết sức quan tâm đến đều kiện *nhân hòa* trong việc lãnh đạo đất nước : Họ đặt điều kiện này lên trên điều kiện địa lợi. Nếu hội nghị Diên hồng là một thành tích chính trị nhân hòa muôn đời sáng chói trong lịch sử thì trong các áng văn chương biểu lộ ý thức quốc gia, các tác giả đều nhắc nhở đến sự đồng tâm nhất trí của toàn quân

---

(1) Bản dịch của Nguyễn Đổng Chi. Vì thời giờ eo hẹp, chúng tôi xin bỏ nguyên tác Hán văn.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

toàn dân đạt được do cái Đức của nhà lãnh đạo không bỏ quên quyền lợi của kẻ dưới, của dân chúng khiến họ cảm phục, khi cần quyết liều mình chiến đấu để bảo vệ giang sơn.

Các đoạn văn lược trích sau đây chứng minh điều đó :

« Các ngươi ở dưới cửa ta đã lâu, cùng nắm giữ binh quyền, thiếu mặc thì ta cho áo, thiếu ăn thì ta cho cơm. Quan còn nhỏ thì ta thăng chức, lộc còn ít thì ta thêm bổng. Đi thủy thì ta cho thuyền, đi bộ thì ta cho ngựa. Giao cho cầm quân thì sống chết cùng với ta một phận, cất nhắc lên hầu gần thì nói cười cùng với ta vui vẻ. »

(dịch « Hịch tướng sĩ » của Hưng Đạo Vương)

« Mới hay chẳng bởi có sông hiểm chừ, mà bởi chỉ có đức lành »

(Phú « Sông Bạch đằng của » Trương Hán Siêu Nguyễn Đổng Chi dịch)

« Trấn Thiên hưng thật là nơi biểu lộ sức mạnh cùng tột của phương Nam. Mở cơ nghiệp vua ta đến tận ngàn vạn năm. Ôi, song Nghệ hoàng không cậy vào thế đất hiểm mà trông cậy vào ân đức vậy. »

(dịch Phú « Trấn Thiên hưng » của Nguyễn bá Thông)

Đến đời Hồ, cha con Quí Li biết trước là quân Minh sẽ xâm lăng nên có tổ chức việc binh bị thật qui củ và đề phòng cẩn mật, nhưng rút cuộc vẫn chịu cảnh quốc phá gia vong chính vì không nắm được điều kiện nhân hòa vô cùng quan trọng vậy. Khi họ Hồ định dời đô vào Thanh hóa, Nguyễn Nhữ Thuyết là một viên quan nhỏ dâng sớ can ngăn, trong sớ có câu « Cổ ngữ vân : thị đức, bất thị hiểm » ; họ Hồ đọc đến câu này cho rằng Nhữ Thuyết chê mình bạc đức, nên nổi giận cách chức ông ta.

Sang đến thế kỉ XV, ý thức quốc gia của dân tộc ta đã tỏ ra được tôi luyện thành ý chí sắt thép trong cuộc kháng chiến chống Minh 10 năm gian khổ của Lê Lợi. Thành tích rực rỡ của tổ tiên xưa kia được các chiến công của thế hệ đương thời xác nhận lại đã biểu lộ thành niềm tự hào không những về chí khí

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

anh hùng của giống nòi, mà còn về tinh thần nhân nghĩa chứng tỏ dân tộc Việt nam có trình độ văn hóa cao, nước Việt nam là một quốc gia văn hiến. Bài « Bình Ngô đại cáo » lược trích sau đây quả là một tuyên ngôn long trọng của dân tộc Việt xác nhận rằng sức mạnh vật chất và tinh thần của mình đã đánh bại đế quốc lớn vào bậc nhất thế giới lúc ấy :

« Vốn nghe :

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân, quân điếu phạt chỉ vì diệt bạo. Như nước Việt ta từ trước, vốn xưng văn hiến đã lâu. Sơn hà cương vực đã chia, phong tục Bắc Nam cũng khác. Từ Đinh, Lê, Lí, Trần gây nền độc lập, cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên hùng cứ một phương...

Vậy nên :

Lưu Cung sợ oai mất vía, Triệu Tiết nghe tiếng giật mình. Cửa Hàm tử giết tươi Toa Đô, sông Bạch đằng bắt sống Ô Mã. Xét xem cổ tích đã có chứng cớ rõ ràng.

Vừa rồi :

... quân cường Minh hết sức bạo ngược... nướng dân trên ngọn lửa điêu tàn, vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ.

Ta đây :

Đem đại nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân mà thay cường bạo. Trận Bồ đằng sấm vang sét dậy, miền Trà lân trúc phá tro bay... Bắt tướng giặc mang về, nó đã vẫy đuôi phục tội, thể lòng trời bất sát, ta cũng mở đường hiếu sinh. Mã Kì, Phương Chính cấp cho 500 chiếc thuyền, ra đến bể chưa thôi trống ngực ; Vương Thông, Mã Anh phát cho vài nghìn cỗ ngựa, về đến Tàu còn đổ mồ hôi... »

(Phỏng theo bản dịch trong « Việt Nam Sử Lược » của Trần trọng Kim)

3) *Thời Nam Bắc phân tranh và triều Nguyễn* : Tinh thần dân tộc ngưng đọng.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Về trung diệp đời Hậu Lê, gồm cả thời kì Nam Bắc phân tranh kéo dài khoảng 300 năm, nạn Bắc xâm không còn đe dọa thì lại xảy ra những cuộc nội chiến vì sự tranh quyền cướp ngôi giữa các dòng họ, ý thức quốc gia ở tầng lớp lãnh đạo suy sụp. Cho nên Mạc Đăng Dung mới tự trói mình ra van lạy người Tàu, cắt đất và đem vàng bạc dâng cho Tàu để giữ được ngôi vua. Rồi sau này Lê Chiêu Thống cũng vì quyền lợi của cá nhân và dòng họ lại rước voi về giầy mồ để đến nỗi phải sống và chết nhục nhã trong cảnh lưu vong nơi đất khách quê người để tiếng xấu lại cho muôn đời sau.

Tuy nhiên, đến cuối thế kỉ thứ XVIII, khi quân Mãn Thanh kéo sang cướp nước, dân tộc ta lại biết đoàn kết sau lưng vị lãnh đạo tài ba là Nguyễn Huệ để đuổi quân xâm lăng lập thêm được chiến thắng Đống đa oai hùng cho lịch sử dân tộc. Chỉ tiếc rằng người anh hùng dân tộc họ Nguyễn sớm khuất kéo theo sự sụp đổ nhanh chóng của triều đại Tây sơn để đến thế kỉ XIX, triều đại Nguyễn-phước tuy có công thống nhất quốc gia chấm dứt cuộc nội chiến kéo dài quá lâu, nhưng sau đó lại trị nước theo chính sách hẹp hòi độc đoán và dùng những người bảo thủ, thiếu sáng suốt để rồi dân tộc ta lại phải đeo thêm ách nô lệ của người Pháp trong gần một thế kỉ. Nhà đại cách mạng Phan Chu Trinh đã gay gắt qui trách nhiệm để mất nước cho chế độ quân chủ lỗi thời này như sau:

« Cũng có người học thức như Nguyễn Trường Tộ khuyên vua dạo qua bên Tây xem xét cái văn minh của họ rồi cho người qua học; các quan văn cũng có nhiều người xin thế mà ông vua trả lời rằng: « Nhật nó là dòng mọi, Xiêm nó là dòng mọi; mọi thì nó học với mọi được, chớ như ta là con thần cháu thánh, lẽ nào ta lại đi học với mọi hay sao (...). Bọn mà ông cho là mọi thì bây giờ nó đã tấn tới hết cả. Hai mươi triệu dân (Việt) khi xưa không đến mọi rợ mà bây giờ chẳng những hóa ra mọi, mà lại hóa ra tôi đòi hèn hạ nữa ».

(Quân trị chủ nghĩa và Dân trị chủ nghĩa)

4) *Thời Pháp thuộc và hiện đại*: Tinh thần dân tộc suy thoái.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

Khác với thời kì Bắc thuộc lúc trước, người Trung hoa cai trị dân ta cũng là người Á đông và có một nền văn hóa giống với nền văn hóa của ta đã từ lâu đời, trong thời Pháp thuộc, người Pháp đã xáo trộn toàn diện xã hội Việt nam khi họ du nhập vào đây nền văn minh cơ khí của Tây phương với đời sống hào nhoáng đầy đủ tiện nghi vật chất : mọi giá trị tinh thần cũ bị bật rễ.

Một số người trong tầng lớp trí thức mới thuộc các thế hệ sống vào đầu thế kỉ này lần đầu tiếp nhận nền văn hóa mới lạ của Âu châu thấy nó thật là tiến bộ và hấp dẫn khi so với tình trạng lạc hậu của dân tộc mình về mọi mặt. Và rồi với tất cả tấm lòng yêu nước nhiệt thành, họ đã mạnh mẽ hô hào đồng bào « bỏ cũ theo mới ». Ý hướng tốt đẹp của những vị này thật đáng ca ngợi ; song le vì quá sốt sắng muốn dân tộc tranh thủ thời gian tiến mau cho kịp người, chủ trương cấp tiến của họ đôi khi trở thành cực đoan quá khích : nhất thiết theo Tây phương mà vứt bỏ hầu hết giá trị cũ của tiền nhân. Đại biểu cho lớp người này là nhóm tác giả trong Tự lực văn đoàn với những chủ trương chính yếu mà lớp học sinh trung học đã phải học qua.

Trong suốt gần một thế kỉ cai trị Việt nam, người Pháp đã áp dụng chính sách ngu dân đối với quảng đại quần chúng nông dân và lao động, chính sách mua chuộc và vong bản hóa đối với thiểu số thanh niên trí thức thành thị. Hậu quả là tình trạng cách biệt, chia rẽ về quyền lợi, về nếp sống vật chất và tinh thần giữa những thành phần xã hội mới thành hình trong đời sống Âu hóa nửa chừng như thị dân với nông dân, chủ nhân tiểu tư bản với lao động vô sản, trí thức với bình dân, hoặc tệ hại hơn nữa là tình trạng chia rẽ địa phương và tôn giáo như « người Bắc, người Trung, người Nam, người lương, người giáo ».

Tuy nhiên, trong tình trạng xã hội cực kì phân hóa như vậy, tinh thần dân tộc với ý thức quốc gia độc lập, tình yêu quê hương xứ sở và ý chí bất khuất, đoàn kết để sinh tồn vẫn

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

tồn tại như một truyền thống bất hủ trong lòng mọi người Việt yêu nước. Giữa cơn bão tố của thời đại, những người con yêu của mẹ Việt nam vẫn giơ cao ngọn đuốc thiêng tinh thần dân tộc để cảnh tỉnh đồng bào, châm mồi lửa đấu tranh cứu quốc. Rừng thơ văn ái quốc của các nhà cách mạng công khai hay kín đáo chống Pháp giải phóng dân tộc — bị coi như đồ quốc cấm trong thời Pháp thuộc — chứng tỏ hùng hồn rằng dân tộc Việt nam trong hoàn cảnh nào cũng giữ vững tinh thần độc lập, ý chí bất khuất đoàn kết để tự tồn:

Từ Pháp lang thẳng tay đô hộ
Giày xéo lên mồ mả Ông Cha,
Giống nòi tủi nhục xót xa,
Vua là tượng gỗ, dân là thân trâu.
. . . . . .
Cũng có lúc bầm gan tím ruột,
Vạch trời kêu mà tuốt gươm ra,
Cũng xương, cũng thịt, cũng da,
Cũng giòng máu đỏ con nhà Lạc Long
Thế mà chịu trong vòng trói buộc,
Mấy mươi năm nhơ nhuốc lầm than,
Than ôi Bách Việt giang san,
Thông minh đã sẵn, khôn ngoan có thừa...

(Á tề á ca)

Hồn hỡi hồn, con Hồng cháu Lạc,
Bấy nhiêu lâu đói khát lầm than,
Bấy lâu thịt nát xương tan,
Bấy lâu tím ruột thâm gan vì hồn!

(Chiêu hồn nước)

Giống Hồng Lạc Hoàng Thiên đã định
Mấy nghìn năm suy thịnh đổi thay,
Giời Nam riêng một cõi này,

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

Anh hùng hiệp nữ xưa nay kém gì !
Than vận nước gặp khi biến đổi,
Đề quân Minh thừa hội xâm lăng,
Bốn phương khói lửa bừng bừng,
Xiết bao thảm họa xương rừng máu sông.
Nơi đô thị thành tung quách vỡ
Chốn dân gian bỏ vợ lìa con...

(Á Nam Trần Tuấn Khải — Hai chữ nước nhà)

Chính nhờ tinh thần dân tộc tồn tại vững mạnh nơi các nhà ái quốc mà trong suốt gần một thế kỉ bị Pháp đô hộ, các cuộc tranh đấu tiếp diễn liên tục để cuối cùng dân tộc giành lại được độc lập cho quốc gia.

C.— NGUYÊN NHÂN CỦA HIỆN TRẠNG SUY THOÁI CỦA TINH THẦN DÂN TỘC.

Kính thưa Quí Liệt Vị,

Những tưởng nhờ sự hi sinh cao cả của bao thế hệ anh hùng liệt nữ vào tù ra khám, đổ xương máu và nước mắt, người Việt mình từ đây giác ngộ trong tình đồng bào ruột thịt, nắm tay nhau xây dựng đất nước để đền ơn tiền nhân, đáp ứng được nguyện vọng sống độc lập, hòa bình và hạnh phúc của dân tộc. Nào ngờ đâu, một số ý thức hệ ngoại lai — nói thẳng ra là một số ý thức hệ du nhập từ Tây phương — đã biến một nhóm người Việt nắm giữ vai trò lãnh đạo trở thành những kẻ cuồng tín hoặc những công cụ phục vụ cho mục đích thủ lợi bất chánh của ngoại bang. Chính những con người mang xác Việt mà không còn hồn Việt này đã gây ra thảm họa chiến tranh nồi da xáo thịt huynh đệ tương tàn kéo dài đã ngót hai chục năm nay mà chưa biết bao giờ mới chấm dứt.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Sự suy thoái của tinh thần dân tộc với hậu quả khốc hại là hiện trạng đen tối bế tắc của dân tộc ta, theo thiển ý, là bởi những nguyên nhân chủ quan chính yếu sau đây [1]:

1) Về chính trị.

Dân tộc Việt nam nói riêng, đa số các dân tộc Á châu nói chung, đầu thế kỉ hôm nay, mới lìa bỏ tinh thần tôn quân trong chế độ quân chủ chuyên chế đã ngự trị trên quốc gia mình hàng mấy ngàn năm. Ý thức dân chủ chưa đạt tới trình độ cao và thấm sâu đều ở mọi tầng lớp dân chúng, nên phần lớn những kẻ lên cầm quyền thường có khuynh hướng độc tài lấy cớ là tình trạng chậm tiến và nhất là tình trạng chiến tranh không cho phép thực thi trọn vẹn chế độ dân chủ, còn các cấp thừa hành cũng có khuynh hướng dễ tuân phục cấp chỉ huy của mình hơn, dù nhiều khi biết rằng mệnh lệnh của thượng cấp ban ra cho mình thi hành là phản dân chủ. Vả lại, cơ chế dân chủ nửa vời không bảo vệ nổi những kẻ dưới thấp cổ bé miệng có gan cưỡng lại hay hơn nữa tố cáo những hành động phản dân chủ của cấp trên họ, nên vì an ninh và quyền lợi của bản thân, họ đành ngậm miệng tuân hành thượng lệnh cho rồi. Kết quả như ta thấy là ngày nay một số không nhỏ các quốc gia Á châu chỉ có chế độ dân chủ trên hình thức mà thôi còn thực chất là độc tài đảng trị, gia đình trị hay cá nhân trị.

2) Về kinh tế.

Nếp sống đơn giản của nền kinh tế nông nghiệp thô sơ giờ đây bị coi là lạc hậu trước nền kinh tế kĩ nghệ chỉ huy bởi một thiểu số đại tư bản có ảnh hưởng mạnh mẽ đến chính sách cai trị của nhà nước. Do đó, người ta thường có khuynh hướng tận dụng những mánh khoé, dù là gian xảo, để thâu tóm những cơ sở sản xuất quan trọng vào tay mình hầu phát triển thế lực kinh tế, đồng thời cũng là bành trướng thế lực chính trị. Hậu quả là tình trạng bất công trong sự phân phối lợi tức càng ngày càng

---

(1) Vì khuôn khổ giới hạn của một bài thuyết trình chúng tôi xin bỏ qua những nguyên nhân xa xôi có tính cách quốc tế.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

trầm trọng, hố chia rẽ giữa các giai tầng xã hội càng ngày càng sâu. Quan niệm đấu tranh giai cấp và chủ trương khơi lòng căm thù giữa những người đồng bào với nhau bùng dậy.

3) Về xã hội.

Từ bao thế kỉ, dân tộc ta sống trong tình trạng xã hội lạc hậu: dụng cụ thô sơ, dân trí thấp kém, còn tin tưởng mạnh mẽ ở thần quyền như nạn mê tín dị đoan đầy dẫy. Đến thời Pháp thuộc, tiếp xúc với nền văn minh hào nhoáng của Tây phương có dụng cụ tối tân, dân trí cao, nhất là cơ cấu tổ chức xã hội tinh vi và đời sống hàng ngày có đủ tiện nghi cơ khí, ngoài một số ít người có tâm huyết, nóng lòng sốt ruột muốn canh tân quốc gia cho tiến bộ kịp người như đã nói trên, còn đa số người khác — nhất là những người sống ở thành thị — thường dễ có khuynh hướng hưởng thụ ích kỉ cho cá nhân, đua đòi theo nếp sống mới. Rồi chủ trương dung dưỡng tệ đoan của người Pháp khiến xã hội Việt nam bị ung thối vì các rượu chè, thuốc sái, trai gái, trộm cướp, tham nhũng v.v... như các tác phẩm (tiểu thuyết, phóng sự) thuộc hai khuynh hướng xã hội và tả chân trong văn học chữ quốc ngữ tiền bán thế kỉ XX phản ảnh. Chúng tôi xin kể tên một vài tác giả, tác phẩm tiêu biểu: Vũ Trọng Phụng (Cạm Bẫy Người, Kĩ Nghệ Lấy Tây, Lục Xì), Trọng Lang (Trong Làng Chạy, Đồng Bóng, Hà Nội Lầm Than), Tam Lang (Tôi Kéo Xe, Đêm Sông Hương) Nguyễn Đình Lạp (Ngoại Ô).

Ở thành thị, một thiểu số được ưu đãi sống sa đoạ, còn thành phần lao động thì bị ức hiếp bóc lột như các tác phẩm kể trên cho thấy. Còn ở nông thôn, đời sống dân quê lại càng tăm tối hơn với nạn thất học và các hủ tục, nạn sưu cao thuế nặng, nạn cường hào ác bá v.v... như phản ảnh trong các tác phẩm tiêu biểu như Tắt Đèn, Việc Làng của Ngô Tất Tố, Quê Người của Tô Hoài, Con Trâu, Chồng Con của Trần Tiêu.

4) Về văn hóa.

Từ cuối thế kỉ XIX, sau khi giới nho sĩ thất bại trong công cuộc kháng chiến chống Pháp cứu nước, Nho học đã bị lép vế

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

rồi dần dần tàn lụi trước Tây học lên dần vì được chính quyền bảo hộ hỗ trợ. Nhà nho Nguyễn Khuyến đã than thở bóng gió cho tình trạng này :

Sách vở ích gì cho buổi ấy,
Áo xiêm nghĩ lại thẹn thân già.

Nhưng đến Trần Tế Xương thì ông nói trắng ra :

Nào có ra gì cái chữ nho !
Ông nghè, ông cống cũng nằm co.
Chi bằng đi học làm thầy phán,
Tối rượu sâm banh, sáng sữa bò.

Lớp thanh niên Việt nam lớn lên vào quãng các thập niên thứ hai và thứ ba của thế kỉ này theo Tây học hoàn toàn vì các kì thi chữ nho đã bị người Pháp bãi bỏ vào các năm 1915 ở Bắc và 1918 ở Trung. Đối với họ, các học thuyết chủ trì với hệ thống luân lí chặt chẽ của Tây phương cũng mới lạ hấp dẫn so với các học thuyết chủ tâm của Đông phương như Nho, Phật, Lão đã suy đồi tại Việt nam từ cuối thế kỉ trước. Nếu một số ít học giả cựu học hoặc nửa cựu nửa tân còn muốn vớt vát lại cái học cũ của Đông phương và của Việt nam như Nguyễn hữu Tiến, Nguyễn trọng Thuật, Trần trọng Kim, Lê Dư, Phạm Quỳnh v.v..., thì đa số người khác lại chủ trương bỏ hẳn cựu học để chỉ dùng tân học. Ấy là đối với Nho học, Phật học, Lão học là những môn học xuất xứ từ những quốc gia văn minh nhất Á Đông xưa kia vẫn được Việt nam kính trọng như bậc thầy mà người ta còn coi thường như vậy, huống chi điều mà ta có thể gọi là quốc học, là bản sắc, là tinh thần riêng của dân tộc Việt nam thì làm sao không bị khinh khi phủ nhận ?

Kết quả là tinh thần dân tộc, nền tảng của lòng ái quốc chỉ tồn tại âm thầm ở tầng lớp người Việt yêu nước nhưng thất thế ; còn ở giai tầng xã hội có quyền thế, có trách nhiệm, được ưu đãi, thì tinh thần dân tộc bị sa sút ; và mất hẳn ở một thiểu số mất gốc vọng ngoại : nói tiếng tây, lấy tên tây,

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUẾ QUANG
https://tieulun.hopto.org

vào làng tây, lấy vợ đầm... Tình trạng này kéo dài cho đến hồi gần đây khi người Pháp, sau một thời gian ngắn thất thế vì bị Nhật hất cẳng, lại tìm cách trở lại để rồi sau đó mặc dầu phải ra đi hẳn, họ vẫn còn để ảnh hưởng văn hóa sâu đậm với sự hiện diện của các trường Pháp, ở lớp người Việt nam hoàn toàn được đào tạo trong lò giáo dục Pháp.

Năm 1954, cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc bằng hiệp định Giơ neo cắt đôi đất nước. Chúng ta vẫn còn phải chứng kiến tinh thần dân tộc bị lấn át bởi các thế lực tinh thần ngoại lai được thế lực kinh tế, chính trị và quân sự hỗ trợ. Và đau đớn thay đất mẹ Việt nam yêu dấu của chúng ta còn trở thành đấu trường của các thế lực ngoại nhập tương tranh.

Tại miền Bắc, lớp người theo chủ nghĩa duy vật — cũng là chủ nghĩa ngoại lai — nắm giữ được chính quyền nhờ trước đó họ núp sau chiêu bài kháng chiến chống Pháp để giành lại độc lập cho Tổ Quốc. Ở đây tuy các học giả có khai quật lại kho tàng của nền văn hóa cổ truyền của dân tộc, nhưng họ lại bị bắt buộc phải uốn nắn lí luận, bóp méo nhận định trong chiều hướng nuôi dưỡng lòng căm thù cần thiết cho cuộc đấu tranh giai cấp. Mục đích tối hậu của tầng lớp lãnh đạo miền Bắc là xây dựng cho kì được chủ nghĩa xã hội tại Việt nam dù có phải lấy xương máu của đồng bào làm gạch ngói vôi hồ... Họ còn có tham vọng đi tiên phong cho công cuộc bành trướng chủ nghĩa này trong vùng Đông nam Á châu dù phải hi sinh bao thế hệ người Việt trong lò lửa chiến tranh.

Tại miền Nam, người Mĩ đến thay người Pháp lại nâng đời sống tiện nghi kĩ thuật lên cao hơn trước, đẩy tinh thần hưởng thụ vật chất lên cao theo. Chiến tranh tiếp diễn tàn phá nông thôn khiến nông nghiệp vốn là căn bản kinh tế của dân tộc — đặc biệt là của miền Nam phì nhiêu — phải suy sụp. Dân chúng dồn về thành thị để tránh chiến tranh. Nền kinh tế thành thị, mà căn bản là thương mại và kĩ nghệ, trở nên lệ thuộc nguyên liệu, máy móc và kĩ thuật biến chế của nước ngoài. Lại thêm nhu cầu viện trợ võ khí tối tân cung ứng cho chiến tranh. Tất

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

cả đã đẩy dân tộc chúng ta đến cái thế bị động, lệ thuộc ngoại bang về mọi mặt: chính trị, kinh tế quân sự, ngoại giao...,biến đất nước ta thành bãi thí nghiệm các loại võ khí mới nhất.

D.— PHƯƠNG CÁCH PHỤC HƯNG TINH THẦN DÂN TỘC.

1) Phục hồi và tin tưởng ở những đặc tính của tinh thần dân tộc đã từng được thử thách trong lịch sử.

Nếu nguyên do sâu xa là tình trạng suy thoái của tinh thần dân tộc đã khiến người Việt chúng ta bị lôi kéo vào tình trạng bi thảm sâu xé lẫn nhau như ngày nay thì công việc tiên khởi của mọi sự hòa giải phải là phục hưng tinh thần dân tộc để tất cả mọi người Việt chúng ta lấy đó làm điểm tựa chung. Chúng tôi thiển nghĩ đây cũng là hi vọng cuối cùng và sáng sủa hơn cả mà chúng ta còn có thể bám víu vào, vì lịch sử cũng như văn chương đã chứng tỏ rằng mặc dầu bị xâm lấn tứ bề và có khi tưởng như bị tràn ngập, tinh thần dân tộc Việt nam cuối cùng vẫn đứng vững mà không bao giờ bị tróc gốc. Đó là nhờ ở những đặc tính tinh thần sau đây của dân tộc chúng ta :

a) Tinh thần nhẫn nại chịu đựng gian khổ.

Trong lịch sử, đã có những thời kì dài, tổ tiên chúng ta phải xuống biển mò ngọc trai, lên rừng tìm ngà voi để nộp cho bọn quan cai trị Trung hoa tham tàn, mà rồi cuối cùng dân tộc ta vẫn vùng dậy đuổi được quân xâm lăng cường bạo để giữ vững độc lập cho quốc gia. Trong đời sống nông nghiệp thô sơ, dân tộc ta cũng tỏ ra rất cần cù và chịu đựng được cảnh lam lũ :

Cày đồng đương buổi ban trưa,
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày.
Ai ơi ! bưng bát cơm đầy,
Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần.

Với tinh thần nầy, dân tộc ta có thể chịu đựng được bao nỗi khổ nhục tạm thời để cuối cùng chiến thắng được mọi kẻ thù trong giặc ngoài và bước lên đài vinh quang :

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

Nữa mai mốt giết xong thù nghịch,
Mũi long tuyền rửa sạch máu tanh.
Làm cho đất động trời kinh,
Bấy giờ quốc hiển gia vinh có ngày.
(Á Nam Trần Tuấn Khải — Hai chữ nước nhà)

b) Tinh thần đối kháng để tự vệ.

Lịch sử Việt nam đã là một cuộc tranh đấu triền miên chống lại kẻ thù truyền kiếp tham bạo phương Bắc. Trước một địch thủ mạnh hơn mình gấp bội về cả quân sự lẫn văn hóa (về văn hóa là học thuyết Nho giáo), dân tộc Việt sở dĩ chống trả được là có tinh thần đấu tranh bền bĩ : bại không nản, thắng không kiêu. Chẳng hạn chính sách ngoại giao mềm dẻo : một mặt cố chiến thắng bằng quân sự, một mặt cố đạt được sự thông hiếu bằng tinh thần lễ nhượng, đã được tiền nhân ta áp dụng hữu hiệu suốt từ đời vua Lê Đại Hành đến đời vua Nguyễn Quang Trung.

Trong lãnh vực văn học, dòng văn chương truyền khẩu phản ảnh tinh thần dân tộc trung thực hơn cả, ta có thể thấy quảng đại quần chúng bình dân chống lại những chủ trương nào của Nho giáo không sát với đời sống thực tế của xã hội Việt nam. Chẳng hạn qui tắc « nam nữ thọ thọ bất tương thân » không thể nào áp dụng được trong đời sống nông nghiệp lam lũ cần đến sự cộng tác thân cận giữa nam và nữ :

Bao giờ cho đến tháng hai,
Con gái làm cỏ, con trai be bờ.

Và có những phong tục, hội hè tháo khoán cho tình yêu nam nữ như tục hát quan họ ở ngày hội Lim (Bắc ninh), hội mùa xuân ở động Thầm lệ (Nghĩa lộ, Yên bái) trong đó trai gái tìm đến nhau để tỏ tình trong phong cảnh thiên nhiên đầy thi vị :

Ai ngăn được con chim sáo nó đậu cành,
Ngăn đàn ông lấy vợ, ngăn mình lấy ta.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Con chim bay trên không, con cá lội giang hà.
Làm sao mà mắc lưới, ai ngăn được đàn bà có chồng con.

Không phải đợi đến Nhất Linh viết Đoạn Tuyệt để tranh đấu cho quyền nam nữ bình đẳng, từ thời xa xưa, khi Nho giáo chủ trương « nam tôn, nữ ti » thì người bình dân đã chống lại :

Ba đồng một chục đàn ông,
Ta bỏ vào lồng ta xách đi chơi.
Ba trăm một mụ đàn bà,
Đem về mà giải chiếu hoa cho ngồi.

Khi Nho giáo chủ trương nhất nhất « phu xướng » là « phụ tùy » thì trong thực tế, người bình dân thấy rằng :

Lệnh ông không bằng cồng bà

Và ngay nhà nho Nguyễn Khuyến cũng phải thừa nhận cái thực tế hiển nhiên ấy :

Cớ sao vợ lại hơn Trời nhỉ ?
Vợ chỉ hơn trời có . . . cái trai !

Chẳng cần phải đợi Mạnh Phú Tư viết cuốn « Làm Lẽ » tố cáo chế độ đa thê, người phụ nữ bình dân từ lâu đã biết cái thân phận lẽ mọn :

Tối tối chị chiếm mất buồng,
Chị cho chiếc chiếu nằm suông nhà ngoài.
Sáng sáng chị gọi : Ớ Hai !
Mau mau trở dậy thái khoai đâm bèo.

Họ bảo nhau điều mà sau này nữ sĩ Hồ Xuân Hương nhắc lại :

Đói lòng nằm gốc cây sung,
Chồng một thì lấy, chồng chung thì đừng !

Và cảnh cáo các ông chồng « năm bảy lá gan » :

Chồng đánh bạc, vợ đánh bài,
Chồng hai ba vợ, vợ hai ba chồng.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Không phải đợi đến Nhất Linh viết « Lạnh Lùng » để lên án tục thủ tiết quá khắt khe, người bình dân đã chống lại tục ấy từ lâu :

Giầu thì thịt cá cơm canh,
Khó thì lưng rau đĩa muối cúng anh tôi đi lấy chồng.
Hỡi anh chồng cũ tôi ơi !
Anh có khôn thiêng trở dậy ăn xôi nghe kèn.
Anh đã về, thôi nghiệp ấy anh đừng ghen,
Để cho người khác cầm quyền thê nhi...

Tô Hoài sau này viết cuốn « Trăng Thề » nói lên cái dư vị chua chát đắng cay của những anh trai Việt bị ngoại nhân dùng tiền bạc phỗng tay trên mất người yêu, thì trước đó người bình dân đã cảnh giác trước sự kiện « ruộng ta để mạ người gieo », « cỏ đồng ta để trâu người ăn », « vàng ta lại gánh đi đổ sông Ngô », « ao ta không tắm lại đi tắm ao người ».

Anh đứng làm trai, nam nhi chi chí,
Em phận làm gái, em chẳng biết suy.
Lấy Tây, lấy chiệc làm gì,
So bề nhân nghĩa sao bì An-nam !

c) Tinh thần hiếu hòa cởi mở.

Song không phải dân tộc ta có chủ trương khép kín bài ngoại cực đoan. Trái lại, tiền nhân ta đã chứng tỏ một tinh thần hiếu hòa cởi mở rộng rãi : sẵn sàng đón nhận mọi luân lí, tôn giáo, văn hóa từ bốn phương du nhập nếu những thứ đó không phản lại quyền lợi dân tộc. Trước khi tiếp nhận văn hóa Tây phương, dân tộc ta đã lãnh thụ tam giáo rồi dung hòa tổng hợp Việt hóa để có được một nền tín ngưỡng và tư tưởng truyền thống truyền lại cho đến ngày nay. Chúng tôi xin đan cử một câu chuyện cổ tiêu biểu : đó là chuyện Chử Đồng Tử — Tiên Dung được chép trong Lĩnh Nam Chích Quái của biên giả Trần Thế Pháp dưới nhan đề « Nhất dạ trạch » (Đầm một đêm). Câu chuyện ai cũng biết, chúng tôi chỉ xin rút tỉa ý nghĩa như sau :

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Ngoài việc biểu lộ quan niệm tự do luyến ái của người bình dân muốn san bằng giai cấp, chuyện còn cho sự kết hợp tư tưởng tam giáo với tinh thần dân tộc. Cuộc gặp gỡ của đôi trai gái không mảnh vải che thân giữa cảnh thiên nhiên rồi đi đến hôn nhân có thể là ảnh hưởng của Lão Trang chủ trương sống theo tự nhiên. Sau đó Chử Đồng Tử đi buôn bằng thuyền, gặp sư Phật Quang ở núi Quỳnh viên, được sự giác ngộ và về truyền lại đạo cho vợ, rồi cả hai tìm thầy học đạo và thành tiên bay lên trời. Thế là khởi đầu nhờ giáo lí của đức Phật làm phương tiện giác ngộ (như ngón tay chỉ trăng, như bè chở qua sông), sau đó đạt tới cứu cánh là tiên cảnh. Sở dĩ như thế vì đối với con người còn sống trong cõi tương đối thì thế giới tiên dễ chấp nhận hơn vì vẫn còn duy trì những mối liên hệ tình cảm của thế giới người như cha con, vợ chồng. Khi Hùng Vương sai quân phạt tội, vợ chồng Tiên Dung tuy có thừa pháp thuật mà không chống lại cha : đó là luân lí hiếu trung của Nho giáo. Chuyện có thể chấm dứt ở đoạn thành quách lâu đài của họ bay lên Trời, song ý thức quốc gia không thể bị bỏ quên, nên sau này Chử Đồng Tử còn cưỡi rồng xuống ban cho Triệu Quang Phục cái vuốt (rồng) để đánh bại quân xâm lược Trung hoa.

Chính nhờ khả năng dung hòa hợp sáng này mà sau hơn 1000 năm Bắc thuộc, dân tộc ta có được một nền văn hóa Việt Hán phong phú, sau gần 100 năm Pháp thuộc, văn hóa Việt nam lại tiếp nhận thêm tư tưởng nhân bản của Âu Tây. Và nếu trong cuộc thử thách hiện tại mà tinh thần dân tộc làm chủ không bị suy bại thì văn hóa Việt nam có thể thâu hóa thêm tư tưởng khoa học xã hội để trở thành một yếu tố quân bình hóa những thiên lệch mâu thuẫn Đông Tây đang đe dọa gây nên những cuộc xung đột có thể tiêu diệt loài người trên trái đất này.

Vậy thì ra yếu tố tinh thần vẫn là điều kiện chính yếu quyết định số phận của dân tộc này. Bởi vì không ai phủ nhận được rằng cuộc chiến bi thảm hiện đang diễn ra trên đất nước chúng ta dù có những nguyên nhân xa xôi là quyền lợi kinh tế của ai ai đi chăng nữa thì cái chiêu bài chính nghĩa được người

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

ta dơ cao lên, cái động cơ tâm lí người ta vận dụng để thúc đẩy hàng hàng lớp lớp thanh niên « cùng xương, cùng thịt, cùng da ; cùng dòng máu đỏ con nhà Lạc Long », cùng tiếng nói, cùng giống dòng lăn xả vào vòng máu lửa, chém giết nhau một cách hăng say cũng vẫn là những ý thức hệ này nọ. Nói cách khác, người ta đã nhân danh những lí tưởng cao đẹp để bắt buộc nhân dân Việt nam phải hi sinh xương máu, và mỉa mai, đau đớn thay, các đối thủ đều cho là mình chiến đấu cho Tổ quốc, cho giống nòi, nhưng đã vô tình hay cố ý không biết là mình thực sự chỉ là quân cờ thí cho người ngoài mặc cả quyền lợi giữa họ với nhau, không thấy là mình đang chà đạp lên quyền lợi của Tổ quốc, hạnh phúc của dân tộc.

Quả thế, tìm hiểu và thâu tóm lấy cái nguyên nhân chính yếu tạo nên hiện cảnh đau lòng của chúng ta thì vẫn thấy đó là tình trạng suy thoái của tinh thần dân tộc. Bởi nếu tinh thần dân tộc mà mạnh thì ta không vọng ngoại, không ai xui khiến, bắt buộc được ta chiến đấu cho một lý tưởng ngoại lai nào, dù hay ho đẹp đẽ đến đâu đi nữa, khi lí tưởng ấy bảo ta phải giết hại đồng bào ta, tàn phá quê hương ta. Mà có lí tưởng nào lại vô nhân đến thế và nếu vậy thì còn gọi là lí tưởng sao được đâu còn đáng tin theo nữa ?

Trong những thế hệ gần đây và thế hệ hiện tại, ai mà đề cao những học thuyết ngoại lai đồng thời phủ nhận hay hạ thấp tinh thần quốc gia dân tộc thì người ấy phải chịu phần trách nhiệm của mình về tình trạng « khách lấn chủ », nói rõ hơn là tình trạng người Việt vong bản vọng ngoại, nguyên nhân chính đã gây ra thảm họa hôm nay của dân tộc. Và những ai muốn tự cứu mình, cứu đất nước không thể không nghĩ đến công cuộc phục hưng những giá trị tinh thần cổ truyền của giống nòi để tái võ trang tinh thần dân tộc. Vì như ý chúng tôi vừa phát biểu, nói rốt ráo lại thì bản chất cuộc chiến này không phải là cuộc chiến tranh kinh tế, cũng không phải là cuộc chiến tranh ý thức hệ giữa người Việt với nhau, mà là một cuộc chiến tranh giữa một bên là những ý thức hệ ngoại lai muốn chế ngự

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

chinh phục, một bên là ý thức hệ dân tộc cố kháng chiến để tự tồn. Và cuộc chiến sẽ kết thúc đem thắng lợi về cho dân tộc khi người Việt miền Bắc, người Việt miền Nam, ở bên kia cũng như bên này lần ranh cùng đứng về một chiến tuyến chung là ý thức hệ dân tộc.

2) *Vai trò của Phật giáo Việt nam đối với hiện tình đất nước.*

Kính thưa Quí Liệt Vị,

Trong công cuộc cứu nước cứu nòi khẩn thiết, nặng nề và vĩ đại hôm nay, chúng tôi nghĩ rằng Phật giáo Việt nam đã, đang và sẽ đóng một vai trò càng ngày càng quan trọng vì những lẽ sau đây :

a) Tư tưởng Phật giáo thích hợp với dân tộc Việt nam.

Tư tưởng Phật giáo từ 20 thế kỉ nay đã tỏ ra thích hợp với tâm hồn con người Việt nam và với hoàn cảnh xã hội Việt nam. Nhân sinh quan của Phật giáo nhận chân cái bản chất khổ của kiếp người (khổ đế) phù hợp với cuộc sống nghèo nàn lam lũ của quảng đại quần chúng Việt nam vốn phải chịu khổ nhục nhiều hơn là được sung sướng, nhưng lại biết trọng tinh thần hơn là vật chất. Các thuyết luân hồi, nhân quả, nghiệp vừa phù hợp với kinh nghiệm về nông nghiệp của dân tộc Việt, vừa giúp họ xây dựng một luân lí quan Siêu Việt chỉ đạo cho đời sống tập thể : đồng bào với đồng bào nói riêng, con người với con người nói chung.

— Gieo nhân nào, hái quả ấy.

— Gieo gió, gặt bão.

— Đời trước đắp nấm, đời sau ấm mồ.

Ai ơi, hãy ở cho lành,

Kiếp này chẳng gặp, để dành kiếp sau.

Nhưng mục đích giải thoát của triết lý Phật giáo với đường lối tu hành diệt dục (diệt và đạo đế) đem lại cho dân tộc ta niềm tin tưởng siêu hình tối hậu cần thiết cho cuộc đời phải phấn đấu không ngừng này. Như thế là bi quan mà không tiêu cực, tích cực mà không đắm chìm trong thế lợi nhỏ nhen. Nếu

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

đời sống tập thể của chúng ta cần chủ trương tranh đấu xây dựng tích cực, thì đời sống tâm linh của cá nhân chúng ta cũng cần lối thoát siêu việt : tư tưởng Phật giáo đáp ứng cả hai nhu cầu cùng thời và cùng cấp thiết như nhau.

b) Tinh thần dung thông hòa hợp.

Trong bài thuyết trình nhân dịp lễ Phật đản 2518 và kỉ niệm 10 năm thành lập Viện Đại học Vạn Hạnh [1], chúng tôi đã trình bày tinh thần hòa hợp của Phật giáo đối với tín ngưỡng vật linh cố hữu của dân tộc, đối với Nho học và Lão học là các hệ tư tưởng cùng hiện diện với Phật giáo tại Việt nam, chúng tôi xin được khỏi phải nhắc lại để tránh làm nhàm tai Quí vị. Ở đây chúng tôi chỉ xin nhận xét thêm là trong suốt lịch sử truyền bá đạo Phật tại Việt nam — và có lẽ bất cứ ở đâu khác — dù ở vào những thời kì hưng thịnh, Phật giáo không bao giờ chủ trương chỉ một mình mình được hiện hữu và gây xung đột với các tôn giáo khác. Ngược lại, chỉ có Phật giáo đồ là nạn nhân của những cuộc đàn áp kì thị tôn giáo mà thôi ; và dĩ nhiên không bao giờ Phật giáo lại có thể bị tiêu diệt, dù có phải trải qua những giai đoạn suy trầm.

Điều này có nghĩa là dẫu thời thế có đổi thay thế nào đi nữa như những giai đoạn lịch sử biến thiên ghê gớm của dân tộc ta chẳng hạn, với tinh thần dung thông hòa hợp, Phật giáo vẫn có thể thích ứng với hoàn cảnh để giúp ích cho đời sống tập thể, cho quốc gia xã hội như trong các triều đại Đinh, Tiền Lê, Lí, Trần ; cũng như giúp ích cho đời sống tâm linh của cá nhân như trường hợp Trần Thái Tông. Nếu trước kia tại Á Đông này, Phật giáo đã là cái gạch nối giữa chủ trương nhập thế cùng mình của Khổng Mạnh với chủ trương xuất thế tiêu cực của Lão Trang, thì giờ đây Phật giáo cũng vẫn không trở nên lỗi thời trong một thế giới đổi thay với các trào lưu tư tưởng nhân bản, khoa học, xã hội... Hơn thế nữa tinh thần dung thông hòa hợp của Phật giáo, tinh thần dấn thân của Phật

---

(1) Có đăng lại trong tạp chí Tư Tưởng số 2, kỉ niệm 10 năm thành lập Viện Đại học Vạn Hạnh; tháng 6-7 năm 1974.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

giáo đồ lại càng cần thiết cho sự hoá giải những mâu thuẫn trong một cảnh giới đầy dẫy tranh chấp xung đột như mảnh đất quê hương nhỏ bé và khốn khổ của chúng ta hiện nay đang bị cầy nát bởi đạn bom. Bởi lẽ Chân lí nhiệm mầu của đức Phật là Chân lí toàn diện và cao tột có thể dung nạp thâu hóa hết thảy những chân lí cục bộ khác ; chẳng thế mà ngay trong rừng triết lí của Phật giáo cũng còn có đến 84.000 hay vô lượng pháp môn nữa là !

c) Tinh thần vô cầu, quảng đại, nhẫn nhục và vô úy.

Song đặc điểm sáng chói nhất mà Phật giáo đã biểu lộ tại đất nước này là cái tinh thần vô cầu, quảng đại, nhẫn nhục và vô úy. Như đã trình bày ở trên, chính Phật giáo Việt nam đã viết nên những trang đẹp đẽ đầu tiên của lịch sử quốc gia Việt nam độc lập. Phật giáo Việt nam đã từng phải tạm thời tham chính để dựng nước, giữ nước ; rồi khi tạo lập được chính quyền quốc gia vững vàng, tình thế đất nước ổn định, liền trao lại trách nhiệm điều khiển guồng máy cai trị cho thế hệ nho sĩ do chính mình đào tạo và rút về địa vị tôn giáo thuần túy. Thế mà sau đó hơn một lần Phật giáo bị chính giới nho sĩ chèn ép khinh thị khi họ leo lên được địa vị độc tôn. Song Phật giáo không hề thù hận ai, cũng không bất mãn, chán nản, tiêu cực, mà vẫn duy trì sự hiện hữu của mình một cách đạm nhiên bình thản, bởi vì tình trạng sa sút của Phật giáo từ giữa đời Hậu Lê trở về sau này chỉ là ở bề mặt mà thôi, còn tư tưởng Phật giáo đã thấm sâu vào tâm hồn dân tộc, đã trở nên thành phần nòng cốt của tinh thần truyền thống của dân tộc rồi. Điều này ta có thể thấy dễ dàng trong sinh hoạt văn hóa của dân tộc ta như ngôn ngữ, văn chương, tập tục, luân lí, tín ngưỡng.

Nói cách khác, thân phận của Phật giáo tại xứ sở này đã, đang và sẽ gắn liền với thân phận của dân tộc này. Cho nên nếu dân tộc Việt nam lâm nguy thì Phật giáo Việt nam cũng tiêu vong, ngược lại Phật giáo Việt nam mà suy trầm thì dân tộc Việt nam cũng bại hoại như sự kiện hiển nhiên trong lịch sử. Vậy nếu nhân dân đã trỗi dậy tranh đấu trong pháp nạn

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thiền Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

1963 thì giờ đây trước thảm họa chiến tranh mà nhân dân đang phải chịu đựng, trước viễn tượng diệt vong mà dân tộc đang bị đe dọa, Phật giáo Việt nam phải đảm nhận trọng trách lịch sử là mưu cầu hòa bình chân chính và lâu dài cho đất nước.

Kính thưa Quí Liệt Vị,

Chắc có thể có người sẽ hỏi rằng ai chẳng muốn lập công nghiệp vĩ đại trong giai đoạn lịch sử này là mưu cầu hòa bình cho dân tộc. Nhưng muốn là một việc, còn có thực hiện được không là một việc khác. Chúng tôi xin thưa đã là một công nghiệp vĩ đại, tất nhiên phải khó khăn không phải bất cứ ai cũng làm nổi. Nhưng noi theo cái tâm từ bi vô lượng của đấng Thế Tôn, Phật giáo đồ không thể điềm nhiên tọa thị cảnh chúng sinh tương tàn tương sát ; với tinh thần vô cầu vượt lên trên thế tục, Phật giáo Việt nam đứng trên mọi quyền lợi phe phái để đóng vai trò hòa giải hữu hiệu ; với tinh thần quảng đại nhẫn nhục, Phật giáo Việt nam sẽ không nản lòng trước những thất bại tạm thời ; với tinh thần vô úy sáng chói như ngọn lửa từ bi của Bồ tát Quảng Đức, Phật giáo Việt nam sẽ không lùi bước trước mọi gian lao thử thách, tóm lại là hơn ai hết, Phật giáo Việt nam có đủ khả năng thực hiện công cuộc mưu cầu hòa bình đầy cam go này. Lại nữa, như ta đã thấy thân phận Phật giáo gắn liền với thân phận dân tộc, nên hơn ai hết, Phật giáo có trách nhiệm thi hành sứ mạng mưu cầu hòa bình cao cả này.

Và trên con đường tiến tới mục đích thiêng liêng ấy Phật giáo không đơn độc vì dân tộc Việt nam không để Phật giáo đơn độc, vì cả hai : Phật giáo và dân tộc Việt nam — xin lỗi Quí vị — phải nói là một khối người Việt yêu nước mới đúng — phải đoàn kết nhất trí và tích cực thực hiện một chương trình hoạt động lâu dài khởi đầu từ việc tái võ trang tinh thần dân tộc bằng cách phục hồi những giá trị cổ truyền bất hủ của giống nòi trong tất cả mọi địa hạt lịch sử, văn chương, nghệ thuật, kiến trúc, lễ nghi, tập tục, luân lí, tín ngưỡng...

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Kính thưa Quí Liệt Vị,

Quá khứ chỉ đường cho hiện tại và hứa hẹn cho tương lai. Lịch sử dân tộc Việt nam nói chung, lịch sử Phật giáo Việt nam nói riêng có thể giúp ta giữ vững niềm tin vào một tương lai sáng sủa cho dân tộc. Bắt đầu là nhìn lại quá khứ, chấm dứt là hướng về tương lai, trong ánh hào quang giác ngộ của đức Thế Tôn đại hùng, đại lực, đại từ bi đem đến cho chúng ta niềm hân hoan và tin tưởng cao cả, tôi xin kết thúc bài nói chuyện hôm nay bằng hai đoạn thơ của một tu sĩ Phật giáo Việt nam hiện đại, đó là hai đoạn trích trong các bài « Aster » và « Mùa nhân loại mang áo mới » của Thượng tọa Nhất Hạnh nguyện cầu cho cảnh thanh bình mau trở lại trên mảnh đất quê hương yêu dấu này :

« hôm nay thiên đình mở hội ngàn sao,
trời quang mưa tạnh,
em đã về tận thiên cung đội sớ
quỳ nơi điện ngọc
xin cho đất cũ thanh bình
cho hoạn nạn tai ương
cho binh đao nước lửa
cho bạo quyền hung ác
ngừng tay trên mảnh đất nghèo khổ quê hương ».

và :

« tôi nghe mênh mông nắng reo đồng nội
đất vùng quê khoai sắn lên tươi xanh
hoa nở, chim ca, trái nặng trên cành
sung túc quá, một mùa xuân vũ trụ
tôi linh cảm thấy loài người muôn xứ
đang đứng lên chèo chống giữa phong ba
ủ nguồn nhân nơi tin tưởng chói lòa
lấp cạn hố phân chia và sầu khổ

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

bông trí tuệ đang tưng bừng đua nở
cây tình thương đang khoác áo xanh tươi... » *

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Trân trọng cảm tạ Quí Liệt Vị đã hỉ xả ban cho chút thì giờ quí báu để chúng tôi được hân hạnh hầu chuyện Quí Liệt Vị hôm nay.

KHIẾU ĐỨC LONG

---

* Cả hai bài đều ở trong tập thơ « *Chắp tay nguyện cầu cho bồ câu trắng hiện* », Lá Bối x. b, Saigon, 1965.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM THƯ VIỆN HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ ÂM NHẠC VIỆT NAM

★ NGUYỄN HỮU BA

Này suối reo ca
Giọng vàng ngân nga
Bấy lâu suối ngủ trong lòng đất
Thao thức ngày đêm mộng hải hà.

H.C.

VIỆT nam, với bờ biển cong hình chữ S, với gió biển bốn mùa, với mảnh đất nhỏ nhoi nằm ép giữa hai cường quốc, mà trên đó dân tộc ta vì hoàn cảnh, đã luôn luôn phải để tâm trí nghĩ lo về sự sống còn của mình ; Việt nam với mấy ngàn năm lịch sử anh dũng, với nếp sống hùng tráng, thi vị và đầy suy tư ; Việt nam, với tất cả những điều ấy, đã tạo nên một nền âm nhạc phong phú và huy hoàng, tân kỳ và thâm thúy.

Nền âm nhạc ấy đi sát với dân tộc, biến chuyển theo dân tộc như bóng theo hình, như hoa hướng dương theo mặt trời, trung thành, nhất trí. Nếu dân tộc Việt nam là nguồn suối trôi chảy về vô tận thì nền âm nhạc của nó là tiếng suối reo ca, tiếng suối do nguồn suối sinh ra và biến đổi : Hễ nguồn suối hòa hoãn thì âm thanh êm ái và tiết điệu khoan thai ; hễ nguồn suối đổ mau thì âm thanh vang lớn và tiết điệu dập dồn , nếu nguồn suối, đôi khi, gặp chướng ngại hay là khúc quanh thì

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUẾ QUANG

https://tieulun.hopto.org

tiếng suối sẽ trở nên vô cùng sôi nổi... Đấy, nền âm nhạc Việt nam và lịch sử dân tộc Việt nam là như thế đấy : Chúng đồng sanh, đồng trưởng, đồng vận mệnh... Hễ khi dân tộc sa vào vòng nô lệ thì âm nhạc uất hận oán than, hễ khi dân tộc đứng vùng lên thì âm nhạc reo ca phấn khởi... Chúng cũng như cây và hoa : Cây yếu thì hoa héo, cây mạnh thì hoa tươi...

Âm nhạc phát sanh từ khi dân tộc có tiếng nói. Cùng với tiếng nói, âm nhạc ra đời. Tự nhiên, lúc đầu cùng với tiếng nói, âm nhạc mang một hình thức sơ khai : Đó chỉ là những âm thanh đơn giản, những tiết điệu tầm thường. Trong vài điệu nhạc cổ xưa, người ta tìm thấy hình bóng của niềm vui, nỗi buồn, những mối suy tư dã man thô thiển. Nhưng dần dà, dân tộc mỗi ngày một lớn lên, về trí tuệ cũng như về tình cảm, và theo nhịp bành trướng ấy, âm nhạc Việt nam khai hoa trổ quả rực rỡ, huy hoàng. Với những tính chất này : tình cảm yêu tổ quốc, thiên nhiên, gia đình ; ý chí tranh đấu trường kỳ gian khổ, tinh thần hòa lạc từ bi của Phật giáo, bông hoa âm nhạc Việt nam, đã phô cánh đẹp muôn màu, tỏa hương thơm muôn vị trong không gian và thời gian...

Bàn về nguồn gốc của văn chương, một nhà văn viết : Từ ngày vũ trụ thành lập, những con chim thì vẫn hát một giọng nhưng con người đã hát biết bao giọng rồi : Chính vẻ phong phú của biến đổi giọng đó là nguồn gốc của văn chương ». Chúng ta có thể thêm : « Và âm nhạc ». Vì sao ? Vì, cũng như văn chương, nguồn gốc của âm nhạc chính là tiếng nói và vẻ phong phú của sự biến đổi giọng nói của con người. Dân tộc Việt nam qua những thời nô lệ và những thời tự chủ, qua ba miền, đã biến đổi giọng nói biết bao nhiêu lần và do đó đã làm cho văn chương và âm nhạc của mình nhuốm bao sắc mầu phong phú. Cùng với văn chương bình dân, âm nhạc Việt nam phát triển. Trên đường tiến tới Chân Thiện Mỹ, chúng song hành với nhau. Hễ thể văn vần của nền văn học bình dân đi đến đâu thì âm nhạc Việt nam cũng theo đến đấy. Khi thể văn vần tiến đến thể thơ lục bát, hình thức hoàn hảo của văn vần bình dân Việt nam, thì âm

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

nhạc Việt nam cũng dừng chân lại đấy để mà, cùng với không gian và thời gian, biến điệu thành nhiều thể dân ca kỳ diễm.

Tuy nhiên, cũng như các hoa lan, mặc dù có muôn hương, muôn vẻ, nơi chúng vẫn có chung một cái gì đặc biệt, nó giúp cho ta không lầm chúng với loại hoa khác và biết chúng là lan. Các bông hoa âm nhạc Việt nam dù có muôn hương, muôn vẻ, nơi chúng vẫn có chung một cái gì đặc biệt, một cái gì rất Việt nam, đó là dân tộc tính. Dân tộc tính này biểu lộ bàng bạc khắp nơi, nơi một trường độ ngân dài, nặng mối suy tư về sự sống còn của dân tộc; nơi một cao độ và cường độ vừa phải, chất chứa tinh thần hòa đồng và dung hóa, dân tộc tính này biểu lộ một tiết điệu nhịp nhàng và nơi những âm phụ xao xuyến ngân nga...

Chính các âm phụ này tạo nên tính cách liên âm cho nền nhạc Việt nam. Trong khi tiếng nói Việt nam là độc âm thì âm nhạc Việt nam là liên âm: Đó là điểm đặc biệt cần chú ý. Và sở dĩ nhạc Việt nam — nhất là nhạc cổ điển — thường có nhiều âm phụ (do những tiếng ê ạ ngân nga sau âm chính tạo thành), ấy cũng vì nhạc Việt nam nặng về suy tư (trong hoàn cảnh về dân tộc ta, không suy tư sao được?)

Trong khu vườn âm nhạc của chúng ta, nếu có một nơi nào mà các bông hoa thuần túy nẩy nở nhiều hơn hết thì đó là khoảng đất Dân Ca vậy. Những bông hoa trên khoảng đất này kết tụ sắc hương của dân tộc: Ấy là những mảnh tình yêu trong trắng trong gió mát trăng thanh, bên cối chày giã gạo; ấy là những nỗi buồn bao la man mác của con người Việt nam — nghĩa là con người châu Á — trước một không gian vô cùng rộng và một thời gian vô hạn dài... Với Dân ca, Việt nam đã nói lên tiếng nói chân thực của nó và tiếng nói ấy mới trong lành, mới tình tứ bao nhiêu!

Người dân quê Việt nam, sống trong tình cảnh hồn nhiên mộc mạc, mỗi khi nội tâm xúc cảm với ngoại cảnh, họ thường ư - a ngân nga các câu ca dao cho thành âm điệu. Sự phổ nhạc tự nhiên ấy không bị ràng buộc bởi một khuôn sáo của

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

nền học thuật về âm nhạc nào, vì chỉ tuân theo trực giác mà thôi, do đó nên đã tạo thành được nhiều thể điệu, tuy vẫn giữ nguyên tính chất đơn giản thực thà, song lại phô bày nhiều nét phi thường tuyệt mỹ. Những thể điệu ấy đã được cử lên bằng giọng người và nhịp bằng mái chèo, chày gạo, bằng chân bước hay tiếng tao nôi. Tiếng hát của người dân thường ngân vang giữa đồng rộng sông dài, non cao bể cả, bên cối gạo, bên nôi con, trên đường trường hay khi họp bạn. Mỗi tình, mỗi cảnh họ đều có hát, cho mái chèo khỏi lơi, chân đi quên mỏi, cho tình duyên thêm đượm, trời mây thêm rộng, cũng như đất nước thêm dài...

Có ý kiến cho rằng bản sắc Dân Ca là mộc mạc ; ý kiến này không hoàn toàn đúng, bởi vì, tuy hình thức của Dân Ca có vẻ mộc mạc thực, song nội dung của nó thì vẫn chứa đựng biết bao tình ý tân kỳ, một nét đàn thanh tú trong « Đoạn Trường Tân Thanh », một giai điệu thâm trầm trong « Cung Oán Ngâm Khúc », tất cả những gì là hùng vĩ, là diễm lệ, là du dương của văn nghệ Việt nam hôm nay và sau này đều đã sẵn chứa trong lòng Dân Ca.

Từ trong lòng Dân ca, môn Ca vũ Bình dân chớm nở. Môn nghệ thuật này phản ảnh rõ rệt đời sống hình dân Việt nam về cả hai phương diện : âm thanh và động tác. Với Ca nhạc, nó ghi lại những âm thanh và động tác của « Mùa hội vui » và của cần lao. Ngày nay môn Ca vũ Bình dân còn để lại một số tác phẩm hay đẹp : đó là điệu múa Nón, điệu múa Quạt, điệu múa Gậy v.v... Về sau môn ca vũ này lại tiến vào địa hạt Nghi lễ để tạo nên nhiều vũ điệu khác, chẳng hạn như điệu múa Lục Cúng (cúng Phật), điệu múa Bát Dật (tế Trời)...

Rồi thì, cũng với nguyên liệu Dân ca do nhu cầu diễn xuất, tiền nhân ta đã xây dựng nên môn Ca kịch : Chèo cổ. Trong Chèo cổ, tinh thần trào phúng đầy ý vị sâu xa của dân tộc ta biểu lộ thực là rõ rệt. Những điệu ca nhạc của môn này có tính cách bay bướm tình tứ, thanh tao.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Tiếp theo là nhạc Nghi lễ. Môn nhạc này do Trung hoa truyền sang. Tuy nhiên, cùng với thời gian nó biến điệu dần, biến điệu dần cho đến một ngày nào đó thì bản nguyên và bản sao đã thành hai bản khác hẳn nhau, không còn bà con họ hàng chi nữa. Kể từ lúc ấy, nhạc Nghi lễ trở thành của người Việt nam và chan hòa dân tộc tính : Đó là những điệu biểu lộ tâm hồn trang nhã, thành kính và có tính cách hòa đồng. Nếu hai sắc thái trang nhã và thành kính có thể là của chung, thì sắc thái hòa đồng lại rất là đặc biệt Việt nam. Dân tộc Việt nam vốn ưa hòa đồng tiểu ngã với đại ngã, cá nhân với xã hội. Tính cách hòa đồng này biểu lộ trong những nét nhạc đầm ấm, khoan hòa mà nếu vẽ ra thành hình thì đó sẽ là một con suối nhỏ đang đổ về đại dương rộng lớn.

Nhu cầu hưởng lạc thanh cao và hơn thế, di tinh dưỡng tính của tiền nhân ta những con người sống theo triết lý Tam giáo đã tạo nên loại nhạc Thính phòng. Các điệu nhạc loại này có tính cách phong nhã và được sáng tác trong tinh thần « Ai nhi bất thương, lạc nhi bất dâm » của Nho giáo. Nói chung, người ta không thấy những dục tình ô trọc hay những lạc thú mê cuồng mà chỉ thấy một thứ tình cảm hưởng lạc vừa phải, sáng suốt và có màu sắc triết lý. Người Việt nam cho rằng tạo hóa, vì lòng nhân đã tạo ra các lạc thú ở đời cho con người hưởng thụ, và họ đã hưởng thụ chúng một cách lịch sự và tiết độ : Đấy là tinh thần của loại nhạc này.

Nhạc Thính phòng có ba môn : Môn Ca trù, môn Ca Huế và Tài tử Nam phần.

Môn Ca trù phát sinh từ phía Bắc miền Trung Việt nam, nhưng phát triển mạnh ở miền Bắc (cũng vì thế nên nó có Bắc Việt tính, từ giọng điệu đến tinh thần). Điểm đặc biệt của môn này là, với một số thể điệu hoàn hảo, nó chuyên ca diễn các bài thi phú có tinh thần hưởng lạc của các tao nhân mặc khách nước nhà.

Môn Ca Huế thì phát sinh từ miền sông Hương núi Ngự. Có thể nói rằng những nhạc điệu của môn này là do tiếng mái

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

chèo khuấy nước của cô gái Kim Luông, tiếng bước chân của nàng cung phi trong vườn ngự, tiếng gió mùa xuân thổi trên khóm hoa hồng hạnh hòa hợp lại mà tạo nên. Giọng Ca Huế lả lướt những âm phụ xa vời, gợi cho lòng ta những niềm vui êm sáng những nỗi buồn mênh mang và một mối tình yêu nước thương nòi vô cùng tha thiết.

Sau hết là môn ca Nhạc Tài Tử Nam Phần của miền Nam. Môn ca nhạc này tấu lên cái tâm điệu mơ buồn của những con người miền Nam đứng trước những khu rừng âm u ngút ngàn, những cánh đồng mênh mang hiu quạnh hay những buổi mưa rừng nắng quái, trong nó có một cái gì não nuột, nghe như tiếng oán than của giòng suối lưu lạc nhớ gốc nhớ nguồn. Về tinh thần môn ca nhạc này đồng loại với cải lương (môn cải lương do nó mà ra), song le cao nhã và thuần túy hơn nhiều.

Trong hàng ngũ ca kịch, bên cạnh môn Chèo Cổ còn có môn Hát Bội. Đây là môn nghệ thuật tổng hợp mà với ca nhạc, điệu bộ và mầu sắc nó đã diễn tả đủ thất tình của con người nhất là người Việt nam.

Bên thềm tôn giáo, âm nhạc Việt nam đã vươn nở nhiều bông hoa tinh khôi thuần khiết.

Đáng kể nhất là nhạc Phật giáo, với một số lượng phong phú và một phẩm chất thực là cao siêu. Nghĩ đến nhạc Phật giáo người ta liên tưởng đến một cành hoa sen — nếu cành hoa sen tuy đã xuyên lên tự lòng đất bùn lầy mà vẫn tỏa phơi được hương sắc thanh khiết nhiệm mầu, thì nhạc Phật giáo cũng thế : Đó là những giai điệu triền miên như hoa đào trôi trên giòng suối, lâng lâng như cánh hạc bay vút vào lòng mặt trăng ; đó là tiếng những bước chân khoan thai đang bước ra ngoài vòng thế lụy...

Bên cạnh nhạc Phật giáo là hai môn Thánh giáo và Lão giáo phản ảnh của người đối với các thần lực đầy rẫy trong thiên nhiên ; nó có tính cách u minh và kích thích động tác. Còn môn nhạc Lão giáo thì một phần tiêu biểu được niềm ước

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

vọng phản bổn hoàn nguyên của đạo vô vi, một phần khác tiêu biểu được cái tinh thần uy nghiệm của một pháp sư trừ tà, hiển chánh.

Về phương diện quân sự, Việt nam có môn quân nhạc (cổ truyền). Nét đặc biệt của môn nhạc này là, mặc dù cũng hùng dũng uy nghi, nó lại không có tính cách bạo tàn khát máu.

Đến một khúc quanh lịch sử, môn Cải lương ra đời. Môn ca kịch này là sản phẩm của một sự hỗn hợp giữa nhiều nền nghệ thuật trong nước và ngoài nước. Nó được phổ biến rộng rãi nhất ở miền Nam nước Việt. (Hiện nay, bộ môn này đang chuyển hướng về đường lối thuần nhiên của dân tộc).

Cuối cùng là môn Tân nhạc (gồm cả Ca nhạc, Hòa tấu và Hợp xướng). Đây là một loại hoa mới trong khu vườn âm nhạc Việt nam. Giống hoa này từ Âu Mỹ truyền sang và sau một thời gian ươm trồng trong lòng đất nước, bằng những phương pháp và phương tiện Âu Mỹ, nó đã trổ ra nhiều bông hoa dân tộc có màu sắc thanh tân.

Riêng môn Hòa tấu (bằng nhạc cụ Tây phương) thì Việt nam chỉ mới bước lên đường. Ngoài việc diễn tấu các nhạc phẩm quốc tế, các ban hòa tấu Việt nam còn trình bày những nhạc phẩm của nước nhà nữa.

Hiện nay khuynh hướng triệt để dân tộc hóa môn Tân nhạc (kể cả nhạc Công giáo) đã phát triển mạnh mẽ — đa số nhạc phẩm đã chứng tỏ điều ấy.

Và, chẳng những chủ trương dân tộc hóa các nhạc phẩm, người ta còn chủ trương dân tộc hóa sự diễn tấu nữa : từ chủ trương này, một ban hòa tấu gồm toàn nhạc cụ Việt nam đã được thành lập, một ban hòa tấu sẽ diễn tấu được tất cả các bản nhạc cổ kim trong nước và của miền Đông Nam Á.

Nguồn suối Việt nam, tuôn chảy qua mấy mươi thế kỉ. đã tạo nên hàng nghìn khúc điệu phong phú lạ thường. Những khúc điệu ấy, tùy theo hành trình của nguồn suối, vẫn biến đổi luôn

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

luôn — biến đổi theo năng lực bản nhiên của nó không lúc nào ngừng nghỉ.

Và, mặc dù không tiên tri được tương lai, song nhìn vào hướng tiến của nguồn suối hôm nay tưởng chúng ta cũng có thừa lý lẽ để tin tưởng chắc chắn rằng tiếng Suối của Việt nam ngày mai sẽ ra thế nào. Đấy sẽ là một tiếng suối chan hòa Chân Thiện Mỹ và sẽ có một hình ảnh của một con người lành mạnh: đầu trần, ngực thẳng, chân đứng vững chãi trên mảnh đất tổ tiên, hai tay dang ra để ôm cả vũ trụ và nhân loại vào lòng.

Còn gì phấn khởi hơn niềm tin tưởng này?

NGUYỄN HỮU BA

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

LẠM BÀN VỀ VẤN ĐỀ NGUỒN GỐC VÀ BẢN SẮC CỦA THẦN THOẠI VIỆT NAM

★ LÊ TỬ THÀNH

MUỐN biết một dân tộc có vũ trụ quan và nhân sinh quan như thế nào, thiển nghĩ chúng ta cần khai quật trong các thần thoại và truyện cổ dân gian. Nhưng thần thoại là gì ? Dân tộc Việt nam có thần thoại hay không ? Và nếu có, thần thoại Việt nam đã xuất hiện như thế nào, và đâu là bản sắc của nó ?

A.— NGUỒN GỐC CỦA THẦN THOẠI.

I.— NHỮNG LẬP TRƯỜNG KHÁC NHAU.

Vết tích tư tưởng của một thời đại xa xôi nhất còn rơi lại trong những câu chuyện và được truyền từ cửa miệng người nầy sang cửa miệng người khác, gọi là thần thoại, ngày nay vẫn còn đấy. Thần thoại rêu phong, mờ bụi, nằm yên lặng, hiền hòa và không kém phần bí mật trước mắt chúng ta. Thần thoại là những mẩu chuyện « như thế đó ». Nhưng thần thoại phát xuất từ đâu thì vấn đề vẫn còn nằm trong lãnh vực của những ức thuyết.

Có người bảo, vì dốt nát, không cắt nghĩa được những hiện tượng thiên nhiên, con người đã « phong thần » cho các hiện

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

tượng đó. Hoặc trong buổi đầu còn đầy dẫy những mối đe dọa của thiên nhiên, con người đâm ra khiếp sợ và thấy thần linh ẩn hiện khắp nơi : thần Mưa, thần Gió, thần Sấm, thần Sét, thần Núi, thần Sông, thần Cây, thần Đá v.v...

Có người lại bảo, vì ý thức được thân phận hèn kém của mình, con người đã « tạo » ra thần linh như là nơi nương tựa và nguồn an ủi :

« Thiên Chúa là nơi tôi nương tựa, là nguồn sức mạnh của tôi.
Ngài là sự giúp đỡ luôn luôn sẵn sàng trong lúc tôi bối rối
Ở đây không có kinh hãi, dù cho mặt đất chấn động
Dù cho non bị dời ra giữa đại dương,
Dù cho sóng nước gào thét và cuồng loạn
Dù cho núi non rung chuyển và sụp đổ ». [1]

(Cựu Ước, thánh ca 46)

Cũng có kẻ bảo cái khát vọng vĩ đại nhất của con người là cầm nắm được quyền năng sáng tạo, nhưng vì không đạt được nên đành gửi gắm vào thần linh. Người Ai cập gửi khát vọng đó cho thần Aton :

« Ngài là đấng tạo hình cho thế giới
Và làm cho vạn vật sinh sôi ra vạn bội,
Vì lợi ích của con cái Ngài.
. . . . . .
Chính Ngài tạo nên hạt giống nhân sinh ở người đàn bà,
Và sinh ra tinh trùng ở người đàn ông.
Chính Ngài ban bố sự sống cho hài nhi từ trong thai mẹ
Và nuôi dưỡng hình hài của trẻ thơ ở trong lòng mẹ

---

(1) Nguyễn Hữu Đông, *Ý niệm thần linh trong tư tưởng thượng cổ*, Văn Hóa Á Châu số 5, tháng 8-1960.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Chính Ngài ban hơi thở để làm sống động tất cả những tạo vật của Ngài».

(Kinh Kẻ chết ở Ai Cập) [1]

Dân Sumériens ở Lưỡng Hà Châu phó thác khát vọng ấy cho nam thần Apson và nữ thần Tiamat :

« Đồng ruộng chưa thành hình và đầm lầy chưa phân định
Lúc đó chưa có một vị thần nào được quyền hiện diện,
Chưa có một vị thần nào có tên và chưa cuộc đời nào được điều chỉnh,
Lúc đó giữa muôn từng trời thần linh được tạo dựng
Do sự phối ngẫu của hai vị thần vĩ đại »

(Những bản đất sét của dân Sumériens thời Thượng Cổ) [2]

Thực ra, nói thế nào chăng nữa thì cũng chỉ là những lối giải thích nguồn gốc thần thoại, và cho đến nay có đến hàng chục lối giải thích quan trọng mà J.P. Bayard đã liệt kê như sau :

1) *Thuyết tự nhiên* (Théorie naturaliste)

Cho rằng sở dĩ có thần thoại là do các dân tộc cổ sơ đã thần thánh hóa các hiện tượng khác thường trong thiên nhiên. Đó là những hiện tượng liên quan đến ánh sáng và bóng tối (MARX MULLER, BRÉAL), sấm sét (KUHN, SCHWARTZ), thảo mộc sinh trưởng NHRDT) (MAN, Lửa (REGNAUD, RENEL), các nghi tiết vào đầu năm mới hay mùa xuân (Saintyves).

2) *Thuyết thần thoại* (Théorie mythologique)

Thần thoại phát sinh do quan niệm ấu trỉ về thiên nhiên của người xưa (GUBERNALIS) và trong thần thoại có hàm chứa ý thức tín ngưỡng của dân tộc (SCHELLI)

---

(1) *Bdd.*

(2) Jean Pierre Bayard, *Histoire des Légendes*, PUF, 1955, p. 111.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

3) *Thuyết ngữ học* (Théorie Linguistique)

Dựa vào sự biến thái của các tiếng đã làm tối nghĩa sơ thủy của thần thoại, chứng minh rằng thần thoại phát sinh từ sự thờ cúng mặt trời (BAUDRY, VAN DER HEYN, MARX MULLER)

4) *Thuyết nhân loại học* (Théorie anthropologique)

Thần thoại phản ảnh các lối cảm nghĩ của người cổ sơ. Đó là tàn tích tín ngưỡng và văn hóa man di dựa trên thuyết duy hồn, cho rằng mọi vật trong thiên nhiên đều có linh hồn (TAYLOR, ANDREW LANG, GAIDOZ). FRAZER thì cho rằng ma thuật có trước thuyết duy hồn và chính là hình thức phôi thai của tôn giáo.

5) *Thuyết biểu tượng* (Théorie allégorique)

Xem thần thoại luôn luôn có ngụ ý luân lý, tượng trưng cho một nền triết học xa xưa phát sinh ở Đông phương và truyền sang Hy Lạp bằng ngôn ngữ tượng hình (CREUZER) Có sự liên hệ giữa thần thoại và đạo thờ vật tổ ở thời thái cổ (FRAZER).

6) *Thuyết đông phương* (Théorie orientaliste)

Chủ trương rằng các thần thoại, dưới hình thức truyền miệng đã từ Ấn Độ, do ngã Syrie và Ba Tư xâm nhập vào thế giới Ả Rập rồi tràn vào Âu Châu qua sự trung gian của Thập Tự Quân và nước Tây Ban Nha (BENFLY, PICTET, COSQUIN, GASTON PARIS, BOUSLAÏEV).

7) *Thuyết địa sử* (Théorie géographo historique)

Nghiên cứu thần thoại bằng những đồ thị biến diễn bước tiến của chúng qua thời gian và vẽ những bản đồ ước định nơi xuất hiện cùng sự di chuyển của thần thoại trên mặt đất. Lập bảng tổng kê các truyện cổ dân gian (AARNE). So sánh các truyện cổ với nhau (SIDOW).

8) *Thuyết thị sử* (Théorie poétique historique)

Nghiên cứu về ảnh hưởng của thi ca truyền khẩu hoặc được ghi chép bằng chữ viết cùng vai trò của Thiên Chúa Giáo qua

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

các truyện cổ, khảo sát về các thể thơ khác nhau như hùng ca, trữ tình, bi kịch (VESSÉLOVSKI). Phân tích những phong tục tập quán còn lưu dấu trong các anh hùng ca (VSÉVOLOD MILLER).

9) *Thuyết tâm lý* (Théorie psychologique)

WUNDT phân tích thần thoại theo những điều kiện tâm lý của quần chúng (trạng thái chiêm bao, mê hoảng). Còn FREUD và các môn đệ như ABRAHAM, TANK, RIKLIN thì cho rằng thần thoại là lối phô diễn những ước muốn tương tự như những ước muốn được biểu lộ trong các giấc chiêm bao.

Theo LOEFFLER DELACHAUX, thần thoại lại có công dụng giữ cho tâm lý con người được thăng bằng : chẳng hạn thuở xưa xưa các thiếu nữ bị chửa hoang thường đổ lỗi cho thần Naouli hay Jupiter.

10) *Thuyết lịch sử* (Théorie historique)

Quan niệm thần thoại phát xuất từ các biến cố lịch sử (SCHELLING). Chẳng hạn các tôn giáo đã bắt nguồn từ tục thờ cúng tổ tiên (SPENCER) và nhiều nhân vật có thật trong chính sử đã được thần thánh hóa (HOFFMAN).

Gần đây, CLAUDE LÉVISTRAUSS với thuyết cơ cấu (structuralisme) cho rằng thần thoại chỉ là một thứ ngôn ngữ đặc biệt được cổ nhân dùng để nói lên ý nghĩa của họ về vũ trụ và đời sống xã hội. Cho nên điều trọng yếu không phải là lo đi tìm *nội dung* của các thần thoại. Bởi vì « *bản chất của thần thoại chỉ là cách nói léo lắt* (omphase) *và chức năng của nó chỉ là chức năng ngôn ngữ, nghĩa là nói lên cái cần phải nói.* [1]

Nếu một câu được kết thành bởi nhiều chữ thì mỗi thần thoại cũng được cấu thành bởi nhiều yếu tố. Các chữ của một câu có thể được lấy ra đem đặt vào những câu khác thì các yếu tố của thần thoại nầy cũng có thể được rút ra để đặt vào

---

(1) Claude LéviStrauss, *be Cru et Le Cuit*, Plon, Paris 1965, p. 346.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

những thần thoại khác. Vậy muốn hiểu đúng ý nghĩa của một chữ thì trước hết chữ ấy phải được đặt trong một câu cho rõ nghĩa, thứ đến người đọc phải thấy được thâm ý của tác giả qua câu nói (nói thật hay nói kháy, nói móc, nói khích, nói châm chọc, mỉa mai, bóng gió...). Đối với thần thoại cũng thế. Cổ nhân đã dùng thần thoại để bày tỏ một cách « lắt léo » những ý nghĩ của họ. Công việc của các nhà nghiên cứu vì thế không phải là lôi ra cái ý nghĩa trực tiếp chứa đựng trong các thần thoại mà là khám phá ra cái cơ cấu đang chi phối những thần thoại ấy. Bởi vì nếu những định luật vật lý giảng nghĩa được các hiện tượng thiên nhiên ra sao thì các cơ cấu trong thần thoại cũng có thể giảng nghĩa những hình thái sinh hoạt của một sắc dân như vậy.

II.— PHÊ BÌNH.

Tất cả những thuyết trên đây, ngoại trừ thuyết cơ cấu của Claude LéviStrauss có thể nói đều mang tính chất độc tôn và giáo điều. Người ta qui nguồn gốc thần thoại vào một lý do duy nhất và cho lý do đó có giá trị hơn hết. Nhưng dù giải thích bằng lý do nào đi nữa, các thuyết ấy đều vấp phải một khuyết điểm là thay vì tìm hiểu (comprendre) và triển khai (expliciter) cạc thần thoại, lại đi cắt nghĩa các thần thoại theo quan điểm chủ quan của mình. Những nhà nghiên cứu thần thoại ở Việt nam, đều lâm vào tình trạng đó. Ví dụ Nguyễn Đổng Chi, bàn về lai lịch và bản chất thần thoại đã viết như sau :

« Truyện thần thoại các nước thường ra đời vào thời đại nguyên thủy hoặc vào lúc xã hội chuyển mình sang chế độ nô lệ. Trong thời đại này, sức ép của tự nhiên còn mạnh, trình độ nhận thức của loài người còn ấu trỉ, người ta đã tưởng tượng những lực lượng thiên nhiên những thần để giải thích các hiện tượng thiên nhiên. Người Do thái thời cổ đại đã dựng ra chuyện Thượng đế sáng tạo ra thế giới trong sáu ngày để cắt nghĩa nguồn gốc của trái đất và nguồn gốc của loài người » [1]

---

(1) Nguyễn Đổng Chi, *Sơ thảo Lịch sử văn học Việt Nam*. Nxb Sử Địa, HN 1957, T I, tr.80.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Thực ra người cổ sơ không « giải thích » mà cũng không « cắt nghĩa. » Họ chỉ *nói lên* cái ý nghĩa mà họ đã khám phá, kinh nghiệm, hay nói như Heidegger, thọ đã tiếp thông[1]. Cùng đứng trước vũ trụ vạn vật, người cổ sơ và chúng ta thấy có ý nghĩa khác nhau (Vì bất cứ sự vật nào xuất hiện trước ý thức bao giờ cũng xuất hiện với một ý nghĩa). Do đó không có vấn đề người cổ sơ giải thích các hiện tượng thiên nhiên bằng thần thoại. Nói giải thích tức là nói hiểu biết sự vật một cách khách quan. Giải thích chỉ thị việc diễn tả sự vật đã được ta thấu triệt tường tận. Ví dụ nước là tổng hợp của hydro và oxy. Đó là giải thích. Còn thần thoại trái lại chỉ là khía cạnh của vũ trụ đã được kinh nghiệm, những ý nghĩa mà vũ trụ đã vén lên trước mắt người cổ sơ.

Ví dụ đứng trước những hiện tượng lạ lùng. kỳ diệu của thiên nhiên và trước nguồn gốc đầy bí ẩn của muôn loài, con người nguyên thủy « trực nhận » ra một đấng đã tạo lập nên tất cả : Ông Trời Việt nam, Ngọc Hoàng Thượng Đế Trung Hoa, Brahman của Ấn Độ, Bok của người Bana, Aê Diê của người Ra đê v.v... chính là nguồn gốc uyên nguyên của vũ trụ vạn vật. Trong cái thế sinh hoạt đầy mộc mạc, cổ nhân « thấy » mình do cha mẹ sinh ra cũng như « thấy » vũ trụ muôn loài đều do Ông Trời tạo dựng. Đấng sáng tạo đó hiện hữu một cách thiết thực, sống động, và không bao giờ được người cổ sơ « cắt nghĩa » như là một *nhất thể* (l'un) của mọi *phức thể* (le multiple) ở trần gian theo lối các triết gia về sau. Trái lại Ngài được truy nhận và *sống* như những nhận vật có thực.

Lúc đầu có lẽ đấng sáng tạo chỉ được nhân-hình-hóa với những nét đơn sơ thôi. Nhưng về sau nếp sống con người trở nên phức tạp hơn, do đó đấng sáng tạo cũng được nhân-hình-hóa với những nét phiền toái hơn và có vẻ « người » hơn. Ta thử xem Ngọc Hoàng của Trung Hoa chẳng hạn :

---

(1) Xem Martin Heidegger, *Kant et le problème métaphysique*, De waelhens et Biemel, trads, trads, Gallimard, Paris 1953, p. 288 và *Chemin*, Gallimard, Paris 1962, p. 49.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

« Từ khi mới có trời đất, sanh ra người, vật, muôn loài, vua cõi trên gọi là Ngọc Hoàng Thượng Đế, đời đời cai trị, không dời, không dổi, Người cũng trị luôn cõi Dương gian và Âm phủ nữa. Còn vua hai cõi Dương gian và Âm phủ, đều thay đổi luôn, nhất là cõi Dương gian mau đổi dời hơn hết... Lúc ấy Ngọc Hoàng Thượng Đế, ban mai ngồi ngự đền Linh Tiêu, rằng : « Từ khi mở mang trời đất, Trầm lên sửa máy âm dương, tinh tú bủa giăng, nhựt nguyệt soi sáng, mưa hòa gió thuận, hơi ấm sương sa. Đó là nhờ sức các khanh giúp Trầm dưỡng nuôi người vật. Nay thấy kẻ nhân gian, phạm nhiều tội lỗi, Trầm làm buồn. Xét lại người làm lành có ba, dân làm dữ hết bảy. Ngày hai mươi lăm tháng này là lễ cả, Trầm sẽ xuống dương gian, các khanh hộ giá dạo chơi, xem thử dữ lành cho biết (...) Khi ấy mấy vị theo hầu có thần gió Phùng Di, thần tuyết Đẳng Lục, và họ Quang, họ Triệu, họ Ôn là bốn vị Ngươn soái đồng theo hộ giá xuống trần. Búa Việt sáng lòa, cờ mao giấp giới, Phùng Di quạt gió, Đẳng Lục bủa tuyết theo sau, Ngài đến Dương trần, soi xét người lành kẻ dữ ». [1]

Qua đoạn văn trên đây, chúng ta thấy Ngọc Hoàng Thượng Đế đã được nhân hình hóa một cách cùng cực với những lễ nghi, quyền bính giống hệt như một ông vua ở hạ giới. Hẳn có người sẽ vin vào đó mà nói rằng người Trung hoa xưa kia đã *tạo ra* thần thoại này nhằm *cắt nghĩa* nguồn gốc vũ trụ vạn vật và để thực hiện giấc mơ về một triều đình lý tưởng không có ở trần gian. Qua điểm ấy cũng rất hợp với trường phái tâm lý của Wundt. Nhưng vấn đề ở đây không phải là nhìn theo cặp mắt chủ quan của chúng ta bây giờ để bảo rằng xưa kia cổ nhân đã cắt nghĩa vũ trụ như thế này hay thế nọ. Trái lại thiển nghĩ chúng ta cần phải *triển khai* các vũ trụ mà người cổ sơ đã va chạm, vén mở trong thế sinh hoạt uyên nguyên. Vấn đề là phải làm sao cố gắng *trở về chính sự vật* (Zu den Sachen selbst) mà họ đã sống cho nên giải thích thì khác mà triển khai thì khác. Giải thích thái độ của một người được xem như chúng

(1) *Thuận trị quá giang*, Trần Văn Bình dịch, Nxb. Tín Đức Thi Xã, 1958, tr. 15.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

ta đã biết rõ những yếu tố và nguyên nhân đã cấu tạo thái độ đó. Còn triển khai thì không. « Triển khai nhằm khai mở cái cách thế mà người đó đã sống nghĩa là nhằm trở lại chính cái ý nghĩa của thái độ ấy. » *(Expliquer un comportement c'est développer une manière d'être du sujet c'est à dire en revivre le sens).* [1]

Đối với thần thoại cũng thế. Muốn hiểu nguồn gốc của thần thoại, *chúng ta phải mô tả chứ không được giải thích, phân tích* [2] và chúng ta phải luôn luôn nhớ rằng *cái tôn chỉ của Husserl là dạy ta trở về chính những sự vật.* [3] Trở về chính sự vật tức là tìm lại được cái ý nghĩa đã khai mở trước mắt người cổ sơ, tìm lại được nguồn gốc của thần thoại. Vũ trụ mà người cổ sơ đã gặp gỡ, tiếp xúc, va chạm không phải là những gì chúng ta phỏng đoán, và lại càng không phải là cái vũ trụ của chúng ta nhìn hiện nay.

Vũ trụ là cái mà ta đã tri giác *(Le monde est celà que nous percevons)* [4]. Cho nên chúng ta tri giác thế nào chỉ vũ trụ sẽ thế ấy. Không có vũ trụ đồng đều thông loại cho mọi người. Chỉ có vũ trụ cho từng người và của từng người, chỉ có vũ trụ cho từng xã hội và của từng xã hội, chỉ có vũ trụ cho từng văn minh và của từng văn minh. Bởi vậy cái vũ trụ mà người cổ sơ đã « *nhìn* » và đã « *thấy* » không phải là cái vũ trụ của chúng ta ngày nay. Do đó cái ý nghĩa của vũ trụ đã hiện lộ trước mắt cổ nhân cũng không giống với những ý nghĩa đã hiện lộ trước mắt của con cháu họ. Và từ đó chúng ta tự hỏi cái vũ trụ trong thần thoại là gì nếu không phải là « *cái mà người cổ sơ đã tri giác* » ?

Từ trước đến nay các nhà nghiên cứu thường có tham vọng muốn *giải thích* thần thoại. Do đó họ đã lao mình vào những

---

(1) Jeanson, *La Phénoménologie*, Aubier 1951, p. 73.

(2) Merleau Ponty, *Phénoménologie de la perception*, Gallimard 1954, p. II.

(3) Ibid, p. III.

(4) Merleau Ponty, Ibid, p. XI.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

hướng cắt nghĩa có tính cách thiên lệch. Mải mê trong việc lắp thần thoại vào những tôn chỉ sẵn có, càng ngày họ càng dẫn đưa thần thoại đi sâu vào những ngỏ ngách chủ quan và đánh mất chân tướng của nó. Họ đã cắt nghĩa, giải thích thần thoại đủ kiểu duy có một điều cốt yếu là « *tại sao thần thoại có thể xuất hiện nơi con người* » thì lại rũ nhau bỏ qua không nói đến.

Vậy tại sao thần thoại có thể xuất hiện nơi con người ? Hay nói cách khác, tại sao người cổ sơ thấy có thần ở trong thiên nhiên, khi thấy một tảng đá rơi xuống đè chết người, một cành cây gãy đập chết người hay một dòng sông chảy xiết cuốn chết người v.v..., người ta không bảo tại đá, tại cây, tại nước, làm chết mà lại bảo tại « *thần* » ?

Các thần đó có sẵn trong thiên nhiên hay do con người tạo ra ? Thần linh là những vật tự tại (des en-soi) hay chỉ là sản phẩm của con người ?

1) *Phê bình quan điểm duy khách quan.*

Những người theo quan điểm này cho rằng thần linh là những vật tự tại, hiện hữu thực sự trong thiên nhiên như tất cả các sự vật khác.

Chủ trương đó ngày nay khó lòng đứng vững bởi lẽ rằng ngày nay chúng ta không còn « thấy » cũng như không có dấu hiệu gì chứng tỏ sự hiện diện của các thần. Thần linh đã tan biến thành mây khói kể từ khi ánh sáng khoa học được thắp lên và soi dọi vào những cảnh giới thâm u, hãi hùng của vũ trụ vạn vật : Thiên nhiên trở thành nguồn lợi cho con người và con người đã làm chủ thiên nhiên. Những ngọn núi cao ngút ngàn và đầy cuồng nộ sẽ là nguồn điện lực vô biên. Rừng rú thâm u sẽ là kho lâm sản vô tận. Con người không còn thấy bóng dáng của thần linh thấp thoáng ẩn hiện trong đó.

Nếu thần linh là những vật tự tại thì phải nằm lù lù ra đấy và sẽ tác oai tác phúc để con người nhận ra sự hiện diện của mình. Nhưng sự kiện đó không thể có được bởi vì thần linh không hiện hữu thực sự và đã qua rồi trong một thời xa xăm...

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

2) *Phê bình quan điểm duy chủ quan.*

Những người theo quan điểm duy chủ quan lại cho rằng thần linh sản phẩm của con người đã tạo ra thần linh để giải thích những hiện tượng xảy ra trong trời đất (sấm, sét, mưa, gió, bệnh tật v.v...) để ru ngủ sự khổ đau, an ủi nỗi thất vọng hay gửi gắm cái hoài bảo nắm được quyền sáng tạo. Thần linh là một mãnh lực, một tinh thần có đủ những hỉ, nộ, ái, ố... như con người. Nếu trong Cựu Thế nói : « Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh của Ngài », thì ở đây chúng ta cũng có thể bắt chước nhại lại rằng: « Con người đã sáng tạo hình ảnh của mình ». Chính Xénophane cũng đã nói một cách hài hước và chí lý: « Nếu bò, ngựa, sư tử có tay và có thể dùng tay để vẽ và sáng tạo những tác phẩm như người, thì ngựa, sẽ vẽ mặt thần linh giống như mặt bò và vẽ thân của hình của các ngài giống như thần hình của chúng ». [1]

3) *Quan điểm đề nghị.*

Kant bảo mọi kiến thức của ta đều bắt nguồn từ kinh nghiệm và điều đó không có gì đáng nghi ngờ. Ông lại còn nhấn mạnh rằng không có một kiến thức nào của chúng ta lại có thể đi trước kinh nghiệm và chính từ kinh nghiệm mà mọi kiến thức được bắt đầu. [2] Kiến thức về thần linh chắc hẳn cũng thế. Nó không thể xuất hiện từ hư vô nhưng phải bắt nguồn từ kinh nghiệm gặp gỡ, tiếp xúc giữa con người với cảnh giới, vũ trụ. Nó là kết quả của sự giao thoa giữa chủ thể và đối tượng, nghĩa là giữa con người cổ sơ và vũ trụ bao quanh với núi rừng trùng điệp sông nước mênh mông, cây cối thâm u sầm uất... Thần linh bởi thế không phải là những sự vật tự tại nằm lù lù ở bên ngoài thiên nhiên và cũng không phải là sản phẩm thuần túy của chủ thể. *Thần linh là một tương đồng thể* (corrélat) *giữa*

---

(1) Dẫn trong Mircea Eliade, *Aspect du Mythe*, Gallimard, coll. Idées, 1963. tr. 187.

(2) Emmangul Kant, *Critique de la Raison Pure*, textes choisis par Florence Khodos, PUF 1957, p. 38.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

ý thức (noèse) *và cái mà ta ý thức* (noème), *giữa con người cổ sơ và vũ trụ thiên nhiên vây bủa chung quanh.*

Như vậy kinh nghiệm là *cần* thiết nhưng kinh nghiệm chưa phải là yếu tố *đủ* để tạo ra kiến thức [1]. Muốn có kinh nghiệm về thần linh, hay nói khác đi, muốn nhận ra có « thần » ở trong thiên nhiên thì *trước hết phải có thiên nhiên nhưng đồng thời cũng phải có khả năng truy nhận của con người :* Kant gọi đó là những phạm trù tiên nghiệm (les catégories a priori) của trí năng. Nhưng để tránh tính cách cơ giới của những phạm trù Kant, chúng ta nên gọi đó là *khả năng* riêng biệt của con người. Nói rằng riêng biệt bởi lẽ cũng sống trong những cảnh giới như con người, thế mà loài vật không nhận thấy thần linh ở trong vũ trụ, bằng chứng là chúng không « thờ cúng » hoặc bày tỏ sự sùng kính nào đối với thiên nhiên. Chưa bao giờ chúng ta thấy loài vật quây quần trước một khối đá hay cây đa chiêm bái hoặc bày tỏ một cử chỉ nào khác thường khả dĩ có thể gọi là có sự tín ngưỡng ở thần linh. Đối với những gì con người sợ hãi, cung kính và tin tưởng rằng có thần linh ngự trị, loài vật vẫn xem như không có. Chúng điềm nhiên phóng uế và giao cấu ngay tại đó một cách bừa bãi, không hề tỏ dấu hiệu gì là sợ sệt. Vậy chúng ta sẽ cắt nghĩa làm sao đây cái thái độ như thế của loài vật đối với vũ trụ thiên nhiên ? Và cũng từ đó phải chăng có thể kết luận rằng *nhận ra thần linh trong thiên nhiên là một khả năng riêng biệt của con người ?*

a) Điều kiện để thần linh xuất hiện trước ý thức con người : Sự khác thường.

Thần linh, như đã nói, là một *tương đồng thể* giữa ý thức con người và vũ trụ vạn vật. Con người có khả năng truy nhận các thần linh. Nhưng thần linh cũng chỉ có thể xuất hiện *từ* thiên nhiên cụ thể và *cho* ý thức con người. Thần linh không phải ở bất cứ nơi nào cũng có. Con người chỉ thấy thần linh ở trên các cây cao bóng mát, trong những cảnh tượng thâm u

(1) Kant, *Ibid*, p. 38.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

huyền hoặc, những tảng đá khổng lồ... Thần linh cuồng nộ kéo theo những cơn gió khủng khiếp, làm sụp đổ nhà cửa cây cối, đánh chìm các thuyền bè trên biển cả. Ở dưới nước có thần Hà Bá, trên trời thì có thần Sấm, thần Sét, thần Mặt Trăng, Mặt Trời... Nói chung người ta nhận ra thần linh trong những mảnh lực thiên nhiên hoặc gây khủng khiếp, hoặc đem lại lợi ích cho con người. Chúng ta không lấy làm lạ khi thấy trong buổi đầu lại có lắm thần đến thế. Bởi vì thuở đó cảnh giới vũ trụ còn thâm u, mịt mùng, đầy dẫy thú dữ, rắn rết và khí độc. Ao hồ, kinh lạch, sông ngòi cũng đầy dẫy thuồng luồng, cá sấu. Tất cả những thứ đó luôn luôn gây tai ương, khủng khiếp cho con người. Con người như bị đè nén ngột ngạt trong cảnh chết chóc thường xuyên. Bởi thế trước bất cứ hiện tượng khác thường nào, con người cũng cảm thấy khiếp sợ và thấy ở đó có thần linh. Xưa kia người ta đâu có biết rằng sự chuyển động của không khí từ vùng có khí áp mạnh đến vùng có khí áp yếu là nguyên nhân của gió bão; rằng vì quả đất quay chung quanh mặt trời nên có ngày và đêm; rằng vi trùng là căn nguyên của các bệnh dịch hạch, đầu mùa, thổ tả v.v... Ở thời mà khoa học chưa có mặt để giải thích những hiện tượng lạ lùng của thiên nhiên và lý trí chưa đủ sáng suốt để phân biệt đâu là nguyên nhân của các tai nạn thì bất cứ nơi nào người ta cũng thấy có thần linh hiện diện. Thần linh luôn luôn hiện ra trong những sự, những vật khác thường, phi thường. Đá là vật vô tri, không chuyển động, đặt đâu nằm đấy. Vậy mà có những trường hợp đá lăn làm chết người. Hẳn là do thần mà ra ? Nước thường hằng ngày dùng để giặt giũ, tắm rửa, ăn uống. Nước hiền hòa và chẳng có gì đáng sợ. Thế mà có những con nước đã cuốn phăng người, dìm sâu thuyền bè xuống lòng sông đáy biển. Thần đấy ! Chỉ có thần mới gây ra những việc phi thường như thế.

Ta lại thấy trên mặt địa cầu, dù là thuở xưa cũng có những vùng cảnh giới không thâm u, tối tăm, huyền hoặc mà còn thừa ánh sáng chói chang như các sa mạc Phi châu hay thừa quang đãng như các dãi tuyết mênh mông ở Bắc cực. Thế mà các dân

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

tộc ở đó cũng nhận ra sự hiện diện của thần linh. Như vậy, thần linh không nhất thiết cư ngụ ở những cảnh giới huyền hoặc thâm u. Điều kiện để thần linh xuất hiện trước ý thức con người là sự *khác thường*. Những vật được phong thần bao giờ cũng có một cái gì khác lạ, phi thường có thể gây ngạc nhiên, kinh hoàng hay thán phục cho cổ nhân. Những bãi cát bao la, từ năm này qua năm khác vẫn phơi mình dưới ánh nắng thiêu đốt của mặt trời mà không hề suy chuyển đổi thay. Những dãi tuyết mênh mông, trước sự giá buốt làm tê cứng con người, xem ra dường như vẫn dững dưng bình thản. Giữa những cánh đồng bao la nắng cháy, có những ngọn núi vẫn đứng sừng sững, mặc cho năm tháng đổi dời. Sự bền vững đó quả là phi thường đối với con người. Con người luôn luôn có kinh nghiệm về sự đổi thay, tan hợp, sinh tử, thế mà qua bao nhiêu thăng trầm, bao nhiêu vật, bao nhiêu người đã chết, mà những sa mạc, biển tuyết, ngọn núi kia vẫn còn đó. Phải chăng chỉ thần linh mới có cái đặc tính siêu quần kia ?

Tóm lại, thần linh chỉ xuất hiện trong những hiện tượng khác thường hoặc có tính cách bền vững với thời gian. *Khác thường* bao hàm sự siêu việt khỏi sinh hoạt tầm thường của con người. *Bền vững* chỉ thị đặc tính mà con người không có. Cho nên *con người không thờ hòn đá vì hòn đá — xét như là một vật vô tri — mà thờ hòn đá trong thái độ xem nó như là một cái gì khác thường, biểu lộ một sức thiêng liêng, huyền bí, cao cả và vượt trên cái tầm thường hàng ngày.*

b) Thần linh xưa và nay.

Con người có khả năng nhận ra thần ở trong vũ trụ thiên nhiên. Khả năng đó ngày nay có còn không ? Và bóng dáng thần linh ngày nay ở đâu ?

Chúng ta có thể trả lời ngay là khả năng nhận ra thần linh của con người ngày nay vẫn còn, nhưng thần linh thì đã mặc nhiều hình thức khác nhau :

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

• *Thần linh của người có tôn giáo.*

Hình thức thứ nhất là thần linh của người có tôn giáo. Ngày nay trước ánh sáng của khoa học, phần lớn những hiện tượng phi thường đối với người cổ sơ, đã trở nên mất tính chất phi thường. Mưa gió, sấm chớp... chỉ là những hiện tượng vật lý có thể giải thích được. Các bệnh tật nguy hiểm cũng chỉ là những hiện tượng thông thường đối với y học.

Nhưng sự phi thường của vũ trụ vạn vật không phải vì thế mà chấm dứt. Người ta vẫn không ngớt thắc mắc, tra vấn về nguồn gốc vũ trụ và con người.

Một số người đã tìm được lời giải đáp thắc mắc trong các tôn giáo. Chẳng hạn tín đồ Ki tô giáo cho rằng Thiên chúa đã tạo ra vạn vật. Thiên chúa chính là vị thần tối cao của họ. Đối với Bà la môn giáo, Lão giáo, Khổng giáo thì *Brahman*, *Đạo*, *Thiên Lý* chính là vị thần duy nhất và cao cả (nên nhớ thần linh ở đây đã vượt xa nguồn cội đa thần trong buổi đầu và không còn phải là một *ngôi vị* sáng tạo vạn vật như Thiên chúa trong Ki tô giáo mà chỉ là một *Nguyên Ủy* siêu hình). Như thế giai đoạn đa thần đã nhường chỗ cho giai đoạn độc thần. Thần linh tản mác khắp vũ trụ đã được qui về một mối. Và dưới một hình thức mới, bóng dáng của thần linh vẫn còn.

• *Thần linh của người vô thần.*

Hình thức thứ hai là thần linh của những người vô thần. Đã vô thần thì hiển nhiên không thể có sự tin tưởng và tôn thờ thần linh. Thế giới hoàn toàn bị tục hóa và trở thành nguồn tài nguyên cho con người khai thác. Con người dần dà chế ngự hết các mãnh lực thiên nhiên và trở thành chủ nhân ông của thế giới. Cuối cùng vũ trụ không còn có vị thần nào khác hơn là con người.

Tuy nhiên, nếu những người vô thần không tôn thờ Thượng đế thì họ lại tôn thờ Khoa học, Kỹ thuật, Hitler, Mussolini, Staline, Sartre, James Dean, Brigitte Bardot... như là những chân

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

«Triết học thực tiễn của Khổng tử cùng Phật và Lão giáo đã biến đổi chân tướng của thần thoại Việt nam, cũng như đã thay đổi sâu sắc văn hóa Việt tộc. Thần thoại nhuốm nhiều yếu tố Tiên, Phật và thế giới của thần phản ảnh tổ chức quân chủ ở hạ giới theo quan niệm Nho giáo».[1]

Nhận xét trên đây không phải là không có lý. Vì ảnh hưởng của những nền văn hóa lớn như Ấn độ và Trung hoa trên văn hóa Việt nam là một sự kiện có thực. Tuy nhiên, nếu do ảnh hưởng đó mà bảo rằng thần thoại Việt nam «đã biến đổi chân tướng» và «mất hết bản sắc thuần túy» thì chúng tôi không hoàn toàn đồng ý bởi nhiều lý do:

1) *Buổi đầu dân tộc nào cũng có thần thoại.*

Xuyên qua lịch trình tiến hóa của tư tưởng nhân loại, chúng ta thường thấy buổi đầu dân tộc nào cũng có thần thoại. Chính trong tác phẩm *Cours de philosiphie positive*, August Comte cũng có nói rằng các dân tộc cổ sơ đều đã trải qua giai đoạn thần học: Đó là giai đoạn ngự trị bởi các thần linh: Và thần linh đã tiến từ cái thế vật thần sang đa thần rồi đến nhất thần. Ở thời kỳ vật thần (lâge fétichiste) con người mặc cho mỗi vật trong vũ trụ một linh hồn và cũng có khả năng suy nghĩ như con người: hồn đất nước, hồn sông núi, cỏ cây... Tôn giáo vật thần thường chỉ hạn hẹp trong phạm vi nhỏ như thị tộc, bộ lạc chứ không có tính cách phổ biến. Khi xã hội phát triển, số người trong mỗi thị tộc tăng lên nhiều và bành trướng rộng lớn khiến người ta không thể tập họp chung quanh một vật thần như trước đây nữa. Mặt khác, sự va chạm và sử dụng các vật thiêng liêng hàng ngày dần dần làm cho chúng mất tính cách thiêng liêng. Đó là những lý do đã khiến cho tôn giáo vật thần tan rã và chuyển sang tôn giáo đa thần. Trong thời kỳ này (lége polythéiste) thần linh được qnan niệm như là những nhân vật tách biệt ở ngoài sự vật và có thể tác tạo, điều khiển mọi sự cùng các hiện tượng

---

(1) Hoàng trọng Miên, «*Việt nam Văn học Toàn thư*», (t I, Quốc hoa xb, Sàigon 1959).

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

trong thiên nhiên nhiên. Do đó mới có thần sông, thần núi, thần mưa, thần gió, thần sấm, thần sét v.v... Sau thời kỳ đa thần là thời kỳ nhất thần (lagémonothéiste). Lúc này chỉ còn một thần thôi. Đây là vị thần tối cao duy nhất có quyền hành tuyệt đối và làm bá chủ vũ trụ. Ví dụ như thần Jupiter ở Hy lạp, Ngọc hoàng thượng đế ở Trung hoa hay Brahman ở Ấn độ [1].

Thời kỳ thần học là giai đoạn của các thần linh. Hay nói một cách khác, đây cũng là giai đoạn của các thần thoại, là vết tích in dấu đời sống tư tưởng và đồng thời cũng là những sáng tác văn nghệ đầu tiên của người cổ sơ. Đứng trước vũ trụ đầy bí nhiệm và luôn luôn gieo rắc khủng khiếp, tai ương, người cổ sơ có cảm tưởng như bị thần linh đè nặng trên vũ trụ và không ngớt tác oai tác phúc. Cho nên con người phải phủ phục dưới chân thần linh để ca tụng, tế lễ ngõ hầu mong được an toàn vô sự. Còn người xưng tụng, nhắc nhở đến thần linh, cùng những đặc điểm và uy quyền của Ngài qua những mẫu truyện được truyền từ miệng người này sang người khác để cùng nhau ghi nhớ mà tuân theo ý muốn và nghiên mình trước uy quyền của thần. Thần thoại vì thế đã được phát sinh và đó là dấu vết *tự nhiên* của một giai đoạn lịch sử nhân loại.

3) *Tên đất trong thần thoại Việt nam.*

Đối với những ai còn ghi ngờ Việt nam không có thần thoại, chúng tôi thiển nghĩ nội một chứng lý có tính phổ quát trên đây cũng đủ trả lời cho sự ngờ vực ấy.

---

(1) Luật tam trạng (lois des trois états) của Comte không hoàn toàn đúng. Ông dự đoán rằng sau giai đoạn thần học sẽ là giai đoạn siêu hình và tiếp đến là giai đoạn duy nghiệm. Giai đoạn siêu hình sẽ được thay thế bằng giai đoạn duy nghiệm và tự nó sẽ biến mất. Nhưng ngày nay nhiều dân tộc đã bước qua thời kỳ duy nghiệm vậy mà giai đoạn siêu hình vẫn còn tồn tại. Thực tế đã làm sụp đổ dự đoán của Comte về bước tiến tinh thần của nhân loại. Riêng nhận xét của Comte về giai đoạn thần học thì rất phù hợp với thực tế. Comte đã nói không sai bởi lẽ ý kiến của Comte về giai đoạn nầy chẳng qua cũng chỉ là qui nạp và tổng quát hóa những dữ kiện đã xảy ra trong lịch sử nhân loại. Nói về quá khứ (với những điều đã có sẵn) bao giờ cũng dễ có thể đúng hơn là nói về tương lai...

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Tuy nhiên bên cạnh tính cách thông loại đó, chúng ta còn có những dữ kiện khác để làm chứng cho sự có mặt của thần thoại Việt nam. Một trong những dữ kiện ấy là các tên đất hiện còn lưu dấu trên quê hương ta.

Ví dụ *truyện thần Trụ Trời* kể rằng trong buổi trời đất còn mịt mờ hỗn độn, có một vị thần khổng lồ đã đào đất vác đá đắp thành một cái cột để chống trời lên và tách ra thành trời và đất. Ngày nay người ta còn thấy dấu vết của cột chống trời ở núi Thạch môn (cũng gọi là núi Khổng lồ hay Không lộ) thuộc tỉnh Sơn tây Bắc việt.

Theo *truyện thần Mưa* thì ngày xưa thần Mưa (có hình rồng) thường được trời sai đi phân phát nước trên mặt đất. Công việc nặng nề quá một mình thần không làm xuể nên Trời phải mở một cuộc thi, chọn các giống thủy tộc để giúp thần Mưa: địa điểm của cuộc thi hóa rồng là Cửa vũ (Vũ môn) thuộc tỉnh Hà tĩnh ngày nay.

Truyện thần Nam và thần Nữ kể rằng ngày xưa « Bà Nữ Oa bằng ba mẫu ruộng, và ông Tứ tượng bằng bốn con sào ». Tứ tượng muốn kết duyên cùng Nữ oa. Nữ thần thách Nam thần đắp núi thi. Đắp trong vòng ba ngày nếu núi Nam thần cao hơn thì Nữ thần bằng lòng làm vợ. Nhưng cuối cùng Nam thần bị thua cuộc. Nữ thần bèn đạp đổ núi của Nam thần xuống và bắt làm lại những núi khác. Núi của Nữ thần tương truyền nay là núi Nam giới ở Hà tĩnh. Còn những ngọn núi mọc từ Bắc chí Nam là những núi do Nam thần ra sức đắp lại cho Nữ thần bằng lòng.

Các thần Núi mang tên đất Việt nam còn rất nhiều: thần Núi Tản viên ở Bắc việt, thần Núi Kim âu, thần Núi Đồng cổ ở Thanh hóa, thần Núi Ô trà, thần Núi Kim nhan ở Nghệ an v.v... Các thần Đất (thổ thần) cũng thế.

Rồi *truyện Sơn tinh và Thủy tinh* tranh nhau công chúa My nương con vua Hùng vương diễn ra ở vùng sông Đáy, sông Đà, sông Hát, sông Thiên tích và các làng Cam giá, Xả lao, Cổ nhạc, Mỹ xá cũng đều là những tên đất ở Bắc việt.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Chúng ta có thể kể thêm *truyện Lạc Long Quân* giết Ngư tinh ở Vịnh Bắc Việt, chém chết Cửu vĩ Hồ tinh (cáo chín đuôi) ở Long biên (Hà nội ngày nay) hay đánh đuổi Mộc tinh ở Phong châu (Phú thọ) v.v...

Tóm lại, nếu cứ tiếp tục đọc các thần thoại Việt nam, chúng ta còn gặp vô số những địa danh khác nữa thuộc vùng đất cổ của dân tộc. Nhưng thiển nghĩ chừng đó dẫn chứng cũng tạm đủ làm bằng cho lập luận của chúng tôi.

3) *Vết tích lịch sử trong thần thoại Việt nam.*

Ngoài những thần thoại mang địa danh của non nước Việt, chúng ta thấy còn vô số thần thoại in dấu vết lịch sử và những sắc thái đặc biệt của dân tộc.

Truyện thánh Gióng ở làng Phù đổng (thuộc Tỉnh Bắc ninh ngày nay), từ một đứa bé ba tuổi không biết lật, không biết nói bỗng vươn vai thành một người to lớn khác thường, cởi ngựa sắt ra chiến trường dẹp tan giặc Ân là một truyện đặc biệt Việt nam. *Truyện thần Kim qui* giúp An Dương Vương xây thành Cổ loa (hiện còn dấu vết ở làng Cổ loa (tỉnh Phú yên) và cho nhà Vua một móng rùa để làm nỏ thần cũng thế. Nó là một câu truyện chỉ xảy ra trong lịch sử Việt nam và có những tình tiết đặc biệt kỳ thú, độc đáo. Ngày nay, An Dương Vương vẫn còn được thờ ở làng Cổ loa. Trước làng vẫn còn cái giếng mà tục truyền ngày xưa Trọng thủy đã tự vẫn ở đó. Dân chúng vẫn tin rằng nếu đem ngọc trân châu ở biển Đông hải (do các con trai đã ăn nhằm phải máu của Mỵ châu) rửa ở nước giếng Trọng thủy thì ngọc sẽ sáng lên. Ta có thể kể thêm những truyện như Hồng bàng, Hùng vương, thần Tản viên, Hậu thổ Thị Phu nhân, thần Đồng cổ v.v... đều là những thần thoại có liên hệ mật thiết với lịch sử Việt nam.

4) *Sắc thái dân tộc trong thần thoại Việt nam.*

Những thần thoại mang sắc thái đặc biệt của dân tộc cũng có rất nhiều.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Chẳng hạn *truyện Nữ Thần Mộc* kể rằng xưa kia Trời thấy loài người sống trong các hang hốc khổ cực mới sai thần xuống hạ giới dạy cho con người cách làm nhà. Một hôm dân chúng ra suối tắm, thần (mang hình ảnh một bà lão) chỉ vào một bụi dứa dại, ngắt một lá đầy gai cứa vào chân rách cả da. Hai anh em Lộ ban và Lộ bốc tinh ý bắt chước theo, làm ra một cái cưa. Từ đó người ta biết dùng cưa để xẻ cây. Lại một hôm bà thần đứng thẳng, chống hai tay vào hai bên hông, có ý ngầm ra kiểu nhà. Hai anh em Lộ ban và Lộ bốc theo đó chế ra kiểu nhà đầu tiên : một cột chính giữa hai đầu kèo hai bên. Ấy là kiểu nhà cổ Việt nam, hình chữ đinh. Về sau thợ mộc mới theo đó chế biến ra các kiểu khác.

Lại *truyện thần Gió* kể rằng xưa có một người nghèo đói đi ăn xin đã lâu mới được một bát gạo, đem xuống vo dưới ao, chẳng may gió đâu thổi tứ tung làm lật rá gạo đổ mất. Anh ăn mày khóc lóc thảm thiết, không biết bắt đền ai, càng nghĩ càng giận trận gió, bèn làm đơn kiện với trời. Trời sai đòi thần gió đến hỏi. Thần khai với Trời rằng phải buổi đi vắng, đứa con ở nhà làm gió thổi chơi nên mới xảy ra chuyện như thế. Trời sai đánh chết đứa con ấy. Hồn nó xuống hạ giới không biết làm gì, phải đi chăn trâu. Sau lại chết hóa thành cây ngãi gió. Khi nào sắp có gió thì nó cuốn bông lại để báo tin cho thiên hạ biết. Người ta lại còn dùng lá cây ngải gió để chữa bệnh cho trâu vì con thần Gió nguyên trước làm nghề chăn trâu. Bóng dáng cây ngải gió mọc đó đây, cùng cái lối người bình dân dùng cây ngải gió để chữa bệnh cho trâu và nhất là hình ảnh chiếc cầu ao núp sau các lủy tre xanh ở miền Bắc thật là đặc biệt Việt nam.

Câu *truyện bánh dầy bánh chưng* cũng là một thần thoại đặc biệt Việt nam nữa. Chính thần linh đã ứng mộng dạy cho Lang Liệu (con thứ chín của vua Hùng vương) cách làm bánh. Thần bảo rằng : « Trong trời đất không có gì quí bằng gạo, vì gạo là của để nuôi dân, người ta ăn mãi không chán, không có vật gì đứng trước được, nếu lấy gạo nếp gói làm hình tròn để

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

tượng Trời, hoặc gói làm hình vuông để tượng đất ở trong làm nhân cho thật ngon, bắt chước hình trạng trời đất bao hàm vạn vật, ngụ ý cái ơn trời đất phát dục vạn vật, như thế thì lòng cha sẽ vui, tôn vị chắc được » [1]. Bởi vậy mà trong khi hai mươi mốt vị hoàng tử khác đua nhau đi tìm « trân am mỹ vị » dâng cúng tiên vương để được vua cha truyền ngôi báu thì Lang Liêu, một cách đơn sơ và mộc mạc lại lấy nếp trắng vo sạch, lấy lá chuối gói thành hình vuông và bỏ nhân ở giữa rồi đun nấu chín thành bánh chưng. Lại lấy nếp nấu xôi quết thật chuyển nặn thành hình tròn để tượng trời gọi là bánh dầy. Cuối cùng khi dâng bánh lên, Lang Liêu được vua cha truyền ngôi cho. Vậy là Lang Liêu được ngôi báu vì Lang Liêu đã có một phẩm vật, mang ý nghĩa đặc biệt. Bánh dày, bánh chưng là một thứ bánh chỉ một mình Lang Liêu có cũng như sau này bánh dày dánh chưng là một thứ bánh *chỉ một mình dân tộc Việt nam có.*

5. Dấu vết thần thoại còn để lại trong các đình làng.

Khắp Bắc việt, Trung việt và phần nào ở Nam việt, làng nào cũng có một ngôi nhà chung để thờ thần và làm nơi tụ họp của dân chúng gọi là đình. Đình thường khá bề thế, hình chữ T. Phần dọc là đình trong (hậu cung hay nội diện) phần ngang là đình ngoài (tiền tệ hay đại bác). « Trong hậu cung có tượng hoặc bài vị của thần an phụng trong long nghi hay long khám, trên hương án có hòm án chứa sắc phong kim sách cùng những đồ thờ như tam sự, ngũ sự, đài rượu, quả trầu v.v... Ở trước thì các đồ nghi trượng và lỗ bộ, như loan giá, long đình, bát bửu, cờ quạt, tàn tán v.v... » [2]

---

(1) Trần Thế Pháp, *Lĩnh Nam chích quái*, Lê Hữu Mục dịch, Khai Trí xb 1961, tr. 58.

(2) Xem Đào Duy Anh, *Việt Nam văn hóa sử cương*, Bốn Phương xb 1951, tr. 207-209.

Nguyễn Văn Khoan, *Essai sur le Đình et le culte du génie tutélaire des villages au Tonkin*, B.E,F.E.O, t XXX, 1930. fase. 1-1.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Về các thần được thờ có thể là thần Tản Viên, thần Chử Đồng Tử, Phùng Hưng, Trưng Trắc, Trưng Nhị, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, những vị có công ơn khai sáng ra làng, những người chết bất đắc kỳ tử gặp giờ thiêng v.v... Dân chúng ở hương thôn đối với các thần như chúng ta đối với tổ tiên. Gặp các ngày húy và các ngày tuần tiết trong năm đều phải cung cấp. Ngoài ra còn có lễ Thượng Nguyên, Trung Nguyên, Hạ Nguyên, Hàn Thực, Đoan Ngọ, Trung Thu, Nguyên Đán, Xuân Tế, Thu Tế. Hằng năm hoặc vài năm một lần, dân làng làm lễ Nhập tịch (Đại Hội, Vào Hội, hay Vào Đám) để kỷ niệm ngày sinh hay ngày kỵ của thần, trong dịp này có tổ chức nhiều nghi tiết quan trọng, nhiều cuộc vui như hát tuồng hát chèo đánh cờ người, leo cột mỡ, chọi trâu, chọi gà, cướp cầu, chạy ngữ, v.v...

Đình là nơi dân Việt lập ra để thờ các thần linh. Sự kiện đó khiến chúng ta tự hỏi phải chăng đó vết tích của giai đoạn thần học còn để lại trong các đình làng ở Việt nam ?

Dân tộc ta ngày nay, với một nguồn gốc xuất hiện khá xa xưa trên lưu vực sông Hồng, với những thần thoại mang đầy địa danh của đất nước, còn in dấu nhiều vết tích lịch sử, còn được nhiều sắc thái đặc biệt của sinh hoạt dân tộc và còn lưu tồn trong từng làng mạc hẻo lánh khắp nơi, ngần ấy thứ không đủ để chúng ta kết luận rằng Việt nam có thần thoại và thần thoại Việt nam còn mang đầy bản sắc của dân tộc hay sao ?

Chúng tôi đồng ý là có một số thần thoại Việt nam không còn mang đúng sắc thái lúc ban đầu, sau khi đã chịu ảnh hưởng của thần thoại Ấn độ, Trung hoa hay của các dân tộc khác. Tuy nhiên không thể vì một số thần thoại bị pha trộn mà có thể kết luận là thần thoại Việt nam đã hoàn toàn « biến đổi chân tướng » và « mất bản sắc ».

LÊ TỬ THÀNH

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

SÁCH BÁO THAM KHẢO

Đào Duy Anh, *Việt Nam văn hóa sử cương*, Bốn Phương xb, SG 1950.

Nguyễn Đồng Chi, *Lược sử thần thoại Việt Nam*, Văn Sử Địa xb, HN 1956. *Kho tàng cổ tích Việt Nam* (2 tập) Khoa Học xb, HN 1963. *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam*, Sử Địa xb, HN 1957.

Nguyễn Văn Ngọc, *Truyện cổ nước Nam*, Thăng Long xb, SG 1958.

Hoàng Trọng Miên, *Việt Nam văn học toàn thư*, tập 1 : *Thần thoại*, Quốc Hoa xb, SG 1959. tập 2 : *Cổ tích*, Văn Hữu Á Châu xb, SG 1960.

Trần Thế Pháp, *Lĩnh nam chích quái*, Lê Hữu Mục dịch, Khai trí xb, SG 1963.

Auguste Comte, *Cours de philosophie positive*, Hachette, Paris 1943.

Claude Levi-Strauss, *Anthropologie structurale*, Plon, Paris 1958. *Le cru et le cuit*, Plon, Paris 1965.

Edmund Husserl, *La philosophie comme science rigoureuse*, PUF, Paris 1962.

Gusdorf, *Mythe et Métaphysique*, Flammarion, Paris 1953.

Jean Pierre Bayard, *Histoire des légendes*, PUF, Paris 1957.

Merleau-Ponty, *Phénoménologie de la perception*, Gallimard Paris 1955.

Martin Heidegger, *Kant et le problème métaphysique*, Gallimard Paris 1955. *Chemin*, Gallimard, Paris 1962.

Mircéa Éliade, *Aspects du mythe*, Gallimard, Paris 1963.

Nguyễn Văn Khoan, *Essaisur le Đình et le culte du génie tutélaire des villages au Tonkin*, B.E.F.E.O. TXXXVIII, 1938, fasc 1.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

TÌM HIỂU VỀ KỊCH NGHỆ

☆ DOÃN QUỐC SỸ

I.— BẢN CHẤT, NGUỒN GỐC, VÀ NGHỆ THUẬT KỊCH.

KỊCH là một hình thức nghệ thuật thể hiện một câu chuyện tưởng tượng vẽ con người trải qua biến cố này nọ mà tuyệt nhiên không phải dùng đến phương thức thuật sự miêu tả hay giải thích như ở tiểu thuyết. Giả sử một câu chuyện được diễn tả chỉ bằng điệu bộ không thôi, không nói, mà khán giả vẫn hiểu được đầu đuôi tình tiết, ấy cũng là kịch vậy — vở kịch câm.

Lời nói trong kịch không những chỉ là những lời đối thoại, mà kịch tác gia còn hữu ý gián tiếp dùng những lời nói đó để hé lộ những cảm nghĩ thầm kín nơi nội tâm nhân vật, tuần tự xây dựng cá tính nhân vật, xây dựng tình tiết, xây dựng bối cảnh (thời gian và nơi chốn xảy ra câu chuyện).

Người ta cho rằng Aristotle là người đầu tiên chủ trương sở dĩ kịch nghệ thành hình là nơi linh tính ưa mô phỏng của thế nhân. Gần gũi và cụ thể hơn, kịch nghệ được coi như phát xuất từ những hình thức ca vũ có tính cách tế tự.

Có hai thuyết dựa trên lập trường tế tự này. Thuyết một cho rằng kịch nghệ phát xuất tự những ca vũ tế tự ngợi ca sự sống chiến thắng sự chết như chu kỳ bất biến của bốn mùa đổi thay. Xuân sinh, hạ trưởng, thu liễm, đông tàn. Những nghi

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUẾ QUANG
https://tieulun.hopto.org

lễ mừng năm mới há chẳng tượng trưng sự thắng lợi vinh quang của sự sống (mùa xuân) vượt lên tự sự chết (mùa đông) để trường tồn ? Những nghi lễ đó, hoặc đơn sơ chất phác hoặc phức tạp, trau chuốt biểu diễn dưới muôn vàn hình thái ca vũ nhạc khác nhau tựu trung không ngoài ý nghĩ sâu xa trong cùng thẳm tâm linh nhân loại như vừa nói trên. Thuyết hai, ngược lại, cho rằng kịch nghệ xuất phát tự những nghi lễ thờ phụng người chết, nguyện cầu linh hồn bất tử để phù hộ độ trì cho những người thân còn sống chốn dương gian. Một vài bộ lạc Châu Phi sang thế kỷ 20 này còn có những cuộc tế lễ diễn lại những chiến công oanh liệt của những vị vua quá cố.

Phải chăng Ai cập là một trong những nơi phát xuất kịch nghệ sớm nhất của nhân loại ? Giả thuyết cho rằng tại Ai cập, khoảng ba, bốn ngàn năm trước Thiên chúa, các thầy tư giáo đeo mặt nạ thú vật tượng trưng các thần linh rồi diễn thành kịch trước phần mộ hoặc bàn thờ trong Kim tự tháp. Cũng có thể đó chưa hẳn là kịch nghệ mà chỉ là những nghi lễ tế tự được khuếch đại cho thêm phần trịnh trọng trong việc dâng lễ vật cùng lời cầu chúc và đề tài trình diễn là cái chết phanh thây của Osiris rồi được Isis và Horus thu thập tứ chi chôn cất. Nguyên truyện theo thần thoại Ai cập sơ lược như sau :

Osiris, thần mặt trời, tượng trưng cho khí dương sản xuất lực trong tạo vật. Osiris là anh, rồi sau là chồng Isis, nữ thần trái đất và mặt trăng, tượng trưng khí âm sản xuất lực trong tạo vật. Osiris trị vì xứ Ai cập, khai hóa dân trí, dạy dân biết cày cấy, có lễ giáo, biết tuân theo pháp luật. Chẳng may Osiris bị người em là Set ghen ghét lập mưu giết chết và phanh thây tung đi bốn ngả, Isis tìm được và chôn cất những mảnh có thể vụn nát đó của chồng, mỗi nơi chôn cất đều trở thành linh địa về sau. Con Osiris là Horus phục hận cho cha, giết chết Set và lên ngôi. Osiris tiếp tục cai trị đám linh hồn người chết dưới âm phủ, đồng thời cũng tượng trưng cho nguồn Tái sinh.

Tại các xứ khác như Ả rập, Thổ nhĩ kỳ, Ba tư, lễ nghi tế tự luôn luôn có liên hệ mật thiết với xuất phát điểm của

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

kịch nghệ. Ở Trung hoa vào những dịp Hội mùa màng, những dịp tế lễ tiên tổ đều có ca vũ. Ở Tây tạng, Cao ly, Nhật bản và cả miền Nam Á và Đông Nam Á đều có hình thức pha trộn nghi lễ với kịch nghệ. Ở Ấn độ chẳng hạn, kịch nghệ phát xuất tự những hội tế lễ thần Krishna.

Đứng về phương diện nghệ thuật mà xét, đã đành kịch nghệ dưới những hình thức vừa kể trên đều chủ trương mô phỏng nếp sống, nếp cảm nghĩ của thế nhân, nhưng cũng không tự khuôn ép mình hoàn toàn theo đường lối hiện thực. Kỹ thuật sân khấu có khi hiện thực, có khi không, cốt yếu gợi cho thính khán giả thông cảm được hoàn cảnh, cảm nghĩ, phản ứng của nhân vật kịch.

Xét nét cho đến cùng chúng ta thấy văn, thi sĩ chỉ sử dụng có lời không thôi để xây dựng tác phẩm , kịch tác gia không thế, với những gì thể hiện trên sân khấu, kịch tác gia được sử dụng cả lời lẫn sự vật nên kịch hiện thực hơn thơ văn là lẽ đương nhiên. Trường hợp bắt buộc phải phân biệt kịch hiện thực với kịch không hiện thực thì chúng ta theo tiêu chuẩn sau đây : Trong kịch hiện thực lời ăn tiếng nói của nhân vật gợi tả y hệt những gì ngoài đời ; nói một cách khác, nếu như đó không phải là kịch mà là đời, thì nhân vật có thể cư xử, hành động, nói năng y hệt vậy đó. Còn trong kịch không hiện thực thì kịch tác gia có thể dùng kỹ thuật văn chương để gợi tả đời sống nội tâm của nhân vật. Vậy, cũng là để biểu lộ nhân tính kịch tác gia hiện thực giúp chúng ta suy đoán ra cảm nghĩ của nhân vật qua những cử chỉ, ngôn ngữ hiện thực, còn kịch tác gia không hiện thực dùng kỹ thuật văn chương giúp chúng ta thưởng ngoạn vẻ dạng phong phú đời sống nội tâm của nhân vật kịch.

Còn có người muốn phân biệt loại kịch mua vui thuần túy với loại kịch nhìn đời sâu sắc. Thực ra sự phân biệt đó đâu có dễ dàng, đơn giản, vĩnh viễn trắng đen như vậy. Lịch sử kịch chứng minh đầy rẫy những nét hỗ tương, thiếu gì những hài kịch cười đời mà răn đời sâu sắc, thiếu gì những vở kịch vẫn

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

thật trang nghiêm mà vẫn gây niềm thích thú vô biên ở cách diễn tả tài tình, ở nội dung tế vi phong phú.

II.— KỊCH NGHỆ HY LẠP.

Người ta cho rằng kịch nghệ Hy lạp thoát thai từ nghi lễ tế tự Tửu thần Dionysus (hay Bacchus). Homer ít khi nhắc tới Dionysus trong thi ca của ông bởi vào thời Homer — áng chừng vào khoảng từ 1200 đến 850 trước Thiên chúa — Dionysus đâu được thờ phụng. Tửu thần Dionysus là thần của những kẻ nghèo hèn, bị áp chế, thần giúp họ say sưa để quên đi trong giây lát phù du những nhục nhằn khổ ải mà họ thường xuyên phải chịu đựng suốt cuộc đời. Bởi vậy khi đám bần dân này được dịp mở hội chào mừng Tửu thần thường dễ đưa tới những hành động cuồng loạn đẫm máu như Euripides (khoảng 480-406 tr. TL) đã mô tả trong vở kịch *Bacchae* (405) của ông. Vì vậy tại Athens cũng như tại Sicyon khi những tay độc tài nắm được quyền bính thường cho phép đám bần dân mở hội ăn mừng Tửu thần Dionysus. Đó là thái độ mị dân của họ để chống lại đám quý tộc vừa bị truất quyền. Ngày đại hội Tửu thần ở Athens có bốn cuộc thi trình diễn : Thi trình diễn ca vũ Dithyramb, thi bi kịch, thi hài kịch và kịch thần dê (satyr-play, dương thần kịch).

Thi trình diễn ca vũ Dithyramb : Có mười nhóm dự cuộc thi này, mỗi nhóm là một đoàn ca vũ năm mươi người. Nội dung bản ca vũ dĩ nhiên xưng tụng Tửu thần Dionysus. Trong bốn cuộc thi trình diễn, thì chỉ hình thức trình diễn ca vũ Dithyramb là không thuộc ngành kịch nghệ.

Thi bi kịch và kịch thần dê : Ba thi sĩ được tuyển trạch để dự cuộc đua tài. Mỗi nhà thơ sáng tác ba vở bi kịch, mỗi vở bi kịch có kèm theo một vở kịch thần dê. Kịch thần dê luôn luôn đượm tinh thần khoái hoạt, ca đoàn được hóa trang thành những thần dê, hình người đuôi ngựa.

Thi hài kịch : Năm thi sĩ được tuyển trạch để dự thi hài kịch, mỗi nhà thơ chỉ phải góp một vở thôi. Chúng ta cần ghi nhận đều này : « Kịch thần dê bao giờ cũng là tác phẩm của

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

thi sĩ viết bi kịch, và thi sĩ đã viết bi kịch thì không viết hài kịch nữa. »

Bi kịch Hy lạp xuất hiện kể từ khi Peisistratus cho tái lập lại tục lệ mở đại hội Tửu thần khoảng từ năm 534 và 531 trước Tây lịch, còn hài kịch mãi tới năm 486 mới xuất hiện. Sau này vào những ngày hội nhỏ, vẫn là để kỷ niệm thần Dionysus, kịch nghệ cũng được trình diễn, thoạt đầu là hài kịch vào khoảng năm 440 trước TC, sau đó chừng mười năm có thêm cả bi kịch nữa.

HÀI KỊCH HY LẠP

Vở hài kịch cổ nhất của Hy lạp còn giữ được tới nay là *Acharnians* (425 tr. T.C.) của Aristophanes (440 ?-380 ? tr. T.L.) Kịch tác gia này đã sáng tác khoảng bốn mươi vở kịch mà nay chỉ còn giữ được mười một vở mệnh danh là hài kịch cổ (old comedy), đề tài phong phú đủ hạng, hoặc về chính trị như *Acharnians* (425), *Knignts* (424), *Lysistrata* (411), hoặc về triết lý như *Clounds* (423), hoặc về văn chương như *Frogs* (405) ; *Thesmophoriazusae* (411). Nội dung những vở kịch đó dường như dành cho hạng khán giả thật trí thức, từng đọc sách nhiều. Hài kịch trung thời (middle comedy) gồm những tác phẩm của Alexis (thế kỷ thứ bốn và thứ ba trước Tây lịch), và Antiphanes (khoảng đầu thế kỷ thứ bốn trước Tây lịch) đều bị thất truyền hết cả. Hài kịch mới (New Comedy) thường là những hài kịch đề cập tới những tập tục của nếp sống thường tình, không có những yếu tố siêu nhiên hay siêu quần bạt chúng xen lẫn vào. Cốt truyện thường là đôi trai gái gặp trắc trở để rồi sau cùng vẫn lấy được nhau. Những tác giả hài kịch mới là Menander (343 ? — 291 ? tr. T.L.) Phelemon (khoảng 361 — 263 tr. T.L.), và Diphilus (khoảng thế kỷ thứ tư tr. T.L.). Hầu hết những vở kịch của những tác giả trên đều hoặc thất truyền hoặc chỉ còn lại những mảnh vụn đây đó.

Ngoài sự kiện những nghi lễ tế tự miền Dorians có thể ảnh hưởng tới hài kịch miền Attica (thủ phủ là Athens), Athenaeus, nhà hùng biện Hy lạp (nổi danh vào khoảng năm 200 sau T.L)

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

còn nêu sự kiện tại Sparta, thủ phủ của Laconia, (cũng thuộc miền Dorians, vào một thời xa xưa chưa định rõ có diễn trên sân khấu những sen hiện thực, với những nhân vật bình dân quen thuộc như ông lang băm, tên ăn trộm... Không rõ hình thức sân khấu đó có ảnh hưởng tới hài kịch Athens ? Ảnh hưởng ra sao, bằng cách nào ? Chỉ biết rằng vào năm 1906, nơi thánh cung đền thờ nữ thần Artemis (Nữ thần Mặt trăng) tại Sparta, người ta có khai quật được một số khuôn mẫu mặt nạ bằng đất sét khoảng thế kỷ thứ sáu trước T.L, và những mẫu mặt nạ đó về sau đã được dùng trong hài kịch Athens.

BI KỊCH HY LẠP

Bi kịch Hy lạp còn giữ được tới nay là ba mươi lăm vở của ba kịch tác gia lớn Aeschylus, Sophocles và Euripides được viết vào khoảng giữa những năm 472 và 405 trước Tây lịch. Một điểm nổi bật trong những vở kịch cổ này là ca đoàn chiếm một địa vị cực kỳ quan trọng. Chính trong chương bốn tác phẩm *Poetics*, Aristotle đã nêu chủ trương rằng bi kịch phát xuất tự những cuộc trình diễn đồng ca vào lúc người điền khiển đoàn ca vũ Dithyramb ứng khẩu giải thích những điều gì đó giữa hai bài hợp xướng, hoặc đối đáp với lời ca của ban hợp xướng. Thespis (khoảng thế kỷ thứ tư trước Tây lịch) nhà thơ của đô thị Athens được coi là cha đẻ ra bi kịch Hy lạp. Thespis giật giải bi kịch vào năm 534 trước Tây lịch. Sự tiến triển từ thể ca vũ Dithyramb sang thể kịch nhờ công của Thespis được giải thích như sau :

Hình thức ca vũ Dithyramb đạt tới mức hoàn bị vào khoảng năm 600 trước Tây lịch do công của Arion, nhà thơ của Corinth. Theo đúng hình thức ca vũ Dithyramb thì trên sân khấu chỉ có người điều khiển với ca đoàn của y. Cứ lần lượt người điều khiển kể dứt một giai đoạn phiêu lưu của Tửu thần Dionysus thì ca đoàn lại cất cao giọng hợp xướng để đáp ứng. Thespis có sáng kiến mang hẳn lên sân khấu một diễn viên. Diễn viên này có thể thay người điều khiển nói lời mở đầu, kế đó tuần tự giải thích những tình tiết truyện để làm gạch nối giữa bài

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

hợp ca này vời bài hợp ca nọ ; có thể là diễn viên đối thoại với chính người điều khiển ca đoàn. Dù sao thì chúng ta cũng nhận thấy với sáng kiến của Thespis mang lên sân khấu một diễn viên hình thức kịch đã thành hình vì có đối thoại. Thespis còn được ca ngợi là người có sáng kiến để cho diễn viên khi lên sàn khấu được đeo mặt nạ bằng vải. Do đó diễn viên chỉ cần thay đổi mặt nạ là đã diễn xuất cho nhiều vai trò khác nhau.

Theo sử gia Herodotus (khoảng thế kỷ thứ năm trước Tây lịch) thì khoảng năm 590 trước Tây lịch, Cleisthenes, nhà độc tài cai trị đô thị Sicyon, mang nặng tinh thần chống đối miền Dorians bèn hạ bệ mọi nghi lễ sùng bái Adrastus vị anh hùng miền Dorians, tước đoạt hết những bản hợp ca xưng tụng công lao chịu đựng gian khổ của Adrastus và gán bẻng cho Dionysus. Quả thực Tửu thần Dionysus chẳng ăn nhằm chi — mâu thuẫn là khác với những đặc tính não lòng của bi kịch. Cũng là căn cứ vào những điều vừa nói trên mà Sir William Ridgeway khi viết *The Origin of Tragedy* (Nguồn Gốc Bi Kịch) (1910) đã chủ trương rằng bi kịch phải phát xuất tự những lời than van biểu lộ lòng thương tiếc trước mộ các vị anh hùng liệt sĩ đã hi sinh thân thế, chịu đựng gian khổ cho đồng bào, đồng loại mới hợp lý.

Vậy có thể tổng hợp mà cho rằng bi kịch Hy lạp là một phối ngẫu giữa hai miền Peloponnesus (Corinth) và Attica (Athens) ; thêm vào đó chắc hẳn thứ nhạc bi tráng đặc biệt trong thể ca vũ Dithyramb tại Corinth, cùng với những bản hợp ca bi tráng ngợi ca công đức của các vị anh hùng tại Sicyon đã bao phen nằm gai nếm mật, cũng đều đóng góp ít nhiều phần minh trong sự hình thành bi kịch Hy lạp.

Tới cuối thế kỷ thứ năm trước Tây lịch, Aeschylus tiến thêm một bước nữa : sử dụng hai diễn viên trên sân khấu. Ông được xưng tụng như sáng lập viên thứ hai của ngành bi kịch (sau Thespis). Khi trên sân khấu đã có được hai diễn viên thì cuộc đối thoại không còn chỉ hạn hẹp giữa diễn viên với ca đoàn hay người điều khiển ca đoàn nữa (Ca đoàn hay người

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

điều khiển ca đoàn được coi như một thứ « bán diễn viên ».) Aeschylus là người thứ mười một đoạt giải bi kịch.

Với Sophócles bi kịch càng tiến tới hoàn mỹ. Ông đã khai triển việc thể hiện các tình tiết kịch bằng động tác diễn xuất chứ không chỉ bằng lời kể suông như trước. Hơn nữa Sophocles đã đem lên sân khấu thêm diễn viên thứ ba nữa khiến kịch tính càng phong phú điêu luyện lên bội phần. Tỉ như trong vở kịch *Electra* của ông, khi một sứ giả đem tin Orestes đã chết, (Clytemnestra thì hoan hỷ mà Electra thì sầu thương (trong khi sự thực đó hoàn toàn là tin thất thiệt). Nếu sân khấu chỉ dung nạp có hai diễn viên như thời của Aeschylus thì làm sao đạt được kịch tính phong phú đó. Chữ dùng của Sophocles tự nhiên hơn, lời thơ trôi chảy hơn, biểu lộ cá tính nhân vật một cách thần tình hơn.

Có thể kể từ Plato (427 ? — 347 tr. T.C.) dư luận Hy lạp đòi hỏi kịch tác gia phải khôn ngoan, sáng suốt. Euripides hoàn toàn đáp ứng được lời hỏi này. Ông giữ được vẻ đẹp của bi kịch Aeschylus nơi những bản hợp ca hùng vĩ, gây cảm xúc mạnh, và những đề tài tôn giáo gây thành những nghịch cảnh tiến thoái lưỡng nan. Bi kịch Euripides thường khởi sự bằng lời mở đầu của một vị thần linh nào đó giải thích đề tài kịch và tận cùng bằng lời phán xét hoặc lời tiên tri cũng của thần linh. Hình thức bi kịch Euripides như vậy là dung hòa được cả vẻ nghi lễ tế tự, với sự diễn trình có nghệ thuật tính theo thứ tự : bình lặng — đam mê và khủng hoảng — bình lặng. Đề tài bi kịch của Euripides rất phong phú : bi kịch tình yêu như *Hippolytus*, *Medea* ; huyền bí như *Bacchae* ; hiện thực như *Electra* ; phiêu lưu như *Helena* ; hào hùng như *Phoenissae* ; trầm lặng như *Troades*.

Sang thế kỷ thứ tư trước Tây lịch bi kịch tiếp tục được sáng tác và trình diễn. Tới thế kỷ thứ ba trước các Tây lịch kịch tác gia tại Alexandria (Ai cập) cũng đã thành lập được một trường phái riêng. Tại Athens bi kịch vẫn tiếp nối truyền thống sáng tác và trình diễn mãi tới thế kỷ thứ hai sau Tây lịch đấy, nhưng về

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

phẩm chẳng được là bao. Cũng có thêm tên tuổi một số ít kịch tác gia, nhưng tác phẩm của họ phần lớn thất truyền hoặc chỉ còn sót lại một số « mảnh vụn ». Tất cả những nguyên bản toàn vẹn hay những mảnh vụn bi kịch Hy lạp đều được lưu trữ cẩn thận tại thư viện lớn Alexandria nhưng ít còn được trình diễn. Một số nhỏ được tuyển chọn để đọc tại các học đường, thịnh hành vào khoảng những năm 200 sau Tây lịch. Chính vì vậy mà chín vở bi kịch của Euripides đã may mắn còn giữ được tới ngày nay, không bị thất truyền.

VIỆC DỰNG KỊCH

Soạn giả dùng danh từ « dựng kịch » là muốn nói vở kịch được thực hiện trên sân khấu (Production). Sân khấu Hy lạp ở ngoài trời, có ba diễn viên phân công nhau phụ trách khoảng mười vai trò trong vở kịch. Vì sân khấu giữa trời quá rộng lớn nên thiếu phương tiện trang trí phong cảnh, bù vào đấy các diễn viên ăn mặc thật rực rỡ khác hẳn với cách ăn mặc giản dị thường tình của nếp sống Hy lạp. Mặc nạ được sử dụng cho tất cả. Riêng các diễn viên bi kịch khoảng từ sau thế kỷ thứ năm trước Tây lịch trở đi còn mang ủng bằng da, đế thật cao để dáng dấp diễn viên thêm uy nghi. Cần trục được sử dụng cho những sen có thiên thần xuất hiện, do đó về sau Hy lạp có thành ngữ *deus ex machina* « thiên thần tự máy xuống ». Trên sân khấu còn một cái bục di chuyển được để tượng trưng cảnh trong nhà.

Trên sân khấu diễn viên thường ít làm chuyện gì khác hơn là nói. Những động tác vũ bảo như những cuộc giao tranh chém giết đều do vai sứ giả xuất hiện và tường thuật lại bằng lời nói linh động.

Kịch Hy lạp, dài khoảng nửa kịch Anh thời Elizabeth, được chia thành từng sen ; sen nọ cách sen kia bằng những khúc ca điệu vũ của ban hợp xướng. Mỗi khúc hợp xướng như vậy tượng trưng một khoảng thời gian khá lâu trôi qua (với kịch ngày nay đó là khoảng buông màn.) Khoảng đối thoại nào muốn gây

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

cao độ xúc động thì lời đối thoại có thay bằng lời ca. Chính Euripides đã nhiều phen để nhân vật đơn ca khá dài vào những trường hợp tương tự.

Xem như vậy cơ cấu kịch cổ điển Hy lạp quả thực vừa phong phú lại vừa mềm dẻo.

DOÃN QUỐC SỸ

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

NHÀ GIÁO NHÌN VÀO TƯƠNG LAI *

★ DƯƠNG THIỆU TỐNG

Giáo sư Diễn giảng
ĐHSP, Saigon.

ĐỀ tài được trình bày trước quí vị và các bạn hôm nay quả thật không có gì mới lạ, nhất là đối với các bạn sinh viên Phân khoa Giáo dục đã từng được quí vị giáo sư khả kính nhắc nhở đến năm này qua năm khác. Nhưng đối với kẻ đang được hân hạnh thưa chuyện cùng quí vị và các bạn thì đây là một trong những vấn đề đã từng ám ảnh trong suốt ba mươi năm nghề nghiệp, nhưng cho đến nay vẫn chưa tìm ra giải đáp, nếu không nói rằng cứ mỗi năm qua đi lại thêm day dứt với câu hỏi : « Tôi đã làm được những gì cho các thế hệ thanh thiếu niên đã qua ? » « Nhà giáo chúng tôi đã làm gì cho đất nước Việt nam đau khổ trong một giai đoạn đau khổ nhất của lịch sử ? » « Với những kiến thức thâu thập được quá nửa đời người, với những bàn tay yếu đuối và những dụng cụ duy nhất là phấn trắng, bảng đen và sách vở, nhà giáo đã và sẽ còn phải làm những gì để góp phần vào công việc xây dựng hòa bình và kiến thiết quê hương ? » Lẽ ra, với một kẻ mà tuổi đời đã quá nửa nhưng sự nghiệp vẫn còn trắng tay như kẻ đang thưa chuyện với quí vị

---

* Bài thuyết trình của Giáo sư Dương Thiệu Tống trong ngày lễ Phát văn bằng Cử nhân kỳ IV, Viện Đại Học Vạn Hạnh, 19-01-1975.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

và các bạn ngày hôm nay, thì những câu hỏi ấy chỉ đáng để âm thầm đặt ra cho chính mình để mà tự vấn lương tâm và hổ thẹn.

Thế hệ nhà giáo chúng tôi và trước chúng tôi nữa, trên khắp đất Việt nam từ Ải Nam quan đến Mũi Cà mau, đã làm được những gì cho quê hương này ? Họ đã thấy những gì ở các thế hệ họ đã đào tạo, hay là hàng hàng lớp lớp những học sinh ngoan ngoãn tuấn tú của họ tiếp tục ngã gục vì những chủ nghĩa ngoại lai mà nền giáo dục chỉ dạy cho họ chấp nhận thay vì khuyến khích tinh thần phê phán, và trong hàng ngũ những kẻ còn lại thì sự đố kỵ, lòng ghen ghét, tính tham lam, óc chia rẽ, chí hận thù vẫn còn là cái bệnh muôn thuở mỗi ngày mỗi được nuôi dưỡng qua giáo dục xã hội và cả môi trường giáo dục học đường.

Như vậy thì những nhà giáo dục được gọi là « đàn anh » như chúng tôi có gì để mà khuyên bảo các « đàn em » như các bạn sinh viên tốt nghiệp ngày hôm nay ?

Trong một lá thư gần đây của Thượng tọa Viện trưởng mời tôi nói câu chuyện này với các bạn sinh viên, Thượng tọa có viết :

« Chúng tôi nghĩ Giáo sư nên... (có) những lời khuyên thiết thực của một bậc đàn anh đã đi trước và sửa soạn cho đàn em đi sau một *hướng đi tốt đẹp hơn* ». Vâng, chính cái « hướng đi tốt đẹp hơn » ấy mới gây cho tôi được cảm hứng lẫn can đảm cần thiết để đặt lại trong khung cảnh của buổi nói chuyện hôm nay vấn đề NHÀ GIÁO NHÌN VÀO TƯƠNG LAI, cái tương lai của phần đời nghề nghiệp còn lại của nhà giáo « đàn anh » chúng tôi và cái tương lai của đời sống nghề nghiệp tinh khiết và nguyên vẹn mà các bạn sinh viên tốt nghiệp ngày nay mới khởi sự bước vào.

* * *

Nói đến giáo dục, người ta thường nhắc nhở một câu nói quen thuộc là cái lầm của người thầy thuốc chỉ giết hại một người, nhưng cái lầm của nhà giáo dục có thể giết hại cả một

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

thế hệ. Nếu câu nói quen thuộc ấy quả là đúng thì những cái lầm của tổ tiên chúng ta qua ngàn năm giáo dục cộng thêm với những cái lầm của các bậc cha anh chúng ta trong vòng trăm năm qua đã là nguyên nhân của sự tiêu diệt tinh thần và thể xác của bao nhiêu thế hệ trẻ Việt nam. Phải chăng hàng triệu sinh mạng của thanh thiếu niên Việt nam trong hai chục năm qua cũng là những vật hy sinh bất đắc dĩ của những cái sai lầm ấy?

Cái lầm của lối học Tống nho xưa kia đã đưa dân tộc ta đến chỗ yếu hèn rồi mất nước. Cái lầm của lối học thời Pháp thuộc đã tạo nên những con người chỉ biết vinh thân phì gia mà cho đến nay vẫn còn mơ màng tưởng đến thời xa xưa mà luyến tiếc. Cái lầm của giáo dục trong vòng hai chục năm qua là cái lầm của những bậc « đàn anh » vừa thoát khỏi hang tối bị chói lòa bởi những tư tưởng quốc gia và xã hội Tây phương để áp đặt ý thức hệ này hoặc ý thức hệ khác trên từng lớp thanh thiếu niên đã được nhồi nặn mềm nhũn bằng một lối giáo dục giáo điều. Nền giáo dục độc đoán, thiếu bản chất dân tộc ấy tạo nên hai lớp người. Một đàng thì chỉ chấp nhận ý thức hệ bất di bất dịch xem như là chân lý duy nhất và cho rằng kẻ nào đi ngược lại là phản bội cần phải tiêu diệt. Lớp người kia thì hoang mang bất định để rồi chung cuộc rút mình vào trong cái vỏ cá nhân để hưởng thụ, hoặc tự đặt mình vào phe hữu, hay đứng giữa, theo đúng mô thức Tây phương.

Trong khi đó, có lẽ dân tộc chúng ta không cần phải nhìn sang tả hay sang hữu, hoặc đứng giữa, mà trái lại, đã đến lúc chúng ta thấy cần phải nhìn xuống dưới và nhìn lên trên. Nhìn xuống dưới các tầng lớp dân chúng Việt nam nghèo đói, thất học, bệnh tật, đã gần ba mươi năm gọi là độc lập quốc gia mà vẫn chưa thấy viễn tượng của một ngày mai tươi sáng. Ba mươi năm để rồi đi đến kết quả đất nước chia ly, nhân tâm phân tán, từng lớp trẻ tru tú tiếp tục ngã gục vì những danh nghĩa mơ hồ, đã quá đủ để chứng minh cho sự thích nghi hay không thích nghi đối với dân tộc này của bất cứ một chủ thuyết chính trị hay đường lối giáo dục nào không nẩy sinh từ lòng đất của quê

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

hương. Đã đến lúc chúng ta cần phải nhìn lên và hướng về những mục tiêu cao cả hơn, cấp bách hơn : *Dân tộc này nói chung và thế hệ trẻ Việt nam nói riêng phải sống còn và được bảo vệ về thể xác và phải được nuôi dưỡng về trí tuệ và tâm hồn.* Về mục tiêu thứ nhất, chúng ta hãy dành cho các nhà làm chính trị suy ngẫm và chịu trách nhiệm trước lịch sử. Về mục tiêu thứ hai, đó là đường hướng mà nhà giáo chúng ta có bổn phận phải tiến tới.

Có lẽ từ lúc nảy đến giờ, tôi đã lạm dụng thời giờ của quí vị và các bạn để đưa tư tưởng quá xa, khiến cho sẽ có người lầm tưởng rằng chúng ta đang đi dần vào cái ngõ cụt của chính trị hiện đại, một vấn đề quá lớn đối với tầm vóc của một nhà giáo. Không! Những tư tưởng trình bày trên đây chỉ là những tiếng nói của tình thương không nhuốm màu sắc chính trị, không phản ảnh lập trường của một phe nhóm nào. Nó là tiếng nói tự nhiên và chân thành của hàng triệu con người Việt nam từ Bắc chí Nam đã từng làm cha mẹ hay làm nhà giáo, những con người chỉ có nhiệm vụ đào tạo, nuôi dưỡng, chứ không muốn thấy sự tiêu diệt hay hủy hoại con người cho bất cứ một mục tiêu nào. Đất nước này đã từng trải qua hàng nghìn năm nô lệ, hàng trăm năm năm nội chiến, mà tinh thần yêu nước, bản chất nhân bản, độ lượng, nặng tình cảm, dễ tha thứ, vẫn muôn thuở là sắc thái đặc thù của dân tộc Việt nam, thì *ba mươi năm đã qua cũng còn quá ngắn ngủi để biến những trái tim trở thành gỗ đá.* Sự gặp gỡ giữa những con người Việt thuần túy, nghĩa là giữa những con người chỉ biết lấy tổ quốc quê hương làm lẽ sống, xem sự bảo tồn nòi giống như là căn bản của tiến bộ, đặt tình thương lên trên quyền lợi, sự gặp gỡ ấy không thể hình thành dưới danh nghĩa một chủ thuyết chính trị nào hiện hữu, ại càng không thể thực hiện được bằng sự tiêu diệt lẫn nhau. Sự nối kết giữa những tâm hồn Việt nếu có chăng chỉ có thể tìm thấy ở những sắc thái thuần nhất của dân tộc Việt không phải chỉ hình thành được trong vài chục năm hay trăm năm mà là sự kết tinh của hàng nghìn năm lịch sử, trong đó con người Việt sống chung với nhau

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

và ảnh hưởng lẫn nhau. Nó thể hiện ở sự gắn bó tha thiết với quê hương, ở tình nghĩa đồng bào ruột thịt mà người Việt dù ở Bắc hay Nam, dù phiêu dạt ở góc biển chân trời nào cũng ôm ấp canh cánh bên lòng. Nó tiềm tàng trong lòng của mỗi bà mẹ Việt nam cần cù, lam lũ, chịu hy sinh tất cả mà không suy tính, không đòi hỏi, để cho đứa con thân yêu được lớn lên và sống trọn vẹn kiếp con người. Nó lắng đọng trong tâm hồn của những nhà giáo sống trong vùng lửa đạn hàng ngày quây quần bên cạnh những đứa trẻ mà nỗi kinh hoàng của cuộc chiến vẫn còn phảng phất trong ánh mắt ngây thơ. Nó chỗi dậy mạnh mẽ và bộc lộ rõ rệt hơn hết ở hình ảnh những nhà giáo ôm chầm lấy xác những học sinh bất động, giữa những lọ mực đổ tung toé, trong sân trường vừa bị pháo kích.

Vậy sự gặp gỡ giữa những tâm hồn Việt nam phải chăng chỉ có thể thực hiện được trên mẫu số chung duy nhất là cái tình cảm thuần nhất, không xê dịch của dân tộc chúng ta qua hàng nghìn năm lịch sử. Nó chỉ có thể thực hiện được bằng phương tiện giáo dục và qua tâm hồn của những nhà giáo bởi vì giáo dục là đoàn kết. khêu gợi tình thương, đề cao sự gặp gỡ giữa những con người và những tư tưởng dị đồng. Làm nhà giáo không có nhiệm vụ thuyết phục ai, cưỡng bức ai mà chỉ có bổn phận dìu dắt con người từ chỗ không biết đến chỗ biết, từ cái biết chật hẹp một chiều đến cái biết rộng rãi đa dạng, từ sự lệ thuộc vào ông thầy, vào sách vở đến sự tự lập và độc lập trong tư tưởng và hành động. Không bao giờ, không một giây phút nào, nhà giáo có quyền sử dụng sự dối trá, sự lừa đảo, và cố nhiên, bàn tay của thầy giáo chỉ có thể dính mực đen và phấn trắng, chứ không thể nào dấy máu đỏ.

Chính sự chân thành, lòng cởi mở, tinh thần bất vụ lợi của nhà giáo mới là sợi giây nối kết những con tim và khi những con tim đã được kết hợp lại trong niềm thương yêu và đặt trên sự bảo tồn nòi giống làm căn bản thì từ đó mới có những giải pháp chính trị vĩnh cửu. Chính trị mà đi trước giáo dục thì người dân đâm ra hoang mang ngơ ngác, nguyên nhân của

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

sự rối loạn và mầm mống cho sự chia rẽ, tiêu diệt lẫn nhau. Thế cho nên, khi một quốc gia chủ trương võ lực đặt trước hay song song với giải pháp chính trị và chính trị đi trước giáo dục, thì nhà giáo dục trở thành bất lực, bị kết án là thờ ơ với thời cuộc, là phản động, nếu không muốn tự đặt mình vào hàng ngũ những cán bộ tiếp tay cho sự chia rẽ và hận thù. Ngược lại, nếu một quốc gia lấy tiến bộ làm đường hướng, sự nối tiếp các truyền thống cao đẹp của dân tộc và sự bảo tồn nòi giống làm căn bản thì nhà giáo phải được tạo điều kiện để đóng vai trò lãnh đạo tích cực trong việc giáo dục người dân, chuẩn bị cho sự chuyển tiếp nhẹ nhàng, êm đẹp của những giải pháp chính trị thích hợp. Nếu quả thực những giá trị cao đẹp như « lòng yêu tổ quốc », « tình nghĩa đồng bào ruột thịt », « ý chí chống xâm lăng, bảo vệ độc lập quốc gia » là những chủ trương thật sự chứ không phải là những chiêu bài che dấu cho một âm mưu chính trị nào, thì có lẽ nhà giáo chúng ta ở cả hai miền Nam Bắc đã không phải rỏ những giòng lệ xót thương cho hàng ngàn, hàng vạn học sinh ngoan ngoãn tuấn tú của chúng ta đã ngã gục trên những nẻo đường hay góc rừng hiu quạnh. Ấy là bởi vì nhà giáo chúng ta đã giảng dạy cho họ đầy đủ những giá trị cao đẹp ấy ở nhà trường, bởi vì đó là mẫu số chung của dân tộc Việt nam qua hàng nghìn năm lịch sử mà không một quyền lực ngoại lai nào làm phai mờ cho được, và cũng không một chủ thuyết ngoại lai nào có thể dạy cho con em chúng ta yêu nước thế nào mới là chính đáng, như thế nào là phản bội dân tộc cần phải tiêu diệt. Một dân tộc đã từng trải qua những nỗi bất hạnh nhất của lịch sử mà vẫn còn tồn tại chắc hẳn không thể chỉ vì những giá trị thiêng liêng có sẵn ấy mà phải bỏ ra ba mươi năm hay còn bao chục năm nữa để xâu xé lẫn nhau.

Các bạn sinh viên thân mến ! Từ lúc nảy đến giờ, tôi đã nói đến vai trò của giáo dục trong khung cảnh xã hội Việt nam hiện tại. Tôi tin tưởng rằng chỉ có giáo dục đặt trên căn bản truyền thống nhân bản của dân tộc, chứ không phải một ý thức hệ chính trị nào, mới có thể là sợi dây nối kết những con người Việt nam trong hiện tại và tương lai. Sách lược của chính trị

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

là chia để trị (divide et impera), sách lược của giáo dục là tạo đoàn kết để dìu dắt con người. Chính trị lấy cứu cánh biện minh cho phương tiện (fac et excusa), giáo dục phải cân nhắc lựa chọn những phương tiện thích hợp với lòng người. Thái độ của nhà chính trị là thái độ chạy tội, chối lỗi (si fecisti, nega), thái độ của nhà giáo là sự *Thành tín* của Nho giáo và *Chính ngữ* của nhà Phật. Trong sự xung đột giữa những chủ trương và sách lược trái ngược như thế nào nhà giáo ở phe này thì bị gán cho cái tội thụ động, yếu hèn, thờ ơ với thời cuộc, và ở phe kia thì bị khoác cho nhản hiệu phản động, tay sai đế quốc, thực dân, phong kiến, nếu không muốn biến mình trở thành những công cụ của chính trị để hô hào khuyến khích con em tiếp tục sự hận thù và chém giết. Đó là tóm tắt những gì nhà giáo đã *NGHĨ* trước hiện tình đất nước. Bây giờ, vấn đề đặt ra, quan trọng và thiết thực hơn, đó là nhà giáo phải *LÀM* gì, có thể làm những gì trong phạm vi nhiệm vụ mà xã hội đã giao phó?

Gần đây, một bạn nhà văn vừa là một nhà giáo, có cho tôi xem một bài thơ đăng trên tờ nội san của trường Quốc Gia Sư Phạm Saigon nói lên bằng những lời lẽ giản dị đầy chân tình của một giáo sinh vừa tốt nghiệp tự đặt cho mình những nhiệm vụ trước mắt. Tôi đã không có dịp chép lại bài thơ, không nhớ tên tác giả, bởi vì tôi muốn nghĩ rằng đó là những tiếng nói chung của các bạn giáo sinh trẻ vừa tốt nghiệp để có thể nuôi niềm tin tưởng rằng các trường Sư phạm không phải chỉ sản xuất những cái máy chữ mà ít nhất cũng đào tạo được những tâm hồn. Tiếc rằng tôi không thuộc lòng bài thơ để có thể đọc lên hôm nay cho các bạn sinh viên nghe, nhưng những ý tưởng tha thiết chứa đựng trong bài thơ ngắn ngủi ấy cho đến nay vẫn in hình nguyên vẹn trong tâm tư như những khúc nhạc bất diệt: « Tháng sáu thầy về các em đón nhé, bên ngôi trường bị phá đổ vừa mới xây xong, bên các em đang trông đợi thầy như nắng hạn mong mưa. Các em hãy dành những trái cây chín ngọt mừng ngày hội ngộ. Thầy sẽ đạp xe trên những quảng đường sỏi đá, để thăm hỏi đồng bào thôn xóm,

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

dù thép gai mìn bẫy có ngăn chận bước đi. Thầy sẽ dìu các em đi đến lớp học yên lành giữa những làn đạn vô tình xuyên qua lồng ngực mong manh. Thầy sẽ dạy các em bài ca yêu nước, những bài ca cầu nguyện cho buổi thanh bình. Thầy sẽ kể cho các em nghe những anh hùng của tiền nhân... Thầy sẽ lấp những hố bom, phá rẫy, dựng nhà. Thầy sẽ sống bên người vợ quần nâu áo vải, với nương sắn, luống cà, với những bữa cơm thanh đạm. Tháng sáu, thầy sẽ về, mái tóc chải mượt, cảm thấy mình như trẻ lại mười năm. Vẻ hồn nhiên thơ ngây của các em làm thầy bật khóc... Các em nhớ đấy! Tháng sáu thầy về lòng tràn đầy mơ ước và niềm tin vững mạnh. Thầy trò chúng ta sẽ ngồi bên nhau, bàn tính chuyện tương lai... »

Các bạn sinh viên thân mến! Sở dĩ tôi phải nhắc lại gần như trọn vẹn những ý tưởng chính của bài thơ ấy qua những câu văn rời rạc có thể làm giảm đi phần nào giá trị của chất thơ, là bởi vì ngoài cái tình cảm đôn hậu của nhà giáo được bộc lộ, nó cho thấy nhà giáo trẻ của miền Nam này là con người đầy tình thương, không nuôi sân hận, không biết căm thù. Trường đổ, ta xây, hố bom ta lấp, không cần biết ai đã phá sập trường, kẻ nào đã đưa những làn đạn « vô tình » xuyên qua những lồng ngực mong manh của đám trẻ thơ vô tội. Nhà giáo đặt tình thương lên trên sợ hãi, lấy cuộc sống giản dị, khắc khổ làm niềm vui. Phải chăng đó là « đạo đức », « trực hạnh » « khổ hạnh », « vô sân », « bất hại », « hy sinh » trong « Thập vương đạo » (dasaràdjadhamma) mà Đức Thế Tôn đã từng đem ra giảng dạy chúng sinh. Thập vương đạo là « Mười nhiệm vụ của nhà lãnh đạo quốc gia », nhưng trong truyền thống dân tộc Việt nam thì nhà lảnh đạo quốc gia, ngoài trách nhiệm trị vì đem yên vui đến cho toàn dân, lại còn là những nhà giáo dục có bổn phận dạy bảo ngu dân về tam cương, ngũ thường, nhiệm vụ đối với nghề nghiệp, bảo về thuần phong mỹ tục, chính tâm, quảng thiện, tôn trọng pháp luật, ham chuộng chính học v.v... Vậy Thập vương đạo cũng là những cái đạo của nhà giáo, và đối với các sinh viên tốt nghiệp Đại học Vạn Hạnh, phải chăng đó cũng là « MƯỜI ĐIỀU TÂM NIỆM » thích hợp nhất mà các bạn có thể

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

lấy làm phương châm cho đời sống nghề nghiệp tương lai? Trên đây, tôi đã nói khá nhiều đến ý nghĩa của tình thương đối với nhà giáo, bởi vì, từ quá khứ đến hiện tại, lòng yêu nghề, yêu trẻ, tinh thần hy sinh bất vụ lợi vẫn là căn bản của giáo dục. Nhưng «tình yêu» vẫn chưa đủ. Nhà giáo không những cần BIẾT YÊU mà lại còn phải BIẾT GHÉT, ghét những gì đi ngược lại với nhân tính, ghét cái xấu của con người và nhất là ghét những cái xấu của chính mình. Tôi muốn nói ở đây về ý nghĩa của hai chữ TỰ Ố.

Cách đây hơn một năm, nhân lễ húy nhật thứ 33 của Phan Sào Nam tiên sinh, tôi đã có dịp nói chuyện tại Trung tâm Văn bút Việt nam về ý nghĩa của hai chữ TỰ TÂN của Phan tiên sinh, một danh từ giáo dục mà Cụ Phan đã đưa ra gần nửa thế kỷ nay mà chỉ mới mười năm nay các nhà giáo dục Tây phương mới đề cập đến dưới danh từ SELF RENEWAL của John Gardner.

Tóm tắt, con người tự tân, theo Cụ Phan, là con người luôn luôn hướng đến công cuộc canh tân bản thân và xã hội bằng cách tháo gỡ những xiềng xích của thói quen tục hủ và hình thức giả tạo của cuộc sống. Những đức tính của con người tự tận là TỰ LẬP trong tư tưởng và hành động, TỰ ĐỘNG trong việc làm với khả năng sáng tạo dồi dào, không sợ hiểm nguy, không nao núng trước thất bại, TỰ GIÁC tức là tự hiểu biết mình, tự phát triển để có thể tự mình giải quyết vấn đề và gánh lấy trách nhiệm, TỰ Ố là nhận thức được cái nhục của kiếp ăn mày (khất cái), cái nhục nô lệ, qui lạy, bầm lén thưa thầm, TỰ DO thoát khỏi ngục tù của tự ngã ích kỷ thấp hèn để hướng đến những giá trị gia đình, xã hội cao đẹp.

Những ý niệm TỰ TÂN, TỰ ĐỘNG, TỰ LẬP, TỰ GIÁC, TỰ TÍN, TỰ Ố và TỰ DO của Cụ Phan đã mô tả một cách súc tích những đức tính của con người mẫu mực cần thiết cho xã hội canh tân. Những ý niệm ấy sẽ soi sáng rất nhiều cho các mục tiêu giáo dục của chúng ta hiện nay còn rất mơ hồ dưới những khẩu hiệu «dân tộc», «khoa học» và «nhân bản», từng

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

qui định trong hiến pháp. Vậy, nếu đó là những mẫu mực của con người Việt nam tương lai, thì nhà giáo phải luyện cho chính mình những đức tính cần thiết ấy trước đã.

Trong buổi nói chuyện với các bạn sinh viên ngày hôm nay, tôi rất tiếc không thể khai triển trọn vẹn những ý niệm trên, như tôi đã cố gắng làm trong lễ hủy nhật của Cụ Phan cách đây hơn một năm, Tôi xin mạn phép qui vị và các bạn nhắc bạn nhắc nhở đến hai ý niệm căn bản. Đó là lòng tự ố và tinh thần tự do của nhà giáo. Như tôi đã nói ở trên, nhà giáo là con người biết yêu nhưng cũng phải biết ghét những cái xấu của xã hội và của chính mình, vì :

Nhân bất khả vô sỉ,

Người chẳng liêm chẳng sỉ có ra gì...

(Lời Gia Huấn — Phan Bội Châu)

Cái khuynh hướng của thế giới khoa học và kỹ thuật ngày nay là máy móc hóa mọi hoạt động kể cả hoạt động giáo dục để dần dần thay thế ông thầy bằng những máy dạy học. Nhưng dù máy móc có tinh xảo và hiệu năng cao bao nhiêu đi nữa thì cũng không thể thay thế ông thầy bằng xương bằng thịt với tất cả những rung động tình cảm của con người. Vậy, đáng hổ thẹn trước tiên đối với nhà giáo là tự thấy mình biến thành một bộ máy dạy học để sản xuất những văn bằng hay chỉ là một kẻ cung cấp dịch vụ theo sự đòi hỏi của khách hàng. Nếu quả thực giáo dục chỉ là sự truyền thụ kiến thức thì có lẽ nhà giáo chúng ta cũng nên nhường chỗ cho bởi vì, về phương diện này, kỹ thuật giáo dục tiến bộ ngày nay đã đủ tỏ ra hữu hiệu vượt bực trong sự truyền đạt những kiến thức đến cho con người một cách đầy đủ và nhanh chóng. Nếu nhà giáo chỉ là những cái máy dạy chữ, những kẻ cung cấp dịch vụ, thì tại sao ta lại còn đòi hỏi ở đứa trẻ lòng tôn kính và sự biết ơn, tại sao xã hội lại buộc nhà giáo phải đặt mình trong những khuôn khổ khắc khe của đạo đức? Những thứ ấy trở thành những qui ước xã hội giả tạo mà người ta vẫn còn cố bám lấy

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

trong khi giáo dục đã mất tất cả ý nghĩa nguyên thủy của nó, trong khi nhà giáo lầm lẫn phương tiện với cứu cánh, hoang mang giữa những mục tiêu cấp thời và mục tiêu tối hậu của sự giảng dạy. Chả trách rằng ngày nay bất cứ ai cũng có thể tự cho mình là nhà giáo dục, miễn là có văn bằng và có cung cấp dịch vụ, dù là văn bằng thầy bói hay văn bằng khiêu vũ, và ví thử (tôi xin nhấn mạnh ở đây chữ « ví thử ») một học sinh nào đó dù không có một chí hướng cỏn con nào theo đuổi nghề dạy học, dù trong xã hội họ là một tên du đảng, trong gia đình là một tên bất hiếu, bất mục, kẻ ấy vẫn có thể được thâu nhận để làm nhà giáo dục tương lai, miễn hắn thi đỗ một kỳ thi nhập học hay kỳ thi tốt nghiệp.

Tuy các bạn chưa bước hẳn vào nghề nhà giáo, nhưng các bạn đã có thể thể trông thấy rõ hay có thể bạn đã là nạn nhân của những mẫu người như vậy. Trong một tập thể nghề nghiệp nào khác, những con sâu mọt ấy có thể chìm đắm trong đám đông. Nhưng trong tập thể nhà giáo, thì họ là là những con người dễ nổi bật nhất, dù chỉ là một thiểu số cỏn con. Họ biến học đường thành một thị trường chữ nghĩa. Họ tranh dành nhau chức vị, xâu xé hạ nhục nhau vì hư danh, vì quyền lợi. Họ là con người phè phởn, thỏa mãn, không một chút ưu tư về nỗi khổ của các con em học sinh, nhưng họ vẫn tự cho là đã là đủ bổn phận. Họ có đầy đủ tất cả vợ đẹp con khôn, nhà cao cửa rộng, nhưng họ chỉ thiếu một điều : *Đó là lòng TỰ Ố của nhà giáo.* Như tôi đã nói ở trên, nhà giáo là những con người biết yêu, cũng phải BIẾT GHÉT, chính là vì lẽ ấy.

Nhà giáo phải biết *yêu*, biết *ghét*, lại phải còn biết *trọng*, trọng TỰ DO của chính mình, và của người khác. Đó lại là một khía cạnh khác của con người TỰ TÂN mà Cụ Phan Sào Nam đã đề cập đến trong tập Giác Quần Thư.

Trên căn bản Hiến pháp, chúng ta ở miền Nam đã có tự do, qui định trong các điều từ 6 đến 29 của Hiến pháp 1967, đặc biệt ý nghĩa đối với nhà giáo dục là điều 12 nói về quyền tự do tư tưởng và tự do ngôn luận. Tuy đó là những quyền căn bản

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

của mọi công dân sống chế độ Việt nam Cộng hòa, nhưng dường như người ta ít quan tâm đến ý nghĩa trọng đại của những quyền căn bản ấy trong phạm vi giáo dục. Nói đến quyền tự do tư tưởng, có lẽ rằng các nhà lập hiến cũng như các nhà giải thích hiến pháp đã nghĩ đến quyền phô diễn tư tưởng bằng âm nhạc, hội họa, nghệ thuật điêu khắc, kịch nghệ, phim ảnh, phát thanh truyền hình, và khi đề cập đến tự do ngôn luận thì nhiều người lại chỉ nghĩ đến quyền tự do báo chí và tự do xuất bản. Trong khi đó, trong một nền giáo dục nhân bản, đề cao tự do của con người chống lại những tư tưởng độc tài, thì *quyền tự do tư tưởng và tự do ngôn luận phải được bảo vệ trước tiên đối với những nhà giáo*, nhất là ở lĩnh vực đại học khi người sinh viên đã được trang bị khá đầy đủ những kiến thức căn bản để nhận định và phê phán. Nhà giáo phải được bảo vệ bằng những luật pháp minh thị để hành xử quyền tự do của mình. Có được như vậy, ta mới có thể tránh được lối giáo dục nhồi sọ, giáo điều, đã từng làm khổ dân ta hằng trăm năm nay, một nền giáo dục chỉ đào tạo những con người chỉ biết một mà không thấy hai, chỉ biết nhận mà không có phản ứng, chỉ biết tuân không biết cưỡng. Những sản phẩm của lề lối giáo dục giáo điều ấy dễ trở thành những mồi ngon cho mọi quyền lực, mọi đường lối tuyên truyền, để tự biến mình thành những công cụ mà cứ vẫn ngỡ rằng mình hoạt động cho những lý tưởng cao cả. Đành rằng Hiến pháp đã qui định những giới hạn của tự do tư tưởng và tự do ngôn luận trong các điều 4 và điều 12, nhưng đối với nhà giáo trong phạm vi học đường, những quyền căn bản ấy cần được xác định minh thị và những giới hạn các quyền tự do trên cần được giải thích riêng biệt. Làm thế nào giảng dạy cho các sinh viên, học sinh một cách khách quan các học thuyết chính trị mà không gán cho cái tội tuyên truyền cho học thuyết này hay học thuyết kia ? Làm thế nào giảng dạy khoa xã hội học mà không đề cập đến những bất công xã hội đương thời để tránh cái tội phá hoại an ninh trật tự, xúc phạm danh dự cá nhân hay vi phạm trật tự công cộng ? Làm thế nào giáo dục sinh lý hay giảng dạy cơ thể học mà không bị gán cho cái tội xâm phạm thuần phong

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

mỹ tục hay công xúc tu sĩ nếu người ta cố tình ép buộc ? v.v. Thật ra, có một điều đáng mừng, hay không đáng mừng, là các vấn đề ấy chưa hay ít khi được đặt ra trong nước ta, trong khi tại các quốc gia dân chủ tự do khác trên thế giới thì đó là những vụ án nát óc của Tối cao Pháp viện. Sở dĩ như vậy là vì, tuy nước ta đã được gọi là dân chủ tự do, nhưng giáo dục thì vẫn là thứ giáo điều, độc đoán, một chiều. Đa số nhà giáo chúng ta, ngoài xã hội vẫn phải hành xử như những công chức gương mẫu, trong học đường là những nhà độc tài, độc đoán đối với đứa trẻ. Học đường ngày nay so với học đường thời Pháp thuộc xa xưa, đâu có khác nhau bao nhiêu? Người ta thường bảo chúng ta chưa có một chính sách giáo dục hay một triết lý căn bản cho nền giáo dục chính là lẽ ấy.

Nhưng nói đến quyền tự do của nhà giáo, mà không xác định thế nào là tự do chân chính là một điều thiếu sót, nếu không muốn nói là khuyến khích cho sự lạm dụng.

Tất cả chúng ta ai cũng quen thuộc với tư tưởng tự do của John Stuart Mill cho rằng chỉ có tự do chân chính khi tự do cá nhân không xúc phạm đến tự do của kẻ khác. Đó là một ý tưởng về tự do quen thuộc nhất nhưng cũng dễ quên nhất.

Nhưng đối với các nhà cách mạng Á đông như Cụ Phan Sào Nam và Tôn Dật Tiên thì họ lại muốn đi xa hơn thế nữa.

Trong tập *Giác Quần Thư*, Cụ Phan đã viết về ý nghĩa của hai chữ « Tự Do » như sau :

Cá trong bể rộng mặc sức vẫy vùng,
Chim trên trời cao tha hồ bay liệng.
Đạo trời đất định mình được tự do.
Song le tự do có hai đường lối,
Có thực có dối, có thị có phi,
Nếu sai một ly thì đi một dặm.
Thánh hiền mô phạm, cốt ở chính mình
Vứt cả lợi danh ngoài vòng cương tỏa

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

Quyền thây ai cả, ngôi kẻ ai cao,
Ngất ngưỡng mặc dầu, trong vòng đạo đức,
Xét suy tiếp vật, mực thẳng đường ngay,
Nhằm lối ta đi, đố ai ngăn cản,
Trăm đường hoạn nạn, một mực khoan thai,
Tự do đường này, ấy là chân chính,
Xưa nay thần thánh quí trọng tự do,
Há như ai đâu, ăn càng nói loạn,
Chưn hươu tay vượn, miệng khướu mắt đồi
Lêu lỏng rông dài toàn không đạo đức,
Đó là « đạo tặc », há phải tự do,
Hai đường khắc nhau, ai ơi xin xét. [1]

(Nghĩa hai chữ Tự Do — GQT)

Cụ Phan đã nhìn Tự do dưới những khía cạnh khác hẳn với quan niệm thông thường của đa số người. Cụ không quan niệm tự do như một trạng thái thiên nhiên, như ánh sáng mặt trời, như không khí ta thở mà người cũng như vạn vật đều có quyền được hưởng và những gì ngăn chận sự hưởng thụ ấy là độc đoán, giả tạo và nghịch lại với thiên nhiên. Theo Cụ Phan, tự do chân chính là một thứ gì hiếm hoi mà người ta chỉ có thể đạt đến được bằng sự hy sinh và cố gắng mãnh liệt. Đó là thứ tự do trong tinh thần trách nhiệm, tự do trong đạo đức, tự do thoát khỏi sự ngu tối, bệnh tật, tự do ngoài vòng cương tỏa của lợi danh, của quyền thế.

Thứ tự do chân chính ấy là sự giải thoát khỏi ngục tù của tự ngã ích kỷ thấp hèn, của dục vọng tầm thường và những hình thức giả tạo của cuộc sống. Đó là những yếu tố ngăn chận tinh thần tự lập, tự động, tự giác cần thiết cho con người có khả năng đổi mới. Cả năm câu thơ, từ câu thứ tám đến câu

---

(1) Thế Nguyên, *Phan Bội Châu (Thân thế và Thi Văn)*, Saigon : Tân Việt, 1956) tr. 116.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

thứ mười hai trong bài « Nghĩa hai chữ Tự do » trích dẫn ở trên đã tóm tắt một cách đầy đủ các quan niệm về con người Tự Tân mà Cụ Phan đã đề cao vậy.

Cũng như Cụ Phan, Tôn Dật Tiên cũng đã lo âu về thứ « tự do vô trách nhiệm » mà Cụ Phan gọi là « đạo tặc », và cho rằng đó là nguyên nhân đưa đến cuộc Cách mạng Tân hợi của Trung hoa. Tôn Dật Tiên đã viết :

> « Tại sao Trung hòa đang trải qua một cuộc cách mạng ? Nói thẳng ra, mục tiêu của cuộc cách mạng của chúng ta trái ngược hẳn với mục tiêu các cuộc cách mạng ở Âu châu. Người Âu châu đã nổi dậy và tranh đấu cho tự do vì họ đã có quá ít tự do. Nhưng chúng ta thì lại có quá nhiều tự do mà không có tinh thần liên đới, không có khả năng đề kháng, cho nên chúng ta mới trở thành những bãi cát lỏng lẻo, cho nên chúng ta mới bị xâm lăng bởi chủ nghĩa đế quốc ngoại lai và phải chịu áp lực của sự kiểm soát kinh tế và những cuộc thương chiến của các cường quốc. Để có thể có khả năng chống cự mạnh mẽ, chúng ta phải đập tan tự do cá nhân, kết hợp lại thành lập khối vững chắc như tảng đá cứng tạo thành bằng xi măng pha trộn với cát ». [1]

Lịch sử của gần ba mươi năm chinh chiến đã cho chúng ta bài học trên một cách đầy đủ. Con người chúng ta như vừa thoát khỏi hang tối của Platon, làm sao cho khỏi lóa mắt bởi ánh sáng chói lọi của mặt trời để đừng nhìn lầm lẫn sự vật. Sau thời kỳ hỗn loạn và với sự tiếp xúc ồ ạt, thiết hướng dẫn với văn hóa Tây phương, chúng ta mới bắt đầu nhận thức được như Cụ Phan ở vào nửa thế kỷ về trước rằng tự do chân chính là thứ tự do đặt trên căn bản phẩm cách và giá trị con người, không phải là thứ tự do vô trách nhiệm đưa đến sự thác loạn, ích lợi, tách rời con người với cộng đồng, với những truyền thống cao đẹp của gia đình và xã hội. Thay vì lao đầu vào sự

---

(1) John C. H. Wu. « Sun Yat Sen's Philosophy of Democracy », ASPAC Quarterly of Cultural and Social Affairs, Vol. II, No 1 (Summer 1970) 27-41.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

tôn sùng tự ngã để tìm tự do, con người đạt đến tự do bằng cách vượt khỏi cái tự ngã ích kỷ, giả tạo ấy để hướng đến những giá trị cao đẹp. Sự tách rời tự ngã với những giá trị vượt lên trên tự ngã là sự phá hoại, không thể được chấp nhận trong thế giới loài người. Cụ Phan gọi đó là « đạo tặc » không phải là tự do. Những giá trị vượt lên khỏi tự ngã ấy là « nghĩa vụ đối với gia đình », « nghĩa vụ đối với xã hội », « nghĩa vụ đối với quốc gia ». Đó cũng là những đề mục của của các bài hát thứ ba, thứ tư và thứ năm trong tập Giác Quần Thư vậy.

Trước khi chấm dứt phần này, tôi thiết nghĩ cũng cần phải có đôi lời giải thích lý do vì sao trong bài nói chuyện hôm nay cũng như nhiều lần trước đây, tôi luôn luôn nhắc nhở đến Phan Sào Nam tiên sinh như là một nhà giáo dục Việt nam sáng chói, độc nhất vô nhị trong lịch sử giáo dục Việt nam của thế kỷ này. Lý do là từ trước đến nay quốc dân ta vẫn ngưỡng mộ Cụ như là một nhà cách mạng yêu nước, như một nhà chính trị sáng chói trong giai đoạn chống thực dân xâm lược. Nhưng chúng ta phải nhìn nhận, và chính Cụ đã tự nhận như thế, rằng trong sự nghiệp chính trị Cụ đã thất bại. Cụ đã là nạn nhân của thực dân Pháp và cũng là vật hy sinh của chính trị đảng phái, nói chung lòng yêu nước thuần túy dân tộc của Cụ đã bị chủ thuyết chính trị ngoại lai lừa đảo và lợi dụng. Sự thất bại của Cụ phải chăng là vì quốc dân chúng ta chỉ nhìn thay ở Cụ cái *ngọn*, tức là chính trị, mà không nhìn thấy và không thực hiện được cái *gốc*, tức là những tư tưởng giáo dục mà Cụ đã truyền bá trong suốt cuộc đời. Những tư tưởng ấy đã đi trước các nhà giáo dục Tây phương hiện nay đến gần nửa thế kỷ, và đối với chúng ta, rõ ràng đó là những ngọn đuốc sáng chói cho nền giáo dục đang mò mẫn trong bóng đêm của chúng ta, còn phải tìm đâu xa nữa. Tôi đã nói đến danh từ TỰ TÂN của Cụ Phan. Giờ đây, tôi muốn nêu ra một vài quan niệm giáo dục của Cụ Phan, mà tôi nghĩ rằng có thể tóm tắt được gần như trọn vẹn bài nói chuyện hôm nay :

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

1) *Giáo dục phải đi trước chính trị* : Giảng về lối Chính giáo của Khổng học, Cụ Phan đã cho rằng chính trị là cái ngọn và giáo dục là cái gốc. Cụ nói :

«... Phương pháp trị dân ở trong một nước, chỉ theo ở đường ngọn không bằng theo đường gốc. Ngọn là gì ? Là chính lệnh, (pháp luật). Gốc là giáo hóa... công hiệu của chính lệnh xem ra vẫn còn nhỏ lắm. Nhà chính trị muốn cho có công hiệu xa lớn, có chi bằng chú trọng vào đường giáo dục...»

(Khổng Học Đăng, Quyển I, tr. 80) [1]

2) *Giáo dục phải đề cao Nhân, Trí, và Dũng* : Làm nhà giáo tất nhiên phải biết yêu thương, tức là có đức *Nhân*, nhưng không bó tay ngồi nhìn mà phải can đảm chống lại cái xấu của chính mình và của xã hội, tức là *Dũng*, mà khi đã làm điều gì thì không bị mê hoặc và không lầm lẫn đó là *Trí*.

Cụ viết :

« ... Người ta hay nhận lầm chữ nhân, tưởng gọi bằng người nhân chỉ là mềm mại hiền lành gặp việc gì nguy hiểm chỉ bó tay ngồi nhìn mà thôi, nhưng có biết đâu nhân giả là một người rất can đảm, rất nghĩa liệt, hễ thấy việc gì nghĩa lý đáng làm thời dầu muôn ngàn người cản trở cũng không nao núng : muôn phần chết, một phần sống cũng không từ chối... nên Khổng Tử nói rằng : ... *Kiến nghĩa bất vi vô dũng giả*, nghĩa là thấy việc nghĩa to lớn, vẫn đáng làm, sợ chết không dám làm, ấy là người vô dũng đó vậy... »

(KHĐ, Quyển I, tr. 64)

Như vậy, chữ « nhân » bọc được cả « dũng » và « trí ». Nhà giáo đâu có thể bị buộc là « tiêu cực » cho được ?

---

(1) Các đoạn trích dẫn về Phan Bội Châu ở trang này và các trang kế tiếp đều được rút ra từ tài liệu :

Phan Bội Châu, *Khổng Học Đăng*, (Huế : Nhà xuất bản Anh Minh, 1957) Quyển I và II.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

3) *Nhà giáo không thuyết phục ai, không cưỡng bức ai theo ý mình mà phải giúp cho trẻ tự phát triển, tự do phát huy tư tưởng, tự do phát triển ý chí.*

Bàn về phương pháp dạy học của đức Khổng Tử, Cụ viết :

« ... Tòng lai, những người có địa vị làm thầy, thường hay mắc hai bệnh : Một là chỉ dạy bằng cách hư văn, gọi là bằng đủ chuyên, như thế là đối với nhiệm vụ làm thầy, khuyết điểm nhiều lắm. Nhưng lại còn một bệnh nữa : Làm Thầy vẫn biết siêng dạy, đối với nghĩa vụ làm thầy, vẫn chỉ lo cho trọn vẹn, nhưng vì phương pháp dạy người quá chật hẹp, bắt buộc học trò quá nghiêm nhặt, làm đến nỗi mất hết tinh thần phát triển và tự do, như thế cũng chưa phải là thiện giáo. Chỉ duy đức Khổng Tử thời đủ cả mấy phương diện. »

(KHĐ, Quyển I, tr. 210)

Rồi để minh chứng cho lời nói trên, Cụ Phan đã giải thích câu nói của đức Khổng Tử với các thầy Tử Lộ, Tăng Thích, Nhiệm Hữu, Công Tây Hoa để khuyến khích các vị này tự do phát biểu tư tưởng, không còn phải vì kiên nể thầy mà sợ không dám nói.

« Ta vẫn có lớn hơn chúng mày một ngày, chắc chúng mày có nể ta *(Dĩ ngô nhất nhật trưởng hồ nhĩ)* nhưng mà cái quyền tư tưởng tự do của người ta, dầu ai với ai cũng bình đẳng cả. Chúng mày chớ né nể gì ta vậy *(vô ngô dĩ giả)*. »

(KHĐ, Quyển I, tr. 214).

Quả thật, cho đến ngày nay dầu đã được nghe các nhà giáo dục Tây phương nói tương tự về phương pháp dạy học, mấy ai trong nhà giáo chúng ta đã thực hành giáo dục tự do được như thế !

4) *Giáo dục không mấy thích hợp với chính trị theo nghĩa thời nay* : Giáo dục đặt căn bản trên nhân nghĩa, công lý, bác ái và tự do, mà những thứ ấy, theo Cụ Phan, không thể nào

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

«nhét» vào trong khuôn khổ chính trị hiểu theo nghĩa ngày nay được.

Cụ viết :

«... Xem như Nhật bản Đối với Triều tiên, Anh cát lợi đối với Ấn độ thời ta biết được mục đích với thủ đoạn của nhà chính trị đời sau : Đã nói chính trị tất phải bỏ nhân nghĩa ra ngoài... mà nhân nghĩa chỉ là mấy câu nói suông của nhà học giả. Nào là nhân đạo chủ nghĩa, nào là công lý triết học, nào là bác ái, bình đẳng, tự do, chẳng bao giờ nhét vào trong khuôn chính trị được.»

(KHĐ, Quyển II, tr: 456).

Nhưng quan niệm chính trị của đức Khổng Tử thì không phải như thế :

«... Khổng Mạnh nói chính trị thường cặp luôn với nhân nghĩa. Khổng Tử có câu rằng : *Tử vi chính, yên dụng sát ?* Quan đại phu nước Lỗ có hỏi với đức Thánh rằng : Giả như ta giết những người vô đạo, khiến cho người khác làm nên hữu đạo, có phải với cách làm chính hay không ? Đức Thánh trả lời rằng : Ông không quyền chính trị thời thôi, bây giờ ông đã có quyền làm chính trị, cần gì phải dùng đến giết ? (Tử vi chính, yên dụng sát ?)»

(KHĐ. Quyển II, tr. 457).

Chả trách các nhà chính trị thời nay ít ai dám nhắc nhở đến Đức Khổng, và ngay tại quê hương xứ sở của Ngài, dù đã hàng ngàn năm qua, Ngài vẫn còn là một nhân vật đáng sợ nên vẫn bị lôi ra để gán cho cái tội «phản động», «bán phong kiến».

5) *Nhà giáo dục yêu hòa bình và rất ghét chiến tranh* : Luận về phi chiến chủ nghĩa của thầy Mạnh Tử, Cụ Phan đã bày tỏ lòng ham chuộng hòa bình qua những lời trích dẫn và giải thích xét ra vẫn còn rất thích hợp với hoàn cảnh đất nước hiện tại :

«... Đem quân đi phải lấy lương ở dân mà ăn *(sư hành nhu lương thực)* tất nhiên nhân dân ở lúc đó, người đói không

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

có mà ăn, là vì lương hướng đã cấp cho quân lính (*cơ giả phất thức*) còn người ở chiến trường và người lo cung cấp việc quan thời hết sức khó nhọc mà không được nghỉ (*lao giả phất tức*). Thế mà những kẻ bày đặt ra việc đánh nhau hãy còn ỷ võ lực mình mạnh mà chống cái lẽ trời, hết sức làm tai hại dân (*phương mệnh ngược dân*). Quân đi đến đâu, ăn uống y như nước chảy (*ẩm thực nhược lưu*). Khi đánh được mà đắc chí thời các anh kẻ lớn trong đám đánh mặc sức mình *lưu liên hoang vong* (nghĩa là vui say không chán mà quên trở về) để làm khổ sở đau đớn cho dân... »

(KHĐ, Quyển II, tr. 454)

Và khi bàn về câu «*Xuân thu vô nghĩa chiến*» của thầy Mạnh Tử thì Cụ xác định mạnh mẽ rằng, ngoài chiến tranh chống xâm lược từ bên ngoài, *không thể có thứ chiến tranh nào được gọi là nghĩa chiến cả.*

Qua một số quan niệm giáo dục được lược trình trên đây, chúng ta thử hỏi rằng từ cách đây một nửa thế kỷ cho đến nay đã có một nhà giáo dục Việt nam đưa ra những tư tưởng giáo dục rõ rệt và thích hợp hơn cho một nước Việt nam dân chủ, tự do, hòa bình và tiến bộ?

Cụ Phan là một nhà giáo dục dân tộc, không ai chối cãi điều ấy và lịch sử giáo dục Việt nam trước nay đã từng có. Nhưng Cụ Phan lại là một *nhà giáo dục dân tộc tiến bộ*, đó mới là điều hiếm có mà giáo dục ngày nay không thể bỏ quên.

* * *

Kính thưa quí vị,

Các bạn sinh viên thân mến,

Là một nhà giáo và một Phật tử độc lập tôi có cảm tưởng như tôi đã mở đầu câu chuyện hôm nay bằng một bài kinh Sám hối, tiếp theo là một bài kinh Cầu nguyện và kết thúc bằng một bài kinh Bác ái và Tự do. Tôi đã sám hối vì những lỗi lầm của giáo dục trong quá khứ, vì sự bất lực của các nhà giáo ở cả hai miền Nam Bắc trước áp lực của bạo lực và chính trị trong hiện tại. Tiếp theo đó, tôi đã cầu nguyện cho giáo dục được

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

đóng vai trò tiên phong và tích cực trong công cuộc xây dựng hòa bình, nối kết những tâm hồn Việt nam trong những sắc thái thuần nhất của dân tộc, gạt ra ngoài các ý thức hệ chính trị ngoại lai đã xô đẩy con em học sinh chúng ta lao đầu vào cuộc chém giết hầu như vô tận. Tôi cầu nguyện cho các đồng nghiệp ở cả hai miền Nam Bắc, trong đó có những bậc thầy, bậc đàn anh và chắc chắn có đông đảo học sinh cũ nhớ thương của tôi để ngưng nhồi nhét vào đầu óc của trẻ thơ những tư tưởng hận thù giả tạo và khuyến khích sự giết chóc vô nghĩa, vì hận thù chỉ nên cởi chứ không nên buộc, vì mọi sự xấu xa, bất công giữa những con người Việt đều có thể sửa chữa bằng giáo dục, bằng sự thay đổi các cơ cấu, các định chế, chứ không thể bằng sự tiêu diệt con người hết thế hệ này qua thế hệ khác. Và cuối cùng, tôi kêu gọi tình thương và tinh thần tôn trọng tự do của nhà giáo vì chỉ có trong tinh thần vị tha, bất vụ lợi của nhà giáo mới tìm thấy được tình thương và tự do thật sự. Với tinh thần tôn trọng tự do kèm theo lòng yêu nghề, yêu trẻ, nhà giáo mới có thể dìu dắt con người tìm hiểu chân lý để từ đó họ có thể tự quyết định cho chính mình và tự gánh lấy trách nhiệm.

Trước khi kết thúc bài nói chuyện hôm nay, tôi xin dành ít lời cảm tạ Thượng tọa Viện trưởng đã cho tôi cơ hội nói về một vấn đề liên quan đến nhà giáo, vì từ trước đến nay, nhà giáo là những con người bị xã hội hầu như quên lãng. Trong vòng hai mươi năm qua, người ta đã nói nhiều đến cải tổ chương trình, cải tổ môn học, cải tổ hành chánh, cải tổ thi cử, mà không mấy ai quan tâm đến cải tổ đời sống tinh thần, nghề nghiệp, nâng cao mức sống vật chất và uy tín xã hội của nhà giáo. Chương trình giáo dục có tân tiến bao nhiêu, trường sở nguy nga đồ sộ thế nào chăng nữa, mà nhà giáo bị coi rẽ, bị chèn ép, bị đe dọa, ăn đói, mặc rét giữa sự xa hoa phung phí của kẻ khác, thì tinh thần cũng tan rã mà giáo dục cũng không còn, vì chính những nhà giáo dạy lớp mới là những kẻ trực tiếp thực hiện cái hay cái đẹp của những sự cải tổ.

Nhà giáo là những con người chấp nhận sự hy sinh, sự gian khổ tất cả chỉ vì tình thương yêu của mình đối với đứa trẻ, chỉ

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

vì mong muốn rằng những đứa trẻ Việt nam bất hạnh nhất trên thế giới ngày nay phải được đền bù bằng sự chăm nom săn sóc từ cái ăn, cái mặc cho đến công việc học hành và trong tình thương yêu đùm bọc giữa thầy và trò. Thiết tưởng không có một thứ chính trị nào thực tế, đẹp lòng dân, và lôi cuốn người dân bằng thứ chính trị đặt giáo dục làm quốc sách thực sự, không phải bằng những sự cải tổ hình thức, mà bằng sự giúp đỡ các nhà giáo những phương tiện thiết thực và uy tín xã hội cần thiết để họ có thể dồn tất cả những thì giờ và năng lực sống bên cạnh đứa trẻ, vì nhiệm vụ nhà giáo không phải chỉ giới hạn trong phạm vi học đường mà cả ngoài học đường. Không ai kiểm soát nhà giáo hữu hiệu bằng chính nhà giáo tự kiểm soát lấy mình, và nếu nhà giáo vì hoàn cảnh bắt buộc mà đành phải khước bỏ cái quyền tự kiểm ấy thì giáo dục chắc chắn phải sụp đổ. Tình trạng giảng dạy ở học đường ngày nay đã cho thấy dấu báo hiệu một sự *lãn công âm thầm* hầu như toàn diện, mà hậu quả chính con em chúng ta phải hứng chịu tất cả. Thế cho nên, *đòi hỏi nhà giáo làm đủ nhiệm vụ của một công chức hay tư chức là một điều quá dễ, nhưng đòi hỏi nhà giáo làm đúng nhiệm vụ giáo dục đối với con em chúng ta thì thật là khó khăn.*

Quốc sách giáo dục thích hợp nhất trong hiện tại là giáo dục *cho* trẻ *vì* trẻ, *qua* nhà giáo dạy lớp và *với* tinh thần đồng lao cộng khổ của tất cả các giới chức lãnh đạo. Đứa trẻ trong mỗi gia đình là sợi giây nối kết hữu hiệu nhất giữa chính quyền và người dân. Chính trị lấy quốc sách ấy làm đường hướng, lấy nhân nghĩa làm căn bản, chắc chắn là thứ chính trị thích hợp nhất đối với nhà giáo và phải được sự tiếp tay đắc lực và hữu hiệu của những nhà giáo.

Chúng ta hãy chờ xem ! Nhưng trong sự chờ đợi ấy, chúng ta hãy làm những gì ta có thể làm được, với những phương tiện ta có và trong những hoàn cảnh ta đang thụ hưởng, tất cả chỉ vì cho sinh viên học sinh của chúng ta. HỌ MỚI LÀ NHỮNG KẺ ĐÁNG THƯƠNG, ĐÁNG GIÚP ĐỠ, NHƯNG KHÔNG THỂ CHỜ ĐỢI LÂU HƠN NỮA.

DƯƠNG THIỆU TỐNG

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

ĐẠI HỌC TƯ LẬP ĐẦU TIÊN TẠI VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

★ VŨ ĐỨC BẰNG

(tiếp theo và hết)

CỞI MỞ BAO DUNG

ĐƯỢC thành hình do sáng kiến của một nhóm tư nhân, Trường Đông Kinh tiếp tục tiếp nhận sự lãnh đạo tập thể. Chúng ta, hậu duệ của các vị sáng lập có thể đã hiểu lầm tinh thần cởi mở nơi các bậc tiền bối bằng thái độ tai hại là cố tìm mâu thuẫn trong chánh sách lãnh đạo tập thể đó. Chẳng hạn, có thời người ta đã quá đề cao Nguyễn Quyền, vị giám học, đến độ hầu như ném vào bóng tối sự nghiệp của vị thục trưởng, Lương Văn Can. Tai hại hơn nữa, người ta còn nhìn cuộc diện nhà trường dưới quan điểm và trong quyền lợi của chánh quyền thực dân nhằm chia rẽ trường ra hai phe nhóm kình địch nhau :

(1) Một nhóm chấp nhận duy tân trực tiếp theo mô thức Pháp, nghĩa là trong tinh thần đề huề (associationnisme) mà toàn quyền đương nhiệm Paul Beau (1902-1908) gióng trống khua chiêng cho người Việt quên đi uy tín đang lên của Nhật Bản ;

(2) Nhóm thứ hai đề xướng duy tân gián tiếp theo mô thức Nhật Bản, mà chánh kiến được cổ võ qua tân thư của nhóm

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

Khang Hữu-vi (1858-1927) và Lương Khải-siêu (1873-1929) bên Trung Quốc cũng như trong chương trình Tân Đảng (1900) hoặc Duy Tân Đảng (1904) của Phan Bội Châu.

Điểm lạ lùng là trường đại học đầu tiên của Việt Nam đủ cởi mở và táo bạo để chấp nhận cả hai mô thức. Ai cũng biết linh hồn của hai chiều hướng đó là Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh, hai vị có thời đã sang tận thủ đô xứ Minh Trị Duy Tân « kề gối chung giường ước non một tháng », « chính kiến vẫn trái nhau, mà ý kiến rất ưa nhau ». [29]

Về chi tiết những dị biệt giữa hai vị đến nay ít ai còn xa lạ. Ở đây, chúng tôi tạm gọi Phan Bội Châu lãnh đạo nhóm « hành động » và Phan Châu Trinh thể hiện nhóm « nghiên cứu », tuy rằng sự phân chia có phần khắt khe. Dầu sao, thiết nghĩ sự phân chia này còn có khả năng biện minh hơn những cố gắng từ trước tới nay nhằm vào các dị biệt về chi tiết (chẳng hạn quân chủ/dân chủ, ngoại viện/tự cường, bạo động/cải lương) mà người ta thường bắt các học sinh học thuộc lòng. [30]

« Hành động » là nguyên lí chủ chốt, ám ảnh trọn cuộc đời Phan Bội Châu. Cụ đã cho biết lí do trong nhiều dịp, thiết tưởng một trong những dịp đầy đủ ý nghĩa nhất là hồi cụ xuất dương lần đầu (1905). Ngày tạm biệt quê hương, cụ lớn tiếng ngâm vang [31] :

Non sông đã mất mình khôn sống,
Hiền thánh đâu còn học cũng hoài !

Với Phan Bội Châu, không có sự cách biệt tri hành. Hành động là tất cả. Phải hành động vì yếu tố thời gian không còn trong tầm tay mọi người Việt Nam. Các học viên, và đặc biệt là các đồng nghiệp của cụ, kính nể ái mộ cụ vì lập trường cương nghị đó, mặc dầu cũng có đồng nghiệp khác cho rằng hành động như vậy là không hữu hiệu. Nhưng với Phan Bội Châu, chí khí là tất cả. Nghị lực hành động sẽ là phép lạ cải tạo nhược điểm thành ưu điểm, thất bại ra thành công. Bởi vậy, cụ hằng thúc giục thanh niên [32] :

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Chẳng thèm chơi, chẳng thèm mặc, chẳng thèm ăn,
Đúc gan sắt để dời non lấp bể.

Phan Châu Trinh nghĩ khác. Cụ có thái độ bộc trực của nhà mô phạm, lại vừa có đức tính dè dặt của người học giả luôn bới tìm tận gốc rễ của vấn đề. Theo cụ, nắm vững được chân lí, con người mới có quyền hành động, hành động mà không sợ sai lầm và không làm cho kẻ khác liên lụy. Cũng vì vậy mà đối với đám người bình dân cụ được tiếng là « Ông Vui Chuyện », tuy rằng với một số đồng nghiệp cụ lại mang tiếng « hay cãi ».

Trong các buổi thảo luận tại nhà trường, Phan Châu Trinh tỏ ra có biệt tài tổng hợp và lí hội các dữ kiện thành một định đề mấu chốt. Làm như vậy, dường như cụ có hai dụng ý tương tự thuật sản ý (maieutikos) mà nhà hiền triết Socrates đã từng xử dụng : (1) đúc kết chân lí vừa nghiên cứu dưới một hình thức ngắn gọn, cấp bách khả dĩ thúc đẩy hành động ; (2) tiếp tục thúc đẩy, đào sâu vấn đề nghiên cứu bằng cách thách thức mình (hoặc người đối thoại) đưa ra những đề hoặc phản đề khả dĩ ngăn chận những hành động nông nổi hấp tấp. Chúng ta chỉ cần lần giở lại những đoạn dí dỏm tác giả Nguyễn Hiến Lê [33] mô tả các buổi thảo luận tại Trường Đông Kinh, thi dụ hôm tranh luận xem nguồn gốc chậm tiến của Việt Nam có phải phát xuất do sự yếu kém về tôn giáo, hoặc nữa đoạn tranh luận về giả thuyết cho rằng chính Nho Học làm cho Việt Nam suy nhược.

Trước con mắt các học viên nhà trường, Phan Châu Trinh dường như tạo được một hình ảnh trẻ trung, lôi cuốn hơn cả. Cụ táo bạo lãnh đạo « phái trẻ » ngay các trong lối phục sức độc đáo. Một vị phó bảng của triều đình mà cắt tóc ngắn, mặc âu phục, quả là một hiện tượng ! Cụ lại sáng chế ra một mốt riêng, « mốt Tây Hồ », được tác giả Nguyễn Hiến Lê mô tả như sau : [34]

« Áo bành tô và... quần bằng vải nội hóa Quảng Nam nhuộm đen ; thắt cái cà vạt cũng bằng vải đen, đi đôi giầy

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUẾ QUANG

https://tieulun.hopto.org

« dôn » [jaune] mỏ vịt, và đội cái nón « cát » [casque] trắng... y như tây... [miệng lại] phì phèo một điếu thuốc « Quả đất » [Globe]. »

Mỗi lần nghĩ đến bậc sĩ phu « thần tượng », chắc các học viên nhà trường không bao giờ quên được câu nói bất hủ : [35] « Không nên trông người ngoài, trông người ngoài là ngu ; không nên bạo động, bạo động vội là thất sách. Đồng bào ơi, chi bằng học ! » Cụ nổi tiếng « Ông Đạo Học » cũng do tư tưởng đó.

Nếu Đại Học Nhã Điển có được tổ phụ Socrates để đào luyện cho sinh viên Hi Lạp trưởng thành trong suy tư, Trường Đông Kinh cũng không hổ thẹn có được một Phan Châu Trinh khéo biết khích động học viên hồ nghi ngay chính hành động của mình. *Trưởng thành trong tiến trình suy tư của mỗi học viên, chúng tôi cho đó là một trong những sứ mạng căn bản nhất, cao cả nhất của một mái trường đại học.*

Chúng ta hãnh diện mà xác nhận ngôi trường đại học đầu tiên của Việt Nam phát triển trong tinh thần đó. « Văn Minh Tân Học Sách », một tài liệu giáo khoa của nhà trường, chỉ trích thậm tệ phái « hủ nho » và lối học khoa cử cũ, rồi táo bạo đề nghị [36] lúc thi cử phải « cho phép học trò bàn bạc tha hồ, đối đáp tự do... »

Thái độ cởi mở còn được thể hiện, giống như Đại Học Keio, qua sáng kiến đặt trước cổng trường một hộp thơ ý kiến để ban quản trị rộng rãi thâu nhận « các lời phê bình, đề nghị về công việc của nhà trường trên mọi phương diện ». [37] Thêm một sáng kiến độc đáo, trường có cả một thư viện sách báo người ngoài cũng có thể mượn về nhà đọc.

Bầu khí sinh hoạt trí thức tại Trường Đông Kinh, như vậy, chấp nhận quan điểm đối lập. Giống như nhân sĩ Nhật sáng lập Đại Học Keio, các sĩ phu sáng lập của ta đã ý thức đối lập là điều kiện để canh tân, cũng như cạnh tranh là bài học của văn minh vậy. Nhưng « đối lập » không có nghĩa « đối địch ». Người

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

trong trường không bao giờ coi nhau như cừu thù. Kết quả các công trình nghiên cứu cho thấy không có hành động phản nghịch trong nội bộ nhà trường. Ngay đối với chính quyền thực dân, mặc dầu dữ kiện rất dồi dào cho thấy có sự chỉ trích mạnh mẽ, nhưng tuyệt nhiên những bằng chứng « làm loạn » (hành động đối địch) chỉ xảy ra sau khi trường bị người Pháp đóng cửa, và xảy ra với một số ít thân hữu, giáo chức. Do đó, chỉ một số ít bị kết án. [38]

Như vậy, thái độ của nhà trường đối với người Pháp không kém phần cởi mở. Chúng ta thấy phần đóng góp rất ảnh hưởng của những khuôn mặt tân học được người Pháp khuyến khích như Nguyễn Văn Vĩnh, những công bộc của chính phủ như Trần Đình Đức, những bạn thân với cha cố hoặc chủ báo Pháp như Phan Châu Trinh. Có tác giả [39] còn cho biết một số người Pháp tiến bộ thỉnh thoảng « đến nói chuyện với các giáo sư nhà trường, với lớp học sinh lớn và các nhân sĩ cảm tình với nhà trường. »

NGÃ TƯ QUỐC TẾ

Lần đầu tiên tại Việt Nam, lịch sử giáo dục ghi nhận một ngôi trường tư lập mở rộng cửa đón nhận các trào lưu tư tưởng quốc tế, đặc biệt là tư tưởng Phương Tây du nhập vào Việt Nam qua ngả Trung Hoa, Nhật Bản.

Theo gương Nhật Bản và Trung Quốc, các sĩ phu Nhóm Đông Kinh không còn chấp nhận quan điểm của phe sĩ phu bảo thủ, chẳng hạn như vua Tự Đức, coi Tây là « bạch quỉ » và chỉ có Tàu mới là văn minh. Chính Nhật thoạt đầu cũng có thái độ : « Trung thành với hoàng đế, tống xuất người dị chủng », nhưng sau khi Minh Trị thực hiện được thống nhất, họ đã đổi theo phương châm mới : « Học lấy kĩ thuật Thái Tây, duy trì tinh thần Nhật ». Trung Hoa mô phỏng tiến trình tư tưởng Nhật. Phương châm của họ thoạt đầu chỉ nhằm duy trì cơ sở nền cổ học Tàu, rồi từ đó bồi đắp thêm các kĩ thuật thực dụng Âu Mĩ (Trung học vi thể, Tây học vi dụng) nhưng sau đó, cách

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

riêng kể từ 1898 trở đi, song song với phong trào đòi biến pháp duy tân họ có xu hướng đi xa hơn : thay đổi cả tinh thần lẫn định chế.

Tiếp nhận Phương Tây qua mô thức gián tiếp, Việt Nam đã phải nhìn họ qua quan điểm của Tàu và Nhật. Những tên tuổi quá quen thuộc của họ như Rousseau, Montesquieu, Descartes, Darwin, Adam Smith, Herbert Spencer, Socrates đã biến thành theo thứ tự vừa kể, Lư Thoa, Mạnh Đức Tư Cưu, Địch Tạp Nhi, Đạt Nhĩ Văn, Tư Mật Á Đan, Tư Tân Tắc Nhĩ, Tô Cách Lạp Đề. Không những tên họ của tác giả Phương Tây bị biến âm đổi dạng nặng nề, tư tưởng của họ cũng không chắc được trình bày một cách chính xác. Điểm này không lạ lắm, vì ngay những bậc đại sư tân học như Khang, Lương cũng hiểu Thái Tây không mấy trực tiếp, quán triệt. Thật vậy, muốn đọc sách Âu Mĩ, Khang Hữu-vi phải đọc qua các tác phẩm đã dịch sẵn. Còn Lương Khải-siêu thú nhận cuộc sống bận rộn của tiên sinh không cho phép ông thâu thập được một ngoại ngữ nào đến nơi đến chốn, kể cả Anh Ngữ ; Lương do đó phải lí hội Rousseau, Montesquieu, Darwin, Descartes và Kant, những tác giả « tủ » của ông qua các bản dịch bằng Nhật Ngữ.

Trái lại, người Nhật đã từ lâu ý thức được rằng chính tư tưởng của Phương Tây đã làm cho họ có ưu thế hơn Phương Đông về mọi mặt và, bởi đó, một sự tiếp nhận trực tiếp và trung thực tư tưởng của Thái Tây là một việc làm cấp bách. Nhật Bản cổ võ bằng mọi cách việc phổ biến và phiên dịch tác phẩm viết bằng các thứ tiếng « mọi rợ » Âu Mĩ. Tác giả ảnh hưởng hơn cả, đi tiên phong trong việc tìm hiểu tư tưởng Phương Tây suốt thời Minh Trị lại cũng chính là Fukuzawa, vị sáng lập Đại Học Keio. Ngay từ 1869, ông đã rất thành công khi cho xuất bản cuốn *Seiyò jijò* (Tây Đương sự tình) mô tả các định chế Thái Tây, trong đó ông đặc biệt ca tụng chế độ đại nghị Anh Quốc. Cuốn tiểu thuyết bình dân, *Robinson Crusoe*, được phiên dịch ra Nhật Ngữ ngay từ 1859 ; cuốn sách ảnh hưởng của Samuel Smiles, *Self Help* (Tự lực) được dịch từ 1870 ; tác phẩm

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

nổi tiếng của John Stuart Mill, *On Liberty* (Luận về tự do) dịch từ 1871 ; tập luận thuyết trứ danh của Rousseau, *Contrat Social* (Dân ước luận) cũng đã được phiên dịch từ 1877. Tóm lại, Nhật Bản anh học trò trẻ của Thái Tây, được coi là cậu giáo « đồng chủng, đồng văn » lí tưởng để các sĩ phu ta học hỏi văn minh Âu Mĩ.

Ngoài ra, xét về cố gắng nhằm lí hội tư tưởng Phương Tây nói chung và chính sách phổ biến cũng như phiên dịch tài liệu của họ nói riêng, dường như Nhật Bản còn đi trước Trung Quốc và Việt Nam khá xa. Những bản dịch của Nghiêm Phục (1853-1921), dịch giả đương thời được coi là thận trọng nhất của Tàu cũng phải đợi ít nhất sau 1898 mới lọt vào Việt Nam. Lại nữa, ngoại trừ Nghiêm Phục là tác giả am hiểu Anh Ngữ, các tác giả Tàu khác lắm khi làm cho các sĩ phu ta lí hội Phương Tây không mấy trung thực do phương pháp gọi là « dịch bằng thính giác ». Họ chỉ cần được « nghe kể » sơ sơ cốt truyện rồi dựa vào đó mà « bàn rộng », chứ không đủ khả năng đi thẳng vào những khúc mắc của một ngoại ngữ. Điểm này không những đúng với Khang, Lương mà còn với những dịch giả bình dân tên tuổi của Tàu như Lâm Thư (1852-1924) nữa.

Chính từ Nhật Bản, Trung Quốc mà tư tưởng Phương Tây được lén lút du nhập vào Việt Nam ; « lén lút » bởi lẽ chính quyền thống trị Pháp thời đó đặc biệt sợ Việt Nam thâu nhận tư tưởng cấp tiến của Thái Tây quá sớm. Khác với trường hợp Tàu và Nhật, lạ lùng thay tại Việt Nam trước 1907 không thấy xuất hiện một tác phẩm quan trọng nào dịch của Âu Mĩ, mặc dầu hàng ngũ trí thức trong nước thời đó không thiếu kẻ được đề cao là uyên thâm ngoại ngữ (chẳng hạn Petrus Trương Vĩnh Ký, Paulus Huỳnh Tịnh Của). Phan Châu Trinh phải kêu lên : [40] « Người Pháp sang ta hơn 50 năm mà sĩ phu trong nước không biết Tây Học là gì ! » Huỳnh Thúc Kháng thú nhận cụ đỗ tiến sĩ rồi mới « đọc sách Tây ». [41] Chính quyền thực dân thời đó sợ nhất các báo du nhập từ Trung Hoa, Nhật Bản, nên bằng một loạt nghị định họ cấm nhặt phổ biến vào Việt Nam

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

những tập san như *Thương Báo*, *Trung Quốc Báo*, *Tuần Hoàn Báo*, *Quảng Đông Báo*, *Hương Cảng Hoa Tự Báo*. Là đồng minh trung kiên của Nga, nước bị Nhật đánh bại trong trận chiến 1904-1905, người Pháp còn ra một nghị định cấm phổ biến trên tất cả báo chí tại Đông Dương mọi tin tức liên quan tới cuộc chiến tranh Nga-Nhật. Mặc dầu vậy, tài liệu đương thời cũng phải thú nhận chánh quyền bảo hộ không tài nào ngăn chặn nổi sự lén lút du nhập báo chí ngoại quốc, đặc biệt là từ Hương Cảng, Thượng Hải, và Hoành Tân. Báo chí Pháp la hoảng: « Các quán sách chữ Hán (tại Bắc Kì) hiện bày bán hàng ngàn pho sách dịch từ tài liệu Phương Tây dạy làm cách mạng. » [42]

Như vậy không lạ gì mà những tài liệu Âu Mĩ còn nóng hổi dưới ngòi bút người dịch được du nhập vào Trường Đông Kinh làm món ăn tinh thần và đề tài thảo luận cho cả học viên lẫn giáo chức. Các sử gia nhà trường có nhắc đến một số sách gây nhiều ảnh hưởng như tập « Dân Ước Luận » của Rousseau, « Tiến Hóa Luận » của Herbert Spencer, « Vạn Pháp Tinh Li » của Montesquieu. Song cạnh đó cũng có những cuốn cổ lỗ sĩ đã được Trung Quốc xử dụng từ lâu, chẳng hạn cuốn sách về hình học mang tên « Kỉ Hà Tắc Cổ » dạy những định lí cổ điển của Euclides đã được dịch ra Hoa Ngữ khoảng ba thế kỉ trước khi Trường Đông Kinh ra đời ! Nhưng dầu phải học một ít sách cũ (cũ người nhưng mới mình !) tinh thần cũng đổi mới. Tứ thư, ngũ kinh tuy hãy còn học, nhưng phần giảng giải nghiêng hẳn theo chiều hướng tân học.

Nhờ bài học duy tân với Nhật Bản, đến ngay ý niệm « Tây » cũng đổi mới. Nếu Tàu và Nhật hiểu « Tây » trước tiên là các xứ thuộc văn minh lạnh (Anglo-Saxon), Việt Nam theo truyền thống lại hiểu « Tây » chính là Pháp. Tuy vậy, « người Tây » theo quan điểm của Nhóm Đông Kinh không phải là « bạch quỉ » theo như định kiến của vua Tự Đức, cũng không hẳn là loại da trắng có máu nóng thường hay « đập chết », « làm nhục» hoặc khinh dàn bản xứ như « lợn bò » [43] được Phan Châu Trinh mô tả trong lá thư can đảm cụ gởi Toàn Quyền Beau sau chuyến

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

đi Nhật về. Dường như cụ muốn nói người Pháp sống trên đất Việt Nam đã mất đi phần nào phẩm chất « Tây ». Đàng khác, kinh nghiệm tiếp xúc Đông Tây xảy ra trên đất Nhật cho phép các cụ hình dung được một cuộc gặp gỡ Đông Tây trên một căn bản tương đối bình đẳng, hiểu biết, và kính nể nhau hơn. Phan Bội Châu không dấu được nỗi ngỡ ngàng sung sướng lúc lần đầu tiên trong đời cụ được quan sát tận mắt và so sánh tại chỗ bầu khí chánh trị, xã hội khoáng đạt hơn của Hương Cảng, một thuộc địa Anh Quốc. Cụ còn viết một tập sách nhỏ, « Sùng Bái Giai Nhân » trong đó có đoạn đề cao Hoa Thịnh Đốn, vị anh hùng xuất thân đi lính cho thực dân Anh, nhưng nhờ lòng ái quốc sâu đậm đã hoàn tất được cuộc cách mạng và trở nên vị tổng thống đầu tiên của một Hoa Kì độc lập [44].

Như vậy, trong khi người Pháp tại Việt Nam hãnh diện tự xưng là « Européens » (người Châu Âu) hoặc « Occidentaux » (người Phương Tây) làm cho dân bản xứ có xu hướng tai hại đồng nhất « người Tây » với « người Pháp » sinh sống tại Việt Nam, các sĩ phu Nhóm Đông Kinh, nhờ những kiến thức tân học phát xuất từ Nhật Bản, đã có một quan niệm cởi mở hơn về Thái Tây. Theo một tác giả, hai chữ « Âu hóa » (song lạ thay không phải là « Tây hóa » !) lúc bấy giờ rất thịnh hành. Các sĩ phu không ngần ngại đề cao mô thức Âu Mĩ [45] :

Nước ta kể từ xưa trở lại
Những chăm chăm theo mãi học Tàu,
Đua nghề hủ bại với nhau
Ngoài ra biết Mỹ biết Âu là gì ?

HỌC TRÌNH TIẾN BỘ

Trường Đông Kinh không những mở rộng cửa đón nhận tư tưởng khai phóng của Phương Tây, bất cứ cái gì « mới » cũng đều rất hợp thời trang tại trường. Lịch sử giáo dục Việt Nam sẽ phải mãi mãi ghi nhận chương trình canh tân vô cùng táo bạo của Giám Quyền [46] :

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Mở *tân* giới, xoay nghề *tân* học,
Đón *tân* trào, dựng cuộc *tân* dân,
***Tân* thư, *tân* báo, *tân* văn...**

Người ta cạo đầu « mới » (bắt chước Giám Quyền), ăn mặc theo mốt « mới » (chạy theo mốt Tây Hồ). Người ta mạnh dạn cả nam cả nữ ngồi lại với nhau nghe diễn thuyết, tranh luận, cười khóc với nhau. Song cười với khóc là trường hợp đặc biệt, thói thường thái độ chung của học viên cũng như giáo chức khi bước chân vào khuôn viên nhà trường là một thái độ nghiêm trang cung kính. Cung kính như lúc bước vào niệm đường, cung kính như khi đang cầu siêu cho quốc gia phú cường độc lập, đúng theo lời dạy của Giám Quyền [47] :

« Tụng kinh ĐỘC LẬP ở chùa DUY TÂN ».

Trường Đông Kinh không khác cõi tu trì bao nhiêu ! Thật vậy, các sĩ phu đã thật sự làm một cuộc cách mạng khó khăn : cách mạng trên chính bản họ. Họ giựt mình trước học chế lạc hậu mà than ôi, họ là sản phẩm sáng giá nhất [48] :

Khoa danh bước đã qua rồi,
Giựt mình tỉnh dậy rằng thôi xin chừa !

Nói đoạn, họ quẳng cây bút lông, ngượng nghịu tập cầm cây viết sắt. Họ không còn mặc cảm trốn vào buồng kín để học quốc ngữ. Họ học công khai, học cho bằng được thứ chữ « mọi rợ », « ngoằn ngoèo như con dun ».

Ngoài Việt Ngữ, các sĩ phu còn đua nhau học chữ Pháp, kẻ đã biết tiếng Pháp lại học thêm chữ Nho. Một vị khách viếng thăm trường vào tháng 4, 1907 nhận xét như sau [49] :

« Tràng học giộng lắm mà học trò cả ngày cả đêm ước đến 400 người, phân ra làm nhiều lớp : Lớp thì để những các ông cử, ông tú học chữ Pháp, lớp thì để những ông đã biết chữ Pháp học chữ Nho ; lớp người nhớn, lớp trẻ con, tràng con giai, tràng con gái, thứ tự phân minh lắm. »

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Các môn học « mới » đều được cổ xúy : địa lí, sử kí, toán pháp, cách trí, vệ sinh, thể dục, giáo dục công dân, và ngay cả môn kinh tế chính trị ! Và dĩ nhiên tất cả những phương pháp sư phạm « tối tân » nhất mà họ được biết : giảng sách, đọc báo, bình văn, diễn thuyết, thảo luận, đóng kịch. Lại có một giáo chức (áp dụng phương pháp « thính thị » ?) hoàn tất được một bức họa đồ Việt Nam to tướng lôi kéo cả khách hiếu kì ở ngoài đồ vào xem. Khách cũng như chủ, giáo chức cũng như học viên, chắc hẳn vô cùng cảm động, bởi có thể đây là lần đầu họ được cùng nhau chiêm ngưỡng một cách công khai dung nhan tổ quốc trên một kích thước vĩ đại.

Bản « Thiết Tiền Ca » của Nguyễn Phan Lãng có thể được coi là giảng văn đầu tiên của đại học Việt Nam về kinh tế chánh trị. Một tài liệu giáo khoa khác, « Á Tế Á », là một thiên hùng ca có tính cách đại chúng không những được học trong trường mà còn lưu truyền trong dân gian đến nay trải qua mấy thế hệ. Bài mở đầu bằng một ý thức mới, ý thức của con người Châu Á đang dấn bước vào những năm đầu của thế kỉ XX [50] :

Á Tế Á năm châu là đệ nhất :
Người nhiều hơn mà đất cũng rộng hơn ;

sau đó đề cao ngay công cuộc duy tân có một không hai của vua Minh Trị [51] :

Cờ độc lập đứng đầu phất trước
Nhật Bản kia vốn nước đồng văn,
Á Đông mở hội DUY TÂN
Nhật Hoàng là đấng anh quân ai bì !

để rồi cùng bảo nhau noi gương Nhật [52] :

Nền TÂN HỌC kíp nên dựng trước,
Hội DÂN ĐOÀN cá nước cùng nhau,
Việc BUÔN ta lấy làm đầu,
Mọi nghề cùng ghé địa cầu một vai...

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUẾ QUANG

https://tieulun.hopto.org

Xét chung, khó mà chối cãi được rằng chỉ sau 1945, Việt Nam may ra mới có được một chương trình giáo dục phần nào tiến bộ hơn.

GIÁO DỤC CĂN BẢN VÀ GIÁO ĐỤC CHUYÊN MÔN

Tiếp tục phân tích chương trình giảng dạy, chúng ta nhận thấy Trường Đông Kinh chú tâm xây dựng hai cột trụ giáo dục đã từng chi phối Đại Học Keio của Nhật và truyền thống « nghĩa thục » của Anh. Đó cũng là những nguyên lí rường cột không thể vắng mặt trong bất cứ một chương trình đại học nào. Chúng nhằm đào luyện học viên trên hai phương diện : căn bản và chuyên môn. Tiếc rằng trường hoạt động không được lâu để cho phép chúng ta thấy rõ các vị lãnh đạo trong thực tế đã giải quyết những trùng dụng, những khó khăn và dị biệt giữa hai nguyên lí trên như thế nào. Song chỉ căn cứ vào thời gian ngắn nhà trường hoạt động và dựa theo tài liệu giáo khoa được biết, chúng ta cũng hé thấy mối bận tâm đặc biệt của các vị sáng lập về hai cột trụ giáo dục đó.

Trước hết, Trường Đông Kinh đã thành công làm cho người Việt lần đầu tiên trong lịch sử chấp nhận ồ ạt một thứ chữ mới căn cứ vào mẫu tự La Tinh làm văn tự quốc gia và đồng thời làm chuyển ngữ giáo dục. Sau đó, cũng lại lần đầu tiên trong lịch sử giáo dục Việt Nam, trường đã thành công tách rời thi cử ra khỏi giáo dục, hai í niệm hầu như đồng nhất với nhau một cách tai hại trong học đường cũ. Theo quan niệm mới, học không phải để đỗ đạt mà là để làm người dân. Chúng ta hãy nghe Giám Quyền đề cập tới mục tiêu căn bản đó của nhà trường [53] :

« Duy có lớp trung học, đại học thì học chữ Pháp, chữ Hán, còn từ tiểu học trở xuống, bất cứ nam nữ đều học quốc ngữ, nhưng lớp trên lớp dưới cũng vậy, chỉ cốt HỌC ĐỂ LÀM NGƯỜI DÂN, chớ không học lối từ chương khoa cử là cái dĩ độc ngày xưa còn lại, lúc bấy giờ chúng tôi ghét lắm ».

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Nhằm cống hiến cho học viên những kiến thức căn bản của một công dân theo quan niệm tân học, nhà trường đã xử dụng nhiều tài liệu giáo khoa như : « Quốc Dân Độc Bản » (khuyết danh), « Việt Nam Nghĩa Liệt Truyện » (Phan Bội Châu), « Việt Nam Vong Quốc Sử » (Phan Bội Châu), « Nam Quốc Địa Dư » (Lương Văn Can), « Tỉnh Quốc Hồn Ca » (Phan Châu Trinh), « Á Tế Á » (còn gọi là « Đề Tỉnh Quốc Dân », khuyết danh), « Các Chú Tập Binh » (khuyết danh), « Tiếng Gọi Thanh Niên » (khuyết danh).

Về sự thành công của chương trình giáo dục công dân căn bản này, các sử liệu đã nói đến khá nhiều. Những bài như « Á Tế Á » đến nay các thế hệ trước nhiều người còn say sưa nhớ lõm bõm đôi ba câu. Những bài như « Nam Quốc Địa Dư » có một giá trị đáng kể vì là lần đầu tiên sau gần nửa thế kỉ mất nước, người học trò Việt Nam lại được học địa hình địa vật nước nhà. Riêng tập « Việt Nam Vong Quốc Sử » là một tài liệu giáo khoa mà giá trị đã vượt biên giới, không những vì nó được viết bằng Hán Văn ; sách còn được một văn sĩ tên tuổi quốc tế, Lương Khải-siêu đề tựa. Ngoài ra, « Việt Nam Vong Quốc Sử » còn là tài liệu sử học đầu tiên đề cập tới thời kì Việt Nam thuộc Pháp do một người Việt viết. Đọc cuốn này đã làm cho các chính khách Châu Á hiểu biết thực trạng Việt Nạm hơn, đặc biệt Lương tiên sinh đã phải kêu lên [54] :

> « Thật thế sao? Ngay đến Trung quốc là nước chuyên chế nhất trên thế giới, mà từ cận cổ tới nay, còn muốn bỏ thứ pháp luật mọi rợ đó [một người phạm tội, cả họ bị chu diệt như trường hợp Tống Duy Tân và Phan Đình Phùng] ; vậy mà một quốc gia tự nhận là văn minh như Pháp, lại có thể hành động như thế sao ? »

Song tài liệu có tầm ảnh hưởng đại chúng đáng kể nhất là cuốn « Quốc Dân Độc Bản ». Đây là cuốn sách « vỡ lòng » cho học viên tập đọc. Trong cuốn này, chúng ta thấy chính sách của các sĩ phu Đông Kinh chuyển hướng rõ rệt từ một học chế phục vụ thiểu số « công khanh, đại phu » tới một nền giáo dục

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

nhằm mang lại cơ hội học hỏi đồng đều cho mọi công dân. « Quốc dân » là ý tưởng then chốt trong toàn bộ tập sách mỏng này. Lòng yêu nước không còn căn cứ vào hai chữ « trung quân » như xưa. Tác giả lại giải thích cho người học một số ý niệm dân chủ, thí dụ thế nào là « xã hội », « quốc gia», « quốc dân » thế nào là hợp quần, ái quốc, và tôn trọng lợi ích công cộng, với chủ đích làm cho mọi người trong nước « hiểu qua loa những nguyên tắc cơ bản trong đời sống xã hội ngày nay. » Tập « Quốc Dân Độc Bản » bán rất chạy. Theo lời Giám Quyền, chỉ trong chín tháng nhà trường hoạt động, sách được in đi in lại nhiều lần, có thể lên đến mấy vạn cuốn mà vẫn không đủ để cung cấp cho nhu cầu độc giả trong nước.

Ảnh hưởng đại chúng của những tài liệu giáo khoa như tập « Quốc Dân Độc Bản » đến nay chúng ta không sao biết hết. Có thể khẳng định chúng thành công hơn cả trăm đạo chiếu hiến pháp duy tân (1898) của vua Quang Tự và nhóm Khang Lương. Chắc chắn chúng ảnh hưởng hơn chương trình cưỡng bách giáo dục của vua Thành Thái (vị vua đầu tiên dưới thời Pháp dám thực hiện một chương trình giáo dục cưỡng bách !) mà người Pháp cho là quá tham lam, điên rồ, rồi dẹp bỏ sau khi đã cho vua đi an trí tại một hòn đảo ở Ấn Độ Dương.

Chương trình giáo dục căn bản của Nhóm Đông Kinh thực hiện đúng đường lối Phan Bội Châu đã vạch ra trong tác phẩm « Lưu Cầu Huyết Lệ Tân Thư. » Trong tập sách mỏng này, cụ đã phác họa ra ba lãnh vực ưu tiên, nhằm cấp tốc cứu vãn nền giáo dục Việt Nam đang tan rã. Đó là :

(1) mở mang dân trí,
(2) chấn hưng dân khí,
(3) đào tạo nhân tài.

Chương trình giáo dục căn bản của nhà trường là một cố gắng đặc biệt thành công nhằm vào hai trong ba chủ điểm trên : mở mang dân trí và chấn hưng dân khí.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Riêng phần đào tạo nhân tài, thiết tưởng vì « tuổi thọ » của nhà trường quá ngắn, thành công không được bao lăm. Vả lại xét trong ý định của Phan Bội Châu, đây không phải là trọng tâm của nhà trường mà là của chương trình Đông Du nhằm khuyến khích xuất dương du học để đào tạo chuyên viên và cấp lãnh đạo. Những yếu tố vừa kể cộng thêm phương tiện quá eo hẹp, cũng như sự cộng tác thiếu chân thành của ngoại bang, đã là phần nào nguyên do sự thất bại của chương trình đào tạo chuyên môn.

Song không phải vì sự thất bại nêu trên mà chúng ta có thể khẳng định Trường Đông Kinh không lưu ý đến giáo dục chuyên môn. Trái lại, nhà trường rầm rộ cổ võ việc dịch thuật các sách khoa học, cũng như khuyến khích học nghề. Cụ thục trưởng Lương Văn Can và ông Nguyễn Văn Vĩnh là hai sáng lập viên « Hội Dịch Sách Bắc Kì » thành lập ngày 07-8-1907 với sự bảo trợ của Hội Trí Tri. Theo Giám Quyền, một trong những trọng tâm của nhà trường là « dạy những khoa học thường thức, công nghệ thường thức cho người ta lấy đó mà mưu sanh tự tồn. » [55]. Phan Châu Trinh đặc biệt đề cao chương trình này, đến độ hầu như không buổi diễn thuyết nào mà cụ không xen vào vài ý tưởng theo đường hướng giáo dục đó. Chẳng hạn, cụ đã cảm động kết luận trong bài « Tỉnh quốc hồn ca » do chính cụ sáng tác [56] :

Hỡi những người chí cả thương quê,

Mau mau đi học lấy nghề,

Học rồi ta sẽ đem về dạy nhau.

Nguyễn Phan Lãng, trong giảng văn kinh tế chánh trị nổi tiếng « Thiết tiền ca » một mặt công kích người Pháp chiếm độc quyền thương nghiệp và công nghệ tại Việt Nam, mặt khác đề nghị một mô thức giáo dục hai giai đoạn, theo đó giai đoạn chuyên môn sẽ theo sát giai đoạn căn bản [57] :

Các thứ học PHỔ THÔNG đã suốt

Học CHUYÊN MÔN cốt một nghề cao...

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

Trong một nước nghề hay đã đủ
Từ đó mà tiến bộ văn minh.
Rồi mà cũng chế thủy tinh,
Cũng lò đúc sắt, cũng dinh đúc đồng.
Cũng tàu máy qua sông vượt bể,
Cũng điện cơ, điện khí, điện xa,
Cũng buôn cũng bán gần xa,
Khi vào Tây cống, khi ra Hải phòng.
Thế mới thực phụ công đi học,
Thế mới là cõi gốc văn minh...

Rồi vén cánh áo rộng, cắt móng tay dài, các cụ say sưa tra tay vào công việc sản xuất : mở thương hội, lập tiểu công nghệ, khai thác đồn điền, đào bới quặng mỏ.

QUỐC SÁCH VÀ CĂN BẢN TRIẾT LÍ GIÁO DỤC

Đối chiếu các tài liệu đương thời, người ta có lí mà suy diễn giáo dục, theo quan điểm « học để làm người dân » của Nhóm Đông Kinh, phải nằm trong một quốc sách qui mô. Sách lược giáo dục này được ghi nhận một cách rõ rệt, chẳng hạn trong tập « Quốc Nhơn Hiệp Thương Xã Chương Trình » mà một tài liệu Pháp [58] ghi nhận là do nhà in « Đông Kinh » xuất bản tại một làng tại miền Nam ngày 13 tháng 02 năm 1907 và bị chính quyền Pháp tịch thu trong vụ Gilbert Trần Chánh Chiếu. Theo chương trình này, các thành phố lớn tại Việt Nam như Sài Gòn, Hải Phòng, Đà Nẵng, đều sẽ được thiết lập những tổ hợp đại doanh nghiệp với chi nhánh dần dần lan rộng tới các quận lị và làng xã. Công việc đầu tiên sau khi lập xong các tổ hợp kinh tài là thành lập ngay các cơ sở giáo dục dạy những căn bản về giáo dục đại chúng, và sau đó là thiết lập tại mỗi cơ sở trên, một trung tâm khảo cứu nông nghiệp cùng các trường chuyên môn dạy về các kĩ thuật sản xuất như làm đồ gốm, luyện kim, tẩy nhuộm, đan dệt.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Sách lược giáo dục mô tả trên phù hợp với chương trình Minh Tân do cụ G. Chiểu (cùng phối hiệp với nhóm Phan Bội Châu) đứng ra đề xướng, lãnh đạo và điều khiển tại Nam Kì suốt thời gian cụ làm chủ bút tờ *Nông Cổ Min Đàm* (1906-1907) và tờ *Lục Tỉnh Tân Văn* (1907-1908) cho tới ngày cụ bị bắt (30 tháng 10 năm 1908).

Cả hai trọng tâm giáo dục, đại chúng và kĩ thuật, đều nhằm chủ đích xây dựng một quốc gia Việt Nam độc lập và phú cường theo mô thức Âu Mĩ. Hai trọng tâm đó cũng đều phát xuất từ một nền tảng triết lí giáo dục duy nhất, gói ghém trong một tập sách mỏng khuyết danh được xử dụng trong các lớp cao cấp tại Trường Đông Kinh, cuốn « Văn Minh Tân Học Sách » Trong thời gian được xử dụng làm tài liệu giáo khoa tại trường, sách được đóng chung cùng với hai tài liệu khác : bài « Cáo hủ lậu văn » và bài « Cao Li vong quốc chi thảm trạng ».

Theo Nhóm Đông Kinh, văn minh là đổi mới con người, đổi mới xã hội. Giống như vị sáng lập Đại Học Keio tại Nhật, tác giả « Văn Minh Tân Học Sách » đề cao chính thể dân chủ đại nghị như là định chế tinh túy của Thái Tây. Đối chiếu Đông với Tây, tác giả đi tới kết luận là sở dĩ Phương Tây hiện nắm ưu thế trong mọi lãnh vực là vì người ta luôn ở thế « động » mà mình luôn ở thế « tĩnh ». Trở về trường hợp Việt Nam, tác giả cũng đối chiếu tình trạng « thanh danh, văn vật » của nước ta xưa với hoàn cảnh « hủ bại » đương thời để rồi gói ghém tất cả nhận định và phê phán vào một định đề mấu chốt : *Văn minh thật sự là một giá trị phải đánh đổi bằng cạnh tranh*. Không còn đường lối nào khác. Tác giả tiếp tục chứng minh là trong các xã hội dân chủ Âu Mĩ, chính nguyên tắc cạnh tranh đã làm cho họ tiến bộ mau lẹ trên lãnh vực khoa học, điển hình là các công trình khảo cứu của James Watt và Thomas Edison. Trên bình diện chánh trị, lại cũng chính nguyên tắc cạnh tranh làm cho các quốc gia đó cải tiến không ngừng, bởi lẽ trên thượng đỉnh, họ có quốc hội nắm quyền điều khiển chính sách quốc gia và dưới hạ tầng, có hệ thống báo chí đảm nhiệm vai trò hướng dẫn dư luận quần chúng.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

ĐẠI HỌC VÀ ĐẠI CUỘC

Đại học là học làm những việc lớn, việc của những người có chí lớn. Tiếp xúc cởi mở với thế giới bên ngoài, thay đổi bản thân, đào tạo chuyên viên, đào tạo cấp lãnh đạo, đó toàn những mục tiêu lớn. Nhưng tất cả cũng chỉ chuẩn bị cho mục tiêu duy nhất ám ảnh trọn cuộc đời Phan Bội Châu: Đổi Mới Xã Hội Việt Nam. Như vậy, nhìn toàn bộ, Trường Đông Kinh quả là một đại cuộc. Rõ ràng là Phan Bội Châu quyết tâm lo việc lớn nên đã mở trường đại học cũng như bốn năm trước đó cụ đã ghi danh vào Trường Quốc Tử Giám (các cụ gọi đùa là «đại học») để lo «chuyện đại sự». Nhìn từ quan điểm bao quát này, Trường Đông Kinh là một trong nhiều trung tâm duy tân khác như Nghệ Tĩnh, Huế, Quảng Nam, Saigon, và Tokyo. Phong trào chỉ có một, nhưng xuất hiện dưới nhiều danh hiệu khác nhau, xử dụng nhiều phương tiện khác nhau, tùy theo bối cảnh địa phương. Tuy nhiên, mẫu số chung rõ rệt là tất cả đều chống đối chính sách thực dân của Pháp tại Việt Nam, tất cả đều đề xướng duy tân tự cường như là phương thức hữu hiệu để tranh thủ độc lập quốc gia.

Nhìn trên quan điểm toàn diện này, thiết tưởng các sử gia lẽ ra phải thấy phong trào bao gồm nhiều tương đồng hơn là dị biệt. Các vị lãnh đạo không những hoàn toàn thỏa thuận với nhau về cứu cánh vĩ đại mà các ngài đeo đuổi, các cụ còn đồng ý trên phương tiện căn bản: vừa thúc đẩy người Pháp, vừa tự tay mở thật nhiều trường học. Các cụ đồng ý phải đánh người Pháp tại chỗ họ tự xưng họ mạnh nhất: trên ghế nhà trường. Tài liệu đương thời cho thấy người Pháp rõ biết xu hướng «quốc gia» của Trường Đông Kinh từ buổi ban đầu. Ngay trong đám sĩ phu thân hữu với tư nhân Pháp cũng phát hiện những thái độ rõ ràng không mấy ưa thích đường lối cai trị của Pháp tại Việt Nam. Phan Châu Trinh cảnh giác sự mâu thuẫn trầm trọng giữa mô thức cao đẹp được Beau lớn tiếng thêu dệt và thực tại Việt Nam đau thương bi ổi; cụ công khai vạch trần mâu thuẫn đó. Nguyễn Văn Vĩnh, một trong những bộ

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

mặt trẻ và hoạt động nhất trong nhóm « đề huề » cũng thẳng thắn sửa sai chính quyền nhiều điểm, đặc biệt trong những tháng cuối 1907. Một phần vì đó, *Đại Nam Đăng Cổ Tùng Báo* do ông làm chủ bút bị đình bản vĩnh viễn sau số ra ngày 14 tháng 11, nghĩa là chỉ mấy tuần trước khi Trường Đông Kinh tan rã.

Kết cuộc, « chuyện đại sự » không thành! Nhưng kinh nghiệm vĩ đại đã thành lịch sử. Uy tín của Trường Đông Kinh trước ngày giải tán vượt hẳn các trường học của chính phủ bảo hộ. Tại Hà Nội và nhữug vùng lân cận, chỉ nghe tên « Thục » là người dân hiểu ngay Đông Kinh Nghĩa Thục. Nhiều nơi đang rộn rịp mô phỏng để gieo vãi khắp Việt Nam vô số những « Thục » tí hon thì bỗng nhà trường nhận được lệnh đóng cửa. Chúng ta hãy nghe Giám Quyền kể lại một cách tiếc xót dự án dang dở đó [59] :

> « Chúng tôi lập Đ.K.N.T. ở Hà nội là cốt thực nghiệm, nếu thấy thành hiệu thì trong ít lâu mỗi kỳ Trung, Nam, Bắc sẽ có một đại học đường như thế ; rồi tính lần lần về sau mỗi tỉnh, mỗi phủ cũng có một Đ.K.N.T. nữa. »

PHẢN ỨNG CỦA PHÁP

Sự thành công của một ngôi trường tư lập mô phỏng theo Nhật, giảng dạy một chương trình vượt xa giai đoạn ấu học, tiểu học, hoặc tiểu học bổ túc của chính quyền bảo hộ không cho phép người Pháp làm ngơ trước sự phát triển của nhà trường.

Chính quyền bảo hộ cảm thấy cần phải mở một cửa hàng giáo dục ăn khách hơn để cạnh tranh với Trường Đông Kinh. Họ đặt tên cho cửa hàng mới này một cái tên thật hấp dẫn « Học Quy Tân Trường », gọi tắt là « Trường Tân Quy ». Trường được khai trương tại Hà Nội, vào cuối 1907. Đại khái Trường Tân Quy mô phỏng một số sinh hoạt của Trường Đông Kinh. Chẳng hạn, cũng có lớp dành cho trẻ em sơ học dưới 13 tuổi ; tuy nhiên, trọng tâm vẫn là những lớp « trung học » thâu nhận học viên suýt soát 24, 25 tuổi, và những lớp « đại học » thâu nhận các « cụ » sinh viên xấp xỉ ngũ tuần ! Người Pháp còn

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

không quên chọn một vị khoa bảng thật rỡ ràng làm đốc học cho học hiệu hào nhoáng này. Vị đó là Nguyễn Tái Tích, anh thi sĩ Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu.

Táo bạo hơn dự án Tân Quy bội phần, chính phủ bảo hộ còn quyết định thành lập một đại học viện hẳn hoi gồm nhiều phân khoa, không những để thu hút các sinh viên Đông Dương, mà còn nhằm lôi cuốn sinh viên toàn cõi Viễn Đông tới học với người Pháp tại Hà Nội bài học văn minh Thái Tây.

Bất động sản dành cho dự án trên được chính phủ bảo hộ mua với một giá đáng kể, 500.000 quan Pháp (độ 200.000$ Đông Dương thời đó). Tuy nhiên, người ta dự tính còn phải tốn kém ít nhất gấp ba lần món tiền đó mới mong trang bị xong viện đại học vĩ đại. Cơ sở vật chất được trù liệu xong xuôi, ngày 16-5-1906, toàn quyền đương nhiệm Beau kí nghị định thành lập cái gọi là « Université Indo-Chinoise », chia làm năm phân khoa : (1) luật và hành chánh (2) khoa học (3) i khoa (4) kiến trúc tạo tác (5) văn khoa.

Ngày 24-9-1907 một nghị định khác ấn định chọn hôm 01-11-1907 làm ngày khai giảng và đồng thời xác định thành phần những giảng khoa được khai trương trong niên khóa 1907-1908 như sau :

> Toán, cơ học, thiên văn, lí hóa đại cương, kĩ thuật và kĩ nghệ hóa học, động vật học, thực vật học, địa lí, sinh li và vệ sinh, ngôn ngữ và văn chương Pháp, sử học đại cương, địa dư học tổng quát, sử Đông Dương và Đông Nam Á, địa lí Đông Dương và Đông Nam Á, triết học, sử học đối chiếu, luật lệ Pháp Quốc, luật hành chánh địa phương, kinh tế chính trị và luật thương mại, sư phạm tổng quát, sư phạm thực hành và quản trị học đường.

Nghị định còn tỉ mỉ xác định lệ phí ghi danh trọn niên khóa cho mỗi học viên là hai đồng bạc Đông Dương.

Sau những tháng trời chuẩn bị qui mô, Viện Đại Học Đông Dương gồm những cơ sở khang trang với đầy đủ thư viện và

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

phòng thí nghiệm thật sự khai giảng ngày 09 tháng 11 năm 1907. Vẫn theo tài liệu đương thời [60], con số sinh viên ghi danh « khá đông ». Sau hai ba đợt tuyển lọc thật kĩ càng, sĩ số được rút xuống còn 50 người. Thành phần giảng huấn không dưới 14 vị gồm toàn những « tiến sĩ và cao đẳng chuyên môn » người Pháp.

Tuy vậy, Viện Đại Học Đông Dương có tướng mệnh một đại võ sư chết yểu. Sau khi Trường Đông Kinh đóng cửa (đầu năm 1908), Viện sống èo ọt được mấy tháng rồi cũng nhận được lệnh đóng cửa luôn. Thật vậy, đa số các giảng khoa ghi trong nghị định ngày 24-9-1907 không vượt khỏi phạm vi « giấy tờ ». Đại Học Viện Đông Dương đầu tiên của người Pháp, giống như Hàn Lâm Viện gồm 40 vị « bất tử » được người Pháp thiết lập cho Bắc Kì năm 1886, sự thật chỉ nằm « bất tử » trên giấy tờ.

Về lí do đóng cửa Viện Đại Học Đông Dương, các sử gia đưa ra những điểm rất dị biệt. Sử gia người Anh, Dennis Duncanson [61], cho rằng đó là vì một số học viên nhúng tay vào vụ đầu độc trại lính Pháp tại Hà Nội (ngày 27-6-1908). Sử gia người Pháp, Paul Isoart [62] khẳng định ngược lại là không có trường hợp học viên nào liên can tới các vụ bạo động. Một sử gia Pháp khác, Jean Chesneaux [63], có lẽ có lí hơn khi ông khẳng định Đại Học Đông Dương được thành lập không ngoài mục đích « chặn đứng phong trào xuất dương du học sang Nhật. » Nếu quả như vậy, quyết định thiết lập và bãi bỏ những dự án giáo dục đồ sộ như Viện Đại Học Đông Dương đều là những quyết định vội vàng do áp lực chính trị nhất thời. Quan điểm này phù hợp với một quan điểm đương thời cho rằng việc đóng cửa Viện Đại Học Đông Dương chỉ là chủ trương của những người mắc chứng bệnh « sợ học đường » (phobie antiscolaire) [64].

Quan điểm trên còn phù hợp với bài học lịch sử chúng ta có thể rút tỉa được nếu đem so sánh trường hợp Việt Nam với chính sách giáo dục tại các xứ thuộc địa khác. Thật vậy, chính quyền thực dân nào lại không sợ phát triển giáo dục ? Các chiêu

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

bài hoặc dự án giáo dục đồ sộ, kiểu Viện Đại Học Đông Dương, đều chỉ là trò chơi chính trị. Từ trước đến nay đã có nhà nghiên cứu nào tìm ra đáp số thỏa đáng cho bài toán gai góc này : chủ đích giáo dục trong một xứ thuộc địa là gì ?

KẾT LUẬN

Tình trạng nghiên cứu hiện tại, mặc dầu thiếu sót, thiết tưởng cũng đã đủ dữ kiện cho phép khẳng định Trường Đông Kinh không phải là một « trường ma », cũng không phải là một « hội kín ». Trường thật sự là một cơ sở giáo dục đầy đủ danh nghĩa, chẳng hạn đầy đủ hơn cái gọi là Trường Viễn Đông Bác Cổ (École Française d'Extrême Orient) người Pháp thiết lập năm 1898 tại Đông Dương, một « trường » xét theo nghĩa nguyên thủy không có giáo chức, không có học viên, và dĩ nhiên, không có học trình !

Tình trạng nghiên cứu hiện tại, mặc dầu chưa được quán triệt, cũng đủ chứng minh Trường Đông Kinh là một định chế đại học tư lập phỏng theo mô thức độc đáo của Trường Keio (tiểu, trung, đại học đồng thời tịnh hành). Trường sinh hoạt cởi mở, bao dung như một ngã tư quốc tế, có một quốc sách, một căn bản triết lí giáo dục, và một chương trình huấn luyện cao đẳng khá tiến bộ, chẳng hạn tiến bộ hơn Viện Đại Học 50 sinh viên được người Pháp thiết lập cho Đông Dương và Đông Á, cùng nơi và đồng thời với Trường Đông Kinh. Trường Thuốc (Hà Nội, 1902), Trường Luật (Sài Gòn, 1906), và theo một sử gia, [65] ngay cả Viện Đại Học của Albert Sarraut (Hà Nội, 1918) cũng không xứng đáng danh xưng « đại học ».

Nếu quan điểm trình bày được chấp nhận, Trường Đông Kinh quả thật là một đại học tư lập. Đó cũng là đại học đầu tiên tại Việt Nam hiện đại.

VŨ ĐỨC BẰNG

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

CHÚ THÍCH

(29) *PBCNB.*, tr. 73.

(30) Xin xem cùng tác giả, « Một số giả thuyết về Phan Bội Châu và Phong Trào Duy Tân » *Tư Tưởng*, số mới, XLII-XLIII (tháng 11-12, 1973), 83-102.

(31) Trích theo *ĐNN.*, ngày 26-5-1971.

(32) Trích theo Nguyễn Huệ Chi « Phan Bội Châu nhà văn » *Tạp Chí Văn Học* (Số Kỷ Niệm 100 Năm Sinh Phan Bội Châu), tháng 12-1967, tr. 21.

(33) *sdd.*, tr. 80-81.

(34) *sdd.*, tr. 86.

(35) Câu kết luận trong bài « Hiện trạng vấn đề » trích theo *ĐNN.*, ngày 18-3-1971; để đối chiếu xin xem Thế Nguyên, *Phan Chu Trinh 1872-1926* (in lần thứ hai : Saigon ; Tân Việt, 1956). tr. 28; Huỳnh Thúc Kháng, « Phan Tây Hồ tiên sinh lịch sử» *Giai Nhân Kỳ Ngộ Diễn Ca* (Lê Văn Siêu bình giải và chú thích ; Saigon : Lam Hồng, 1959 ; sẽ ghi tắt *GNKN*), tr. LIII.

(36) Trích theo Nguyễn Hiến Lê, *sdd.*, tr. 53.

(37) Xin xem Phạm Văn Sơn, *Việt Nam Cách Mạng Cận Sử 1885-1914* (Việt Sử Tân Biên, q. V, tập trung; Saigon : tác giả, 1963), tr. 384.

(38) Trong số này, sớm nhất là Phó bảng Phan Châu Trinh. Cụ bị Hội Đồng Cơ Mật kết án tù Côn Lôn vào tháng 4, 1908 ; quyết định này được viên toàn quyền nhiệm chức Bonhoure phê chuẩn ngày 14-4-1908. Năm vị sau đây bị Hội Đồng Đề Hình kết án ngày 15-10-1908, án được Thống Sứ Morel phê chuẩn ngày 17-10-1908 :

(1) Nguyễn Quyền	:	chung thân khổ sai
(2) Lê Đại	:	—nt—
(3) Vũ Hoành	:	—nt—
(4) Dương Bá Trạc	:	15 năm khổ sai
(5) Hoàng Tăng Bí	:	05 năm khổ sai

Vị sau cùng là con rể của đương nhiệm Thượng Thư Bộ Học, Cao Xuân Dục, nên chỉ bị an trí tại Huế. Chúng tôi tiếc chưa được đọc bản án về cụ thục trưởng. Xin xem *Journal Officiel de l'Indo-Chine* (sẽ ghi tắt *J.O.*) các ngày 20-4 và 22-10-1908.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

(39) Đặng Thái Mai, *sdd.*, tr. 58.

(40) Xem *GNKN.*, tr. XXXXIX.

(41) Xem *ĐNN.*, ngày 18-4-1971.

(42) Xin xem *Bulletin du Comité de l'Asie Française* (sẽ ghi tắt *BCAF*) XCVI (tháng 3, 1909), 109 và LXV (tháng 8, 1906), 302 ; *J.O.* đặc biệt các nghị định ngày 03-7-1904, 22-10-1904 và 16-5-1906 ; để đối chiếu xin xem *ĐNĐC.*, DCCCX (04-7-1907), 236.

(43) Xem Thái Bạch, *sdd.*, tr. 354.

(44) Xem Phạm Văn Sơn, *sdd.*, tr. 380.

(45) Đặng Thái Mai, *sdd.*, tr. 72.

(46) « Nam thiên phong vân truyện » trích theo *ĐNN.*, ngày 20-01-1971. Phần nhấn mạnh là sáng kiến của kẻ viết bài này.

(47) Trích theo *ĐNN.*, ngày 22-01-1971.

(48) Trích theo Phạm Văn Sơn, *sdd.*, tr. 392.

(49) Xem *ĐNĐC.*, DCCXCVII (25-4-1907), 76.

(50) Ghi theo trí nhớ ; để đối chiếu xin xem Thái Bạch, *sdd.*, tr. 72.

(51, 52) Ghi theo trí nhớ.

(53) Xin xem Đào Trinh Nhất, *Đông Kinh Nghĩa Thục* (Hà Hội : Mai Lĩnh, 1937), tr. 22, trích theo Vũ Ngọc Phan, *Nhà Văn Hiện Đại*, q. III (tái bản lần thứ ba ; Saigon : Thăng Long, 1960) tr. 517. Phần nhấn mạnh là sáng kiến của kẻ viết bài này.

(54) Trích theo Nguyễn Quang Tô (phiên dịch và chú giải), *Việt Nam Vong Quốc Sử* (Saigon : Tao Đàn, 1969 ?), tr. 87.

(55) Trích theo Vũ Ngọc Phan, *sdd:*, tr. 517.

(56) Trích theo Nguyễn Hiến Lê, *sdd.*, tr. 96.

(57) Trích theo Phạm Văn Sơn, *sdd.*, tr. 394-395. Phần nhấn mạnh là sáng kiến của kẻ viết bài này.

(58) Xem Coulet, *sdd.*, tr. 288-292.

(59) Trích theo Vũ Ngọc Phan, *sdd.*, tr. 517.

(60) Xin xem Jean Ajalbert, *L'Indo-Chine en péril* (Paris : Stock, 1906), tr. 30 c.c. ; *J.O.* các ngày 11-6-1906 và 07-10-1907 ; *BEFEO*, VII / 3-4 (tháng 7-12, 1907), 413 ; *ĐNĐC.*, DCCCXXII (17-10-1907) 468-470, và DCCCXXIII (24-10-1907), 492.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

(61) Xem *Government and Revolution in Vietnam* (London : Oxford University Press, 1968), tr. 124.

(62) Xem *Le Phénomène national vietnamien ; De l'indépendance unitaire à l'indépendance fractionnée* (Paris : Pichon et Durant-Auzias, 1961), tr. 212.

(63) Xem *Contribution à l'histoire de la nation vietnamienne* (Paris : Editions Sociales, 1955), tr. 190.

(64) Xem *BCAF.*, XCVI (tháng 3, 1909), 109.

(65) Tác giả Lê Thành Khôi trong quyển *Le Viet Nam ; Histoire et Civilisation* (Paris : Editions de Minuit, 1955 ; tr. 403) cho đó chỉ là tập hợp những trường kĩ thuật nhằm đào tạo những người phụ tá (« moins une université véritable qu'une réunion d'écoles techniques destinées à former des auxiliaires »).

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

ĐIỂM SÁCH

Tác phẩm : THE LOGIC OF THE HUMANITIES (LOGIK DER KULTURWISSENSCHAFTEN.)

Tác giả : ERNST CASSIRER.

Nhà xuất bản : NEW HAVEN LONDON : YALE UNIV. PRESS. 3th ed., 1967. 217 trang.

Người đọc : LÊ TÔN NGHIÊM.

«Luận lý học về những sinh hoạt *văn hóa* của loài người». Dịch tác phẩm trên theo một nhan đề tiếng Việt khá dài như thế, trước hết, nhằm nói lên ngay rằng đề tài của quyển sách là một vấn đề khá mới mẻ và khúc mắc. Chính Clarence Smith Howe người dịch Mỹ đã phải dừng lại trên danh từ «The Humanities» một cách bất đắc dĩ để dịch hai tiếng Đức tương đương nhau là GEISTESWISSENSCHAFTEN và KULTURWISSENSCHAFTEN là những tiếng ngày nay thường được dịch và hiểu lẫn với những *Khoa học Nhân văn* (The Social Sciences) trong ý nghĩa đối lập với Khoa học thực nghiệm mà tiếng Đức gọi là Naturwissenschaften (tr. XIII). Theo dịch giả đó là hiểu lầm tiếng GEISTESWISSENSCHAFTEN nhất là tiếng KULTURWISSENSCHAFTEN được tác giả Cassirer thường dùng

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

ở đây và trong toàn bộ sáng tác của ông.

Đề tránh sự có thề hiểu lầm trên, do đó tổn thương cho chính việc đọc tác phẩm này, dịch giả đã lập tức lưu ý ta rằng : phải dịch Kulturwissenschaften của Cassirer là The Humanities (tr. XIV).

Hơn nữa, qua nhan đề của một khảo luận khác của ông ở một chỗ khác mà dịch giả nầy lấy làm bài nhập đề ở đây nhan đề là Naturalistiche und humanistische Begruendung der Kulturphilosophie (Naturalistic and humantic Philosophies of Culture (trang 3-38), Cassirer có dùng tiếng *Humanities* sẽ giải thích thêm ý niệm KULTURWISSENSCHAFTEN của ông. Đó còn là một lý do thêm biện hộ cho lối dịch trên và đồng thời cũng đề tránh việc hiểu nội dung của quyền sách này là một đường hướng của *Khoa học nhân văn thông thường*. Thực vậy, dịch giả viết :

« Nhưng những khoa học văn hóa (KULTURWISSENSCHAFTEN) mà Cassirer và những tiền bối của ông đang tìm kiếm cho một luận lý nền tảng (The basic logic), lại không được đồng hóa một cách dễ dãi với điều mà thế giới nói tiếng Anh gọi là « The Social sciences » (...) Người Đức, đặc biệt là Cassirer, thường xếp những « Social sciences » của người Mỹ và người Anh vào loại « NATURWISSENSCHAFTEN » tức là những khoa học (thực nghiệm) chính xác về bản tính con người có tính cách thực nghiệm (exact sciences of empirical human nature) (tr. XIII)

Theo những chỉ dẫn trên, nhan đề « The Logic » phải được hiểu theo một ý nghĩa « Khoa học » nhưng không phải thứ khoa học thực nghiệm về thiên nhiên vật lý mà các khoa học mệnh danh là Nhân văn ngày nay đang muốn rập mẫu lại phương pháp của chúng. Vì tuy cùng một tiếng « Wissenschaft » (khoa học) được dùng ở đây, nhưng nó lại bao hàm một ý nghĩa cao rộng hơn và sâu xa hơn ý nghĩa khoa học ngày nay, Do đó, theo dịch giả « khoa học » ở đây không nhắm vào công việc mô tả sự kiện và không tương quan theo định luật chính xác qui định được giữa những hiện tượng xảy ra trong thiên nhiên vật lý. Trái lại, đây là *khoa học* theo ý nghĩa xưa của một kiến thức sâu xa hay quán triệt hơn những gì chúng ta « tri thức » theo nghĩa sự kiện trong việc gặp gỡ trực tiếp và thường nhật với thế giới ngoại tại và của chính ta. (trang XIV).

Là một khoa học theo nghĩa đó, « *luận lý học* » về những sinh hoạt

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

văn hóa của loài người « hay » triết lý *văn hóa* còn chú ý nói lên sự khác biệt khác nữa của nó đối với những tham luận hay trình bày có tính cách thường nghiệm về những hoạt động văn hóa như do các nhà nhân chủng học, cổ sinh vật học, xã hội học... và cả những nhà tư tưởng suy tư về những khía cạnh văn hóa theo quan điểm nhân bản. Hơn nữa, luận lý học ở đây cũng không được hiểu theo ý nghĩa của luận lý học cổ điển là môn học chỉ được xây dựng trên những phổ biến niệm trừu tượng (of abstract universals) (trang XIV), vì luận lý học về văn hóa ở đây chỉ chú trọng trên những gì *cụ thể* (concretness), *trực chỉ* (directness) và *toàn bích* (wholeness).

Nói tóm, « Đây là một luận lý học về những *khái niệm kiểu mẫu*, trên đó có một cách hữu thức hay vô thức, chúng ta thường xây dựng sự hiểu biết của chúng ta về những con người riêng lẻ và của biến cố lịch sử (it is a logic of style concepts, upon which we consciously, or unconsciously, build up our understanding of particular persons and of historical events. tr. XV).

Trong đường hướng đó, sẽ thấy Ernst Cassirer xây dựng và bố cục tác phẩm như sau : Phần *Nhập đề* về những triết lý văn hóa (là một khảo luận không thuộc tác phẩm này nhưng đã được dịch giả ghép thêm vào đây như đã nói ở trên); tiếp theo là chính nội dung của tác phẩm gồm 5 chương khá đều nhau, trình bày về đặc tính của vấn đề (ch. I) và phương pháp để đạt được nội dung của vấn đề qua những phân biệt cũng khá khúc mắc giữa những gì *không thuộc* luận lý học này và những gì *là* luận lý học này. Nhan đề của những chương II, III, IV sẽ nói lên những phân biệt quan yếu đó; sau cùng là chương 5 thuộc phần kết luận theo đường hướng tư tưởng quen thuộc của tác giả.

— Trước hết, với bài *nhập đề*, quả như ý kiến của dịch giả, chúng ta thực sự có được một hướng dẫn sơ khởi vào nội dung của tác phẩm này, vì ở đây Cassirer phác họa lại cả một diễn tiến lịch sử khá dài của những người đi tiên phong trong việc mà ông gọi là « công trình đặt nền móng cho những triết lý văn hóa theo quan điểm khoa học thiên nhiên và theo quan điểm văn hóa. » Bắt đầu từ thời Phục hưng thế kỷ 15 với một nhịp thúc đẩy mở màn cho một tiến triển rõ rệt và độc đáo về ý thức triết học đó (tr. 4). Thế rồi dòng dã qua thế kỷ 16 và 17, chúng ta còn chứng kiến một sự

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

chín mùi cho một vấn đề triết lý mới. Đó là công trình khai triển ra được điều mà Dilley gọi là « Hệ thống tự nhiên của những khoa học văn hóa ». Đó là « mầm non đầu tiên cho một triết lý văn hóa tương lai ». Nhưng theo Cassirer, tai hại thay, mầm non ấy đã tiếp tục « bị tiêu ma đi giữa lòng những hệ thống triết lý đã lập sẵn, đến nỗi nó trở thành một kẻ vô gia cư ». (trang 4).

Do đó, những gì mới mẻ ở đây và mới khởi sự trào vọt lên thì lập tức đã bị đình trệ và đàn áp. Nói tóm, những mầm non đầu tiên của một « triết lý văn hóa » đã bị giới hạn ngay từ đầu, nhưng sự giới hạn nầy không phải chỉ có tính cách « bì phu »; trái lại, chính sự giới hạn này đã bắt nguồn từ một *sức mạnh tích cực* và *hùng hậu* nhất đã thống trị trên những thế kỷ đầu tiên của trí óc những con người cận đại. (tr. 4).

Đó là sức mạnh của *toán học và khoa học thực nghiệm* theo tinh thần toán học, từ đây một lý tưởng cho biến thể đã được đề xướng, theo đó, bên ngoài hình học phân tích và cơ khí học, đã không còn chỗ cho một nghiên cứu khoa học chính xác nào khác nữa. Trong tinh thần đó, *một thế giới văn hóa* chỉ có thể khai triển ra được và tự nó hiển nhiên đối với suy tư triết lý được hay để không còn bị sa lầy trong những vùng tối tăm của thần bí hoặc bị cầm nhốt trong những xiềng xích của truyền thống thần học, thì phải có được tính cách sáng sủa và qui định được bằng toán học y như thế giới vật lý vậy.

Một công trình đặt nền móng cho triết lý văn hóa (Naturalisftsche Begruendung) cũng đã khởi sự từ đây theo khuôn mẫu của toán học và của khoa học thực nghiệm. Spinoza là nạn nhân đầu tiên cho một khuynh hướng *Duy nhiên* (Naturalism). Như vậy khi ông đặt *luận lý học* một thành phần thuộc sinh hoạt văn hóa của con người trên cơ sở của toán học hình học (tr. 4). Rồi từ đó con người chỉ quan sát và mô tả con người và những sinh hoạt mà họ như thể chẳng là những đường thẳng, những mặt phẳng và những vật thể mà thôi.

Tư tưởng thiên về khoa học thiên nhiên vật lý của Spinoza đã ảnh hưởng trên cả Schelling cũng một triết gia rất lãng mạn và rất nhạy cảm trước những gì sống động của thiên nhiên theo nghĩa của nghệ sĩ và trực giác thẩm mỹ khi ông viết : « Thiên nhiên là một bài thơ được bao phủ trong một

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

hình hài bí nhiệm và kỳ diệu ». (tr. 6). Thế rồi triết lý văn hóa mới được biểu thị ra trong khuynh hướng lãng mạn (Romanticism) dưới ảnh hưởng của nhãn quan Schelling vì khuynh hướng lãng mạn không những đã nhìn thiên nhiên theo một viễn ảnh mới, mà trong và bằng tiềm năng của trực giác, cần thành tựu được một lãnh hội tổng lãm được tất cả mọi hình thức thực tại tinh thần. Ở đây lần đầu tiên, những nguồn suối sâu thẳm và đích thực của *Huyền thoại* và *tôn giáo*, của *ngôn ngữ* và *thi ca*, của *luân lý* và *luật pháp* mới xuất hiện như được đem ra ánh sáng. (tr. 7).

Nhưng vì chỉ chú trọng vào tính chất phi lý và sự biến thái lặng lẽ của dòng sông như một định mệnh cố định (as a fate), lãng mạn thuyết đã không nhìn ra được rằng sự sống của con người là một sự sống của tinh thần thuộc lãnh vực của *hành động tự do* (a world of free act) mà sự sống của tinh thần thiết yếu phải có một « tự lập » tức là một « qui luật tính nội tại » (tr. 8) Savéguy và Theodor Litt những nhà lãng mạn đã không nhìn ra được điều đó.

Nhưng nạn nhân lộ liễu nhất của một khuynh hướng Duy nhiên như vậy chính là triết lý văn hóa của Pháp do A. Comte chủ xướng, trong đó khái niệm về vũ trụ mà họ bắt gặp ở đây và được họ coi là chung cục, lại chính là khái niệm của khoa vật lý học cổ điển mà nguyên tắc cao nhất là nguyên tắc nhân quả như đã được phân giải trong giả thuyết « Cố định » thời danh của Laplace. (tr. 9) Và *cố định thuyết* vật lý ấy đã được khai triển ra theo 3 khuynh hướng và bằng những khẳng quyết hoàn toàn khác nhau, thứ nhất là khuynh hướng vật lý học do những nhà thực nghiệm chủ nghĩa như Comte, S tr. Buve, Renan và Taine chủ xướng; thứ hai là khuynh hướng tâm lý học được đại diện trong triết học hiện đại bằng triết lý văn hóa của Spengler ; thứ ba là khuynh hướng siêu hình học trong « *Hiện tượng luận tinh thần của Hégel* » *(tr. 16)*

Thêm vào đó, cần phải kể tới một khuynh hướng thứ tư, nhưng khó quy định theo một danh từ, vì trước hết khuynh hướng nầy đi ngược lại những khuynh hướng trên, tiếp theo những con người chủ xướng nó không những chỉ quan niệm lý tưởng của một nền tảng văn hóa mới cho việc nghiên cứu văn hóa mà họ còn là những người đã thực hành điều đó cho ta trong những sáng tác của họ và

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

đã đề cả linh hồn và sự sống họ thở hít trong đó. (tr. 19).

Vì vậy đây chính là công trình đặt nền móng cho triết lý văn hóa theo quan điểm nhân bản vậy. Hậu bán thế kỷ thứ 18 trong văn chương cổ điển của Đức, một hình thức *nhân bản* mới xuất hiện, nhưng không phải thứ nhân bản của thời Phục hưng chỉ biết sùng thượng duy có quá khứ và chỉ biết có chiêm ngưỡng, trái lại, ở đây nhân bản không những hướng về *tương lai* mà còn dầy *ước vọng* sáng tạo (tr. 20) như công trình giảng nghĩa lịch sử của một Herder theo châm ngôn : « Lịch sử vừa nặng chĩu quá khứ nhưng cũng vừa thai nghén tương lai. Đó cũng là chiều hướng đọc lịch sử của Lessing trong quyển *Education of the Human Race.*

Nhưng muốn lãnh hội và qui định được bằng những từ ngữ thuần túy khái niệm lý thuyết mới về con người hay một nhận định một lịch sử mới về con người đã được khai triển ở đây, cần phải thấu hiểu tường tận được cả những sáng tác của Winckelmann và Lessing, Herder và Schiller, Goethe và Wilhelm von Humboldt.

Nói tóm, hậu bán thế kỷ 18 của văn chương Đức đã làm nổi bật lên được một « Humanitaets ideal ». (Một quan điểm lý tưởng về Nhân loại tính) (tr. 21). Nhưng người ta lại thường giảng nghĩa nó theo quan điểm chật hẹp của luân lý (tr. 21) vì theo Cassirer đối với Winckelmann và Herder Goethe và Humboldt, rồi cả với Schiller và Kant nữa, ý nghĩa cụ thể của quan niệm về lý tưởng nhân loại tính của họ lại nằm ở một chỗ khác. Quả vậy, tuy tất cả những nhân vật nầy cũng đều tin tưởng rằng một hình thức luân lý đặc biệt và một trật tự đặc biệt cho đời sống xã hội và chính trị đã chỉ xuất hiện lên được từ ý niệm « Nhân loại tính » ấy và theo nghĩa đó chúng thể hiện là thành quả chín mùi và cao thượng nhất của nó nhưng đó không phải là đối tượng duy nhất trong nhãn quan của những nhân vật nầy, vì bên ngoài lối nhìn theo luân lý chật hẹp ấy, họ cũng chạm trán với *một chủ đề bao quát hơn* hay với *một vấn đề thâm thúy hơn nhiều lắm.*

Có thể gọi đây là quan điểm « luận lý học » theo trí thức luận mô thức hay tượng trưng (Ordered form hay Symbolic form) (tr. 22). Ở đây với lối giải thích nầy Cassirer đã bắt đầu hướng dẫn ta vào quỹ đạo của « *triết lý văn*

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

hóa » của ông theo chính lời ông viết như sau :

« Ở đây thấy xuất hiện lên thành *bản sắc nền tảng của mọi hiện hữu con người*, sự kiện theo đó con người không bị tan biến mất đi trong tình trạng hỗi đầu của những cảm giác ngoại tại của mình, trái lại, nó đã biết kiềm điềm đại dương mông lung của những cảm giác ấy bằng cách đem lại cho chúng một « *mô thức có tổ chức* » (ordered form). Một mô thức như thế kỳ cùng lại đã nảy sinh từ chính họ, tức là từ chính tư tưởng cảm nghiệm và ước muốn của chính họ vậy. » (tr. 22).

Nói tóm, lý tưởng nhân loại tính cao cả nhất của con người vượt trên cả lý tưởng luân lý, chính là lý tưởng tri thức luận tức là « ước muốn và khả năng uốn nắn được những thực tại trong kinh nghiệm tri thức của mình những mô thức (capacity for giving form to experience) (tr. 22).

Đó mới thực sự là quan điểm của những nhà nhân bản Đức thế kỷ 18. Điều đó đã được Herder và Humboldt chứng minh bằng *yếu tính của ngôn ngữ* hay Schiller bằng yếu tính của *sự chơi đùa và nghệ thuật*. Đưa ý niệm « mô thức có trật tự » trên đây, chúng ta hé thấy ảnh hưởng của Kant khi ông nầy cũng đã thiết định rằng : đối với những kiến thức thuần túy lý thuyết thuộc trí năng, con người cũng có khả năng đem lại cho chúng một « mô thức có trật tự » như vậy. Cho nên có thể nói rằng : Không thể có một *triết lý văn hóa* như lối giảng nghĩa của Cassirer đây nếu đã không có nền tảng Duy niệm của Kant.

Nhưng một là chỉ vì Kant vẫn chưa triệt để Duy niệm ở chỗ ông chưa đồng hóa được thế giới *thiên nhiên vật lý* với *thế giới tinh thần của con người*, hai là cũng vì vậy ông mới thiết định có *khả tính mô thức hóa* kinh nghiệm tri thức của con người đối với những kiến thức thuần lý mà thôi, và ba là tuy rằng ông cũng đã phân biệt *lãnh vực lý tính thực tiễn* và gán cho nó *những mô thức* của những gì « phải làm », nhưng Kant đã không khai triển chi tiết được lãnh vực hoạt động tinh thần bằng tự do tức những sinh hoạt văn hóa của con người nên Herder và Goethe, rồi cả Dilthey và Rickert, chính Cassirer cũng sẽ qua mặt ông (tr. 22-23).

Nhưng con người đã vượt xa Kant, xa nhất là Wilhelm von Humboldt mà ở đây cũng như ở nhiều tác phẩm khác, Cassirer tỏ ra rất sùng mộ, một là hơn tất cả phong

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

trào Duy niệm Đức như Fichste, Schelling, Hegel, W. von Humboldt đã bắt được cái cầu đó (tức là cầu nối liền hay đúng hơn đồng hóa) thiên nhiên vật lý và bản tính (tự nhiên) của con người (W. von Humboldt who succeeded in erecting this bride between nature and human nature tr. 23), hai nữa là mới thoáng nhìn thì tư tưởng của Humboldt còn ít hoàn bị hơn hệ thống của Fichte, Schelling và Hegel vì càng tiến xa trong công trình nghiên cứu của ông thì càng thấy ông như bị sa lầy trong những vấn đề nghiên cứu khoa học đặc thù và trong những chi tiết tỉ mỉ. Nhưng thành công vĩ đại của ông hơn cả Duy niệm Đức đi trước là ở chỗ ông đã phóng rọi được một *tinh thần thực sự triết lý* vào tất cả những cái đó và đã không bao giờ đánh mất đi cái nhìn *toàn bộ* là cái gì trong đó tất cả những nghiên cứu đó mới có được ý nghĩa của chúng (tr. 24); ba nữa là tất cả những gì Humboldt đã thành tựu được với tư cách một chính khách, một lý thuyết gia về chính trị, một triết gia về thế giới sử quan, một nhà thẩm mỹ học và nhất là *nhà tiên phong trong ngành triết lý ngôn ngữ*, đều có thể được đúc kết lại dưới một lý tưởng phôi thai sau đây : Những gì thuộc phổ biến tính có khả năng bao trùm được tất cả cá thể đồng thời cũng là và phải tiếp tục là những gì cá tính đơn biệt thuần túy nhất (that of *an all-en-compassing universalism* which the same time is and must contiune to be *the purest individualism* (tr. 24).

Với nguyên tắc ấy, Cassirer chủ trương sẽ giải thích được mọi khía cạnh của sinh hoạt văn hóa con người như *nghệ thuật, tôn giáo, huyền thoại lịch sử* hay *khoa học* và *triết học* nữa. Nói khác, theo ông, trong lãnh vực văn hóa, mỗi ý niệm phổ biến đều có tính cách vừa *cá biệt* vừa *phổ biến* đồng thời (as individual as it is universal (tr. 25). Sinh hoạt ngôn ngữ là một ví dụ điển hình, như chính Humboldt đã thiết định làm tựa đề cho nghiên cứu mênh mông của ông về ngôn ngữ của dân Kavi, vì theo ông ngôn ngữ là điều hiển nhiên sáng sủa nhất và bằng chứng bảo đảm nhất cho thấy rằng : mỗi con người không sở hữu một cá tính tự đóng kín ; và những tiếng « tôi » và « anh » không những là chỗ nương tựa cho lẫn nhau mà với tính cách là những khái niệm, chúng còn là đồng tính ; và theo nghĩa đó, ở đây có một lãnh vực của *cá tính* nhưng lại bao hàm một sự trở về do dự, nhưng cần thiết đang như tan biến đi nhưng lại bao rộng hướng về

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUẾ QUANG

https://tieulun.hopto.org

những khởi điểm xa xưa nhất của nhân loại (tr. 25).

Nói tóm, theo Humboldt, nếu không được *một phổ biến tính sơ đẳng* đó trong khái niệm « ngã » của « tôi » và của « Anh » thì mọi am hiểu người khác, mọi sinh hoạt của con người trong vòng phương tiện của ngôn ngữ sẽ không bao giờ có thể có được. Nói khác, một khi đã có được quan niệm về ngã nơi mọi *cá nhân* làm căn bản thông cảm được với *mọi người* khác bằng ngôn ngữ được rồi, Humboldt mới phê bình lại toàn bộ Duy nhiên của Pháp từ quan niệm cá nhân thiếu sót của Taine (tr. 27) đến quan niệm hồn văn hóa (culture-soul) của Spengler (tr. 29) với tính cách đầy Hoài nghi thuyết của Duy nhiên ấy. (tr. 32).

Và cũng từ đó, Cassirer đã có được ý niệm và đướng hướng căn bản mà ông gọi là « Luận lý học về những sinh hoạt văn hóa của loài người » ở đây. Với chương 1 bàn về *đề tài*, Cassirer khởi sự từ sự *bỡ ngỡ* của con người đối với chính mình nhất là đối với những hoạt động tinh thần của mình (tr. 42-43) thay thế vào sự bỡ ngỡ đối với thiên nhiên. Từ bỡ ngỡ ấy con người mới tìm hiểu bằng tư tưởng mô thức có trật tự những gì họ cảm nghiệm. Khái niệm « Logos » của Héraclite được Cassirer coi là nguyên tắc nền tảng nhất giúp con người thực hiện được công việc trên (tr. 45), vì chỉ nhờ nó con người mới sắp đặt mọi sự hỗn độn của tri thức cảm giác của mình thành một « Comos of culture » được.

Khoa học có tính cách toán học về thiên nhiên của một Képler và Galilé đã khai trương một lý tưởng tri thức mới (tr. 48) được hỗ trợ bằng quan điểm Duy lý của Descartes đến độ từ ông qua Leibnitz và Spinoza, *thiên nhiên* và *lý tưởng của trí óc con người* đã được đồng hóa thành một nhất nguyên như « hòa âm tiền định » (tr. 51). Nhưng một vấn đề mới được đặt ra là nếu những sự vật của thiên nhiên vật lý có thể toán học hóa thành một « Cosmos », được vậy thì lịch sử là một trong những khía cạnh sinh hoạt tinh thần, văn hóa của con người có thể được toán học hóa không ? (tr. 52). Giambattista Vico thời Phục hưng là tiên phong trong đường hướng đó, ở đây lần đầu tiên, luận lý học đã dám bẻ gảy vòng kích của tri thức khách quan tức vòng kích của toán học và khoa học thiên nhiên, để thay vào đó tự mình tạo thành luận lý học về những sinh hoạt văn hóa

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

như Luận lý học về *ngôn ngữ, thi ca* và *lịch sử* » (tr. 54).

Nhưng Herder mới là người đầu tiên đem vấn đề vào ánh sáng của ý thức triết lý thực sự, nhất là đối với những gì Vico còn để lại trong hoàng hôn mờ ảo của huyền thoại. Với Herder, ngôn ngữ là mọi hiện tượng cũng có cơ cấu trật tự như thiên nhiên vật lý có « Cosmos» vậy. Vì mỗi lời được nói ra không bao giờ bắt nguồn từ âm thanh thuần túy hay sự·phát ngôn mà thôi. Vì một lời nói bao giờ cũng là *một ý nghĩa có chủ định* (an intended meaning). Nó được giải thích giữa lòng một toàn bộ của một sự « cảm thông » giữa người với người như một cơ chế sinh động và sự kềm chế có thể có được khi một lời nói được chuyền đi từ một người cho người khác trong sự hòa hiệp vào một đối thoại sống động. (tr. 58).

Như thế, cũng như đối với Herder, *Logos* là yếu tố kiến tạo được liên hệ giữa một *cá nhân* và một *đoàn thể*. Nói tóm trong hiện tượng, *ngôn ngữ* của con người đã ngầm có một « Cosmos hợp lý », và mặc dù được biểu thị trong những khái niệm của nó thì sẽ mở ra một con đường *khoa học* (tr 58).

W. von Humboldt là người đã triệt để khai thác được ý tưởng nền tảng đó như ở trên kia đã nói (tr. 59). Nhưng không phải chỉ có thế giới ngôn ngữ mà cả thế giới nghệ thuật cũng lập tức cống hiến cho ta một hiển nhiên về cơ cấu tính luận lý tiền nghiệm đó, hay về « mô thức kiều con dấu » đó (tr. 65)

Nói tóm, khả năng mô thức hóa những kiến thức cảm giác ấy của con người như đã thấy trong ngôn ngữ và nghệ thuật như thế lại chỉ có thể có được trên căn bản của một « *danh nghĩa mới về con người.* » Hơn cả lý thuyết Platon, Ky Tô giáo và Kant là những lý thuyết mới nhìn ra con người như « công dân cả hai thế giới », chỉ có khoa học thế kỷ 19, với quan niệm tiến hóa của Darwin, mới giải tỏa được thế tương phản nói trên của con người, để đặt họ trên căn bản nhất trí và liên tục của một sự sống theo sinh vật học (tr. 67-68). Nhưng chỉ với Jacob von Uexkuell quan niệm tiến hóa về con người ấy mới được đẩy tới sự hoàn bị của nó, nghĩa là ở đây mức tiến hóa của con người vượt trên sinh vật không còn phải tại sự xuất hiện những cách thức và thuộc tính mới mà là ở sự thay đổi chức vụ (change of function) (tr. 73). Đó là một thay đổi đặc biệt, đánh dấu một khác biệt nền tảng của con người với sinh vật, vì theo Uexkuell với bất cứ cơ

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

thể sinh vật nào dầu sơ đẳng đến đâu đi nữa cũng có thể thiết định trong phản ứng của chúng với thế giới bên ngoài để sống còn những yếu tố căn bản sau đây : một là « yếu tố kích thích vật » (Stimulus pattern), hai là yếu tố « phản ứng lại kích thích vật » (effector pattern) ; bị kích thích và phản ứng lại kích thích, trong cơ thể sinh vật đương nhiên tạo ra một số những vận hành qua lại được Uexkuell gọi là « những vận hành qua lại có tính cách chức vụ » (functional circuits) (tr. 72).

Tất cả những yếu tố ấy kiến tạo nên một « cơ cấu », một « Cosmos » hợp lý tiện dụng trong việc sinh vật thích ứng với thế giới ngoại tại để sống, nhưng cơ thể của sinh vật thì luôn luôn vẫn bị giam trong « những bức tường của nhà tù », trái lại con người đã vượt khỏi nhà tù ấy bằng ý thức. (tr. 74). Do đó con người được định nghĩa là sinh vật biết dùng tượng trưng (Animal symbolicism).

Từ quan niệm về khả năng tính « mô thức hóa bằng tượng trưng » ấy của con người trong chương hai Cassirer mới đi vào phân tích những cách thức tri thức về văn hóa : « Tôn giáo, ngôn ngữ, nghệ thuật là những gì chỉ khả tri cho ta trong những lâu đài chính chúng đã xây dựng lên. Đó là những biểu hiệu, những đài kỷ niệm và những nhắc nhở lại vì chỉ trong đó mới có thể khám phá được ý nghĩa tôn giáo, ngôn ngữ hay nghệ thuật... » (tr. 98). Điều ấy đòi hỏi rằng ta không được « tri giác sự vật và biểu thị » (Perception of Things and of Expressions) những hiện tượng văn hóa như những hiện tượng thiên nhiên vật lý vì « tuy cũng như mỗi đối tượng khác, một đối tượng văn hóa cũng có chỗ đứng trong không gian và thời gian, nghĩa là có một nơi-đây và một hiện giờ (...) nhưng trong chính sự mô tả ấy, cái gì thuộc vật lý cũng đã được nhìn trong một chức mới rồi. » Nó không chỉ « đang là thế » và « thay đổi mà thôi, trái lại trong sự đang là và thay đổi của nó, một cái gì khác đã trào vọt lên cái gì trào vọt lên đó là một « ý nghĩa. » (tr. 98).

Vì vậy thay vì « những khái niệm theo thiên nhiên vật lý » (Nature-concepts) cần phải khai triển ra « những khái niệm theo văn hóa » (culture - concepts) (Chương, 3). « Những thuộc tính thường hằng » và « những định luật thường hằng » là hai sắc thái thiết yếu của thế giới vật lý (tr. 141), do khoa học sử dụng, nhưng thế giới đó là thế giới của sự vật mà « một thế giới

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

sự vật như vậy thì đương nhiên vô hồn (tr. 142), trong đó mọi kinh nghiệm về con người sẽ bị tiêu diệt hết, do đó văn hóa của con người không thể có một chỗ đứng trong một sơ đồ về thiên nhiên như vậy, vì văn hóa là một « thế giới cảm thông giữa những người với người » (tr. 143). Vì vậy sự thường hằng đòi hỏi ở đây không cần phải sự thường hằng của những thuộc tính hay của những định luật mà lại là của những ý nghĩa (tr. 143). Chúng ta sống giữa lòng những lời nói của ngôn ngữ, những hình thái của thi ca và nghệ thuật tô tạo, cơ cấu của âm nhạc, khuôn khổ của biểu tượng tôn giáo về những niềm tin tôn giáo. Và chỉ trong giữa lòng của những phương tiện ấy mà mỗi người chúng ta mới « biết » nhau. (tr. 143).

Thế giới vật lý là thế giới « cố định », còn thế giới của văn hóa là thế giới của biến dịch do đó những hiện tượng của văn hóa cũng thể hiện như được gắn liền với khuôn khổ của « biến dịch » một cách khắn khít hơn những hiện tượng thiên nhiên. Nên chúng không thể nào từ bỏ được dòng sông biến dịch. Chúng ta không thể theo đuổi ngôn ngữ học, phân tích nghệ thuật và nghiên cứu tôn giáo mà không xây dựng công trình của chúng ta trên điều mà chúng ta học hỏi được từ lịch sử của ngôn ngữ, lịch sử của nghệ thuật và lịch sử của tôn giáo. Chúng ta cũng không thể mạo hiểm vượt lên trên những đại dương mênh mông của biến dịch ấy mà không liên kết với chỉ nam của những phạm trù « nguyên nhân » và « hậu quả » được (chương 4, tr. 172-173), nhưng chiều kích nhân quả chỉ là một trong những chiều kích khác của khoa học về những biến cố văn hóa. Những chiều kích khác ấy đòi hỏi rằng phải vận dụng thêm 3 yếu tố khác, một là *phân tích theo thành quả*, hai là *phân tích theo quá trình*, ba là *phân tích theo mô thức* (tr. 179).

Nói tóm, chỉ trong sự phân biệt và nhất trí được phương pháp phân tích theo *nhân quả* và phương pháp phân tích theo *mô thức*, một nghiên cứu văn hóa mới có cơ thành tựu được (tr. 178).

Sau cùng, chỉ trong đường hướng đó được hoạch định trong những chương trên và bằng những phương pháp ấy, « một bi kịch văn hóa » do Simmel tố cáo mới có thể tránh được, vì hơn nữa một văn hóa (chương 5) không bao giờ dừng lại ở một thế *tĩnh* của một cá nhân, trái lại, bao giờ văn hóa cũng gắn liền với *biến*

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUẾ QUANG
https://tieulun.hopto.org

định và *cộng đồng*. Hiện tượng *ngôn ngữ* vẫn còn là một ví dụ điển hình, lý do là vì không bao giờ « ngôn ngữ hiện hữu như một sự vật « vật lý » (...) mà chỉ hiện hữu trong tác động nói và không bao giờ được thực thi theo cùng những điều kiện y hệt bằng cách thức y hệt (tr. 198). Herman Paul đã vạch rõ được tầm quan trọng của sự việc đó như sau : « Ngôn ngữ chỉ tồn tại ở việc nó được chuyền từ thế hệ nầy qua thế hệ khác » (tr. 198). « Những thời đại thi ca thời danh nhất đã ảnh hưởng cho sự hình thành ngôn ngữ đúng theo chiều hướng đó » (tr. 199). Cùng một quá trình biện chứng giữa *tĩnh* và *động*, giữa cá nhân và cộng đồng còn được thể hiện trong những lãnh vực văn hóa khác nữa. » (tr. 200), như hội họa và điêu khắc và các nghệ thuật khác, « trong số tất cả các nghệ thuật Thi thư tình (the lyric) xuất hiện là lưu ly và tầu tán nhất (...) Nhưng lịch sử của Thi thư tình chứng minh rằng sự « tồn tại » không hoàn toàn vắng bóng ở đó và « di tính » không phải là yếu tố duy nhất hay hùng hậu nhất. Nói tóm , trong thi thư tình, mỗi cái gì được sáng chế ra đều mới mẻ tươi đẹp cả, nhưng cũng không phải không là một sự hồi nhớ và một vang vọng lại ». (Even in the lyric, everything which it prodcues a freth is, nevertheless, always a recolletion and an echo) (tr. 209).

LÊ TÔN NGHIÊM

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

TU TƯỞNG

Số 3, Bộ VIII, Năm Thứ IX, Số Thứ 49.
Ngày 24-3-1975

MỤC LỤC

			Trang
1.	SẮC THÁI VẠN HẠNH VỚI NỀN VĂN KHOA VIỆT NAM	Nguyễn Đăng Thục	3
2.	TỪ ĐẠI HỌC VĂN KHOA HÀ NỘI 1949 ĐẾN CÁC ĐẠI HỌC NGÀNH VĂN KHOA TOÀN CÕI VIỆT NAM CỘNG HÒA 1975	Phạm Việt Tuyền	27
3.	VÀI NÉT VỀ SỰ HÌNH THÀNH VÀ TIẾN TRIỂN CỦA TINH THẦN DÂN TỘC QUA LỊCH SỬ VÀ VĂN CHƯƠNG	Khiếu Đức Long	41
4.	GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ ÂM NHẠC VIỆT NAM	Nguyễn Hữu Ba	78
5.	LẠM BÀN VỀ VẤN ĐỀ NGUỒN GỐC VÀ BẢN SẮC CỦA THẦN THOẠI VIỆT NAM	Lê Tử Thành	86
6.	TÌM HIỂU VỀ KỊCH NGHỆ	Doãn Quốc Sỹ	110
7.	NHÀ GIÁO NHÌN VỀ TƯƠNG LAI	Dương Thiệu Tống	120
8.	ĐẠI HỌC TƯ LẬP ĐẦU TIÊN TẠI VIỆT NAM HIỆN ĐẠI	Vũ Đức Bằng	142
9.	ĐIỂM SÁCH : « THE LOGIC OF THE HUMANIES »	Lê Tôn Nghiêm	167

Giá : 350 $

Giấy phép số : 521/BTT/NBC/HCBC cấp ngày 20-4-1970.
In tại Ấn Quán VẠN HẠNH, 222 Trương Minh Giảng — Saigon 3.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org